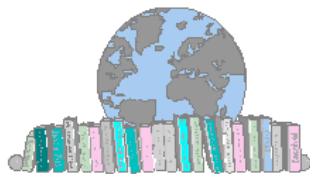


SÁCH GIẢI NGHĨA
THƯ CỦA PHAO-LÔ
GỬI CHO CÁC TÍN HỮU
PHI-LÍP



Study Guide Press

All Scripture quotations in this publication, unless otherwise indicated are from
Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)
Copyright © 2002 by Arms of Hope
Used by permission. All rights reserved.

Prepublication Version
Explanations of Paul's Letter to the Philippians
[Vietnamese]

Copyright © 2004 by Study Guides Press

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

MỤC LỤC

Các chữ tắt và các hình thức đặc biệt khác.....	GT-4
Hướng Dẫn Cách Sử Dụng Bộ Sách Giải Nghĩa.....	HD-5
Bối Cảnh Lịch Sử của Sách Phi-líp.....	1
Dàn bài của Sách	3
Các Lời Giải Nghĩa Sách Phi-líp.....	5

CÁC CHỮ TẮT VÀ NHỮNG HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT KHÁC

(Các chữ, các con số, hay các dấu hiệu được dùng thay chữ)

Các bản dịch KT:

BCG	<i>Kinh Thánh Tân Ước (Bản Công Giáo)</i> . 1994. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bản Du-Sinh Saint-Joseph.
BDM	<i>Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)</i> . 2002. Singapore: Arms of Hope.
BDC	<i>Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)</i> . 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội.
BDY	<i>Thánh Kinh (Bản Diễn Ý)</i> . 1994. International Bible Society.

Các chữ viết tắt và các hình thức khác:

CU	Cựu Ước
TU	Tân Ước
KT	Kinh Thánh
PKTCCN	Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ
CKTG	Câu Kinh Thánh Gốc
CĐN	Câu Định Nghĩa
NNĐDS	Ngôn Ngữ Được Dịch Sang
NNG	Ngôn Ngữ Gốc

Chữ “a” sau số câu cho thấy phần đang nói đến ở phần đầu của câu Kinh Thánh (KT). Cùng một cách, chữ “b” cho thấy là phần thứ hai của câu. Thí dụ:

8a phần đầu của câu 8

8b phần thứ hai của câu 8

8c phần ba của câu 8

dùng các chữ kế tiếp nếu cần để chỉ các phần khác của câu nếu cần.

... Ba chấm cho thấy chỗ một vài chữ đã bị loại bỏ khỏi ngữ cảnh để thêm chỗ trống.

— Một gạch nối dài được dùng trong Câu Định Nghĩa (CĐN) thay vào chỗ của ngoặc đơn hay gạch nối được dùng trong Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG).

[] Dấu ngoặc vuông được dùng để chỉ những hàm ý trong nguyên bản đã được làm cho rõ ràng. Dấu ngoặc được dùng có ý giúp đỡ người phiên dịch hiểu ý nghĩa trọn vẹn của văn bản. Sau đó người phiên dịch sẽ quyết định họ có cần phải giải thích chi tiết đó rõ ràng hay không trong Ngôn Ngữ Được Dịch Sang (NNĐDS) hay có lẽ nên cung cấp chi tiết đó cho độc giả bằng một cách khác.

HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG BỘ SÁCH GIẢI NGHĨA

Mục Lục

Sơ Lược.....	HD-5
Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa.....	HD-7

Các Phần Của Sách Giải Nghĩa

Phần Giới Thiệu.....	HD-7
Lời Giải Nghĩa.....	HD-8
Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ	HD-12
Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ	HD-15
Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ.....	HD-16
Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn	HD-17

Sơ Lược

Mục đích của Bộ Sách Giải Nghĩa	<p><i>Bộ Sách Giải Nghĩa</i> được soạn cho các người chuyển ngữ Kinh Thánh. Bộ sách này nhằm mục đích giúp đỡ cho các người chuyển ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none">• hiểu toàn thể sứ điệp của mỗi sách trong Kinh Thánh.• thấy rõ giá trị sự cấu trúc, về các phần khác nhau (của sách) được phối hợp lại như thế nào.• hiểu ý nghĩa một cách chi tiết như trong nguyên bản Hy-lạp.• cảnh giác về các chỗ (từ, nhóm từ) có thể khó chuyển ngữ.• cân nhắc kỹ đề nghị của những người chuyển ngữ khác về những cách có thể dùng để diễn tả ý nghĩa của đoạn kinh văn.
--	---

Các phần của câu	<p>Có nhiều câu được chia ra làm một vài phần nhỏ để cho người chuyển ngữ dễ so sánh với các bản dịch khác. Thí dụ, 1 Giăng 1:4 có thể chia ra làm hai phần:</p> <p>1:4a Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em</p> <p>1:4b để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.</p>
-------------------------	---

Sơ Lược, tiếp theo

Những từ ngữ chuyên môn được dùng

Các từ chuyên môn dưới đây được dùng trong *Sách Giải Nghĩa* hay trong lời hướng dẫn này:

Từ Ngữ	Ý Nghĩa
<i>Ngôn ngữ gốc</i>	Đây là ngôn ngữ căn chuyển ngữ . Trong trường hợp này thường sẽ là tiếng Việt. Ngôn ngữ này được viết tắt là NNG.
<i>Ngôn ngữ được chuyển ngữ sang</i>	Đây là ngôn ngữ dùng để chuyển ngữ sang trong bản dịch, ngôn ngữ bạn đang dùng để chuyển ngữ. Đây thường là tiếng mẹ đẻ của người chuyển ngữ. Được viết tắt là NNĐCNS.
<i>Nghĩa bóng (hàm ý)</i>	Ý nghĩa không được viết ra rõ ràng trong các từ nhưng là một phần ý nghĩa của bản nguyên thủy, hay điều được các độc giả đầu tiên hiểu như vậy.
<i>Nghĩa đen</i>	Phần sứ điệp được viết ra rõ ràng.
<i>Tin tức hàm ý</i>	Tin tức chi tiết không được viết ra rõ ràng nhưng các độc giả đầu tiên biết hay hiểu.
<i>Tin tức được viết ra rõ ràng</i>	Tin tức hay chi tiết về sự kiện được tác giả nói hay viết rõ ràng.
<i>Phần kinh văn</i>	Các từ hay các câu hay một đoạn Kinh Thánh được dùng.
<i>Ngôn ngữ phụ</i>	ngôn ngữ mà người đó đã học sau ngôn ngữ của mình. Ngôn ngữ phụ thường không phải là tiếng mẹ đẻ, nhưng là một ngôn ngữ dùng trong buôn bán hay truyền thông quốc ngữ.

Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa

Lời Hướng Dẫn Tổng Quát

- Cách tốt nhất để sử dụng Sách Giải Nghĩa là luôn luôn căn cứ vào nó trong khi bạn chuyển ngữ một sách. Tuy nhiên, nếu bạn muốn, bạn có thể dùng nó làm tài liệu khi bạn có sự khó khăn trong lúc chuyển ngữ một câu.
- Hãy đọc lời giới thiệu của *Lời Giải Nghĩa* trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một sách. Làm như vậy sẽ giúp bạn hiểu được mục đích, bối cảnh và nội dung của toàn sách.
- Trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một tiểu đoạn, hãy đọc lời giải nghĩa cho tiểu đoạn đó. Các lời giải nghĩa này sẽ giúp cho bạn hiểu những cách chọn lựa để giải kinh và sẽ báo cho bạn biết nếu có nan đề nào bạn có thể gặp trong sự chuyển ngữ.
- Sau khi bạn đã đọc lời giải nghĩa, hãy nghiên cứu Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). So sánh Câu Kinh Thánh Gốc, là hàng chữ trên cùng của Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN), và Câu Định Nghĩa ở bên dưới.
- Câu Định Nghĩa của PKTCCN không phải là “câu chuyển ngữ mẫu;” tức là, bạn không nên chuyển ngữ trực tiếp từ Câu Định Nghĩa. Mục đích của nó là để giúp cho bạn hiểu ý nghĩa của câu Kinh Thánh.

Phần Giới Thiệu Của Sách Giải Nghĩa

Vị trí của phần giới thiệu

Mỗi sách trong loạt sách này đều bắt đầu bằng phần giới thiệu. Phần giới thiệu giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về toàn cuốn sách đó. Sách dài có thể cũng có phần giới thiệu riêng trước mỗi phần đoạn chính của sách.

Sự quan trọng của phần giới thiệu

Trước khi bắt đầu chuyển ngữ bất cứ sách nào trong Kinh Thánh người chuyển ngữ cần phải hiểu:

- *Bối cảnh* của cuốn sách, kể cả tác giả là ai (nếu biết), hoàn cảnh khi sách được viết, và độc giả mà sách muốn nhắm vào.
- *Mục đích* của tác giả, đó là lý do tại sao tác giả viết sách này.
- *Nội dung* của sách. Người chuyển ngữ cần phải biết rõ cả cuốn sách viết/nói về gì, cũng như chủ đề và phân đoạn.
- *Dàn bài* của sách, cho thấy các phân đoạn cũng như tiểu đoạn chính của nó.

Những chi tiết này được ghi rõ trong phần giới thiệu.

Lời Giải Nghĩa

Nội dung tổng quát của các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa cung cấp các chi tiết về các phần chính của cuốn sách. Phần của sách mà các Lời Giải Nghĩa đề cập đến trước hết được trích dẫn bằng chữ in *ngiên đậm* của Câu Kinh Thánh Gốc trong Phần Kinh Thánh Căn chuyển ngữ. Sau đó Lời Giải Nghĩa giải thích ý nghĩa trong nguyên văn Hy-lạp một cách chi tiết và cũng cảnh giác người chuyển ngữ về các nan đề có thể có trong khi chuyển ngữ. Một sự giải thích đầy đủ hơn về một vài điểm phức tạp có thể được bao gồm trong lời phụ chú ở cuối sách này.

Các thông tin được chứa đựng trong các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa chứa đựng các tin tức sau đây:

- Những vấn đề của đoạn kinh văn
- Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp
- Các cách giải thích khác
- Những nan đề về chuyển ngữ

Trong những trang kế sẽ giải thích về mỗi mục trên.

Những vấn đề của đoạn kinh văn

Không có một bản thảo Tân Ước Hy-lạp nào còn lại. Những bản Tân Ước Hy-lạp cũ nhất hiện có chỉ là những bản sao lại từ bản nguyên thủy/nguyên bản. Có một số khác biệt nhỏ giữa các bản sao với nhau. Một số bản thảo dùng một số từ riêng biệt, trong khi đó các bản thảo khác dùng từ hơi khác nghĩa một chút. Vì vậy phải quyết định xem từ nào có thể là từ mà tác giả dùng trong nguyên văn.

Học giả Kinh Thánh, những người nghiên cứu những bản thảo Tân Ước xưa hơn trong tiếng Hy-lạp, tin rằng chúng ta có thể biết chính xác đến 95 phần trăm những gì các bản thảo nguyên thủy Hy-lạp nói. Một hai chỗ có sự khác biệt trong bản văn, điều đó dẫn đến sự khác biệt trong ý nghĩa. Lời Giải Nghĩa chỉ bàn đến những điểm khác biệt trong bản văn có tầm quan trọng cho việc chuyển ngữ mà thôi.

Cách viết các từ Hy-lạp trong Lời Giải Nghĩa

Có một vài từ Hy-lạp được trích dẫn trong Lời Giải Nghĩa. Những chữ này được viết *ngiên*. Từ Hy-lạp được viết bằng mẫu tự La-tinh, ngoại trừ hai chữ được viết có dấu ở trên. Từ Hy-lạp *eta* được viết như *ē*. Hy-lạp *omega* được viết như *ō*.

Các từ và sự cấu trúc văn phạm của tiếng Hy-lạp rất khác với tiếng Việt. Hãy nhớ *Sách Giải Nghĩa* nhằm mục đích giúp cho người chuyển ngữ hiểu trọn ý nghĩa ở trong nguyên bản Hy-lạp.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp

Khi ý nghĩa của bản văn gốc không thể hiểu được rõ ràng hay khó hiểu đối với độc giả thời nay, Lời Giải Nghĩa sẽ có sự giải thích. Thí dụ như:

- Các từ hay các nhóm từ mà các tác giả trong Kinh Thánh dùng theo nghĩa bóng, như là các ẩn dụ, câu hỏi tu từ, và các thành ngữ.
- Các từ hay các nhóm từ có thể có nhiều hơn một ý nghĩa.
- Các quan niệm lạ không quen thuộc, như một số phong tục trong Kinh Thánh.
- Văn phạm không quen thuộc, không tự nhiên đối với tiếng Việt.
- Các câu tục ngữ và chuyện ngụ ngôn.

Các cách giải nghĩa khác

Một số câu hay đoạn Kinh Thánh có *cách giải nghĩa khác*. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng câu này hay đoạn này có nghĩa như thế này, và một số học giả khác lại cho là có ý nghĩa khác.

Các Lời Giải Nghĩa không giải thích tất cả các ý khác nhau, nhưng chỉ giải thích những ý ảnh hưởng đến việc chuyển ngữ. Các bản dịch thường được tham khảo cho việc chuyển ngữ là Bản Dịch Mới, Bản Dịch Cũ, Bản Diễn Ý, Bản Công Giáo có sự giải thích khác nhau về cùng một vấn đề.

Cách trình bày các cách giải nghĩa khác nhau

Lời Giải Nghĩa luôn luôn liệt kê sự giải nghĩa hợp với ngữ cảnh nhất bằng con số (1). Sự đề nghị này dựa trên việc nghiên cứu cẩn thận đoạn Kinh Thánh và dùng các sách giải nghĩa Kinh Thánh cũng như các sách tham khảo khác. Những cách giải nghĩa khác được liệt kê dưới sự giải thích đầu tiên và đánh số (2), (3), ...v.v...

Thí dụ

Đây là một thí dụ về cách giải nghĩa có thể chấp nhận của 1 Giăng 4:2b:

4:2b

Chúa Cứu Thế Giê-su: Các học giả không đồng ý với nhau về chữ *Cứu Thế* là một phần của tên hay là tước vị có nghĩa là “Đấng Cứu Thế”:

- (1) Nhiều học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một phần của tên (BDC, BDY, BCG).
- (2) Một số học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một tước vị, và vì vậy câu đó có nghĩa là “Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế và Ngài đến thế gian như một con người” (BDM).

Đề nghị nên theo cách giải thích thứ nhất.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Các nan đề của việc chuyển ngữ

Khi có khó khăn trong việc dùng chữ để diễn tả ý nghĩa đối với ngôn ngữ của bạn vì sự khác biệt về ngôn ngữ hay văn hoá, chúng tôi cung cấp lời cố vấn về việc chuyển ngữ. Các nan đề trong việc chuyển ngữ gồm có:

- Cách nói tượng hình
- Quan hệ giữa các mệnh đề
- Thể thụ động
- Có thể sắp đặt lại thứ tự
- Lập lại
- Thể thơ
- Thông tin hàm ý

Thông tin hàm ý

Mục đích của Sách Giải Nghĩa là giúp đỡ bạn hiểu, sát nghĩa nhất, tất cả ý nghĩa của những đoạn kinh văn mà các đọc giả thời đó đã hiểu khi họ đọc đoạn kinh văn gốc.

Sự khác biệt về ngôn ngữ, bối cảnh văn hoá, và hoàn cảnh thường ngăn cản các đọc giả hiện đại hiểu được ý nghĩa nguyên thủy. Đôi khi tác giả giả định rằng đọc giả của ông đã hiểu các dữ kiện nhất định và vì vậy ông không nói đến trong đoạn kinh văn. Đôi khi phần quan trọng của ý nghĩa được hàm ý, đọc giả thời đó đã hiểu đúng ý nhưng có thể khó hiểu đối với đọc giả hiện đại. Khi cần phải có các thông tin hàm ý này để hiểu được đoạn văn, Sách Giải Nghĩa giải thích loại thông tin được hàm ý này.

Cách trình bày các cách chuyển ngữ khác nhau

Nếu trong Lời Giải Nghĩa có nhiều hơn một cách để trình bày ý nghĩa, những cách giải nghĩa khác sẽ đánh dấu bằng những chấm (●) thay vì bằng số. Làm như vậy để cho thấy rằng những cách giải nghĩa khác này có giá trị như nhau. Bạn có thể dùng theo cách nào phù hợp và tự nhiên với ngôn ngữ của bạn nhất, hay bạn có thể chọn một cách nào đó mà nó thích hợp hơn những cách được đề nghị. Dưới đây là một thí dụ trong sách Tích:

Các nan đề của việc chuyển ngữ, tiếp theo**3:2b**

nhưng phải tỏ sự hòa nhã: Trong bản Hy-lạp đây có nghĩa là “không đánh nhau”. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 1 Ti-mô-thê 3:3. Đây muốn nói đến một người thích cãi cọ, bất đồng ý kiến và gây lộn với người khác. Một Cơ Đốc nhân nên tránh sự tranh luận với người khác. Hai cách để chuyển ngữ ở đây:

- Theo cách tích cực:

Hãy bảo các con dân Chúa sống hoà thuận với nhau.

-HAY-,

...sống với mọi người một cách hoà thuận.

- Theo cách tiêu cực: “không đánh nhau” hay “không tranh luận” [với người khác].

Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa

Các sách trong Kinh Thánh được chia ra làm những Phân Đoạn, Tiểu Đoạn và Đoạn văn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa*.

Phân Đoạn

Mỗi Phân Đoạn là một phần chính của sách. Mỗi Phân Đoạn mới được bắt đầu bằng một *chủ đề cho Phân Đoạn*. Câu tóm tắt chủ đề trong phần chính này của sách là được in trong một khung in đậm như sau:

Chủ Đề của Phân Đoạn

Dưới khung này có những lời tóm tắt tổng quát về ý nghĩa của toàn Phân Đoạn.

Tiểu đoạn

Mỗi tiểu đoạn được bắt đầu bằng *chủ đề của Tiểu Đoạn*. Chủ đề này tóm tắt ý tưởng chính trong Tiểu Đoạn hay nói đại ý về nội dung của Tiểu Đoạn.

Mỗi chủ đề được đặt trong một khung có nền xám và các cạnh khung lợt hơn khung của Phân Đoạn. Sau đây là một thí dụ:

Chủ đề của Tiểu Đoạn

Khung này được nối tiếp bằng lời giải nghĩa tổng quát chung cho cả Tiểu Đoạn.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Chủ đề của Tiểu Đoạn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa* có thể giúp bạn chọn chủ đề của Tiểu Đoạn trong bản dịch của bạn. Bạn cũng nên tham khảo các chủ đề của Tiểu Đoạn trong các bản dịch khác và chủ đề được Sách Giải Nghĩa đề nghị. Hãy nhớ là các chủ đề này không phải là một phần của đoạn kinh văn nguyên thủy, vậy nên, bạn không cần phải chuyển ngữ chủ đề ở trong Sách Giải Nghĩa hay các bản dịch khác. Bạn nên tự đặt ra chủ đề cho bản dịch của bạn, như vậy nó sẽ giúp ích cho người đọc và nghe được tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Muốn viết chủ đề các tiểu đoạn, hãy theo những bước sau đây:

- (1) Nghiên cứu cả phần Kinh Thánh một cách cẩn thận. Sau đó nghĩ về chủ đề của Tiểu Đoạn Kinh Thánh.
- (2) Quyết định làm thế nào để trình bày chủ đề một cách tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn mà chỉ cần dùng một ít từ/một câu ngắn gọn. Chủ đề cần phải được vắn tắt.

Các Đoạn Văn

Sách Giải Nghĩa chia các Tiểu Đoạn thành các đơn vị nhỏ hơn gọi là các Đoạn Văn. Mỗi Đoạn Văn thường có khoảng từ 2 đến 5 câu. Mỗi Đoạn Văn được bắt đầu bằng một khung không có màu không có chữ chỉ có số đoạn và số câu. Thí dụ: Ê-xơ-tê chương 8 từ câu 5 đến câu 17 được trình bày như sau:

Đoạn Văn 8:5-17

Theo sau khung này là những lời giải nghĩa tóm tắt ý chính của Đoạn Văn. Thí dụ: Ê-xơ-tê 8:5-17:

Những câu này trái ngược với Ê-xơ-tê 4:1-3. Mạc-đô-chê mặc áo bào thay vì bao gai, và có sự vui mừng thay vì tang chế.

Các Đoạn Văn của Sách Giải Nghĩa thường đi đôi với các Đoạn Văn trong đoạn Kinh Thánh. Tuy nhiên, đôi khi bạn có thể nối hai, ba Đoạn Văn với nhau thành một Đoạn Văn trong bản dịch của bạn, nếu đó là điều cần thiết. Hay bạn có thể tách một Đoạn Văn ra làm mấy phần. Nói một cách khác, những đơn vị này *không bắt buộc phải* giống y như các Đoạn Văn của Kinh Thánh.

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Sự Mô tả

Khung ở trên đầu về phía bên phải của mỗi trang giấy chứa đựng Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). Bạn nên dùng PKTCCN với Lời Giải Nghĩa của nó chặt chẽ với nhau. Làm như vậy sẽ giúp cho bạn hiểu rõ ý nghĩa của đoạn kinh văn bạn đang chuyển ngữ.

Mỗi câu trong đoạn kinh văn được in với *Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG)* và *Câu Định Nghĩa (CDN)* thí dụ:

1:38b *Rồi thiên sứ rời khỏi Ma-ri.*
Rồi thiên sứ biến đi.

Câu Kinh Thánh Gốc

Trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ câu trên cùng gọi là Câu Kinh Thánh Gốc (thường là từ Bản Dịch Mới hay một bản nào khác sẽ có chú thích). Câu Kinh Thánh Gốc được **in đậm**.

Thỉnh thoảng có thêm một Câu Kinh Thánh Gốc thứ nhì từ bản dịch khác, hàng này cũng được **in đậm**. Thí dụ Công Vụ 18:10a:

18:10a **vì Ta ở với con. Không ai làm hại con được,**
(BCG) vì Thầy ở với con; không ai tra tay hại con
được,

Sắp Đặt Lại Thứ Tự Câu Kinh Thánh Gốc

Đôi khi thứ tự của các mệnh đề trong Câu Kinh Thánh Gốc được thay đổi thứ tự để có thể diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Đây là một thí dụ sắp đặt lại thứ tự của Công Vụ 16:6a và b:

16:6 **Phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti, vì**
Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu
Á.

16:6A-B *(ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:)*

16:6b *Vì Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu Á,*
Phao-lô và Si-la muốn rao giảng Tin Lành tại vùng Tiểu Á,
nhưng Đức Thánh Linh bảo họ không nên đi đến đó.

-HAY-

Họ đã có ý định đi đến vùng Tiểu Á để rao giảng sứ điệp [về Chúa Giê-su] ở tại đó, nhưng Đức Thánh Linh đã ngăn cản họ [đi đến đó].

16:6a *phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti.*

Do đó Phao-lô và những người cộng tác của ông [bấy giờ] đi qua các vùng của xứ Phi-ri-gi và Ga-la-ti.

Nếu cần, dấu ngoặc vuông [] được dùng trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ để đánh dấu những chữ được thêm vào và giúp cho Câu Kinh Thánh Gốc Sắp Đặt Lại được rõ ràng như trong Công Vụ 16:6a-b ở trên.

Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ, tiếp theo

Câu Định Nghĩa

Dưới Câu Kinh Thánh Gốc là Câu Định Nghĩa. Câu này bày tỏ ý nghĩa trực tiếp của câu Kinh Thánh theo cách dễ hiểu nhất. Thí dụ, câu này diễn tả ý của các câu thành ngữ hay cách nói tượng hình.

Đôi khi một Câu Định Nghĩa nữa được thêm vào để diễn tả cùng một ý nghĩa bằng một cách khác. Khi có nhiều Câu Định Nghĩa, từ **-HAY-** xuất hiện giữa hai câu để cho thấy là có cách khác để diễn tả cùng một ý. Thí dụ: Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ của Công Vụ 1: 1b giống như thế này:

1:1b *tôi có tường thuật đầy đủ mọi điều Đức Giê-su đã thực hiện và giáo huấn từ lúc ban đầu*
 Tôi đã chọn và ghi rõ nhiều điều Chúa Giê-su đã dạy và đã làm
-HAY-
 Tôi đã kể lại rất nhiều việc Chúa Giê-su đã dạy bảo và đã thực hiện

Nếu có các cách giải thích khác nhau cho cùng một câu, chúng được liệt kê và giải thích trong Lời Giải Nghĩa chứ không có trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ. Chỉ có cách giải thích đề nghị (cách đầu tiên) là được in trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ.

Tin Tức Hàm Ý

Trong một vài trường hợp, để cho người đọc hiểu ý nghĩa của một câu, người đọc cần được cung cấp thêm tin tức. Trong trường hợp đó, Câu Định Nghĩa, được thêm tin tức hàm ý này trong ngoặc vuông [], để cho thấy rằng những tin tức được thêm vào này không có ghi rõ ràng trong nguyên bản.

Thí dụ:

1:6b *“Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?”*
 “Thưa Chúa, bây giờ Chúa sẽ làm vua trên [chúng tôi và cả] dân Y-sơ-ra-ên như [Vua Đa-vít đã trị vì trong Cựu Ước?]”

Hãy nhớ là mục đích đầu tiên của Câu Định Nghĩa là để giúp cho bạn hiểu rõ phần kinh văn. Bạn là người quyết định cách chuyển ngữ ý nghĩa ấy và có nên thêm tin tức hàm ý hay không.

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ, tiếp theo

Cách sắp đặt Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ được sắp đặt cùng một cách như Sách Giải Nghĩa

- Phân Đoạn,
- Tiểu Đoạn,
- Đoạn Văn.

Phân Đoạn

Hầu hết trong mọi trường hợp, chủ đề của những Phân Đoạn không tìm thấy trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). PKTCCN không có nhiều chủ đề, vì nó chỉ là một thí dụ cho một số chủ đề, có thể bạn muốn có trong bản dịch của bạn, một vài hình ảnh thay vì trình bày cho nguyên cả sách.

Tiểu Đoạn

Phần bắt đầu của một Tiểu Đoạn được đánh dấu trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ giống ở trong các Lời Giải Nghĩa. Câu *chủ đề của Tiểu Đoạn* được in vào trong một khung in lợt và có nền màu xám:

Chủ đề của Tiểu Đoạn

Các Đoạn Văn

Các phần được bắt đầu bằng một dấu (¶) trong Câu Định Nghĩa. Dấu này xác nhận những chỗ bạn có thể bắt đầu một phần mới. Thí dụ:

1:1a *Chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê, tôi tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su,*
 ¶ Thư này của Phao-lô và Ti-mô-thê, các đây tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su, [tôi], Phao-lô

Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ

Các bước cho mỗi sách	
Bước	Điều nên làm
1	Đọc suốt cả sách bạn định chuyển ngữ.
2	Đọc các phần, Giới Thiệu, Dàn Bài, và Tóm Tắt trong <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i> . Làm như vậy, nó sẽ giúp bạn hiểu rõ mục đích, bối cảnh và nội dung của sách.

Các bước cần phải theo cho mỗi Tiểu Đoạn		
Bước	Hành động	Mô tả hành động
1	HÃY ĐỌC tiểu đoạn bạn sắp chuyển ngữ.	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc kỹ tiểu đoạn trong ít nhất là hai bản dịch tiếng Việt khác nhau, thí dụ, Bản Dịch Mới (BDM), Bản Dịch Cũ (BDC) Bản Diễn Ý (BDY) và Bản Công Giáo (BCG). Nếu có một bản dịch nào khác có ngôn ngữ gần với ngôn ngữ của bạn, hay một ngôn ngữ nào đó mà bạn đọc viết và hiểu thông thạo, bạn nên đọc bản dịch đó.
2	HÃY NGHIÊN CỨU ý nghĩa của tiểu đoạn.	<ul style="list-style-type: none"> • Tìm chủ đề chính của tiểu đoạn. • Hãy suy nghĩ về sự liên hệ giữa tiểu đoạn này với các tiểu đoạn trước và sau. • So sánh với các bản dịch khác mà bạn đang có. • Ghi chú những chỗ có ý nghĩa không rõ ràng hay chỗ khó chuyển ngữ như cách nói tượng hình, câu hỏi tu từ hay sự khác biệt về văn hoá. • Dùng các sách giải nghĩa khác, nhất là <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i>, để giải quyết những nan đề bạn tìm thấy.
3	HÃY SUY NGHĨ về cách bạn sẽ chuyển ngữ tiểu đoạn này sang ngôn ngữ của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> • Suy nghĩ về cách bạn sẽ chuyển ngữ cho cả nguyên tiểu đoạn trước khi bạn bắt đầu. • Cố gắng chuyển ngữ liên tục suốt cả đoạn, không nên dừng lại sau mỗi câu. Làm như vậy sẽ giúp cho bản dịch của bạn được tự nhiên hơn. Bạn có thể sửa chữa bản văn cho chính xác sau đó. • Một số người chuyển ngữ tin rằng, việc nói vào máy ghi âm trước, rất giúp ích cho họ.
4	HÃY GHI xuống trên giấy	<ul style="list-style-type: none"> • Bắt đầu ghi xuống trên giấy bản dịch của tiểu đoạn. • Suy nghĩ tìm cách diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Có thể cần đọc lại nhiều lần những gì bạn vừa ghi xuống. • Xét lại từng chi tiết trong bản dịch của bạn với các bản dịch tiếng Việt để xem các từ ngữ bạn vừa dùng có chính xác hay không. Điều quan trọng là bạn không nên đổi ý, thêm ý, hay bỏ qua một ý nào cả.
5	HÃY ĐỌC bản dịch của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc lớn tiếng tiểu đoạn bạn vừa dịch cho chính tai bạn nghe, để xem thử nó có được tự nhiên, rõ ràng, và dễ hiểu không? • Đọc tiểu đoạn bạn vừa chuyển ngữ cho vài người khác nghe và hỏi họ nghe có tự nhiên không. Nếu họ bảo không tự nhiên, thay đổi từ ngữ, cách dùng văn phạm, cho đến khi dễ hiểu và dễ đọc.

Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ

Chuyển ngữ theo ý nghĩa

Việc quan trọng mà người chuyển ngữ cần phải luôn luôn để ý là:
*Tìm một từ **diễn đạt đúng ý nghĩa** của từ trong bản gốc.*

Không bao giờ nên chuyển ngữ theo từng từ một. Thay vào đó, bạn phải:

- Hiểu ý nghĩa đúng của bản gốc. Nghiên cứu cẩn thận để tìm chiều sâu của ý nghĩa mà bạn không ngờ tới.
 - Tìm cách diễn tả ý nghĩa ấy qua ngôn ngữ của bạn một cách chính xác, rõ ràng và tự nhiên.
-

Thay đổi thứ tự nếu cần

Có nhiều lúc bạn cần phải thay đổi thứ tự của các từ hay nhóm từ để truyền thông ý nghĩa sang ngôn ngữ của bạn cách rõ ràng. Tìm những thứ tự khác nhau để có thể diễn tả ý nghĩa rõ ràng và tự nhiên nhất.

Thay đổi chiều dài của câu

Có thể đôi khi bạn cần phải dùng mấy câu ngắn để chuyển ngữ một câu dài trong bản gốc. Có lúc bạn lại phải cần nối mấy câu ngắn lại với nhau. Bạn phải diễn tả ý nghĩa chính xác theo cách mà các người đọc thấy dễ hiểu nhất.

Làm sáng tỏ ý nghĩa của các thành ngữ và cách nói tượng hình

Cách để chuyển ngữ các *thành ngữ* hay *cách nói tượng hình* trong bản gốc được rõ ràng là chuyển ngữ theo ý nghĩa, không chuyển ngữ theo từng từ một; có nghĩa là bạn dùng cách nói nào đó trong ngôn ngữ của bạn để diễn đạt đúng ý nghĩa theo bản gốc. Đôi khi bạn nên dùng một thành ngữ hay cách nói tượng hình trong ngôn ngữ bạn nếu nó phù hợp với ý nghĩa của bản gốc, đó cũng là cách để truyền thông ý nghĩa của bản dịch gốc đến người đọc một cách rõ ràng.

Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn

Điều gì có ích? Điều gì không có ích?

Chúng tôi mong muốn *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi thực tế cho người chuyển ngữ. Xin vui lòng cho chúng tôi biết:

- (a) những điều bạn tìm thấy trong *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi và bạn đang dùng nó, (kể cả các lời hướng dẫn), và....
- (b) những điều bạn nghĩ nên sửa đổi theo một cách nào khác vì bạn không dùng nó được. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét, phê bình và đề nghị của các bạn.

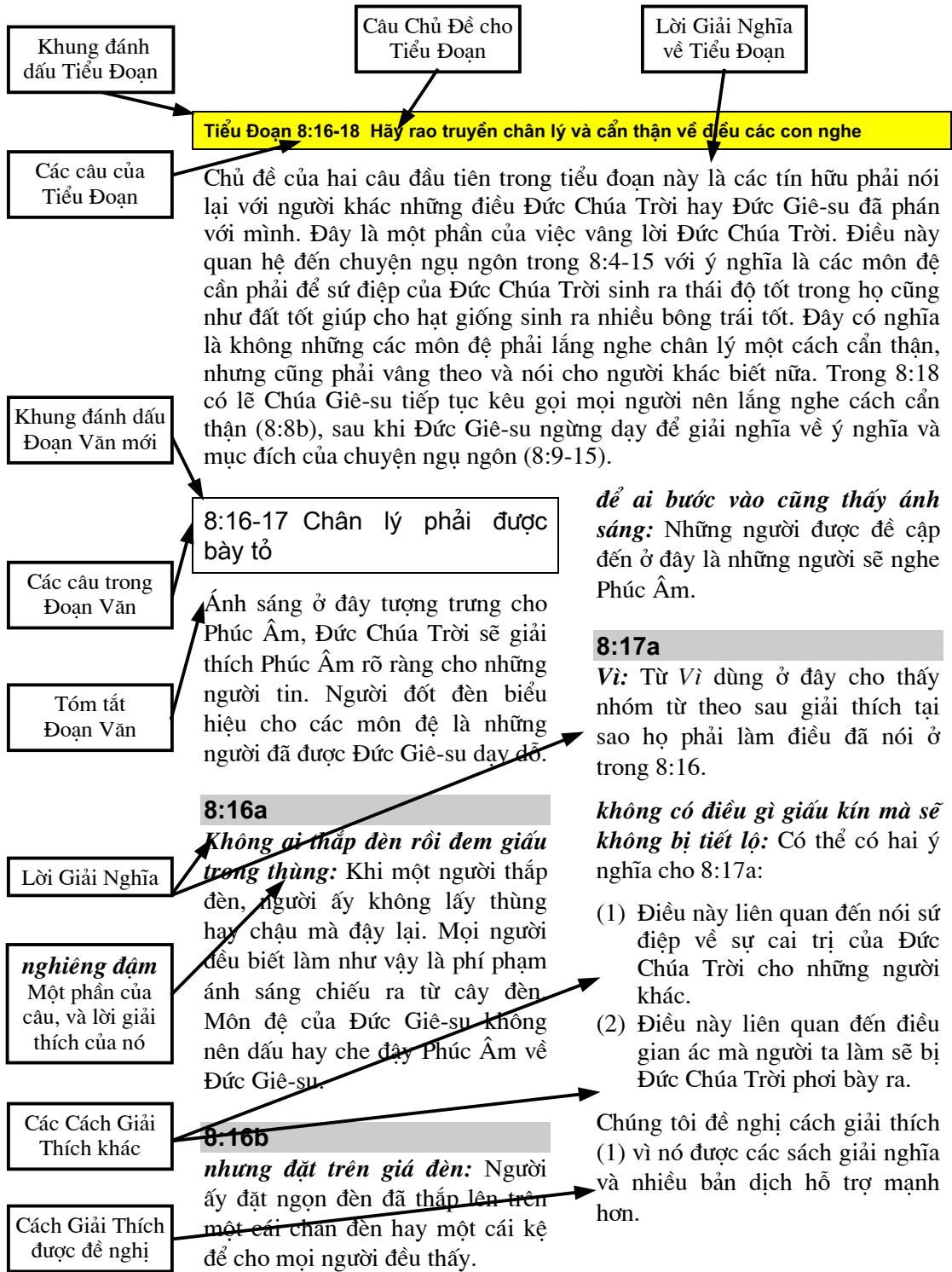
Chúng tôi cần bạn góp ý!

Người đón nhận ý kiến:

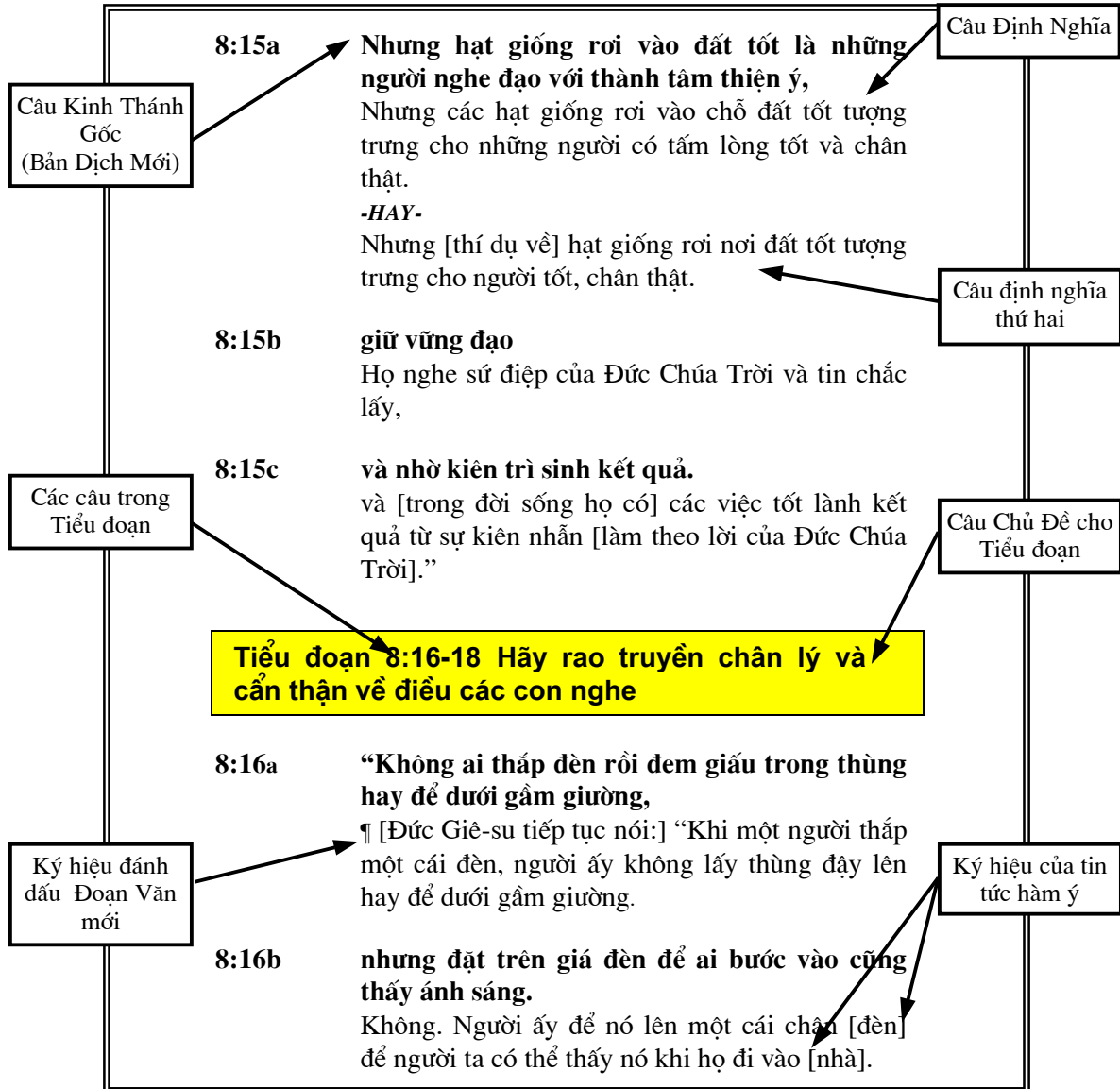
Xin vui lòng gửi ý kiến của bạn đến:

Bộ Sách Giải Nghĩa
Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

CÁC THÀNH PHẦN CỦA SÁCH GIẢI NGHĨA



CÁC THÀNH PHẦN CỦA CÂU ĐỊNH NGHĨA



BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA SÁCH PHI-LÍP

Tác giả, ngày và chỗ mà sách được viết

Sứ đồ Phao-lô viết thư cho người ở thành phố Phi-líp sau khi Chúa Giê-su chết khoảng 31 năm (61-62 S.C.). Phao-lô vừa mới bị giam cầm trong ba năm. Hai năm đầu ở thành phố Sê-sa-rê sau khi ông bị bắt ở tại thành phố Giê-ru-sa-lem, và năm thứ ba trong một chuyến đi nguy hiểm từ đó lên thành phố Rô-ma. Không rõ là Phao-lô được bao nhiêu tuổi khi viết thư này, nhưng có lẽ ông vào khoảng 60 tuổi. Có lẽ ông lớn hơn ông Ti-mô-thê hai mươi tuổi, lớn đủ để có thể nói là ông giống như cha của ông Ti-mô-thê. Ông Ê-ba-phô-đi-a và bốn người khác được nhắc đến ở trong 4:2-3 có lẽ ít nhất cũng trẻ hơn sứ đồ Phao-lô.

Sứ đồ Phao-lô không nói rõ trong bất cứ chỗ nào trong sách Phi-líp là ông ở đâu khi viết thư này. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng ông viết thư này ở thành phố Ê-phê-sô. Những người khác nói là ở thành phố Sê-sa-rê. Nhưng theo quan niệm truyền thống thì Phao-lô viết thư này cho người Phi-líp khi ông ở tù tại thành phố Rô-ma. Có nhiều chỗ trong thư tín hỗ trợ cho quan niệm theo truyền thống. Khi ông viết thư này, cỡ vẻ như ông đang bệnh vực Phúc Âm về Chúa Giê-su trước tối cao pháp viện của Đế Quốc La-mã. (Hãy xem Phi-líp 1:16 và Công Vụ 23:11). Cũng trong Phi-líp 1:13 Phao-lô đề cập đến “các lính gác cung điện”. Đây là tên của một nhóm lính gác cung điện của Hoàng Đế ở tại thành phố Rô-ma. Nhưng tên “lính gác cung điện” cũng được dùng để đề cập đến lính gác các dinh thống đốc trong một số thành phố trong đế quốc La-mã. Có một lính gác cung điện tại thành phố Sê-sa-rê, nhưng không có bằng chứng gì cho thấy là có lính gác tại thành phố Ê-phê-sô. Vì trong 4:22 Phao-lô nói đến các người ở trong dinh của Hoàng Đế, rất có thể Phao-lô viết thư này tại thành phố Rô-ma.

Dị tiện và mục đích Phao-lô viết thư

Khi Phao-lô viết thư cho người Phi-líp ở trong tù, sự quan tâm chính của ông không phải là việc ra khỏi tù hay là ngay cả việc còn sống. Đối với ông việc quan trọng là ông phải hoàn tất sứ mệnh Đức Chúa Trời đã giao cho ông. Sứ mệnh này là phải làm cho người ta hiểu rõ là người ta không cần phải giữ những luật pháp và các nghi lễ của người Do thái. Người ta có thể trở thành con dân thật của Chúa mà không cần phải trở thành người Do Thái. Đức Chúa Trời cứu tất cả những người tin cậy Chúa Cứu Thế.

Ông coi các con dân Chúa ở thành Phi-líp như là người đồng công với ông trong việc bệnh vực Phúc Âm. Vậy ông muốn họ biết Phúc Âm đã được lan truyền như thế nào tại thành phố Rô-ma, và ông muốn kể cho họ biết về tình trạng của chính ông (1:12-26; 4:10-19). Đây là một trong những lý do chính mà ông sai người đi đến thành Phi-líp. Ông đã sai ông Ê-ba-phô-đi-a đem thư của ông đến cho người ở thành phố Phi-líp (2:25). Ông giữ Ti-mô-thê lại với ông, quy hoạch để sau này sai ông ấy đến thành phố Phi-líp mang theo tin tức về kết quả của việc xử án ông (2:23). Ông khuyến khích các người ở thành Phi-líp rằng ông sẽ được thả và gặp lại họ. Nhưng nếu việc này không xảy ra và người La-mã xử tử ông, ông cũng sẽ vui mừng đi gặp Chúa Giê-su.

Một lý do khác mà Phao-lô đã viết thư này là vì ông muốn cảm ơn các tín hữu ở thành phố Phi-líp về món quà họ đã gửi cho ông sau khi hay tin ông bị tù (1:5; 4:10-19). Ông cũng muốn khuyến khích họ mạnh mẽ khi bị những người khác bắt bớ họ và vui mừng ngay cả khi họ gặp nan đề (1:27-30; 4:4). Ông muốn bảo họ hãy khiêm nhường và đồng ý với nhau (1:27; 2:1-11; 4:2-3). Ông cũng muốn họ hoan nghênh ông Ê-ba-phô-đi và cho họ biết rằng ông Ti-mô-thê sắp tới (2:19-30).

Thành Phố Phi-líp và kinh nghiệm của Phao-lô ở tại đó

Thành phố Phi-líp được đặt tên theo tên của Vua Phi-líp Đệ Nhị, một vua Hy-lạp. Người Phi-líp sống sung túc bởi vì thành phố đó là thuộc địa của đế quốc La-mã. Điều này có nghĩa là công dân của thành Phi-líp cũng là công dân đế quốc La-mã. Rất nhiều người Phi-líp có cha hay ông ở trong quân đội La-mã. Chính quyền La-mã đã cho họ đất Phi-líp, và họ giúp để duy trì luật pháp và trật tự ở đó. Họ rất hãnh diện được làm công dân La-mã (hãy xem Công Vụ 16:21). Họ ăn mặc như người La-mã và thường nói tiếng La-tinh, là ngôn ngữ của người La-mã. Có lẽ Phao-lô đã suy nghĩ đến điều này khi ông viết cho các tín hữu về trở nên công dân của thiên đàng (3:20-21). Vì có nhiều công dân La-mã ở tại thành Phi-líp, đây có thể quan hệ đến sự kiện không có đủ người Do Thái để xây một hội đường (hội thánh của người Do Thái). Luật pháp của người La-mã cũng gia ơn cho các công dân La-mã. Thí dụ, các công dân La-mã bị người khác tố cáo là phạm pháp có quyền được toà xét xử một cách công bằng. Người ta không thể hành hạ họ trước khi đưa ra toà. Luật pháp của người La-mã cũng không cho phép một người nào được đóng đinh công dân La-mã trên thập tự giá.

Sứ đồ Phao-lô, cùng với các ông Ti-mô-thê, Si-la và Lu-ca, lần đầu tiên đến thành phố Phi-líp vào khoảng năm 49-51 S.C. Đây là khoảng thời gian được gọi là “cuộc hành trình truyền giáo thứ nhì của Phao-lô”. Câu chuyện này được chép ở trong Công Vụ chương 16 nơi mà Phao-lô có khái tượng về một người Mạc-xê-đoan nài xin ông đến để giúp đỡ họ. Thành phố đầu tiên trong vùng Mạc-xê-đoan mà họ giảng là thành phố Phi-líp, và chính tại đó bà Ly-đi-a và gia đình bà tin nhận Chúa.

Sứ đồ Phao-lô và ông Si-la bị đánh đập và bỏ tù ở đó, mặc dù họ là công dân La-mã là người không bị đối xử như vậy. Cũng ngay trong đêm đó, có một trận động đất, Phao-lô và Si-la giúp cho người cai ngục và gia đình của ông ta tin nhận Chúa Giê-su. Ngày hôm sau, khi các thẩm phán (hay các cảnh sát) biết rằng Phao-lô và Si-la là công dân La-mã, họ xin lỗi là đã chưa xử án mà đã đánh đập các ông. Sau đó Phao-lô và Si-la đi thành phố Tê-sa-lô-ni-ca, có lẽ để bác sĩ Lu-ca lại để giúp đỡ cho hội thánh mới ở tại thành phố Phi-líp. Các gia đình của bà Ly-đi-a và gia đình người cai ngục, cùng với những người khác, là các người lập nên hội thánh Phi-líp.

Quan hệ của Phao-lô với các tín hữu Phi-líp

Từ lúc ban đầu trong quan hệ của họ với sứ đồ Phao-lô, các tín hữu tại thành phố Phi-líp đã yêu thương Phao-lô một cách đặc biệt và ông cũng yêu thương họ đặc biệt nữa. Trong khi Phao-lô ở tại thành phố Tê-sa-lô-ni-ca, cách đó ba, bốn ngày đường, các tín hữu hơn một lần đã gửi quà để giúp đỡ Phao-lô. Một vài tháng sau khi Phao-lô ở tại Cô-rinh-tô, cách Phi-líp mười ngày đường, họ lại gửi quà cho ông. Một, hai năm sau, trong cuộc hành trình truyền giáo lần thứ ba, Phao-lô đi ngang qua thành phố Phi-líp hai lần, mặc dầu không thấy ghi chép lại là ông đã ở lại một thời gian dài trong hai lần đó.

Các đặc điểm trong thư của sứ đồ Phao-lô gửi cho người ở thành phố Phi-líp

- Sứ đồ Phao-lô, là một giáo sĩ, phản ảnh lại công việc của ông đang làm và việc đã xảy ra khi ông đang ở tù.
- Ông cũng viết thư rất nồng nàn và riêng tư. Điều này cho thấy quan hệ mật thiết của ông với các tín hữu ở thành phố Phi-líp.
- Đây là một lá thư vui mừng. Phao-lô đã dùng các từ khác nhau có nghĩa là vui mừng hay hân hoan được dùng 16 lần trong thư. Phao-lô bày tỏ cảm nghĩ của ông một cách tự do - cảm tình, sự vui mừng và quan tâm.

- Thư này có một trong những sự dạy dỗ rõ ràng nhất về Chúa Cứu Thế ở trong Tân Ước (2:5-11). Phao-lô viết tiểu đoạn này chính để nêu gương về cách mà các Con dân Chúa nên suy nghĩ và hành động.

DÀN BÀI CỦA SÁCH

Thư của sứ đồ Phao-lô gửi cho người ở thành phố Phi-líp có thể chia ra làm mười một Phần Đoạn chính. Các câu Kinh Thánh trích dẫn và chủ đề của mỗi Phần Đoạn dưới đây cho thấy ý tưởng chính trong mỗi Phần Đoạn. *Sách Giải Nghĩa Thư Của Phao-lô Gửi Cho Các Tín Hữu Phi-líp* theo dàn bài này.

1:1-2	Sứ đồ Phao-lô mở đầu thư gửi cho các tín hữu ở thành phố Phi-líp
1:3-11	Sứ đồ Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời về họ và cầu nguyện cho họ
1:12-18d	Sứ đồ Phao-lô vui mừng vì người ta tiếp tục giảng Phúc Âm mặc dù ông đang ở trong tù
1:18đ-26	Sứ đồ Phao-lô vui mừng bởi vì ông nghĩ rằng việc đang xảy ra sẽ dẫn đến kết quả tốt, dù ông sống hay là chết
1:27-30	Sứ đồ Phao-lô khuyến khích những người Phi-líp sống như là những môn đệ thật của Chúa Cứu Thế
2:1-11	Sứ đồ Phao-lô bảo các tín hữu phải hiệp nhất và khiêm nhường như Chúa Giê-su
2:12-18	Sứ đồ Phao-lô đã dạy rằng các tín hữu nên vâng lời Đức Chúa Trời để bày tỏ cho người khác biết cách Đức Chúa Trời muốn người ta hành xử
2:19-30	Sứ đồ Phao-lô thảo luận về việc sai các ông Ti-mô-thê và Ê-ba-phô-đi đến với những người ở tại thành phố Phi-líp
3:1-4:1	Sứ đồ Phao-lô bảo những người ở tại thành phố Phi-líp nên theo gương của Phao-lô và nhờ cậy Chúa Cứu Thế làm cho họ trở nên công chính
4:2-9	Sứ đồ Phao-lô dạy con dân Chúa ở thành phố Phi-líp cách ăn ở hoà thuận
4:10-20	Sứ đồ Phao-lô cảm ơn người Phi-líp về quà tặng của họ
4:21-23	Sứ đồ Phao-lô và những người ở với ông chào thăm tất cả các tín hữu Phi-líp.

TÓM LƯỢC SÁCH

Sứ đồ Phao-lô viết thư này cho các tín hữu Chúa ở thành phố Phi-líp để cảm ơn họ, và để nhắc họ rằng ông yêu mến và cầu nguyện cho họ. Ông khuyến khích họ trung tín với Đức Chúa Trời ngay cả trong khi bị người ta bắt bớ. Ông vui mừng mặc dù ông bị ở tù. Ông cũng khuyến khích các người Phi-líp vui mừng, hiệp một và khiêm nhường như Chúa Cứu Thế Giê-su. Ông bảo họ là ông sẽ sai các ông Ti-mô-thê và Ê-ba-phô-đi đến với họ, và cảnh cáo họ không nên tin những người giảng rằng các tín hữu Chúa phải tuân theo luật lệ của người Do Thái. Họ phải theo gương của ông và tập trung vào Chúa Cứu Thế. Ông chấm dứt thư bằng cách nói cho họ nghe về phương cách hoà bình của Đức Chúa Trời và cảm ơn họ đã gửi quà tặng cho ông.

LỜI GIẢI NGHĨA SÁCH PHI-LÍP

Phân đoạn 1:1-2 Phao-lô mở đầu thư gửi cho các tín hữu ở thành phố Phi-líp

Trong thời Tân Ước, các tác giả có thói quen viết tên mình ở đầu bức thư. Rồi sau đó liệt kê tên người hay nhóm mà họ gửi thư cho, và thường hay kèm theo lời chào thăm hay chúc phước. Tất cả những điều này ở trong hai câu đầu tiên của sách Phi-líp. Đối với một số ngôn ngữ người nhận thư luôn luôn được nhắc đến trước. Nếu để tên tác giả của thư trước không được lễ phép, có thể cần phải sắp đặt lại thứ tự của phần giới thiệu để nhắc đến người Phi-líp trước, và rồi mới đến sứ đồ Phao-lô và ông Ti-mô-thê. Tuy nhiên, nếu được, hãy cố gắng giữ thứ tự nguyên thủy của thư để phản ánh lại cách Phao-lô thật sự mở đầu thư này của ông.

Đoạn văn 1:1-2

1:1a

Phao-lô và Ti-mô-thê: Các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng Phao-lô là tác giả của lá thư gửi cho người Phi-líp. Phao-lô dùng đại từ ngôi thứ nhất, số ít “tôi” trong phần còn lại của lá thư, và ông nói đến Ti-mô-thê như một người thứ ba “anh ấy, ông ấy” hay “Ti-mô-thê”, chứ không phải là “chúng tôi”. Vậy rõ ràng chính Phao-lô là tác giả thật của thư.

Sự kiện Phao-lô nhắc đến tên của Ti-mô-thê có thể hàm ý rằng Phao-lô hỏi ý kiến của Ti-mô-thê khi ông viết thư. Cũng có thể hàm ý rằng Ti-mô-thê viết thư này theo ý của Phao-lô. Điều này cho thấy là Ti-mô-thê đồng ý với những điều Phao-lô nói ở trong thư. Có hai cách để chuyển ngữ điều này trong bản dịch:

Ti-mô-thê cùng với tôi viết thư này cho anh chị em.

-HAY-

Tôi và Ti-mô-thê gửi thư này tới anh chị em.

tôi tớ: Từ Hy-lạp được dùng ở đây là *doulos*, có nghĩa là “nô lệ”. Các bản dịch tiếng Việt dùng cụm từ “đầy tớ” hay “tôi tớ” để chuyển ngữ từ này, nhưng từ này được dùng ở đây theo nghĩa bóng nói đến một người làm công không được trả lương và không được tự do bỏ công việc của mình. Vì vậy có thể tốt hơn nên dùng từ có nghĩa là “nô lệ” ở đây. Phao-lô không nói rằng ông và Ti-mô-thê là đầy tớ

hay nô lệ cho người ta. Họ là đầy tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su, là một địa vị danh dự. Đây không phải là một sự xuống cấp cho họ nhưng là một địa vị danh dự và cao trọng.

(BDM) Chúa Cứu Thế Giê-su:

(BDC) Đức Chúa Jê-sus-Christ:

(BCG): Ki-tô Giê-su: Từ Hy-lạp *kristos*, được viết là “Christ” trong tiếng Anh, có nghĩa là “Chúa Cứu Thế”. Từ này được dùng để nói đến tước vị của Chúa Giê-su như là Cứu Chúa mà Đức Chúa Trời hứa sẽ sai đến. BDM và BDY chuyển ngữ theo ý nghĩa của từ Hy-lạp là “Chúa Cứu Thế”. BDC dùng từ tiếng Anh “Christ”. BCG dùng cách phiên âm theo tiếng Việt của từ Hy-lạp “Ki-tô”.

Lúc đầu, từ “kristos” được dùng để nói đến tước vị của Chúa Giê-su như là Đấng Cứu Thế. Tuy nhiên, đến lúc Phao-lô viết thư này, người ta đã dùng từ “kristos” như một tên khác của Chúa Giê-su, hơn là một tước vị: Jê-sus-Christ (BDC).

“Jê-sus Christ” là thứ tự thông thường của tên Chúa nhưng trong thư này Phao-lô thường gọi Chúa Giê-su bằng tên “Christ Jê-sus” hay chỉ dùng “Christ”. Hầu hết các bản dịch của các ngôn ngữ khác đều cố gắng dùng cùng một thứ tự theo như bản Hy-lạp. Trong các bản dịch tiếng Việt BCG làm như vậy. BDM, BDC và BDY không thay đổi thứ tự (Chúa Cứu Thế Giê-su). Nếu những người đọc bản dịch của bạn có thể bị bối rối bởi sự thay đổi thứ tự của tên gọi, bạn có thể cũng làm như các bản dịch trên trong bản dịch của bạn.

1:1b

Kính gửi: Trong bản Hy-lạp không có dùng động từ ở đây, và đối với một số ngôn ngữ cần phải có động từ. Thí dụ: “Phao-lô và Ti-mô-thê ..viết cho các thánh đồ...” Một động từ khác có thể dùng là “gửi”, hàm ý “gửi thư này”. Trong văn mạch của cả thư, dường như “viết” là động từ được hàm ý ở đây.

thánh đồ: Chuyển ngữ sát nghĩa là “các người thánh”. Cụm từ này nói đến những người đã được Đức Chúa Trời biệt riêng ra cho Ngài. Từ *thánh đồ* trong Tân Ước nói đến tất cả mọi con dân Chúa. Có thể chuyển ngữ là “dân sự của Đức Chúa Trời”, “tuyển dân của Đức Chúa Trời”, “con dân Chúa”, hay “những người thuộc về Đức Chúa Trời”. Từ này cũng được dùng ở trong 4:21-22.

trong Chúa Cứu Thế Giê-su: Nhóm từ *trong Chúa Cứu Thế Giê-su* và nhóm từ tương tự như “trong Chúa” và “trong Ngài” được dùng 22 lần trong thư Phi-líp. Nhóm từ này có nghĩa là được hiệp một với Chúa Cứu Thế về phần thuộc linh, có một quan hệ cá nhân với Ngài, thuộc về Ngài.

1:1c

cùng: Phao-lô muốn nói rằng ông bao gồm những người lãnh đạo và các chấp sự trong *các thánh đồ* mà ông đang viết thư cho.

giám mục và chấp sự: Hầu hết các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng vào lúc ông Phao-lô viết thư này, hội thánh chưa định nghĩa rõ ràng các địa vị lãnh đạo hay tước vị, nhưng họ có những người lãnh đạo. Mặc dù không biết chắc bốn phạm chính của họ là gì, người ta biết rõ là *giám mục* và *chấp sự* là những người lãnh đạo được công nhận trong hội thánh.

giám mục: Đây nói đến các giáo sư, các người lãnh đạo và những người khác có chức vụ và thẩm quyền. Đối với một số ngôn ngữ có thể chuyển ngữ bằng một nhóm từ có nghĩa là “các người lãnh đạo”, “những người coi sóc các tín hữu”, hay “các trưởng lão của hội thánh”.

chấp sự: *Chấp sự* nói đến những người phụ tá cho những giám mục và người điều

hành công việc. Bạn có thể chuyển ngữ từ *chấp sự* như là “người giúp đỡ”, “những người hầu việc Chúa giữa vòng các tín hữu”, hay “những người giúp đỡ các tín hữu”. Đối với một số ngôn ngữ đã có từ được hội thánh chấp nhận để dùng cho *chấp sự*, vậy nên người chuyển ngữ phải quyết định xem họ sẽ dùng từ đó hay dùng một từ khác.

1:2

Cha chúng ta: Đức Chúa Trời được gọi là *Cha chúng ta* bởi vì Ngài là Đấng ban cho chúng ta đời sống về thể chất và thuộc linh. Ngài yêu mến chúng ta như một người cha và đã nhận chúng ta làm con cái của Ngài. Chúng ta phải yêu mến, tin cậy và vâng lời Ngài như con cái đối với cha ruột của mình vậy.

ban ân sủng và bình an cho anh chị em:

Trong những ngày đầu tiên của Cơ Đốc Giáo nhiều người đã dùng lời chào thăm Cơ Đốc này. Nó giống như một lời cầu nguyện hay lời chúc phước. Bạn có thể cần phải dùng động từ “cầu nguyện” hay “xin/yêu cầu Đức Chúa Trời” trong bản dịch của bạn, thí dụ, “Chúng tôi cầu xin rằng Đức Chúa Trời...sẽ ban cho anh chị em ân sủng và bình an.”

Khi bạn thường dùng một nhóm từ dài để chuyển ngữ *ân sủng và bình an*, bạn có thể muốn dùng một nhóm từ ngắn hơn trong lời chào thăm con dân Chúa như thế này. Ở đây Phao-lô không dạy dỗ về *ân sủng và bình an*, và như vậy có thể không cần thiết phải bao gồm tất cả những yếu tố liên quan đến những từ này.

ân sủng: Từ Hy-lạp *charis* được chuyển ngữ là *ân sủng* ở đây có nghĩa là “đặc ân, thiện ý, nhân từ, phước hạnh”. Phao-lô muốn Đức Chúa Trời bày tỏ sự nhân từ và gia ơn cho các Con dân Chúa Phi-líp. Đây là một từ quan trọng trong Tân Ước, mặc dù chỉ xuất hiện ba lần ở trong sách Phi-líp (cũng xem trong 1:7 và 4:23). Khi bạn chuyển ngữ câu này có thể bạn phải đổi cụm từ *ân sủng* thành động từ để dễ hiểu hơn. Vậy nên nhóm từ *ân sủng...anh chị em* có thể được chuyển ngữ như sau:

Phân Đoạn 1:1-2 Sứ đồ Phao-lô mở đầu thư gửi cho các tín hữu ở thành phố Phi-líp

- 1:1a** Chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê, tôi tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su,
¶ Thư này của Phao-lô và Ti-mô-thê, đây tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su. [Tôi], Phao-lô,
-HAY-
¶ [Tôi], Phao-lô cùng với Ti-mô-thê, là các đầy tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su,
- 1:1b** Kính gửi toàn thể thánh đồ trong Chúa Cứu Thế Giê-su tại thành Phi-líp
[viết] cho tất cả các con dân Chúa trong [thành phố] Phi-líp, là những người thuộc về Chúa Cứu Thế Giê-su.
-HAY-
[Chúng tôi viết/gửi lá thư này] cho tất cả mọi người ở [trong thành phố] Phi-líp thuộc về Đức Chúa Trời nhờ Chúa Cứu Thế Giê-su [đã chết trên thập tự giá].
- 1:1c** cùng các giám mục và chấp sự.
[Thư này cũng gửi tới] những người lãnh đạo [ở giữa vòng anh chị em] và những người giúp đỡ [anh chị em].
- 1:2** **Nguyện xin Đức Chúa Trời là Cha chúng ta và Chúa Cứu Thế Giê-su ban ân sủng và bình an cho anh chị em.**
[Hai chúng tôi cầu xin rằng] Đức Chúa Trời [là] Cha chúng ta và Chúa Cứu Thế Giê-su [là] Chúa chúng ta ban ân sủng và sự bình an cho anh chị em.
-HAY-
[Cầu xin] Đức Chúa Trời, Cha của chúng ta, và Chúa Cứu Thế Giê-su, Chúa [chúng ta] nhân từ với anh chị em và giúp anh chị em [tiếp tục] sống một cách bình an.

Nguyện xin Đức Chúa Trời nhân từ với anh chị em.

-HAY-

Nguyện xin Đức Chúa Trời ban phước cho anh chị em.

bình an: Từ Hy-lạp *eirēnē* được chuyển ngữ là “bình an” ở đây. Cụm từ này chủ yếu nói đến sự bình an với Đức Chúa Trời nhưng cũng có thể có nghĩa là bình an với người và bình an nội tâm.

Phân Đoạn 1:3-11 Sứ đồ Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời và cầu nguyện cho họ

Trong 1:3-11 Sứ đồ Phao-lô bảo các con dân Chúa ở tại thành phố Phi-líp rằng ông cầu nguyện và yêu mến họ nhiều.

1:3-8 Sứ đồ Phao-lô bảo người Phi-líp rằng ông luôn luôn cảm tạ Đức Chúa Trời vì họ và cầu nguyện cho họ. Họ giúp đỡ ông rất nhiều trong việc truyền giảng Phúc Âm, và ông yêu mến họ một cách sâu xa.

Đoạn văn 1:3-8

1:3

Đức Chúa Trời của tôi: Đây nói đến Đức Chúa Trời mà Phao-lô thờ phượng, Đức Chúa Trời mà ông thuộc về. Đối với một vài ngôn ngữ không thể nói được là *của tôi*. Vì như vậy nghe có vẻ như là người ấy sở hữu Đức Chúa Trời. Có thể chuyển ngữ là “Đức Chúa Trời mà tôi thờ phượng”, hay “Đức Chúa Trời, Chúa của tôi”.

tôi: Nếu bạn đã dùng “chúng tôi” như là chủ từ của bất cứ động từ nào trong 1:1, 1:2, hãy chắc chắn rằng mọi người đều hiểu rõ rằng chủ từ trong câu này chỉ có một mình Phao-lô.

mỗi khi nhớ đến anh chị em: Từ *nhớ* ở đây không có nghĩa là một người nhớ lại điều mình đã quên. Nó có nghĩa là nhớ lại về một người nào đó.

1:4

Trong 1:3-4 Phao-lô nhấn mạnh rõ là ông rất vui mừng và cảm ơn Chúa về người Phi-líp. Trong tiếng Hy-lạp, nếu tác giả muốn nhấn mạnh một điều gì thì họ lặp lại điều đó. Ông Phao-lô lặp lại ý tưởng câu nguyện “mỗi, luôn luôn, tất cả” (luôn luôn mỗi khi, tất cả anh chị em) và “câu nguyện” trong hai câu này. Hãy tìm một cách tự nhiên để nhấn mạnh điều này đối với ngữ của bạn.

Luôn luôn mỗi khi câu nguyện, tôi vui mừng câu nguyện cho tất cả anh chị em: Phao-lô muốn nói rằng kể khi nào ông cầu nguyện cho người Phi-líp, ông cầu nguyện cho tất cả họ một cách vui mừng. Điều được nhấn mạnh ở trong câu là sự vui mừng của Phao-lô.

mỗi khi câu nguyện: Điều này cho thấy rằng Phao-lô đã cầu nguyện cho người Phi-líp mỗi lần ông dành thì giờ để cầu nguyện.

câu nguyện: Phao-lô đang xin Đức Chúa Trời giúp đỡ cho người Phi-líp. Từ bạn dùng cho *câu nguyện* nên bao gồm khái niệm cầu xin Đức Chúa Trời một điều gì.

Mặc dù trong bản gốc Hy-lạp từ *câu nguyện* xuất hiện hai lần, đối với ngôn ngữ

của bạn có thể lặp lại từ đó thì nghe không được tự nhiên. Nếu như vậy có thể vẫn giữ được cùng một ý nghĩa bằng cách dùng một động từ hay hai từ đồng nghĩa (hãy xem PKTCCN).

1:5a

Vì anh chị em đã cộng tác trong việc truyền bá Phúc Âm: Các học giả hiểu theo hai cách:

- (1) Nó cho thấy lý do tại sao Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời (trong 1:3) (đa số các học giả Kinh Thánh).
- (2) Nó cho thấy lý do tại sao Phao-lô đã cầu nguyện với sự vui mừng (BDM, BCG, BDY).

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất.

Các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng nhóm từ *cộng tác trong việc truyền bá Phúc Âm* đề cập đến các tín hữu Phi-líp giúp đỡ Phao-lô và những người khác rao truyền Phúc Âm qua việc dâng tiền, khuyến khích những người khác, và tự mình rao giảng Phúc Âm.

Phúc Âm: Từ *Phúc Âm* trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “tin tức tốt lành”. Hãy tìm một nhóm từ thường được dùng có nghĩa là “tin tức tốt lành”. Các cách chuyển ngữ khác là:

Tin tức tốt lành của Đức Chúa Trời

-HAY-

Sứ điệp tốt lành

-HAY-

Sứ điệp vui mừng

1:5b

từ buổi ban đầu cho đến nay: Đây có nghĩa là “từ lần đầu tiên [anh chị em nghe Phúc Âm và tin nhận] cho đến bây giờ”. Có một nhóm từ tương tự ở trong 4:15b (bản Hy-lạp có “trong buổi ban đầu của Phúc Âm”). Cả hai nhóm từ đều có nghĩa là ngay sau khi họ tiếp nhận Phúc Âm, các người Phi-líp lập tức bắt đầu hợp tác với Phao-lô để rao truyền Phúc Âm cho những người khác. Trong bản dịch của bạn, có thể bạn phải dùng nhóm từ *lúc các bạn mới tin* nói đến ngày đầu tiên mà họ tin nhận Phúc Âm. Hãy xem CĐN.

Phân Đoạn 1:3-11 Sứ đồ Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời và cầu nguyện cho họ

- 1:3** **Tôi cảm tạ Đức Chúa Trời của tôi mỗi khi nhớ đến anh chị em.**
 ¶ Mỗi khi nhớ đến anh chị em, tôi cảm tạ Đức Chúa Trời [vì anh chị em].
 -HAY-
 Tôi [Phao-lô] cảm tạ Đức Chúa Trời [Đấng tôi thờ phượng] mỗi khi nhớ tới anh chị em.
- 1:4** **Luôn luôn mỗi khi cầu nguyện, tôi vui mừng cầu nguyện cho tất cả anh chị em.**
 Hễ khi nào tôi cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ tất cả các anh em, tôi luôn luôn cầu nguyện cách vui mừng.
- 1:5a** **Vì anh chị em đã cộng tác trong việc truyền bá Phúc Âm**
 bởi vì anh chị em là người cộng tác của tôi trong [việc rao truyền] Phúc Âm.
 -HAY-
 bởi vì anh chị em đã cùng [làm việc] chung với tôi để [công bố] tin tức tốt lành [về Chúa Cứu Thế Giê-su].
- 1:5b** **từ buổi ban đầu cho đến nay.**
 [Anh chị em đã làm điều này] từ ngày đầu tiên [mà anh chị em tin tưởng nơi Phúc Âm này], và anh chị em tiếp tục làm
 -HAY-
 kể từ lúc anh chị em bắt đầu [tin], và anh chị em đã không ngừng [giúp đỡ tôi].

cho đến nay: Đây có nghĩa là “anh chị em vẫn còn làm việc đó”. Điều này không có nghĩa là họ ngừng giúp đỡ Phao-lô. Họ vẫn tiếp tục giúp đỡ ông trong lúc ông viết lá thư này.

Lời giải thích tổng quát về 1:5: Đối với một vài ngôn ngữ phải để nhóm từ chỉ về thời gian ở đầu câu. Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi bạn

làm như vậy bạn có thể để 1:5b trước 1:5a. Ví dụ:

[Tôi cảm tạ Đức Chúa Trời] bởi vì kể từ khi anh chị em bắt đầu [tiếp nhận Phúc Âm] và cho đến bây giờ, anh chị em đã là người cộng tác với tôi trong việc loan truyền Phúc Âm.

Hãy tìm cách để truyền thông điều này cho rõ ràng bằng ngôn ngữ của bạn.

1:6a

điều này: Trong bản Hy-lạp, đây là một nhóm từ được nhấn mạnh. Nhóm từ này chỉ tới điểm kế tiếp: Phao-lô chắc chắn về điều Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục làm. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn có thể nhấn mạnh vào điều Phao-lô chắc chắn, thì nên làm như vậy.

Đáng đã bắt đầu làm một việc tốt lành trong anh chị em: Đáng nói đến Đức Chúa Trời. Các học giả Kinh Thánh giải thích nhóm từ *một việc tốt lành* theo hai cách:

- (1) *Một việc tốt lành* mà Đức Chúa Trời bắt đầu là việc Ngài đã cứu họ và cho họ sự sống mới khi họ tin Phúc Âm. Khi các người Phi-líp tiếp nhận Phúc Âm, Đức Chúa Trời đã làm một điều trong họ mà đã thay đổi họ một cách tốt đẹp.
- (2) *Một việc tốt lành* mà Đức Chúa Trời đã bắt đầu là việc họ hợp tác trong sự rao truyền Phúc Âm. Thí dụ: BCG dùng: “Đáng đã bắt đầu thực hiện nơi anh em một công việc tốt lành như thế”.

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo sự giải thích thứ nhất, như đa số học giả Kinh Thánh đã theo.

1:6b

sẽ hoàn thành việc đó: Đức Chúa Trời bắt đầu công việc tốt lành của sự cứu rỗi trong lòng người Phi-líp và sẽ tiếp tục làm việc trong họ để thay đổi họ thành những người kính sợ Chúa.

cho đến ngày của Chúa Cứu Thế Giê-su: Từ Hy-lạp *achri* được BDM chuyển ngữ là *cho đến*, được hiểu theo hai cách:

- (1) Nó có nghĩa là “cho đến”. Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục hoàn tất việc mà Ngài đã bắt đầu cho tới lúc Chúa Cứu Thế trở lại. Vào lúc đó công việc của Ngài sẽ được hoàn tất (BDM, BDC, BCG, BDY).
- (2) Nó có nghĩa là “tại” hay “vào”. Đức Chúa Trời sẽ hoàn tất công việc của Ngài trong ngày Chúa Cứu Thế trở lại.

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1). So sánh một nhóm từ tương tự ở trong 1:10 và lời giải nghĩa ở đó.

ngày của Chúa Cứu Thế Giê-su: Câu này nói đến lúc Chúa Cứu Thế Giê-su sẽ trở lại. Có thể chuyển ngữ là: “khi Chúa Cứu Thế trở lại trái đất”. Nhóm từ này được dùng ba lần trong sách Phi-líp (cũng hãy xem 1:10 và 2:16) và trong nhiều đoạn khác của Tân Ước.

Lời giải nghĩa tổng quát về 1:6: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải sắp đặt thứ tự của các từ này theo một thứ tự khác. Thí dụ:

Đức Chúa Trời đã bắt đầu làm một việc tốt lành trong anh chị em, và tôi tin chắc rằng Ngài sẽ tiếp tục hoàn tất công việc đó cho tới ngày của Chúa Cứu Thế Giê-su.

-HAY-

Tôi chắc chắn rằng Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục làm công việc tốt lành mà Ngài đã bắt đầu trong anh chị em cho đến ngày Chúa Cứu Thế Giê-su trở lại. Rồi thì nó sẽ được hoàn tất.

1:7a

Cảm nghĩ của tôi về tất cả anh chị em như vậy: Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *cảm nghĩ* được chuyển ngữ là “suy nghĩ” trong hầu hết các ngữ cảnh. Đây muốn nói đến một hoạt động của tâm trí và ý chí, và không phải chỉ là một cảm xúc. *Như vậy* muốn nói đến những điều mà Phao-lô đã nói về người Phi-líp trong 1:3-6.

là phải: Đây có nghĩa là điều này là “thích hợp, là đúng, là tốt”. Đối với một vài ngôn ngữ tốt hơn nên chuyển ngữ nhóm từ này bằng một từ (hay một nhóm từ) phủ định. Thí dụ: “không lạ gì”.

tôi mang anh chị em trong lòng: Thành ngữ Hy-lạp này có nghĩa là “tôi yêu mến anh chị em rất nhiều”.

1:7b-c

tôi bị tù tội: BDC chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp “trong vòng xiềng xích tôi”. BDY dùng “bị xiềng xích”. Vào thời đó, người ta có thông lệ dùng dây xích xiềng người bị buộc tội lại. Chúng ta không biết những chi tiết rõ ràng về tình trạng của Phao-lô ở trong tù là như thế nào khi ông viết thư cho những người Phi-líp nên bạn có thể theo BDC hay là BDY.

1:6a	<p>Tôi tin chắc điều này, Đấng đã bắt đầu làm một việc tốt lành trong anh chị em Tôi chắc chắn rằng [Đức Chúa Trời] Đấng đã bắt đầu làm việc tốt lành trong lòng anh chị em -HAY- Tôi chắc chắn về điều này: Đức Chúa Trời đã khởi đầu làm việc tốt trong anh chị em, và Ngài</p>
1:6b	<p>cũng sẽ hoàn thành việc đó cho đến ngày của Chúa Cứu Thế Giê-su. sẽ tiếp tục làm cho đến lúc Ngài hoàn tất việc đó khi Chúa Cứu Thế Giê-su trở lại.</p>
1:7a	<p>Cảm nghĩ của tôi về tất cả anh chị em như vậy là phải, vì tôi mang anh chị em trong lòng. Thật là tốt khi tôi nghĩ đến tất cả anh chị em như vậy bởi vì tôi yêu mến anh chị em rất nhiều. -HAY- Tôi yêu mến anh chị em nhiều lắm. Đó là lý do tôi nghĩ như vậy về anh chị em.</p>
1:7b	<p>Dù khi tôi bị tù tội [Vì] trong khi tôi bị xiềng trong tù, -HAY- Trong khi tôi bị tù,</p>
1:7c	<p>cũng như lúc bênh vực hoặc củng cố Phúc Âm. và trong khi tôi trả lời những sự chỉ trích về Phúc Âm và bày tỏ Phúc Âm là thật, -HAY- và khi tôi [bị gọi ra toà để] bênh vực Phúc Âm [về Đức Giê-su] và chứng tỏ rằng Phúc Âm [về Chúa Cứu Thế Giê-su] là thật,</p>

cũng như lúc bênh vực hoặc củng cố Phúc Âm: Nhóm từ này có thể được giải thích theo hai cách:

- (1) Đề cập đến một phiên xử ở toà án. Phao-lô bênh vực Phúc Âm và chứng tỏ sự thật của nó trong một toà án La-mã.
- (2) Đề cập đến một cách tổng quát hơn mỗi lần Phao-lô giải thích Phúc Âm và cho biết tại sao nó lại đúng.

Phao-lô có thể suy nghĩ đến cả hai điều này. Đối với một vài ngôn ngữ có thể chuyển ngữ theo cả hai cách. Tuy nhiên, nếu bạn phải lựa chọn, chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1).

lúc bênh vực. . . Phúc Âm: Đây có nghĩa là Phao-lô đang giải thích tại sao Phúc Âm

không phải là giả dối. Ông cố gắng dời bỏ các sự phản đối và cho thấy rằng sự chỉ trích Phúc Âm là sai lầm.

củng cố Phúc Âm: Đây có cùng một ý nghĩa căn bản như là “bênh vực Phúc Âm”, nhưng theo một khía cạnh tích cực. Phao-lô đang giải nghĩa tại sao Phúc Âm là thật. Khi chuyển ngữ có thể gồm cả *bênh vực* và *củng cố* vào làm một nhóm từ. Thí dụ:

giải thích cho kẻ thù của Phúc Âm lý do tại sao chúng ta tin và cho thấy Phúc Âm là lẽ thật.

-HAY-

nói cho những người chống đối Phúc Âm biết lý do tôi rao truyền và trình bày cho những người khác biết đó là lẽ thật.

1:7d

cùng chia sẻ ân sủng với tôi: Theo sát từng từ một trong bản Hy-lạp là “người chia sẻ của tôi của ân sủng”. Vì vậy không rõ ý nghĩa của từ “của tôi” được nối kết như thế nào với phần còn lại của câu. Có thể có hai cách:

- (1) Nó được nối kết với nhóm từ “cùng chia sẻ”. Điều này có nghĩa là Phao-lô và các người Phi-líp cùng chia sẻ trong ân sủng của Đức Chúa Trời. *Ân sủng* nói đến sự nhân từ của Đức Chúa Trời đối với Phao-lô và những người ở Phi-líp, sự nhân từ mà Chúa đã bày tỏ bằng cách để cho họ hầu việc Ngài (BDM, BDY)
- (2) Nó được nối kết với từ *ân sủng*. Trong trường hợp này *ân sủng* “của tôi” có nghĩa là ân sủng đặc biệt mà Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô làm sứ đồ. Những người ở ông Phi-líp chia sẻ ân sủng của Phao-lô bằng cách hỗ trợ ông về mặt tài chánh. (BDC, BCG)

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo sự giải thích đầu tiên. Đức Chúa Trời nhân từ cả với Phao-lô và những người Phi-líp và cho họ đặc ân được cùng làm việc với nhau để rao truyền Phúc Âm.

Lời giải nghĩa tổng quát về 1:7b-d: Đối với một vài ngôn ngữ xếp đặt lại thứ tự của các nhóm từ trong 1:7b-d và đặt 1:7d trước 1:7b-c. Có thể làm như sau:

Đức Chúa Trời nhân từ cho phép chúng ta cùng làm việc với nhau [trong việc truyền bá Phúc Âm về Chúa Cứu Thế Giê-su,] dù là tôi bị ở tù trong khi bệnh vực Phúc Âm và chúng tỏ rằng Phúc Âm là thật.

1:8

Trong bản Hy-lạp có một liên từ *gar* được dùng ở đầu câu, nhưng nó không có ý nghĩa thông thường “vì” ở đây. BDM và BDC không chuyển ngữ từ này. Có lẽ tốt nhất là làm theo như BDM và BDC.

Có Đức Chúa Trời làm chứng: Phao-lô đã dùng nhóm từ này khi ông nói đến tư tưởng, cảm xúc, và thái độ của ông. Ông muốn nói rằng Đức Chúa Trời làm chứng cho ông và có thể chứng tỏ rằng ông đang nói sự thật. Trong thư Phao-lô nói năm lần khi ông viết về các

cảm nghĩ hay khi ông cho thấy rằng ông tận hiến cho Chúa (cũng ở trong La-mã 1:9; 2 Cô-rinh-tô 1:23; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:5,10). Có thể chuyển ngữ là “Đức Chúa Trời biết”. Đối với một vài ngôn ngữ nhóm từ này được đặt ở cuối câu. Hãy xem PKTCCN của 1:8.

tôi triu mến tất cả anh chị em: Đây nói đến ước muốn được gặp lại những người Phi-líp của Phao-lô.

với tấm lòng của Chúa Cứu Thế Giê-su: Từ Hy-lạp *splagchna*, mà bản BDM chuyển ngữ là *tấm lòng*, nghĩa đen có nghĩa là “bên trong của thân thể”, tức là, trái tim, gan, phổi, thận. Người Hy-lạp coi những bộ phận này của thân thể là nguồn của tình cảm và cảm xúc. Họ dùng *splagchna* để nói đến tình cảm của họ, giống như người Việt dùng từ “tấm lòng”.

Toàn thể nhóm từ Hy-lạp mà Phao-lô dùng ở đây nói đến tình yêu thương sâu xa, thành thật mà Chúa Giê-su có đối với những người khác. Chúa Cứu Thế đã ban cho Phao-lô khả năng để yêu những người khác cùng một cách như vậy. Khi nói “tôi triu mến tất cả anh chị em với tấm lòng của Chúa Cứu Thế Giê-su”, Phao-lô muốn nói: “Tôi nhớ đến anh chị em với tình yêu thương mà Chúa Cứu Thế Giê-su đã ban cho tôi”. Một cách chuyển ngữ khác là:

“Tôi ao ước được ở với anh chị em bởi vì Chúa Cứu Thế Giê-su khiến cho tôi yêu mến anh chị em.”

Đoạn Văn 1:9-11

Phao-lô cầu xin Chúa rằng những người Phi-líp sẽ yêu mến nhau nhiều hơn và trở nên trong sạch, không chỗ trách được, để người ta sẽ tôn vinh và ngợi khen Đức Chúa Trời.

1:9a

Điều tôi cầu xin: Trong 1:4 Phao-lô nói ông thường cầu nguyện cho họ. Bây giờ trong 1:9-11 ông cho họ biết điều ông cầu nguyện cho họ.

là tình yêu thương của anh chị em ngày càng gia tăng: Một vài ngôn ngữ có một cách đặc biệt để diễn tả một sự ao ước hay một lời

1:7d	tất cả anh chị em đã cùng chia sẻ ân sủng với tôi, Đức Chúa Trời nhân từ cho phép tất cả chúng ta cùng làm việc với nhau [để công bố tin tức tốt lành].
1:8	Có Đức Chúa Trời làm chứng cho tôi rằng tôi triu mến tất cả anh chị em với tấm lòng của Chúa Cứu Thế Giê-su. Đức Chúa Trời biết rằng thật tôi rất muốn gặp lại anh chị em bởi vì tôi yêu mến anh chị em cũng như Chúa Cứu Thế Giê-su [yêu mến anh chị em vậy]. -HAY- Tôi yêu mến anh chị em nhiều lắm, giống như Chúa Cứu Thế Giê-su yêu mến anh chị em vậy. Đức Chúa Trời biết rằng điều tôi nói là sự thật.
1:9a	Điều tôi cầu xin là tình yêu thương của anh chị em ngày càng gia tăng ¶ Đây là điều tôi cầu nguyện cho anh chị em: anh chị em sẽ càng yêu nhau nhiều hơn -HAY- ¶ Tôi cầu nguyện để anh chị em sẽ yêu mến [nhau] nhiều hơn.
1:9b	cùng với sự hiểu biết và tất cả nhận thức, [và tôi cầu nguyện rằng] anh chị em sẽ biết về Đức Chúa Trời nhiều hơn và có thể phân biệt được trong mọi hoàn cảnh [điều đúng và điều sai].

cầu nguyện. Nếu ngôn ngữ của bạn có cách dùng văn phạm như vậy thì bạn nên dùng nó ở đây.

tình yêu thương: Bản Hy-lạp không nói rõ các người Phi-líp phải yêu thương ai. Trong kinh văn có thể nói đến yêu mến lẫn nhau hay yêu mến Đức Chúa Trời. Có lẽ Phao-lô bao gồm cả hai ý nghĩa. Vì vậy, nếu có thể được bạn không nên nói rõ trong bản dịch là các người ở tại Phi-líp phải yêu thương ai. Các đọc giả của bạn sẽ hiểu là cả hai ý này được nói đến. Tuy nhiên, nếu bạn phải cung cấp một túc từ, chúng tôi đề nghị bạn nói là các người ở tại Phi-líp phải yêu mến lẫn nhau.

ngày càng gia tăng: Trong bản Hy-lạp động từ được dùng ở đây có nghĩa là “tăng trưởng” hay “gia tăng”. Đối với một số ngôn ngữ tình yêu thương không thể “tăng trưởng”, nhưng có thể có một thành ngữ khác nói về tình yêu thương trở nên mạnh mẽ, thấm thiết hơn. Bạn có thể diễn tả ý nghĩa này như là

Anh chị em đã yêu mến nhau, bây giờ yêu nhau nhiều hơn

Nhóm từ *ngày càng gia tăng* có nghĩa là Phao-lô đang nhấn mạnh vào điều ông nói.

1:9b

cùng với sự hiểu biết và tất cả nhận thức: Có hai cách mà các học giả Kinh Thánh khác nhau dùng để giải thích nhóm từ *sự hiểu biết và tất cả nhận thức* trong câu này.

- (1) *Sự hiểu biết và tất cả nhận thức* là hai điều mà Phao-lô muốn thấy sự gia tăng cùng với tình yêu thương của những người Phi-líp. (BDM, BDY)
- (2) Nhóm từ *sự hiểu biết và tất cả nhận thức* cho thấy cách mà tình yêu tăng trưởng, tức là, những người Phi-líp phải tăng trưởng trong tình yêu thương có sự hiểu biết và nhận thức sâu xa. (BDC, BCG)

Phao-lô có thể muốn nói đến cả hai cách giải thích (1) và (2). Mỗi cách giải thích này đều có nhiều sách giải nghĩa hỗ trợ. PKTCCN theo sự giải thích đầu tiên. Tuy nhiên, nếu bạn muốn theo cách thứ nhì, bạn có thể nói:

để anh chị em sẽ tiếp tục yêu mến nhiều hơn một cách khôn ngoan và sáng suốt

sự hiểu biết: Từ Hy-lạp cho *sự hiểu biết* ở đây có nghĩa là “thật sự biết một điều nào đó và biết một cách trọn vẹn”. Phao-lô không nói rõ ông đang nói đến loại hiểu biết nào. Nó có thể đề cập đến:

- (1) hiểu biết Đức Chúa Trời và cách Ngài muốn chúng ta hành xử. Thí dụ, một số ngôn ngữ đã chuyển ngữ 1:9b và 1:10a là “để anh chị em hiểu biết trọn vẹn và biết cách chọn lựa đúng.”
- (2) sự hiểu biết về lẽ thật nói một cách tổng quát, một số ngôn ngữ dùng “sự hiểu biết thật”.

Nếu bạn phải nói rõ, thì hãy chọn cách giải thích đầu tiên, tức là, Phao-lô đang nói đến biết Đức Chúa Trời và điều Ngài muốn chúng ta làm.

tất cả nhận thức: Nhóm từ này có nghĩa là hiểu một điều gì đó theo ý nghĩa thuộc linh, biết điều gì là thật và là đúng. Chú ý rằng cùng một quan niệm được lặp lại trong 1:10.

1:10a

để: Từ này cho thấy rằng 1:10a là mục đích của lời cầu nguyện của Phao-lô ở trong 1:9 tức là, khi tình yêu thương của những người Phi-líp, sự hiểu biết và nhận thức cũng đã tăng trưởng, họ có khả năng tốt hơn để phân biệt điều gì là tốt nhất.

anh chị em nhận biết điều gì là tốt đẹp nhất: Động từ ở trong bản Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *nhận biết* không phải chỉ hàm ý rằng những người Phi-líp biết điều gì là tốt nhất, nhưng mà họ cũng sẽ tiếp nhận và chấp nhận nó.

điều gì là tốt đẹp nhất: Đây muốn nói đến các điều thật là tốt đẹp, các điều quan trọng và có giá trị nhất. Đây có thể nói đến các việc người ta làm, điều người ta nói, điều người ta tin. Hãy cố gắng truyền thông điều này qua bản dịch cách rõ ràng rằng họ nên chọn điều rất tốt.

1:10b

Ở đầu của 1:10b có một từ Hy-lạp *hina* có nghĩa là “rằng” hay “để mà”. BDM không chuyển ngữ từ này. Đây là một từ Hy-lạp khác

hơn là nhóm từ *eis to* ở đầu của 1:10a, mà BDM chuyển ngữ là “để”.

Có ba sự giải thích cơ bản về từ Hy-lạp *hina* ở đây và ở đầu của 1:10b:

- (1) *hina* cho thấy mục đích hay kết quả dự định của mệnh đề đi trước. Thí dụ: “anh chị em sẽ chọn lựa điều đúng để làm hầu cho anh chị em được tinh sạch không chỗ trách được...” (BDC).
- (2) *hina* cho thấy một kết quả khác (ngoài việc lựa chọn điều tốt nhất) của tình yêu thương rời rộng cùng với sự nhận biết (BDM, BDY).
- (3) *hina* cho thấy một điều khác mà Phao-lô đã cầu nguyện cho. Thí dụ: “tôi cầu nguyện rằng anh chị em sẽ biết nhiều hơn về Đức Chúa Trời là như thế nào và có thể biết sự khác nhau giữa điều phải và điều trái, [và tôi cầu nguyện] rằng anh chị em có thể thật tốt và không làm điều gì sai...” BCG theo sự giải thích này.

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1).

trong sạch: *Trong sạch* là “phân cách với sự gian ác, vô tội, không phạm tội”.

không có gì đáng trách: Điều này có nghĩa là “không làm điều gì sai lầm về mặt đạo đức (nhất là đối với người ta), không mặc cảm tội lỗi”. Rất gần với ý nghĩa của *trong sạch*.

Các từ mà BDM chuyển ngữ là *trong sạch* và *không có gì đáng trách* hầu như có cùng một ý nghĩa. Có lẽ *trong sạch* có thể nhấn mạnh đến sự tốt lành ở bên trong, và *không có gì đáng trách* có thể nhấn mạnh đến hành động bên ngoài. Tuy nhiên, đối với một số ngôn ngữ dùng hai từ có ý nghĩa gần giống nhau thì không thích hợp. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng vậy, bạn có thể dùng một nhóm từ và thêm một từ như là “hoàn toàn” để nhấn mạnh thêm. Vậy bạn có thể chuyển ngữ phần này của câu là “hoàn toàn trong sạch” hay “hoàn toàn không có sự gian ác”.

cho đến: Từ Hy-lạp *eis* mà BDM chuyển ngữ là *cho đến* có thể có một trong hai ý nghĩa:

- (1) cho đến: Nhiều bản dịch nói rằng Phao-lô hy vọng những người Phi-líp sẽ trong sạch

1:10a	<p>để anh chị em nhận biết điều gì là tốt đẹp nhất Như vậy anh chị em có thể lựa chọn điều đúng [để làm theo], -HAY- Kết quả là anh chị em sẽ thử nghiệm và chấp thuận những điều tốt nhất,</p>
1:10b	<p>và được trong sạch, không có gì đáng trách cho đến ngày của Chúa Cứu Thế; để anh chị em sẽ không có sự gian ác và không có gì đáng trách [từ nay] cho đến khi Chúa Cứu Thế trở lại. -HAY- [Tôi cầu nguyện như vậy] để anh chị em thật sự là người tốt và không làm điều gì sai lầm [từ nay] cho đến khi Chúa Cứu Thế trở lại,</p>
1:11a	<p>Được đầy trái công chính anh chị em sẽ hành xử một cách hoàn toàn công chính</p>

và không chỗ trách được cho đến khi Chúa Cứu Thế trở lại (BDM, BDC, BDY). Đây cũng hàm ý rằng họ (và các tín hữu khác) sẽ tiếp tục trong sạch và không chỗ trách được sau khi Chúa trở lại.

- (2) vào/trong khi: Phao-lô hy vọng rằng những người Phi-líp sẽ không chỗ trách được vào lúc Chúa Cứu Thế trở lại. (BCG).

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo sự giải thích (1).

ngày của Chúa Cứu Thế: Hãy xem lời giải nghĩa ở 1:6b.

1:11a

Được đầy trái công chính: Sự công chính là Nhóm từ này giải thích thêm về ý nghĩa của việc được trong sạch và không chỗ trách được. Tinh sạch và không chỗ trách được hàm ý không có tư tưởng và hành động tội lỗi, *đầy trái công chính* hàm ý có tư tưởng và hành động tốt. Một số bản dịch bắt đầu một câu mới với nhóm từ này. Thí dụ: “Rồi anh chị em sẽ được đầy...”

Ý tưởng *được đầy* được dùng một cách tượng hình trong câu này. Nó có nghĩa là “có một đặc điểm...” Bạn có thể không dùng thành ngữ này đối với ngôn ngữ của bạn được.

Những cách để chuyển ngữ động từ này được đề cập trong lời giải nghĩa dưới đây về *trái công chính*

trái công chính: Có hai cách để hiểu thành ngữ *trái công chính*:

- (1) bông trái chính là sự công chính. *Sự công chính* được dùng trong ý nghĩa đạo đức và nói đến đức hạnh hay cách hành xử đúng.
- (2) bông trái được sanh ra bởi sự công chính. *Sự công chính* được dùng theo ý nghĩa về luật pháp và nói đến địa vị đúng của người tín hữu trước mặt Đức Chúa Trời.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

Lời giải thích tổng quát về 1:11a: Đối với nhiều ngôn ngữ nếu chuyển ngữ từng từ một thành ngữ *được đầy trái công chính* sẽ không đem lại ý nghĩa đúng. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng như vậy, bạn nên chuyển ngữ phần này của câu mà không dùng lối nói tượng hình; thí dụ:

sự công chính sẽ bày tỏ trong mọi việc anh chị em làm

-HAY-

anh chị em sẽ hành xử một cách hoàn toàn công chính

1:11b

bởi Chúa Cứu Thế Giê-su: Đây có nghĩa là một người có thể hành động cách công chính bởi vì quyền năng mà Chúa Cứu Thế Giê-su ban cho người ấy. Người ấy có thể trở nên công chính bởi vì Chúa Cứu Thế Giê-su giúp đỡ họ.

Lời giải nghĩa tổng quát về 1:11a-b: Đối với một số ngôn ngữ có thể tốt hơn là để Chúa Cứu Thế Giê-su làm chủ từ của 1:11a-b. Thí dụ:

Chúa Cứu Thế Giê-su sẽ giúp đỡ anh chị em làm mọi điều tốt/đúng.

1:11c

để tôn vinh và ca ngợi Đức Chúa Trời: Các học giả Kinh Thánh không đồng ý về cách nhóm từ này quan hệ với 1:11a-b. Có thể có hai cách giải thích:

- (1) Nhóm từ này nối liền “được đầy trái công chính”. Thí dụ: “Tôi cầu xin anh chị em được đầy trái của công chính để những người khác sẽ tôn vinh và ngợi khen Đức Chúa Trời”.
- (2) Nhóm từ này quan hệ với tất cả những điều mà Phao-lô cầu xin và cảm tạ Đức

Chúa Trời (1:3-11). Thí dụ: “Tôi chầm dứt sự cảm tạ và lời cầu nguyện với lòng ước ao rằng người ta tôn vinh và khen ngợi Đức Chúa Trời”.

Các bản dịch tiếng Việt không có sự chọn lựa rõ ràng. Tuy nhiên, chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1), là cách được nhiều bản dịch và các học giả Kinh Thánh hỗ trợ nhất.

tôn vinh: Đây có nghĩa là mục đích để cho người ta sẽ tôn vinh Đức Chúa Trời và nói với những người khác rằng Chúa là vĩ đại.

ca ngợi: Đây có nghĩa rằng mục đích là để người ta cảm tạ Đức Chúa Trời và nói tốt về Ngài. Lời ca ngợi đến từ những người biết ơn Đức Chúa Trời về Ngài là lớn lao và Ngài ban phước cho họ.

Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải tổng hợp ý tưởng *tôn vinh* và *ca ngợi* vào một nhóm từ. Hãy coi xem, đối với ngôn ngữ của bạn, bạn sẽ dùng những từ nào để nói đến việc bày tỏ sự kính trọng cho một khách danh dự như là Vua. Những từ như vậy có thể thích hợp để dùng cho nhóm từ này.

Tiểu đoạn 1:12-18d Phao-lô vui mừng vì người ta tiếp tục giảng Phúc Âm mặc dù ông đang ở trong tù

Trong 1:12-26 Phao-lô giải thích việc bị ở tù ảnh hưởng trên người khác như thế nào. Phao-lô tin rằng Đức Chúa Trời đang hành động trong mọi việc xảy ra cho ông. Ông cho là một điều tốt khi người ta giảng về Chúa Cứu Thế, ngay cả khi họ giảng vì những lý do sai lầm. Có vẻ như một số con dân Chúa dạy dỗ về Chúa Cứu Thế bởi vì họ ghen tị với uy tín của Phao-lô vì ông là giáo sư. Nhưng Phao-lô vẫn vui mừng vì người ta đang nói về Phúc Âm của Chúa Cứu Thế.

Đoạn văn 1:12-14

Phao-lô đã viết rằng mặc dù ông ở trong tù, sứ điệp của Phúc Âm vẫn được rao truyền.

1:12a

Thưa anh chị em, tôi muốn anh chị em biết rằng: Phao-lô đang chỉ cho thấy rằng các sự việc xảy ra một cách trái ngược lại với điều mà các người Phi-líp nghĩ.

Thưa anh chị em: Từ Hy-lạp *de* được dùng ở đây cho thấy là Phao-lô đang bắt đầu một chủ đề hay đề tài mới. BDM, BDC, BCG và BDY không chuyển ngữ từ này nhưng đặt nhóm từ “thưa anh chị em” ở đầu câu cho thấy là bắt đầu nói đến một đề tài mới, và nghe tự nhiên hơn với tiếng Việt. Bạn có thể cũng muốn để nhóm từ này ở đầu câu như các bản tiếng Việt làm.

1:11b bởi Chúa Cứu Thế Giê-su
qua [quyền năng của] Chúa Cứu Thế Giê-su.

-HAY-

bởi vì Chúa Cứu Thế Giê-su [đang giúp đỡ/thêm sức cho anh chị em].

1:11c để tôn vinh và ca ngợi Đức Chúa Trời.
để [khi người ta thấy các việc lành của anh chị em,] họ sẽ tôn vinh Đức Chúa Trời và ngợi khen Ngài.

Tiểu đoạn 1:12-18d Sứ đồ Phao-lô vui mừng vì người ta tiếp tục giảng Phúc Âm mặc dù ông đang ở trong tù

1:12a Thưa anh chị em, tôi muốn anh chị em biết
¶Thưa anh chị em [trong Chúa Cứu Thế], tôi muốn chắc chắn là anh chị em biết

-HAY-

¶ Các tín hữu thân mến, anh chị em cần phải biết

1:12b rằng những điều đã xảy đến cho tôi thật ra đã giúp việc truyền bá Phúc Âm tiến bộ thêm.
rằng các việc [không tốt] đang xảy ra cho tôi khiến cho nhiều người [có dịp tiện] để nghe Phúc Âm.

anh chị em: Cụm từ *anh chị em* được dùng ở đây và cũng được dùng ở trong 3:1, 3:13, 3:17, 4:1, 4:8. Đây muốn nói đến các tín hữu, các con dân Chúa. Đối với các ngôn ngữ mà các từ liên hệ đến huyết thống được hiểu theo nghĩa đen và ở đây Phao-lô không nói với anh chị em ruột của ông. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng vậy thì cần phải thêm vào nhóm từ như “tín hữu” hay “anh chị em trong Chúa” thì tốt hơn. Bất cứ từ nào được bạn chọn để dùng cho *anh chị em*, thì bạn phải dùng từ này một cách nhất quán trong suốt Kinh Thánh.

1:12b

những điều đã xảy đến cho tôi thật ra đã giúp việc truyền bá Phúc Âm tiến bộ thêm: Những việc xấu xảy ra cho Phao-lô đã không ngăn cản người ta nghe Phúc Âm về Chúa Cứu Thế Giê-su. Trái lại, chúng khiến cho nhiều người được nghe về Phúc Âm hơn.

những điều đã xảy đến cho tôi: Phao-lô không nói rõ ông đang nghĩ đến những biến cố nào ở đây. Có lẽ ông muốn nói đến sự ở tù của ông một cách tổng quát. Tuy nhiên, không có cách nào biết chắc được, vậy nên bạn không nên cố gắng nói rõ biến cố này ra ở đây.

1:13

Kết quả là: Phao-lô đưa ra một thí dụ rõ rệt cho thấy việc ở tù của ông đem đến sự tiến triển của Phúc Âm như thế nào (1:12). Hãy xem PKTCCN của 1:13.

toàn thể lính gác công đường: *Lính gác công đường* là một nhóm lính canh gác các dinh thống đốc và các vị sĩ quan La-mã quan trọng khác. Cụm từ này đặc biệt được dùng cho những người gác dinh của Hoàng Đế ở tại thủ đô Rô-ma. Điều này cho thấy là có lẽ Phao-lô viết thư này ở tại Rô-ma.

những người khác: Không rõ nhóm từ này muốn nói về ai. Phao-lô có thể suy nghĩ về các tù nhân khác, các đầy tớ ở trong chỗ ông đang bị tù, hay tất cả mọi người trong thành phố đó mà ông đã gặp. Bạn không nên cố gắng nói rõ những người này là ai.

vì Chúa Cứu Thế: Nhóm từ này có thể chuyển ngữ bằng nhiều cách. Thí dụ:

bởi vì tôi theo Chúa Cứu Thế

-HAY-

bởi vì tôi là đầy tớ của Chúa Cứu Thế

-HAY-

bởi vì tôi giảng về Chúa Cứu Thế

bị xiềng xích: Đây là lối nói để chỉ về việc Phao-lô bị ở tù (hãy xem lời giải nghĩa của 1:7c).

1:14a

Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu bằng một liên từ có thể chuyển ngữ là “và”. Câu này nói về một điều tốt nữa đã xảy ra bởi vì Phao-lô ở trong tù. Nếu bạn cần nói câu một cách rõ ràng, bạn có thể bắt đầu với một nhóm từ như là “Thêm vào đó”.

qua việc tôi bị xiềng xích: Phao-lô nói rằng xiềng xích của ông đã cho các con dân Chúa sự can đảm, nhưng ông không nói bằng cách như thế nào. Có thể ông muốn nói rằng họ đã được can đảm bằng cách nhìn thấy Đức Chúa Trời đã giúp đỡ ông như thế nào khi ông ở trong tù.

1:14b

vững tin: Từ Hy-lạp *peithō*, có nghĩa là “vững tin, tin cậy”. Chúng tôi đề nghị bạn nên

chuyển ngữ nó với “làm cho vững tin hơn”. BDM và BDC dùng từ Hy-lạp *peisoteros* có nghĩa là “nhiều hơn nữa” bổ túc cho “vững tin”. Các bản tiếng Anh dùng nó để bổ túc cho “đã được làm”. Hãy xem PKTCCN để thấy cách chuyển ngữ khác nhau của 14b-c dựa trên các sự giải thích khác nhau.

trong Chúa: Cụm từ *trong Chúa* trong câu này có thể hiểu theo hai cách:

- (1) Một số học giả Kinh Thánh nối kết cụm từ này với ý tưởng “vững tin”. (Hãy xem lời giải nghĩa ở trên đây của “vững tin”.) Trong trường hợp này nhóm từ *vững tin trong Chúa* có nghĩa là “Chúa đã khiến cho họ vững tin”. Họ can đảm hơn để nói về Chúa Cứu Thế bởi vì Chúa đã làm cho họ tin chắc rằng Ngài sẽ giúp đỡ họ. Hãy xem PKTCCN của 1:14a.
- (2) Các học giả Kinh Thánh khác nối liền nhóm từ này với “các anh chị em” hay “các Cơ Đốc Nhân”.

Trong bản Hy-lạp có thể hiểu theo cả hai cách, nhưng cách giải thích (1) được ưa thích hơn.

Đối với một vài ngôn ngữ xếp đặt lại thứ tự các từ trong các nhóm từ này thì rõ ràng hơn. Thí dụ:

bởi vì tôi ở trong tù Chúa đã khiến cho anh chị em vững tin hơn.

1:14c

dám rao truyền lời Chúa: Các tín hữu đã trở nên can đảm hơn trước. Họ đã biết là có một số người chống lại sứ điệp Cơ Đốc. Đó là lý do tại sao Phao-lô bị ở tù. Nhưng khi họ thấy Phao-lô tiếp tục nói về Cứu Chúa của ông mặc dù ông đang ở tù, điều này thêm sự can đảm cho họ.

lời Chúa: Trong bản Hy-lạp cụm từ này được chuyển ngữ là *lời* hay *lời của Đức Chúa Trời*, tùy theo bản thảo nào được dùng. Đa số học giả Kinh Thánh không ủng hộ rõ rệt từ nào, nhưng cả hai đều có nghĩa là “sứ điệp của Đức Chúa Trời”.

không sợ hãi: Điều này mô tả cách họ giảng. Bạn có thể cần phải chuyển ngữ nhóm từ này là một phần riêng biệt ở cuối câu. Thí dụ: “Họ không sợ hãi”.

1:13	Kết quả là toàn thể lính gác công đường cũng như tất cả những người khác đều biết tôi vì Chúa Cứu Thế mà bị xiềng xích. Kết quả [của điều đã xảy ra cho tôi] là tất cả các lính gác công đường và những người khác [ở đây] đều biết rằng tôi bị tù bởi vì [tôi phục vụ] Chúa Cứu Thế.
1:14a	Và phần nhiều anh chị em qua việc tôi bị xiềng xích Bởi vì [Chúa đã giúp đỡ tôi] trong khi tôi bị tù, hầu hết các tín hữu [ở đây],
1:14b	đã vững tin hơn trong Chúa, trở nên tự tin [rằng] Ngài [sẽ giúp đỡ họ]
1:14c	dám rao truyền lời Chúa mà không sợ hãi điều gì. họ càng can đảm rao truyền sứ điệp mà Đức Chúa Trời [đã ban cho chúng ta rao giảng] và họ không sợ [những người chống đối họ]. <i>-HAY-</i> họ càng công bố một cách can đảm hơn sứ điệp mà Đức Chúa Trời [đã ban cho chúng ta] và không sợ hãi [để làm như vậy].
1:15a	Thật vậy, có vài kẻ truyền giảng Chúa Cứu Thế vì ganh tị và cạnh tranh ¶ Thật thế có một vài [con dân Chúa] rao giảng về Chúa Cứu Thế bởi vì họ ghen tị [với tôi], và họ muốn có vẻ quan trọng [hơn tôi]. <i>-HAY-</i> ¶ Mặt khác, một vài [con dân Chúa] rao giảng [sứ điệp về] Chúa Cứu Thế bởi vì họ ghen tị [với tôi] và họ muốn được nhiều người theo [hơn tôi].

Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải cung cấp một túc từ chỉ rõ những anh em này không sợ ai. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng như vậy, thì bạn có thể cung cấp một túc từ như là “những người chưa tin Chúa” hay “những người chống đối họ.”

Đoạn văn 1:15-18d

Một số con dân Chúa ghen tị với Phao-lô, nhưng điều này khiến cho họ truyền giảng Phúc Âm nhiều hơn, vì vậy mà ông vui mừng.

1:15-17 cho thấy một thí dụ của lối viết văn Hy-lạp gọi là “văn chương chữ thập HAY văn phong chữ thập HAY văn thể chữ thập” (tiếng Anh: chiasmus). Đây là một cách tượng hình được những người viết và nói tiếng Hy-lạp thường dùng. “Văn chương chữ thập trong 1:15-17 xếp đặt bốn phần của câu này để phần thứ nhất và phần thứ tư nói đến cùng một người, và phần thứ hai và phần thứ ba nói đến

cùng một người. Đây là thí dụ dùng các câu tuyên bố tóm tắt:

- ¶ 15a Một số người giảng về Chúa Cứu Thế vì lòng ghen tị
- | ¶ 15b Những người khác giảng về Chúa Cứu Thế vì thiện chí
- | ¶ 16 Những người này làm vì tình yêu thương
- ¶ 17a Những người trước giảng về Chúa Cứu Thế vì tham vọng ích kỷ

Hãy xem “Lời giải nghĩa tổng quát” về 1:15-17 dưới đây nói đến việc bạn có thể cần phải sắp đặt lại thứ tự của tiểu đoạn này trong bản dịch của bạn.

1:15a

Thật vậy: Nhiều người thêm vào *Thật vậy* để chỉ liên hệ giữa 1:15-18a và 1:12-14. Tuy nhiên, ở đây Phao-lô dùng từ Hy-lạp *men* để đánh dấu điều đầu tiên mà ông đối chiếu. Mệnh đề theo sau (1:15b) bắt đầu với từ Hy-lạp *de* và chỉ phần thứ nhì ông muốn đối

chiếu. Dùng chung lại với nhau chúng có nghĩa là “một mặt là... một mặt khác”.

có vài kẻ: Trong 1:17 và ở đây Phao-lô muốn nói đến một số người đặc biệt là các tín hữu đang gây rắc rối cho ông.

truyền giảng Chúa Cứu Thế: Đây có nghĩa là giảng về Chúa Cứu Thế. Mặc dù những lý do mà họ giảng là sai lầm, những người này là những tín hữu thông báo sứ điệp về Chúa Cứu Thế Giê-su. Vì Phao-lô vui mừng rằng họ đang giảng dạy, có vẻ như là điều họ nói về Chúa Cứu Thế là thật. (1:18d).

ganh tị: Họ ghen tị về những việc Phao-lô đã làm. Họ tức giận vì ông thành công hơn họ.

cạnh tranh: Từ Hy-lạp dùng ở đây nói đến sự tranh cạnh do sự ghen tị gây nên. Họ muốn con dân Chúa chia rẽ, có lẽ để cho họ có nhiều môn đệ hơn là Phao-lô. Họ muốn qua mặt ông và làm cho người khác thấy là họ thành công và quan trọng hơn.

1:15b

nhưng: Mệnh đề này bắt đầu với từ Hy-lạp *de* nên nó đánh dấu mệnh đề này được đối chiếu với mệnh đề ở trước. Hầu hết các bản dịch tiếng Việt chuyển ngữ là *nhưng*. Hãy xem *Thật vậy* trong lời giải nghĩa của 1:15a.

vì: Lý do mà họ giảng dạy là bởi vì họ muốn giúp đỡ Phao-lô.

thiện chí: Cụm từ *thiện chí* cho thấy là một số con dân Chúa thích Phao-lô và muốn giúp đỡ ông rao truyền Phúc Âm. Sau đây là một ý để chuyển ngữ 1:15b:

Những người khác giảng về Chúa Cứu Thế để giúp đỡ [tôi và việc truyền giảng Phúc Âm.]

1:16

Những người này: Nhóm từ này nói đến nhóm người trước mà Phao-lô nói đến ở trong 1:15b, là những người giảng về Chúa Cứu Thế với thiện chí.

do lòng yêu thương: Ý chính ở đây có lẽ là các tín hữu này yêu mến Phao-lô. Nếu bạn cần phải cung cấp một túc từ bạn nên dùng “tôi”. Nhưng nó cũng bao gồm ý tưởng họ

làm như vậy bởi vì họ yêu mến Chúa Cứu Thế và Phúc Âm.

tôi được ủy nhiệm: Có thể hiểu nhóm từ Hy-lạp này theo hai cách:

- (1) Đức Chúa Trời đặt Phao-lô vào nơi ông đang ở-trong tù. Ngài muốn ông làm một nhân chứng ở đó. (BDC)
- (2) Đức Chúa Trời bổ nhiệm cho Phao-lô lo chức vụ giảng và bênh vực Phúc Âm, ở bất cứ nơi nào mà ông đi đến. (BDM, BDY, BCG)

Cách giải thích (1) thích hợp với văn mạch nhất. Hãy xem PKTCCN.

để bênh vực: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:7 để chuyển ngữ ý tưởng *bênh vực*.

1:17a

Còn những kẻ kia: Đây muốn nói đến nhóm người thứ nhất mà Phao-lô viết ở trong 1:15a, là những người giảng về Chúa Cứu Thế bởi vì họ ghen tị với ông. Hãy xem lời giải nghĩa về văn chương chữ thập (chiasmus) ở phần đầu của đoạn này.

lòng ích kỷ: Từ Hy-lạp được BDM chuyển ngữ là *lòng ích kỷ* cũng được tìm thấy ở La-mã 2:8; Ga-la-ti 5:20 và 2 Cô-rinh-tô 12:20. Họ nghĩ rằng nếu họ có nhiều người đi theo họ thì họ sẽ trở nên rất quan trọng.

không thành thật: Những người này đã giảng vì lý do không chính đáng, một cách ích kỷ, vì lợi ích của riêng họ hơn là sự tốt đẹp cho người khác và vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Đối với một số ngôn ngữ có thể rõ ràng hơn nếu mình đổi ngược ý tưởng *không thành thật* và *tham vọng ích kỷ* Thí dụ:

Họ không rao giảng sứ điệp về Chúa Cứu Thế một cách thành thật, nhưng giảng về Ngài bởi vì điều họ nghĩ là họ sẽ được.

1:17b

tưởng rằng làm tôi đau khổ thêm: Đây có nghĩa là những tín hữu ghen tị này cố ý gây rắc rối cho Phao-lô. Tuy nhiên, nó hàm ý rằng điều họ nghĩ là sai lầm. Phao-lô tiếp tục vui mừng bởi vì người ta đang giảng Phúc Âm.

1:15b	<p>nhưng những người khác truyền giảng vì thiện chí. Nhưng các con [dân Chúa] khác rao giảng [sứ điệp về] Chúa Cứu Thế bởi vì họ muốn giúp đỡ [tôi rao giảng Phúc Âm]. <i>-HAY-</i> Nhưng một mặt khác, một số [các tín hữu khác] đang giảng với một thái độ đúng.</p>
1:16	<p>Những người này truyền giảng do lòng yêu thương; họ biết rằng tôi được ủy nhiệm để bênh vực Phúc Âm. Những người này làm điều đó vì họ yêu mến [tôi] và bởi vì họ biết rằng Đức Chúa Trời đã đặt tôi [ở trong tù này] để bênh vực Phúc Âm [về Chúa Cứu Thế]. <i>-HAY-</i> Nhóm thứ hai này yêu mến [tôi] và họ biết rằng lý do Đức Chúa Trời cho phép [người ta] bỏ tù tôi là để tôi sẽ [có dịp tiện để] giải thích rằng Phúc Âm là thật.</p>
1:17a	<p>Còn những kẻ kia truyền giảng Chúa Cứu Thế vì lòng ích kỷ, không thành thật; Nhưng những [người ghen tị] truyền giảng [Phúc Âm về] Chúa Cứu Thế vì họ muốn trở nên quan trọng [hơn tôi]. Họ không có lý do chính đáng. <i>-HAY-</i> [Nhưng] nhóm người thứ nhất không giảng về Chúa Cứu Thế với động lực tốt, họ giảng vì những lý do ích kỷ.</p>
1:17b	<p>tưởng rằng như thế họ làm tôi đau khổ thêm trong khi bị xiềng xích. Họ suy nghĩ [sai lầm] rằng họ sẽ thêm sự buồn khổ cho tôi trong khi tôi đang ở tù. <i>-HAY-</i> Họ định làm gia tăng những nan đề cho tôi khi tôi ở trong tù.</p>
1:18a	<p>Nhưng có hề gì? Nhưng không hề gì.</p>

làm tôi đau khổ thêm: Đây không nói đến sự đau đớn về thể xác nhưng về sự đau đớn trong lòng. Các người truyền đạo này nghĩ rằng sự thành công của họ sẽ làm cho Phao-lô ghen tị với họ.

bị xiềng xích: Giống như trong 1:7, đây có nghĩa là “trong ngục” hay “trong tù”.

Lời giải nghĩa tổng quát về 1:15-17: Những câu này làm thành văn chương chữ thập (chiasmus), như đã giải thích ở lời giải thích giới thiệu của đoạn này. Nếu ngôn ngữ của bạn không dùng văn chương chữ thập (chiasmus), bạn có thể dùng theo cách sắp đặt tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn. Thí dụ:

^aMột số người giảng về Chúa Cứu Thế vì lòng ghen tị ^dHọ làm như vậy bởi vì tham vọng ích kỷ... ^bNhững người khác [giảng về Chúa Cứu Thế] với thiện ý. ^cHọ giảng bởi vì họ yêu mến tôi...

1:18a

Nhưng có hề gì?: Đây là câu hỏi tu từ hàm ý: “Không sao”. Phao-lô không ghen tị (như điều họ mong muốn) bởi vì một số con dân Chúa giảng Phúc Âm bởi vì họ ghen tị với ông. Thay vào đó, ông vui mừng vì họ đã giảng Phúc Âm.

Nếu ngôn ngữ của bạn có một câu hỏi tu từ mà bạn có thể hỏi được ở đây, hãy chắc chắn là có câu trả lời rõ ràng cho người đọc. Bạn có thể muốn thêm vào một câu trả lời rõ ràng, như là: “Không sao cả” nếu nói như vậy nghe có vẻ tự nhiên. Hoặc bạn có thể cần phải tránh dùng câu hỏi tu từ và chỉ để câu trả lời (hãy xem PKTCCN của 1:18a).

1:18b

hoặc giả bộ hay thành thật: Lý do mà người ta giảng Phúc Âm có thể đúng hay sai.

giả bộ: Đây có nghĩa là làm một việc gì với động cơ sai lầm, hay người ta dấu lý do thật mà họ làm việc họ đang làm. Đây nói đến những người được nhắc đến ở trong 1:15a và 1:17.

thành thật: Đây có nghĩa là động cơ thật hay lý do đúng để làm một việc gì. Đây nói đến những người được nhắc đến ở trong 1:15b và 1:16.

1:18c

Chúa Cứu Thế vẫn được rao truyền: Nói một cách khác: “Chúa Cứu Thế là Đấng người

ta rao giảng”, hay “Người ta đang giảng về Phúc Âm của Chúa Giê-su Cứu Thế”.

Lời giải nghĩa tổng quát về 1:18a-d: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải thay đổi thứ tự của các phần ở trong câu. Sau đây là hai thí dụ:

18a Nhưng điều những người ghen tị với tôi làm không quan trọng. **18c** Điều quan trọng là người ta giảng Phúc Âm về Chúa Cứu Thế **18b** dù họ có lý do đúng hay không. **18d** Và tôi rất vui mừng về điều đó.

-HAY-

18a Những người ghen tị với tôi đang làm việc này, nhưng tôi không bực mình.

18b Có thể người ta giảng dạy bởi vì họ muốn giúp đỡ tôi hay có thể họ giảng dạy bởi vì họ không muốn giúp đỡ tôi. Nhưng dù thế nào đi nữa **18d** tôi vui mừng **18c** bởi vì họ đang giảng Phúc Âm về Chúa Cứu Thế.

Tiểu Đoạn 1:18đ-26 Phao-lô vui mừng bởi vì ông nghĩ rằng việc đang xảy ra sẽ dẫn đến kết quả tốt, dù ông sống hay là chết

Phao-lô muốn tôn vinh Chúa Cứu Thế dù ông sống hay là chết. Ông đã biết rằng chết và ở với Chúa Cứu Thế là điều tốt hơn hết, nhưng ông cũng muốn ở với những người Phi-líp để giúp đỡ họ tăng trưởng trong đức tin. Ông nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ để cho ông tiếp tục sống và hầu việc Chúa với những người khác.

Đoạn văn 1:18đ-20

Phao-lô vui mừng bởi vì ông biết rằng kết quả của việc đang xảy ra cho ông sẽ là tốt, dù là ông tiếp tục sống hay chết.

1:18đ

Vàng, tôi sẽ tiếp tục vui mừng: Nhóm từ này nối tiếp với Tiểu Đoạn trước và Tiểu Đoạn sau. Phao-lô vui mừng, không chỉ bởi vì người ta giảng Phúc Âm, nhưng cũng bởi vì ông tin rằng cuộc xử án sẽ có kết quả tốt cho ông.

BDY bắt đầu 1:19 bằng cách dùng nhóm từ *Vàng, và tôi sẽ tiếp tục vui mừng*. Đây là một sự điều chỉnh số câu để cho người đọc

khỏi bị bối rối vì một đoạn mới bắt đầu ở giữa một câu.

1:19a

Vì tôi biết rằng: Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là: “Vì tôi biết rằng điều này (sẽ đem đến sự phóng thích cho tôi)”. Từ Hy-lạp *touto* được chuyển ngữ là *điều này* trong BDM và BDC, và “việc này” trong BDY. Có thể chuyển ngữ từ Hy-lạp *touto* theo hai cách:

- (1) Từ này muốn nói đến việc đang xảy ra cho Phao-lô vào lúc ông đang viết thư này, tức là, về sự kiện ông đang ở tù và đợi toà án xét xử.

1:18b Dù thế nào đi nữa, hoặc giả bộ hay thành thật,
Dù người ta làm việc đó vì lý do sai hay đúng,

1:18c Chúa Cứu Thế vẫn được rao truyền.
thì họ [vẫn] truyền giảng về Chúa Cứu Thế.
-HAY-
họ [vẫn] rao truyền [sứ điệp về] Chúa Cứu Thế.

1:18d Như thế thì tôi vui mừng.
Vì lý do đó tôi vui mừng.

Tiểu đoạn 1:18d-26 Sứ đồ Phao-lô vui mừng bởi vì ông nghĩ rằng việc đang xảy ra sẽ dẫn đến kết quả tốt, dù là ông sống hay chết

1:18d Vâng, tôi sẽ tiếp tục vui mừng.
¶Hơn nữa tôi sẽ tiếp tục vui mừng

1:19a (BDC) Vì tôi biết rằng nhờ anh chị em cầu-nguyện, và nhờ Thánh-Linh của Đức Chúa Jê-sus-Christ giúp-đỡ, vì tôi biết rằng bởi vì anh chị em cầu nguyện [cho tôi] và bởi vì [Đức Thánh] Linh của Chúa Cứu Thế Giê-su sẽ giúp đỡ tôi,

1:19b (BDC) thì điều này sẽ trở làm ích cho sự rỗi tôi
điều này sẽ có kết quả trong việc [Đức Chúa Trời] cứu tôi.

(2) Từ này muốn nói đến sự kiện người ta giảng về Chúa Cứu Thế.

Rất có thể Phao-lô có ý định truyền thông cả hai ý này trong khi ông viết thư. Có các học giả Kinh Thánh và văn mạch hỗ trợ cho cả hai ý.

(BDC) nhờ anh chị em cầu nguyện: Đây nói đến sự kiện những người Phi-líp cầu nguyện cho Phao-lô. Bạn cũng có thể chuyển ngữ như vậy:

bởi vì anh chị em xin Đức Chúa Trời giúp đỡ tôi

(BDC) nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Jê-sus-Christ giúp đỡ: Các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng *Đức Thánh Linh của Chúa Giê-su Cứu Thế* nói đến Đức Thánh Linh. Các thành ngữ tương tự được tìm thấy ở trong Công Vụ 16:9; La-mã 8:9 và 1 Phê-rơ 1:11. Bản dịch phải được chuyển ngữ một cách rõ rệt đủ để người đọc không nghĩ rằng Đức

Thánh Linh của Chúa Giê-su Cứu Thế là một Thánh Linh khác. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng câu này có nghĩa là: “Đức Thánh Linh mà Chúa Giê-su Cứu Thế ban cho”.

Một số học giả Kinh Thánh nối liền sự cầu nguyện của người Phi-líp với sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh. Thí dụ:

bởi vì anh chị em cầu nguyện cho tôi nên Đức Thánh Linh giúp đỡ tôi.

1:19b

(BDC) thì điều này: Từ Hy-lạp *touto* được dùng ở đây có nghĩa là “điều này”. Có lẽ Phao-lô đã suy nghĩ đến tình trạng toàn thể trong đầu. “Điều này” nói đến điều đang xảy ra cho Phao-lô đang khi ông viết thư này, tức là, sự kiện ông đang bị tù và đang chờ đợi toà án xét xử, và sự kiện người ta đang rao giảng về Chúa Cứu Thế. Vậy nên các bản dịch dùng một nhóm từ để diễn dịch điều này” muốn nói đến điều gì:

Điều đã xảy ra cho tôi sẽ trở làm ích cho sự rồi tôi.

sẽ trở làm ích cho: Thành ngữ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là “sẽ kết quả trong”.

sự rồi tôi: Từ Hy-lạp *sōtēria*, có thể chuyển ngữ là “phóng thích” (BDM) hay “cứu rồi (BDC)”. Có hai cách để giải thích *sōtēria* ở đây:

- (1) Nó có nghĩa là “sự cứu rồi”. Phao-lô nói rằng kết quả của việc đang xảy ra sẽ là Đức Chúa Trời cứu ông. Phao-lô sẽ kiên trì trong đức tin và sẽ được cứu khỏi tội lỗi, gian ác, sự tấn công của Sa-tan và sự chết cuối cùng về phần thuộc linh.
- (2) Nó có nghĩa là *phóng thích*. Phao-lô tự tin rằng các nhà cầm quyền sẽ thả ông ra khỏi tù. Vậy nên ông sẽ được phóng thích hay được trả lại tự do và sẽ không bị án tử hình (ít nhất là vào lúc đó).

Sự giải thích (1) có vẻ thích hợp hơn ở đây bởi vì ngữ cảnh của 1:20. Phao-lô quyết tâm tôn vinh Chúa Cứu Thế, dù là bằng cách ông sống hay cách ông chết. Hiển nhiên Phao-lô coi sự chết là một sự khả dĩ, và cách giải thích (2) có vẻ không cho phép điều này. Vì vậy, chúng tôi đề nghị bạn theo sự giải thích (1). Phao-lô tin tưởng rằng kết quả của việc xảy đến cho ông (bị ở tù và sắp bị đưa ra toà xét xử) sẽ là việc Đức Chúa Trời sẽ mang ông một cách an toàn qua sự sống hay sự chết để hoàn tất sự cứu rồi trong sự hiện diện của Chúa Giê-su.

Lời giải nghĩa tổng quát về 1:19b-c: Đối với một số ngôn ngữ có thể tốt hơn là đặt lại thứ tự 1:19 bằng cách đặt 1:19c trước 1:19b. Bạn có thể chuyển ngữ nó là:

^{19a}Tôi biết rằng ^{19c}điều này sẽ có kết quả là Đức Chúa Trời cứu rồi tôi ^{19b}bởi vì anh chị em đã cầu nguyện cho tôi và Đức Thánh Linh đến từ Chúa Cứu Thế Giê-su đã giúp đỡ tôi.

1:20a

(BDC) Tôi có lòng trông cậy chắc-chắn này: Có hai cách để giải thích theo bản Hy-lạp ở đây:

- (1) *đợi chờ* và *hy vọng* là hai ý niệm riêng biệt nhưng có quan hệ với nhau, như trong BCG. BDM dùng hai cụm từ này nhưng làm cho chúng trở thành một phần của câu 19.
- (2) *đợi chờ* và *hy vọng* là những phần của cùng một ý niệm, và các phần này bổ túc cho nhau. Bạn có thể chuyển ngữ là “tôi có lòng trông cậy chắc chắn...” (BDC, BDY).

Chúng tôi đề nghị sự giải thích (1) vì nó được các sách giải nghĩa và nhiều bản dịch hỗ trợ mạnh hơn.

lòng trông cậy chắc-chắn: Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là “ham muốn một cách sốt sắng”. Tuy nhiên, hầu hết các học giả đồng ý rằng ý nghĩa ở đây là “mong đợi một cách sốt sắng”.

(BDC) việc chi tôi cũng chẳng hổ thẹn cả: Từ Hy-lạp mà BDC chuyển ngữ là *hổ thẹn* có thể có một trong hai ý nghĩa sau đây:

- (1) “bị hổ thẹn, nhục nhã”. Phao-lô hy vọng là ông không làm điều gì để khiến ông bị nhục nhã. Ông muốn được Đức Chúa Trời chấp nhận. Đặc biệt là ông tin rằng ông sẽ tiếp tục làm Đức Chúa Trời đẹp lòng bằng cách tôn vinh Chúa Cứu Thế (BDM, BDY).
- (2) “cảm thấy hổ thẹn”. Phao-lô hy vọng rằng ông sẽ không bao giờ hổ thẹn về Chúa Cứu Thế và Phúc Âm. Ông mong đợi rằng ông sẽ tiếp tục can đảm trong việc tuyên bố Phúc Âm của Chúa Cứu Thế (BDC, BCG).

Chúng tôi đề nghị bạn theo sự giải thích (1). Phao-lô tin cậy rằng Đức Chúa Trời sẽ cho ông can đảm để tiếp tục làm điều đúng (hãy xem phần còn lại của 1:20). Trong cách này Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ ông khỏi bị nhục nhã.

1:20b

(BCG) Bây giờ cũng như mọi lúc:

(BDM) nhưng luôn luôn: Đây có nghĩa là Phao-lô đã hy vọng tiếp tục nói về Chúa Cứu Thế một cách can đảm như ông đã làm trong quá khứ. Nhóm từ này được chuyển ngữ là:

1:20a	<p>(BDC) Tôi có lòng trông-cậy chắc-chắn này, việc chi tôi cũng chẳng hổ thẹn cả, Tôi sốt sáng trông đợi và hy vọng rằng tôi sẽ không bị hổ thẹn về việc chi cả. -HAY- Tôi sốt sáng trông đợi và hy vọng rằng tôi sẽ không bao giờ phải bị hổ thẹn [về điều tôi làm].</p>
1:20b	<p>nhưng luôn luôn đầy can đảm, Tôi [muốn] nói [với nhà cầm quyền] mà không sợ hãi gì cả -HAY- Tôi muốn nói một cách can đảm</p>
1:20c	<p>đặc biệt là bây giờ, để Chúa Cứu Thế được tôn vinh trong thân thể tôi, để tôi sẽ tiếp tục tôn vinh Chúa Cứu Thế bằng cách tôi hành động như tôi vẫn hằng làm.</p>
1:20d	<p>dù sống hay chết. dù [đó là cách] tôi sống, hay [đó là cách] tôi chết.</p>

Trước đây tôi luôn luôn can đảm và bây giờ cũng giống như vậy.

(BDM) đầy can đảm: Đa số học giả Kinh Thánh đồng ý rằng *can đảm* mà Phao-lô quan tâm đó là ông sẽ can đảm bênh vực Chúa Cứu Thế trong phiên tòa xử. Có thể chuyển ngữ như sau:

Tôi sẽ nói cách can đảm.

1:20c

(BCG) Đức Ki-tô sẽ tỏ bày quyền uy cao cả của Người nơi thân xác tôi

(BDM) để Chúa Cứu Thế được tôn vinh trong thân thể tôi: Người ta sẽ khen ngợi và tôn vinh Chúa Cứu Thế bởi vì họ sẽ nhận thức Chúa Cứu Thế vĩ đại như thế nào.

(BDM) trong thân thể tôi: Nhóm từ này có nghĩa là “trong tất cả mọi điều tôi làm”. Phao-lô muốn Chúa Cứu Thế được tôn vinh dù ông sống hay chết. Đây là ý để chuyển ngữ nhóm từ *trong thân thể tôi*:

trong tất cả mọi điều tôi nói và làm

-HAY-

với cả con người tôi

1:20d

(BCG) dù tôi sống hay tôi chết: Qua nhóm từ này Phao-lô đã giải thích ông muốn nói điều gì khi ông dùng *trong thân thể tôi*. Ông đã bao gồm hai ý tưởng:

- Nếu tôi tiếp tục sống, tôi muốn tôn vinh Chúa Cứu Thế bằng cách tôi sống.
- Nếu tôi chết, tôi muốn tôn vinh Chúa Cứu Thế bằng cách tôi chết.

Lời giải nghĩa tổng quát về 1:20: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải sắp đặt lại thứ tự của các từ của 1:20. Làm như vậy có thể làm sáng tỏ điều Phao-lô muốn nói ở đây:

Tôi sốt sáng mong đợi và hy vọng rằng tôi sẽ đủ can đảm để tiếp tục tôn vinh Chúa Cứu Thế bằng cách tôi sống và cách tôi chết, như tôi vẫn thường làm, để tôi không bị hổ thẹn.

Đoạn Văn 1:21-26

Phao-lô rất muốn đi và ở với Chúa Cứu Thế, nhưng những tín hữu Phi-líp cần ông tiếp tục sống với họ hơn.

1:21a

Vi: Từ này giới thiệu lý do tại sao Phao-lô đã hy vọng rằng ông sẽ luôn luôn tôn vinh Chúa Cứu Thế. Phao-lô có thể cũng dùng từ này để cho thấy rằng ông đang tiếp tục viết về cùng một đề tài.

đối với tôi: Trong bản Hy-lạp đây là một đại từ được nhấn mạnh. Nó được đặt ở đầu câu để nhấn mạnh thêm. Bây giờ, Phao-lô chú trọng đến hoàn cảnh của cá nhân ông trong một cách hơi khác. Nếu ngôn ngữ của bạn có một đại từ hay thành ngữ dùng để nhấn mạnh thì bạn có thể dùng ở đây.

sống tức là Chúa Cứu Thế: Trong bản Hy-lạp đây là một lời tuyên bố ngắn và sống động. Đối với Phao-lô, mục đích sống của ông là để biết Chúa Cứu Thế, để yêu thương, phục vụ và tôn vinh Ngài.

Đối với một vài ngôn ngữ nhóm từ *đối với tôi sống tức là Chúa Cứu Thế* được chuyển ngữ từng từ một đã hàm ý một cách sai lầm rằng Phao-lô tuyên bố ông là Chúa Cứu Thế. Đối với một ngôn ngữ khác, nhóm từ này chẳng có nghĩa gì cả. Nếu bạn có nan đề này, có thể chuyển ngữ là:

[nếu] tôi tiếp tục sống đó sẽ là vẫn còn sống cho Chúa Cứu Thế,

-HAY-

[mục đích của] việc tôi sống đó là biết Chúa Cứu Thế.

1:21b

chết là ích lợi: Phao-lô muốn nói rằng đối với ông chết còn tốt hơn là tiếp tục sống bởi vì ông sẽ được ở với Chúa Cứu Thế. Tuy nhiên, nếu bạn chuyển ngữ nhóm từ *chết là ích lợi* từng từ một, những người đọc của bạn có thể không hiểu được điều này. Bạn có thể nói lại là:

chết là ích lợi hơn cho tôi.

Các cách chuyển ngữ khác nói rõ chi tiết là:

khi tôi chết, điều đó sẽ tốt hơn [cho tôi bởi vì tôi sẽ được ở với Chúa Cứu Thế]

-HAY-

khi tôi chết thì sẽ đem đến một việc còn tốt [hơn là sống trên đất]

1:22

Trong 1:22-24 Phao-lô thảo luận với chính ông về ích lợi của sự chết và sự sống. Ông đang diễn tả là ông yêu mến cả Chúa Cứu Thế và người Phi-líp một cách sâu xa như thế nào. Ông rất muốn được ở với Chúa Cứu Thế trên thiên đàng, thế nhưng ông cũng muốn ở với các tín hữu Phi-líp trên đất. Nhưng ông cũng biết rằng ông không thể cùng một lúc làm cả hai việc. Vậy nên thật là khó cho ông biết điều nào là điều tốt nhất.

1:22

Văn phạm Hy-lạp của câu 1:22 rất khó, có lẽ bởi vì Phao-lô đang nói một cách rất tình cảm. Câu này có cấu trúc “nếu...thì”, nhưng trong bản Hy-lạp không có “thì” nên không rõ là mệnh đề “nếu” chấm dứt ở đâu. Có hai trường hợp:

- (1) Mệnh đề “nếu” chỉ bao gồm các từ “nếu tôi còn sống trong thân xác”. Thí dụ: “Nếu tôi còn tiếp tục sống trong thân xác thì tôi sẽ làm công việc có kết quả. Tôi không biết nên chọn điều nào”. (BDM)
- (2) Mệnh đề “nếu” cũng bao gồm ý niệm làm việc có kết quả. Thí dụ: “Nếu tiếp tục sống là công việc đem lại kết quả cho tôi, thì tôi không biết nên chọn điều nào” (BDC, BCG)

Sự khác biệt về ý nghĩa giữa hai sự giải thích rất là nhỏ, nhưng chúng tôi đề nghị bạn nên theo sự giải thích đầu tiên.

1:22a

sống trong thân xác: Đây có nghĩa là còn sống. Phao-lô đang nói đến việc tiếp tục sống trên đất trong thân xác của ông. Bạn có thể chuyển ngữ là “sống trong thế gian này”.

làm công việc có kết quả: Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là “trái của công việc”

- 1:21a** **Vì đối với tôi, sống tức là Chúa Cứu Thế**
¶ Vì đối với tôi, tôi sống [chỉ để tôn vinh] Chúa Cứu Thế,
-HAY-
¶ [Đây là] bởi vì [về phần tôi, mục đích] sống của tôi là [để tôn vinh] Chúa Cứu Thế,
- 1:21b** **và chết là ích lợi.**
và khi tôi chết thì sẽ tốt hơn [là khi tôi còn sống trên đất]!
-HAY-
và nếu tôi chết, thì sẽ tốt hơn [là tôi tiếp tục sống]!
- 1:22a** **Nhưng nếu tôi còn sống trong thân xác thì tôi sẽ làm công việc có kết quả;**
Nhưng nếu tôi tiếp tục sống tôi có thể làm công việc có ích lợi [cho Chúa Cứu Thế].
-HAY-
Nhưng nếu tôi tiếp tục sống trong thế giới này, tôi sẽ có công việc ích lợi để làm.
- 1:22b** **tôi không biết nên chọn điều nào.**
tôi không biết tôi thích/muốn điều gì, [tức là, tiếp tục sống hay chết].
- 1:23a** **Tôi bị giằng co giữa hai đường:**
Tôi không chắc chắn là giữa hai điều đó tôi muốn điều nào.
-HAY-
Thật khó cho tôi lựa chọn giữa hai điều đó.

và nói đến công việc có kết quả ích lợi, công việc đóng góp xây dựng và có giá trị. Nói một cách khác: công việc có kết quả ích lợi. Phao-lô đang nghĩ về việc giúp đỡ cho nhiều người biết về Chúa Cứu Thế và giúp đỡ người Phi-líp và các người khác tiếp tục học biết về Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài nhiều hơn. Nhóm từ *làm công việc có kết quả* có thể chuyển ngữ là:

Tôi có thể tiếp tục làm công việc ích lợi mà tôi đang làm

-HAY-

Tôi sẽ có thể giúp đỡ nhiều người hơn

1:22b

nên chọn điều nào: Phao-lô không quyết định việc sẽ xảy đến cho mình. Chỉ có Đức Chúa Trời làm được việc này. Phao-lô cố gắng để quyết định chọn lựa điều nào tốt đẹp hơn cho Đức Chúa Trời. Phao-lô giải thích hai sự lựa chọn này ở trong 1:23-24.

1:23

Phao-lô không nghĩ về việc tự tử. Đức Chúa Trời sẽ quyết định về ông Phao-lô sẽ chết hay không. Ngay cả toà án La-mã cũng chỉ có thể lên án tử hình cho Phao-lô nếu Đức Chúa Trời cho phép. Nhưng ông có thì giờ suy nghĩ về việc chết khi ở trong tù, và ở đây ông bày tỏ cảm xúc sâu xa về việc ông yêu mến Chúa và muốn ở với Ngài như thế nào.

1:23a

Tôi bị giằng co giữa hai đường: Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là: “tôi bị ngăn trở bởi hai đường”. Đây có nghĩa là khó cho Phao-lô quyết định giữa hai sự chọn lựa. Một số ngôn ngữ có các thành ngữ có cùng một ý nghĩa, nhưng nếu bạn không có thành ngữ như vậy, tốt hơn nên nói:

khó cho tôi lựa chọn

-HAY-

tôi không biết điều nào là tốt hơn.

1:23b

Tôi muốn ra đi: Đây có nghĩa là “tôi muốn lìa bỏ thế giới này”, tức là chết. Phao-lô nghĩ rằng nếu ông có thể chết để ở với Chúa Giê-su thì thật tuyệt diệu. Có thể ngôn ngữ của bạn có những thành ngữ thích hợp như là: “tôi muốn từ bỏ cõi đời này”. Hoặc nói một cách đơn giản: “tôi muốn chết”. Tuy nhiên, phải chắc chắn rằng bản dịch của bạn không hàm ý rằng Phao-lô chán nản và không muốn sống nữa. Ông vui vẻ để tiếp tục sống và hầu việc Chúa Cứu Thế (như 1:24 cho thấy rõ). Nhưng ông sẽ vui mừng hơn để đi ở với Chúa Cứu Thế trên thiên đàng.

ở cùng Chúa Cứu Thế: Phao-lô muốn chết để có thể ở cùng Chúa Cứu Thế trên thiên đàng. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải tránh hàm ý là Chúa Cứu Thế không còn sống nữa. Nếu khi bạn cho người ta đọc thử bản dịch của bạn và người đọc nghĩ rằng Phao-lô muốn nói Chúa Cứu Thế đã chết, bạn có thể nói:

để tôi có thể đi và sống với Chúa Cứu Thế trên thiên đàng.

là điều tốt hơn: Nhóm từ nhấn mạnh điều Phao-lô nghĩ. Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi nói rõ *điều tốt hơn* là gì, thì có thể chuyển ngữ là “hơn là tiếp tục sống trên đất”. Nếu ngôn ngữ của bạn không có từ để so sánh như là “tốt hơn”, có lẽ bạn có thể chuyển ngữ là “điều nào là rất tốt”.

1:24

ở lại trong thân xác: Nói một cách khác: “tiếp tục sống”. Hãy xem cùng một nhóm từ này ở trong 1:22a.

cần thiết hơn: Mặc dù Phao-lô cho rằng tốt hơn là chết và ở với Chúa Cứu Thế, ông cũng ý thức rằng việc ông tiếp tục sống là quan trọng và cần yếu. Các tín hữu ở tại Phi-líp cần lời khuyên và sự khích lệ của Phao-lô.

cho anh chị em: Có thể chuyển ngữ nhóm từ này là “để tôi có thể giúp đỡ anh chị em”.

1:25a

Tin chắc như vậy: Phao-lô muốn nói là: “Vì tôi tin chắc điều này...” Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ *như vậy* muốn nói đến kết luận của Phao-lô ở trong 1:24. Nhóm từ này sẽ có nghĩa là “Vì tôi tin chắc rằng việc tôi tiếp tục sống là quan trọng hơn cho anh chị em”. Hãy xem PKTCCN của 1:25a.

1:25b

còn ở lại và sẽ ở cùng: Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *còn ở lại* và *sẽ ở cùng* ở đây đến từ cùng một từ Hy-lạp cơ bản. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ *tiếp tục* chỉ nhấn mạnh đến từ *còn lại*. Nhưng hai ý chính ở đây là Phao-lô mong đợi còn sống để có thể còn ở lại với các tín hữu. Vậy nên trong hầu hết các ngôn ngữ nhóm từ này được chuyển ngữ bằng cách dùng hai động từ riêng biệt. Sau đây là cách bạn có thể làm:

đời sống tôi chưa chấm dứt và tôi sẽ còn ở với anh chị em

-HAY-

tôi sẽ tiếp tục sống và sẽ có thể giúp đỡ anh chị em

1:25c

tăng trưởng và vui mừng trong đức tin: Đây có nghĩa là “[tôi sẽ ở lại với anh chị em] để đức tin và sự vui mừng trong đức tin của anh chị em sẽ được tăng trưởng.” Phao-lô tin rằng ông sẽ tiếp tục sống để giúp đỡ các tín hữu Phi-líp tin tưởng nhiều hơn và vui mừng hơn trong khi họ tin cậy nơi Chúa Cứu Thế. Có thể diễn tả một cách khác là:

[Tôi sẽ tiếp tục sống] để giúp đỡ anh chị em tin tưởng mạnh mẽ hơn và giúp đỡ anh chị em vui mừng vì cố anh chị em tin.

Cũng hãy xem PKTCCN của 1:25c.

tăng trưởng...trong đức tin: Ông muốn giúp các tín hữu Phi-líp tin tưởng và tin cậy một cách mạnh mẽ hơn trong Chúa Cứu Thế.

vui mừng trong đức tin: Đây có nghĩa là Phao-lô muốn họ có sự vui mừng đến từ việc tin cậy Chúa Cứu Thế.

- 1:23b** **Tôi muốn ra đi để ở cùng Chúa Cứu Thế là điều tốt hơn.**
 Tôi rất muốn chết để ở với Chúa Cứu Thế [trên thiên đàng], bởi vì như vậy thì tốt hơn là [sống trên đất].
 -HAY-
 Tôi muốn chết và sống với Chúa Cứu Thế [trên thiên đàng], bởi vì như vậy sẽ tốt hơn [là tiếp tục sống trên đất].
- 1:24** **Nhưng tôi cứ ở lại trong thân xác, ấy là điều cần thiết hơn cho anh chị em.**
 Nhưng điều quan trọng hơn là tôi tiếp tục sống bởi vì anh chị em cần tôi.
- 1:25a** **Tin chắc như vậy,**
 Vì vậy tôi tin chắc rằng tôi tiếp tục sống thì tốt hơn bởi vì anh chị em cần tôi,
- 1:25b** **tôi biết rằng tôi sẽ còn ở lại và sẽ ở cùng hết thủy anh chị em**
 tôi biết rằng tôi sẽ còn [sống] và sẽ vẫn còn [ở] với tất cả anh chị em.
 -HAY-
 Tôi chắc chắn là tôi sẽ tiếp tục [sống] và tôi sẽ [có thể] tiếp tục [chức vụ/công việc làm/sự dạy dỗ của tôi] giữa vòng anh chị em
- 1:25c** **để giúp anh chị em tăng trưởng và vui mừng trong đức tin.**
 để tôi có thể giúp đỡ anh chị em tin cậy [Đức Chúa Trời] hơn, và để anh chị em sẽ vui mừng bởi vì anh chị em tin cậy [nơi Ngài].
- 1:26** **Như vậy, anh chị em sẽ vô cùng hãnh diện về tôi trong Chúa Cứu Thế Giê-su khi tôi trở lại thăm anh chị em.**
 để khi tôi lại ở với anh chị em, anh chị em sẽ hãnh diện hơn nữa về Chúa Cứu Thế Giê-su vì có tôi.
 -HAY-
 [Mục đích của tôi là] anh chị em sẽ khen ngợi Chúa Cứu Thế Giê-su nhiều khi anh chị em thấy [Ngài lại đem] tôi về với anh chị em.

1:26

anh chị em sẽ vô cùng hãnh diện: Từ Hy-lạp *hãnh diện* ở trong BDM là *kauchēma*, có nghĩa là “lý do để hãnh diện”. Trong văn mạch này đây là sự hãnh diện tốt. Nói một cách khác: “anh chị em sẽ hãnh diện về Chúa Cứu Thế Giê-su”.

Đối với một ngôn ngữ khác có thể chuyển ngữ như một lời trích dẫn gián tiếp. Thí dụ:

anh chị em sẽ nói rằng Chúa Cứu Thế là rất tốt.

Đối với một ngôn ngữ khác chuyển ngữ câu này như một lời đối thoại trực tiếp. Thí dụ:

anh chị em sẽ nói: “Chúa Cứu Thế Giê-su là rất tốt”.

vô cùng: Nhóm từ này trong tiếng Hy-lạp có nghĩa “là gia tăng, dư dật hơn”.

về tôi: Từ Hy-lạp *en emoi* có thể hiểu theo hai cách:

- (1) Nó có nghĩa là “bởi vì tôi”; tức là, những người Phi-líp sẽ hãnh diện về Chúa Cứu Thế Giê-su bởi vì có Phao-lô. (BDC, BDY).
- (2) Nó có nghĩa là “về tôi”; tức là, những người Phi-líp sẽ hãnh diện về Phao-lô. (BDM, BCG).

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất.

Cụm từ này lập lại một phân ý nghĩa của nhóm từ “khi tôi trở lại thăm anh chị em”. Nếu ngôn ngữ của bạn gồm cả hai nhóm từ lại không được tự nhiên, bạn không cần phải gồm cả nhóm từ “về tôi”. Hãy xem PKTCCN của 1:26.

khi tôi trở lại thăm anh chị em: Khi Phao-lô sẽ trở lại thăm họ, sự viếng thăm của ông sẽ khiến cho họ hãnh diện về Chúa Cứu Thế hơn. So sánh với 1:27b.

Phân Đoạn 1:27-30 Sứ đồ Phao-lô khuyến khích những người Phi-líp sống như là những môn đệ thật của Chúa Cứu Thế

Phao-lô khuyến khích các người Phi-líp hành động như là con dân Chúa, đồng ý với nhau và can đảm nói về Chúa Cứu Thế. Vì họ sống ở giữa nhiều người không ưa thích Phúc Âm, họ nên chuẩn bị để bênh vực đức tin của mình và cũng chuẩn bị để chịu bắt bớ vì họ tin cậy nơi Chúa Cứu Thế.

Đoạn văn 1:27-30

1:27a

Chỉ có điều: Đây có thể chuyển ngữ là “bất kể việc gì xảy ra”, hay “dù việc gì xảy ra”, hay “chắc chắn rằng”.

phải sống xứng đáng với Phúc Âm của Chúa Cứu Thế: Phao-lô nói rằng ông muốn những người Phi-líp hành xử một cách thích hợp hay theo đúng Phúc Âm. Cách hành xử của họ phải phù hợp với điều họ tin.

phải sống: Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là “sống” là một động từ mà chuyển ngữ sát nghĩa là “sống như một công dân”. Ở đây động từ này có nghĩa là “hành xử/hành động.” Một số học giả Kinh Thánh nói nó hàm ý là sống hay hành xử như là một công dân của thiên đàng hay của Nước Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, bạn không nên để vào trong bản dịch của bạn.

xứng đáng với Phúc Âm: Có thể chuyển ngữ là:

[hành động/hành xử] giống như điều anh chị em nên làm bởi vì anh chị em tin Phúc Âm

-HAY-

[hành động/hành xử] giống như những người tin nơi Phúc Âm của Chúa Cứu Thế nên hành xử.

Phúc Âm của Chúa Cứu Thế: Ý nghĩa của Phúc Âm của Chúa Cứu Thế ở đây có thể là:

(1) Nó có thể có nghĩa là “Phúc Âm về Chúa Cứu Thế”

(2) Nó có thể có nghĩa là “Phúc Âm từ Chúa Cứu Thế”, “Phúc Âm mà Chúa Cứu Thế đã cho chúng ta.”

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo ý nghĩa đầu tiên. Các bản tiếng Việt chuyển ngữ theo từ Hy-lạp “của”.

1:27b

để: Từ Hy-lạp *hina* chuyển ngữ là *để* trong BDM có nghĩa là “để khi”, hay “vậy nên”. Vậy nên mệnh đề sau đây cho thấy mục đích của những lời chỉ dẫn của Phao-lô trong 1:27a. Có thể bắt đầu một câu mới ở đây. Thí dụ:

Tôi muốn anh chị em làm điều này để...

Từ “này” trong câu chuyển ngữ ở trên muốn nói đến 1:27a.

(BCG) dù tôi có đến thăm anh em hay vắng mặt đi nữa...tôi vẫn muốn nghe: Mệnh đề này trong bản Hy-lạp rất khó hiểu. Có thể hiểu theo hai cách chính:

(1) Nó có nghĩa là “dù tôi đến và thăm anh chị em hay vắng mặt tôi nghe về anh chị em”. Trong cách giải thích này nhóm từ *chỉ nghe về anh chị em* chỉ đi với phần thứ nhì của mệnh đề: *trong sự vắng mặt của tôi*.

(2) Nó có nghĩa là “dù tôi đến thăm anh chị em, hay là vắng mặt, tôi sẽ/có thể nghe rằng...” Trong sự giải thích này nhóm từ *chỉ nghe về anh chị em* đi với cả hai nhóm từ *tôi đến và thăm anh chị em* và *trong sự vắng mặt của tôi* (BDM, BDC, BCG, BDY).

Phân Đoạn 1:27-30 Sứ đồ Phao-lô khuyến khích những người Phi-líp sống như là những môn đệ thật của Chúa Cứu Thế

- 1:27a** Chỉ có điều anh chị em phải sống xứng đáng với Phúc Âm của Chúa Cứu Thế
¶ Điều thật quan trọng là anh chị em phải hành động như thế nào cho xứng đáng là [người tin] Phúc Âm của Chúa Cứu Thế.
- 1:27b** để khi tôi đến thăm anh chị em, hoặc vắng mặt, nhưng nghe về anh chị em (BCG) Như thế, dù tôi có đến thăm anh em hay vắng mặt đi nữa, tôi vẫn muốn nghe người ta nói
[Hãy làm như vậy], dù tôi đến gặp anh chị em hay là tôi chỉ nghe nói về anh chị em trong khi tôi ở xa anh chị em,
- 1:27c** rằng anh chị em vẫn đứng vững, đồng tâm, đồng một lòng (BCG) về anh em là anh em luôn đứng vững, cùng chung một tinh thần, một lòng một dạ cùng nhau chiến đấu
tôi sẽ biết là anh chị em đứng vững, đồng lòng tranh đấu [với những người chống đối anh chị em].
-HAY-
tôi sẽ biết là anh chị em hiệp một với nhau, và đồng lòng tranh đấu.
- 1:27d** cùng tranh đấu cho đức tin của Phúc Âm.
để bênh vực điều mà tin tức tốt lành [về Chúa Cứu Thế] dạy.
-HAY-
để quảng bá điều Phúc Âm dạy [chúng ta].

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo sự giải thích (1). Phao-lô muốn gặp lại những người Phi-líp, nhưng dù ngay cả nếu ông chỉ nghe tin tức về họ, ông muốn họ hiệp nhất trong sự tin tưởng Phúc Âm.

1:27c

đứng vững: Phao-lô muốn những người Phi-líp vững mạnh trong đức tin và không để những người khác làm họ đổi ý về tin cậy Chúa Cứu Thế.

đồng tâm...đồng một lòng: Hai cụm từ này không nói đến hai việc khác nhau trong văn mạch này. Cả hai cụm từ đều dùng để nhấn mạnh sự hiệp nhất. Việc truyền thông ý nghĩa hiệp nhất này rất quan trọng trong khi bạn chuyển ngữ. Các cụm từ khác có thể dùng được là: “cùng có một mục đích

chung”, hay “với một tấm lòng”, hay “không chia rẽ”.

1:27d

cùng tranh đấu: Trong bản Hy-lạp ở đây nói đến việc cùng nhau tranh đấu chống lại một kẻ thù chung. Hãy cẩn thận để trong bản dịch của bạn nhóm từ *tranh đấu* không hàm ý là các tín hữu đánh nhau. Phao-lô không nói rõ các tín hữu Phi-líp phải đối đầu với ai. Đừng cố gắng nói rõ những kẻ thù này là ai ngoại trừ cần phải làm như vậy đối với ngôn ngữ của bạn. Nếu bạn phải nói một cái gì, bạn nên dùng một thành ngữ tổng quát, thí dụ: “chống lại những người chống đối Phúc Âm”.

Phao-lô không nói rằng ông muốn nghe nói là người Phi-líp đánh người khác về phần thể

xác cho Phúc Âm, nên tránh nói như là đánh đấm hay bắn một người nào. Ở đây ông nói về việc nói một cách mạnh mẽ hay đầy tình cảm với một người khác, hay hành động mạnh nhưng không đánh đấm bằng tay chân. Hãy xem lời giải nghĩa của 4:3b.

cho đức tin của Phúc Âm: Phao-lô thúc giục các tín hữu Phi-líp hăng say bên vực và công bố đức tin mà tin tức tốt lành đã mang đến cho họ. Họ tranh chiến để duy trì và giữ gìn đức tin đó.

1:28a

Không việc gì phải sợ những kẻ thù nghịch: Có thể chuyển ngữ nhóm từ này như một mạng lệnh thì tốt hơn. Thí dụ:

Đừng để kẻ thù dùng bất cứ cách nào làm cho anh chị em sợ hãi

-HAY-

Đừng [để kẻ thù làm cho] anh chị em sợ hãi một chút nào hết.

những kẻ thù nghịch: Đây là những kẻ thù của Phúc Âm, những người chống đối Phúc Âm. Có thể chuyển ngữ là:

những người bắt bớ anh chị em

-HAY-

những người khiến cho anh chị em gặp rắc rối

Các kẻ thù ở trong 1:27-28 có thể là những người tín hữu Do Thái được nói đến ở trong 3:2, hoặc họ có thể là những người chưa tin Chúa đang bắt bớ các con dân Chúa Phi-líp.

1:28b

đây là dấu hiệu: Nói một cách khác: “Điều này sẽ chứng tỏ cho kẻ thù của anh chị em”. Từ *đây* nói ngược trở lại về nhóm từ “không việc gì phải sợ” ở trong 1:28a. Họ không sợ hãi để trung tín với Đức Chúa Trời, mặc dù họ chịu khổ. Sự không sợ hãi này cho thấy rằng Đức Chúa Trời đã điều khiển đời sống của họ và vì vậy những kẻ chống đối lại với các tín hữu là chống đối Đức Chúa Trời.

họ sẽ bị hủy diệt: Đây hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt họ đời đời nếu họ không ăn năn và trở lại với Đức Chúa Trời. *Hủy diệt* nói đến sự hủy diệt về phần thuộc

linh. Nó có nghĩa là họ sẽ không được sống đời đời với Đức Chúa Trời.

anh chị em sẽ được rồi: Đây hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho những người Phi-líp sự sống vĩnh phúc.

Có thể ngôn ngữ của bạn đối ngược thứ tự của hai mệnh đề cuối này nghe tự nhiên hơn. Thí dụ:

Đức Chúa Trời sẽ cứu anh chị em, nhưng Ngài sẽ hủy diệt chúng.

1:28c

và điều này đến từ Đức Chúa Trời: Các học giả giải thích nhóm từ này trong hai cách chính:

- (1) Đức Chúa Trời là Đấng khiến cho tất cả mọi điều này xảy ra. Từ *này (touto)* có thể nói đến tất cả mọi việc ở trong 1:28 một cách tổng quát, sự can đảm của họ, và điều mà sự can đảm này chứng tỏ. Đức Chúa Trời đã khiến cho họ không sợ hãi và đây là bằng cứ cho những kẻ thù rằng Ngài sẽ hủy diệt chúng và cứu các tín hữu (BDM).
- (2) Đức Chúa Trời là Đấng ban dấu hiệu. Từ Hy-lạp *touto* đặc biệt nói đến từ “dấu hiệu” (BDC, BCG).

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1).

1:29

Vì: Từ *vì* nối liền 1:29 với điều Phao-lô đã nói trong 1:27-28. Nó nói đến lý do của điều Phao-lô vừa mới nói ở đó.

(BDM) Vì nhờ Chúa Cứu Thế anh chị em đã được ban ân sủng: Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là “nhờ” hay “vì nhờ” có nghĩa là “vì”/ Đây cũng là cùng một từ được BDM chuyển ngữ là “vì” ở cuối câu “...cũng chịu khổ vì Ngài nữa.” Nhiều sách giải kinh cho là nó quan hệ đến “chịu khổ” vậy nên cả hai lần nói đến “vì Chúa Cứu Thế” quan hệ đến “chịu khổ”. Đây là cách giải thích mà CDN đã dùng. Một cách giải thích khác là: “anh chị em đã được ban cho”. Thí dụ: “Điều này đã được ban cho anh chị em vì cố Chúa Cứu Thế: tin nơi Ngài và chịu khổ vì Ngài”. (BDM, BDC, BCG)

1:28a	Không việc gì phải sợ những kẻ thù nghịch, Đừng để những người chống đối làm cho anh chị em sợ.
1:28b	đây là dấu hiệu chứng tỏ họ sẽ bị hủy diệt, còn anh chị em sẽ được cứu rỗi Hành động như vậy anh chị em sẽ bày tỏ cho họ thấy rằng [Đức Chúa Trời] sẽ hủy diệt chúng và [Ngài] sẽ cứu anh chị em.
1:28c	và điều này đến từ Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời điều khiển [tất cả] những điều này. <i>-HAY-</i> Đức Chúa Trời khiến cho [tất cả] mọi việc này xảy ra.
1:29	(BDM) Vì nhờ Chúa Cứu Thế anh chị em đã được ban ân sủng không những để tin Ngài mà thôi nhưng cũng chịu khổ vì Ngài nữa. (BDY) Vì anh em chẳng những tin Chúa Cứu Thế nhưng còn được vinh dự chịu gian khổ vì Ngài nữa. Vì anh chị em [được Đức Chúa Trời] ban ân sủng để có thể tin Chúa Cứu Thế, anh chị em [cũng] được có vinh dự chịu khổ vì cố Ngài.
1:30a	Anh chị em đang dự một trận chiến như anh chị em đã thấy nơi tôi [Kết quả là] anh chị em [phải] chiến đấu chống lại [với những người chống đối tin tức tốt lành] giống như anh chị em thấy tôi [đã phải] chiến đấu chống lại [những người như vậy ở tại Phi-líp]
1:30b	và bây giờ cũng nghe tôi vẫn còn chiến đấu. và như anh chị em bây giờ nghe nói tôi [vẫn còn] chiến đấu [chống lại những người như vậy].

(BDM) không những để tin Ngài mà thôi:
Đây đồng nghĩa với “tin tưởng nơi Ngài” hay “đặt lòng tin cậy nơi Ngài”.

(BDM) nhưng cũng chịu khổ vì Ngài nữa:
Các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng nhóm từ cho thấy rằng Đức Chúa Trời đã ban một điều đặc biệt hay một đặc ân. Đức Chúa Trời đã nhân từ đối với họ khi cho phép họ tin cậy Chúa Cứu Thế và chịu khổ vì Ngài.

chịu khổ vì Ngài: Nhóm từ *chịu khổ vì Ngài* có nghĩa là người ta bắt bớ người tin nơi Chúa Cứu Thế. Đó là chịu khổ vì cố Chúa Cứu Thế. Có nghĩa là kinh nghiệm sự đau đớn (về phần thể xác hay tình cảm) vì cố Chúa Cứu Thế.

Có thể thay thế cả câu 1:29 như sau:

Đức Chúa Trời không những chỉ khiến cho anh chị em tin tưởng nhưng cũng

còn ban cho anh chị em đặc ân chịu khổ vì Chúa Cứu Thế.

1:30a-b

một trận chiến như anh chị em đã thấy nơi tôi: Các tín hữu Phi-líp bị bắt bớ vì cố đức tin của họ cũng giống như Phao-lô đã bị bắt bớ trong khi ông ở với họ. Hãy xem Công vụ Chương 16.

một trận chiến: Từ Hy-lạp *agōn* “xung đột, chiến đấu”. Đây bao gồm cả ý tưởng chịu khổ.

anh chị em đã thấy nơi tôi: Người Phi-líp thấy Phao-lô chịu khổ vì cố Chúa Cứu Thế ở tại Phi-líp.

nghe tôi vẫn còn chiến đấu: Phao-lô muốn nói đến sự đau khổ mà ông đang kinh nghiệm trong khi ở tù tại thành Rô-ma. Những người Phi-líp nghe về điều này từ

ông Ê-ba-phô-đi, là người mang thư này đến cho họ. Trong cả hai thành phố Phi-líp và Rô-ma, Phao-lô rao giảng Phúc Âm về Chúa

Giê-su, mặc dù đó là lý do mà ông bị ở tù trong cả hai thành phố trên.

Tiểu Đoạn 2:1-11 Sứ đồ Phao-lô bảo các tín hữu phải hiệp nhất và khiêm nhường như Chúa Giê-su

Trong 2:1-11, sứ đồ Phao-lô đã kêu gọi các tín hữu tại thành Phi-líp hãy khiêm nhường và hiệp nhất. Phao-lô trình bày Chúa Giê-su như là một gương tối cao về một người hạ mình xuống để vâng lời Đức Chúa Trời. Các câu này cũng cho biết Đức Chúa Trời đã tôn cao Chúa Giê-su lên làm Chúa của vạn vật.

Liên từ *oun* trong tiếng Hy-lạp “vì vậy” ở trong 2:1 cho thấy rằng phần thứ nhất của chương hai là kết luận của điều mà Phao-lô thảo luận ở cuối của chương 1. Tức là, các con dân Chúa phải sống xứng đáng với Phúc Âm, cùng chiến đấu để trung tín với Chúa Cứu Thế, vì vậy họ nên làm cho Phao-lô vui mừng bằng cách đồng ý với nhau.

Đoạn văn 2:1-4

Vì Chúa Cứu Thế đã cho những người ở tại thành Phi-líp thấy Ngài yêu mến họ nhiều như thế nào, họ nên yêu mến nhau, đồng ý với nhau và khiêm nhường.

2:1-4 là một câu dài ở trong bản Hy-lạp. Có thể trong khi chuyển ngữ bạn cần phải chia câu này ra làm mấy câu ngắn hơn.

2:1

Trong bản Hy-lạp câu 2:1 không có động từ. Phao-lô dùng bốn nhóm từ có chữ “nếu” để nhấn mạnh đến điều ông xin họ làm ở trong 2:2a: “khiến cho sự vui mừng của tôi được trọn vẹn” (bằng cách đồng ý với nhau).

Phao-lô dùng từ Hy-lạp *ei* bốn lần ở trong câu 2:1. Từ này có nghĩa là “nếu”. Nhưng trong văn mạch này Phao-lô không diễn tả sự nghi ngờ về các điều này có thật hay không. Ông giả định rằng điều này có thật. Từ *nếu* có thể chuyển ngữ là “vì” ở trong câu này. Thí dụ:

Vì Chúa Cứu Thế khuyến khích anh chị em, và vì [Chúa Cứu Thế] an ủi anh chị em bằng cách cho thấy là Ngài yêu mến anh chị em, và vì [Đức Thánh] Linh giúp đỡ anh chị em có sự quan hệ [với chính Ngài và với nhau], và vì anh chị em lo lắng và thông cảm với [nhau], ...

Đối với ngôn ngữ của bạn có thể có một cách để kêu gọi người ta làm điều gì một cách

mạnh mẽ. Nếu có một thành ngữ thích hợp với điều Phao-lô đang nói ở đây trong 2:1, hãy dùng thành ngữ ấy. Nhưng hãy nhớ rằng lời yêu cầu của Phao-lô có bốn phần, vậy nên bạn sẽ cần dùng một lời yêu cầu mạnh mẽ đối với ngôn ngữ của bạn bốn lần.

Phao-lô muốn bốn nhóm từ này có một hiệu quả mạnh về tình cảm. Mục đích chính của Phao-lô là khích động các người đọc làm theo điều Phao-lô nói ở trong 2:2-4. Hãy tìm cách đối với ngôn ngữ của bạn để diễn tả lời kêu gọi đầy tình cảm và cảm xúc mạnh mẽ mà Phao-lô bày tỏ ở đây. Phao-lô dùng các câu này để giải thích ý nghĩa chính sẽ gây nên những cảm xúc mà ông mong muốn, cố gắng dùng để mất sức mạnh của những cảm xúc này. Có thể dùng câu hỏi tu từ. Thí dụ:

Việc anh chị em thuộc về Chúa Cứu Thế có khuyến khích anh chị em không? [Dĩ nhiên là có!]

Hãy xem PKTCCN của 2:1a. Nếu bạn dùng các câu hỏi tu từ, bạn sẽ cần phải dùng chúng trong mỗi phần của câu này. Hãy xem CDN thứ nhì ở trong PKTCCN của các câu 2:1a, 2:1b, 2:1c, và 2:1d.

Một cách khác để chuyển ngữ 2:1 là dùng các câu tuyên bố ngắn:

Anh chị em được hiệp nhất với Chúa Cứu Thế và điều này khích lệ anh chị em. Chúa Cứu Thế yêu mến anh chị em và điều này an ủi anh chị em. Anh chị em có

Tiểu đoạn 2:1-11 Sứ đồ Phao-lô bảo các tín hữu phải hiệp nhất và khiêm nhường như Chúa Giê-su

- 2:1a** **Vậy, nếu anh chị em có điều khuyến khích nào trong Chúa Cứu Thế,**
¶ Vi/Nếu anh chị em được khuyến khích bởi vì anh chị em thuộc về Chúa Cứu Thế,
-HAY-
¶ Anh chị em thuộc về Chúa Cứu Thế điều này có khích lệ anh chị em không?
[Dĩ nhiên là có!]
-HAY-
¶ Anh chị em hiệp nhất với Chúa Cứu Thế và Ngài/điều này khích lệ anh chị em.
- 2:1b** **có điều an ủi nào từ tình yêu thương,**
vi/nếu [anh chị em] được an ủi bởi tình yêu thương [của Chúa Cứu Thế] [cho anh chị em],
-HAY-
[Anh chị em] có được an ủi [khi biết] rằng [Chúa] yêu mến [anh chị em không? Có!]
-HAY-
[Chúa Cứu Thế] yêu mến [anh chị em] và điều này an ủi anh chị em.

sự tương giao với Đức Thánh Linh, có sự dịu dàng và thương xót.

Nếu bạn chuyển ngữ theo kiểu này, bạn sẽ cần phải bắt đầu 2:2 với một nhóm từ để nối liền nó với tất cả các lời nói ở trong 2:1. Thí dụ:

[Vi/Nếu tất cả những điều này là thật,] hãy khiến cho sự vui mừng của tôi được trọn vẹn...

2:1a

anh chị em có: Mặc dù trong BDM dùng cụm từ *anh chị em có*, trong bản Hy-lạp không có cụm từ đó chuyển ngữ sát nghĩa sẽ là “Nếu [có] sự khuyến khích nào trong Chúa Cứu Thế...” Đây là lý do tại sao trong PKTCCN dùng “ngôi thứ hai số nhiều”.

điều khuyến khích: Danh từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *điều khuyến khích* đến từ một động từ có nghĩa là “an ủi, khích lệ, làm cho vui lên”. Không có thể chuyển ngữ *sự khuyến khích* như là một danh từ ra mọi ngôn ngữ. Nếu bạn cần chuyển ngữ nó với một động từ, bạn có thể nói:

nếu anh chị em được khuyến khích/an ủi bởi vì anh chị em hiệp nhất với Chúa Cứu Thế

-HAY-

nếu sự hiệp nhất với Chúa Cứu Thế khuyến khích/an ủi anh chị em

trong Chúa Cứu Thế: Những người kết hợp với Chúa Cứu Thế là qua sự tin cậy. Những người thuộc về Ngài được *hiệp làm một với Chúa Cứu Thế*. Họ thuộc về Ngài và để Ngài điều khiển đời sống của họ.

2:1b

điều an ủi nào từ tình yêu thương: Các học giả Kinh Thánh không đồng ý về ý nghĩa của cấu trúc văn phạm dùng ở đây. Có thể có bốn cách giải thích:

- (1) Chúa Cứu Thế yêu mến người Phi-líp,
- (2) Phao-lô yêu mến người Phi-líp,
- (3) Người Phi-líp yêu mến Phao-lô,
- (4) Người Phi-líp yêu mến lẫn nhau.

Vì không biết ý nghĩa chính xác, nên có thể chuyển ngữ một cách tổng quát. Tuy nhiên, nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi dùng một chủ

từ và túc từ cho *tình yêu*, chúng tôi đề nghị bạn cũng theo sự lựa chọn (1). Các tín hữu không phải lo lắng ngay cả trong thời buổi khó khăn bởi vì họ biết rằng Chúa Cứu Thế yêu mến họ.

2:1c

sự thông công nào với Thánh Linh: Có thể có hai ý tưởng ở đây:

- (1) quan hệ mà các con dân Chúa có với Đức Thánh Linh (BDM, BDC, BCG),
- (2) sự quan hệ mà Đức Thánh Linh giúp đỡ các con dân Chúa có với nhau (BDY).

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

sự thông công: Từ Hy-lạp *koinōnia* ở đây có nghĩa là “chia sẻ, dự phần, có một phần [trong một việc gì đó]”. Từ Hy-lạp này có nhiều phần trong ý nghĩa của nó. Thí dụ: người ta chia sẻ với nhau, hay cùng làm một việc với nhau, hay liên kết với người khác bằng một cách nào đó. Ý nghĩa của câu này hàm ý rằng vì các con dân Chúa có cùng một Đức Thánh Linh, họ nên có cùng một mục đích và mục tiêu.

với Thánh Linh: Trong bản Hy-lạp ở đây dường như muốn nói đến Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Nhóm từ *với Thánh Linh* có thể chuyển ngữ là “với Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời”.

2:1d

lòng dịu dàng và thương xót: Hai nhóm từ này muốn nói đến hai cảm xúc khác nhau hay là cùng diễn tả một tình cảm. Tình cảm có thể là “sự thương xót dịu dàng”. Hầu hết các sách giải thích Kinh Thánh giải thích hai từ này như hai tư tưởng khác nhau nhưng quan hệ với nhau. Các học giả hiểu nhóm từ *sự dịu dàng và thương xót* được dùng để diễn tả:

- (1) cách Chúa Cứu Thế nghĩ về người Phi-líp,
- (2) cách người Phi-líp suy nghĩ về nhau.

Nếu bạn cần phải chuyển ngữ *sự dịu dàng và thương xót* như là động từ, có lẽ bạn cần phải có một chủ từ. Sự giải thích (1) có vẻ là điều

Phao-lô muốn nói, và chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách đó. Chúa Cứu Thế đã yêu mến những người Phi-líp và thương xót họ. Chúa bày tỏ điều này khi Ngài chết trên thập tự để cứu họ.

lòng dịu dàng: Cùng một từ này được dùng ở trong 1:8. Từ Hy-lạp này có nghĩa là “tình cảm”, “cảm xúc trong lòng”, “trung tâm tình cảm của một người”. Trong câu này từ này có nghĩa là dịu dàng đối với người khác, tử tế và nhẹ nhàng đối với họ.

2:2

Trong 2:1 Phao-lô tuyên bố những sự thật về việc Đức Chúa Trời đã ban phước cho những người Phi-líp như thế nào. Ở đây trong 2:2, ông tuyên bố rằng ông muốn người Phi-líp làm theo những điều ở trong 2:1. Trong 2:2a, Phao-lô bảo những người Phi-líp điều họ phải làm và trong phần còn lại của câu nói về cách họ phải làm.

Hãy nhớ rằng, nếu bạn ngắt câu 2:1 ra làm nhiều câu nhỏ, bạn có thể cần phải kèm theo một nhóm từ giới thiệu như là “Vì tất cả những điều này là thật...” để nối liền câu 2:2 với câu 2:1 một cách đúng.

Một số bản dịch dùng một nhóm từ như “tôi thúc giục anh chị em” ở đầu câu 2:2 để bày tỏ một chút sức mạnh về tình cảm cho lời kêu gọi của Phao-lô.

2:2a

hiệp ý với nhau: Nhóm từ Phao-lô dùng chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp là: “suy nghĩ về cùng một điều”. Phao-lô muốn người Phi-líp đồng ý với nhau, cùng làm việc với nhau để hoàn tất mục đích chung, hợp tác với nhau. Điều Phao-lô nói ở trong những nhóm từ sau (2:2b-4) cho thấy rõ ràng ông muốn nói gì khi dùng nhóm từ *hiệp ý với nhau*.

cùng một tình yêu thương: Có vẻ như đây hàm ý rằng Phao-lô muốn họ yêu mến lẫn nhau giống như là Chúa Cứu Thế đã yêu mến họ vậy (2:1b).

2:1c	có sự thông công nào với Thánh Linh, vì/nếu [anh chị em] được có sự tương giao với Đức Thánh Linh, -HAY- [Anh chị em] có cùng chia sẻ với Đức Thánh Linh không? [Có, dĩ nhiên là có!]
2:1d	có lòng dịu dàng và thương xót nào, và vì/nếu [Chúa Cứu Thế] có lòng dịu dàng và thương xót [đến anh chị em], -HAY- Có phải [Chúa Cứu Thế] nhân từ và đầy lòng thương xót [với anh chị em không? Dĩ nhiên là có!] -HAY- [Chúa Cứu Thế] đã nhân từ [với anh chị em] và bày tỏ lòng thương xót với [anh chị em].
2:2a	xin anh chị em hãy hiệp ý với nhau, cùng một tình yêu thương, [Vì vậy] tôi xin anh chị em đồng ý với nhau, yêu mến nhau đồng đều,
2:2b	đồng tâm, nhất trí hiệp một lòng và một trí, -HAY- suy nghĩ theo cùng một cách và nhắm vào cùng một mục tiêu,
2:2c	để tôi được vui mừng trọn vẹn. để anh chị em làm cho tôi thật vui mừng.

2:2b

đồng tâm: Cụm từ *đồng tâm* có nghĩa là “cùng một thái độ, cùng đồng ý về điều họ suy nghĩ và hy vọng”.

nhất trí: Chuyển ngữ từng từ một có nghĩa là “suy nghĩ về một điều”. Nó có cùng nghĩa với “đồng tâm”.

2:2c

để tôi được vui mừng trọn vẹn: Phao-lô đã vui mừng, nhưng ông muốn nói là ông sẽ vui mừng hơn hay vui mừng trọn vẹn nếu những người Phi-líp làm theo điều ông căn dặn họ trong 2:2a-2b. Một số bản dịch làm cho điều này rõ ràng hơn bằng cách nói “khiến tôi càng vui mừng hơn”.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2b-d: Một cách để phối hợp các phần của câu này là:

Hãy đồng lòng trong cách anh chị em suy nghĩ và cách anh chị em yêu mến nhau.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:2: BCG theo thứ tự trong bản Hy-lạp:

thì xin anh em hãy làm cho niềm vui của tôi được trọn vẹn, là hãy có cùng một cảm nghĩ, cùng một lòng mến, cùng một tâm hồn, cùng một ý hướng như nhau.

BDM, BDC, và BDY để mệnh đề *để tôi được vui mừng trọn vẹn* vào cuối câu cho thích hợp với tiếng Việt. Hãy dùng thứ tự nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

2:3a

tham vọng ích kỷ: Nhóm từ này đến từ cùng một từ Hy-lạp được dùng trong 1:17a. Hãy xem lời chú thích ở đó. Bạn có thể cần phải chuyển ngữ nhóm từ này với một động từ, thí dụ: “đừng cố gắng làm cho chính mình quan trọng hơn những người khác”.

hoặc hư vinh: Một người *hư vinh* là người kiêu hãnh và huênh hoang. Có nghĩa là một người tự khen mình hay luôn luôn nghĩ rằng ý tưởng của mình là tốt nhất.

2:3b

khiêm tốn: Đây trái ngược lại với “tham vọng ích kỷ” và “hư vinh” ở trong 2:3a. Tư tưởng *khiêm tốn* có thể chuyển ngữ là:

hành động như anh chị em là không quan trọng

-HAY-

đâu phục người khác

coi người khác hơn mình: Một con dân Chúa không nên nghĩ mình quan trọng hơn những người khác, như một số người Phi-líp có lẽ đang làm. Mỗi con dân Chúa nên coi người khác quan trọng hơn chính mình. Đây là một cách khác để nói “hãy khiêm nhường”. Có thể nói một cách khác là:

Tôn trọng người khác hơn là tôn trọng chính anh chị em.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:3: Đối với một số ngôn ngữ để mệnh lệnh tích cực lên trước thì dễ dàng hơn. Bạn có thể chuyển ngữ là:

Hãy làm mọi sự một cách khiêm nhường và quan tâm tới người khác hơn là cho chính anh chị em. Đừng có tham vọng cho chính mình hay cố gắng để làm cho anh chị em nổi bật.

2:4a-b

chớ tìm lợi riêng cho mình nhưng hãy chú trọng đến lợi ích của người khác nữa: Chuyển ngữ từng từ một là “Không chỉ tìm kiếm [các việc] của mình nhưng cũng phải tìm kiếm [các việc] của những người khác nữa”. Mọi người thường quan tâm về điều mình cần và điều gì có lợi cho mình. Nhưng các con dân Chúa cũng nên quan tâm về điều người khác cần và điều lợi ích của người khác.

Một số bản dịch đảo ngược thứ tự của hai nhóm từ này. Thí dụ:

Hãy nghĩ đến những điều mà người khác quan tâm, không phải chỉ điều mà anh chị em quan tâm.

tìm: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “quan tâm cho một người hay một việc gì đó”. Điều này có nghĩa hơn là chỉ nhìn bằng mắt. BDY dùng nhóm từ “lưu ý đến”.

lợi riêng: Trong bản Hy-lạp từ được dùng ở đây có tính cách tổng quát nhưng để hiểu cho đúng ý hầu hết các bản dịch thêm vào một hay nhiều từ ở đây. BDM dùng *lợi riêng*. Đây có thể bao gồm những thứ mà người ta cần, không phải chỉ những điều mà người ta nghĩ là có lợi cho họ.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:4: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải đảo ngược thứ tự của 2:4a và 2:4b. Thí dụ:

Hãy suy nghĩ đến cách anh chị em có thể giúp đỡ những người khác, không phải chỉ về cách anh chị em có thể giúp đỡ cho chính mình.

Đoạn văn 2:5-8

Các tín hữu nên suy nghĩ giống như Chúa Giê-su khi Ngài từ bỏ địa vị đặc biệt với Đức Chúa Trời và tự hạ mình trở nên một con người và chết trên thập tự giá.

Phao-lô bắt đầu viết về Chúa Giê-su Cứu Thế. Chúa Giê-su là một gương cao cả về khiêm nhường và coi người khác là quan trọng hơn chính Ngài. Khiêm nhường là bước đầu tiên cần phải có để có thể hợp tác và đồng ý với nhau.

2:5

tâm tình: *Tâm tình* của một người là cách hành động cho thấy sự suy nghĩ và cảm tình của người ấy như thế nào đối với một sự việc. Có thể chuyển ngữ từ này theo một cách khác như là ‘thái độ’. Một người có thể có thái độ kiêu ngạo, có nghĩa là cách hành động của người ấy cho thấy là người ấy hãnh diện về chính mình và việc mình đã làm. Một người khác có thể có một thái độ khiêm nhường, có nghĩa là cách người ấy sẽ cư xử với người

2:3a	Đừng làm điều gì vì tham vọng ích kỷ hoặc hư vinh Đừng bao giờ anh chị em làm ra vẻ quan trọng hơn [người khác], và đừng bao giờ làm một điều gì chỉ vì anh chị em muốn khoe khoang về điều đó.
2:3b	nhưng hãy khiêm tốn, coi người khác hơn mình. Thay vào đó hãy khiêm nhường và coi người khác quan trọng hơn mình.
2:4a	Mỗi người trong anh chị em chớ tìm lợi riêng cho mình Mỗi người trong anh chị em không những chỉ quan tâm đến điều gì tốt nhất cho mình
2:4b	nhưng hãy chú trọng đến lợi ích của người khác nữa. nhưng phải quan tâm đến điều tốt cho người khác nữa.
2:5	Hãy có cùng một tâm tình như Chúa Cứu Thế Giê-su đã có. ¶ Anh chị em nên có thái độ giống như Chúa Cứu Thế Giê-su. -HAY- ¶ Anh chị em nên suy nghĩ như Chúa Cứu Thế Giê-su, [tức là]
2:6a	Vì Ngài vốn có bản thể Đức Chúa Trời [Mặc dù] Ngài có cùng một bản tính với Đức Chúa Trời, -HAY- [Dù] Ngài giống Đức Chúa Trời về mọi mặt/trong mọi cách,

khác cho thấy là người ấy không kiêu ngạo. Thay vào đó, người ấy sẽ cho người khác là quan trọng hơn chính mình. Trong 2:6-8 cho thấy thái độ của Chúa Giê-su rất khiêm nhường.

Chúa Cứu Thế Giê-su: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:1a.

2:6

Đoạn này thường được gọi là bài thánh ca về Chúa Cứu Thế, và có thể nó là bản Thánh Ca mà các hội thánh đầu tiên đã dùng. Phao-lô dùng đoạn này trong thời điểm này vì nó thích hợp với sứ điệp của ông ở đây. Hoặc có thể

chính Phao-lô đã sáng tác ra khi ông viết thư này cho những người ở tại Phi-líp. Cố gắng chuyển ngữ những câu này không theo thể văn xuôi nhưng như một bài thánh ca hay thơ. Một số bản dịch dùng cách in đặc biệt của thơ để in những câu này (hãy xem BDM, BCG, BDY). Nếu ngôn ngữ của bạn có một cách in đặc biệt cho những bài thơ, bạn có thể dùng cách in đó ở đây.

2:6a

có bản thể Đức Chúa Trời: Từ Hy-lạp được dùng ở đây nói đến các đặc tính căn bản của một người. Chúa Cứu Thế Giê-su có cùng một bản chất với Đức Chúa Trời.

2:6b

Nhưng không coi sự bình đẳng với Đức Chúa Trời là điều phải nắm giữ: Có thể hiểu câu này theo hai cách chính. Sự khác biệt là cách giải thích từ Hy-lạp *harpagmos* là một từ ít khi được dùng, đã được chuyển ngữ là *điều phải nắm giữ*.

- (1) Từ *harpagmos* nói đến một người nắm giữ một điều gì mà người ấy có. Đây có thể có nghĩa là, trước khi sinh ra làm một con người, Chúa Cứu Thế bình đẳng với Đức Chúa Trời. Nhưng để có thể trở nên một con người, Chúa không cố gắng nắm giữ lấy quyền bình đẳng với Đức Chúa Trời. Ngài sẵn lòng để từ bỏ chúng. Đây có thể là sự giải thích thông thường nhất của 2:6b. (BDM, BDC, BDY, BCG)
- (2) Từ *harpagmos* nói đến một người giật lấy hay dùng sức mạnh để lấy một điều gì người ấy chưa có. Sự giải thích này có nghĩa là khi là một con người Chúa Giê-su không bình đẳng với Đức Chúa Trời, nhưng Ngài không dùng sức mạnh để cố gắng và trở nên bình đẳng với Đức Chúa Trời khi Ngài là một con người.

Hầu hết các bản dịch không xác định rõ, dù là dường như hầu hết đều theo cách giải thích thứ nhất. Ngữ cảnh của 2:6 là sự sửa soạn của Chúa Cứu Thế để trở nên một con người. Vậy nên cách giải thích (1) thích hợp hơn với ngữ cảnh này.

Cố gắng làm cho rõ ràng trong bản dịch của bạn rằng đây là thái độ của Chúa Cứu Thế Giê-su.

sự bình đẳng với Đức Chúa Trời: Đây có nghĩa là “giống như Đức Chúa Trời, có cùng một quyền năng và đặc ân mà Đức Chúa Trời có”. Khi Ngài trở nên con người, Chúa Cứu Thế vẫn còn là Đức Chúa Trời, nhưng Ngài bỏ sự bày tỏ bên ngoài về quyền năng và sự vinh quang của Ngài.

2:7-8

Có sáu động từ ở trong 2:7-8 (được gạch dưới ở phần dưới đây). Những động từ này quan hệ với nhau bằng nhiều cách. Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp là:

- (A) Ngài tự đổ mình ra,
- (B) mang lấy hình thể của một người nô lệ,
- (C) được sanh ra giống như một con người,
- (D) được phát hiện trong hình thể của một con người,
- (Đ) Ngài tự hạ mình xuống,
- (E) vâng phục cho tới chết.

Những từ được gạch dưới trong (A) và (Đ) là những động từ chính, còn những động từ khác tùy thuộc vào hai động từ này. PKTCCN sắp đặt phần này thành hai câu: A-B-C (2:7) và D-Đ-E (2:8), với câu thứ hai đi theo sau câu thứ nhất theo thứ tự thời gian. Trước hết Ngài tự hạ mình xuống bằng cách trở nên như một nô lệ (tức là, Ngài trở nên một con người), rồi sau đó Ngài tự hạ mình hơn nữa bằng cách chết.

Một vài bản dịch chia câu này thành ba câu, A-B, C-D, và Đ-E.

2:7a

tự bỏ mình: Điều này có nghĩa là Ngài tự hạ mình xuống. Chúa Cứu Thế vẫn thực sự là Đức Chúa Trời trong cá tính, thuộc tính, và bản chất. Nhưng Ngài bằng lòng từ bỏ quyền năng và đặc ân thuộc về Ngài và hạ mình một cách trọn vẹn để trở thành con người.

2:7b

mang lấy bản thể của một tôi tớ: Ngài trở nên giống như một người đầy tớ hay nô lệ. Đây bao gồm cả ý nghĩa “đến thế gian”. Thí dụ:

Ngài [đã đến thế gian và] trở nên giống như một người đầy tớ.

mang lấy bản thể: Từ Hy-lạp dùng ở đây giống như từ Hy-lạp được chuyển ngữ là “bản thể” trong 2:6a khi nói về Chúa Cứu Thế có cùng một bản chất của Đức Chúa Trời. Hãy xem lời giải nghĩa của phần này. Khi Chúa Giê-su đã trở nên một con người, Ngài đã để cho mình đầu phục người khác và đã kinh nghiệm sự đau đớn, đói khát. Nếu trong bản dịch của bạn có thể dùng cùng một từ để nói về Chúa Giê-su như là Đức Chúa Trời và Chúa lấy hình thể như một người tôi tớ, bạn nên làm như vậy. Tuy nhiên, nếu không có thể dùng

2:6b	nhưng không coi sự bình đẳng với Đức Chúa Trời là điều phải nắm giữ. Ngài không nghĩ rằng Ngài nên nắm giữ lấy [địa vị] ngang hàng với Đức Chúa Trời. -HAY- Ngài không khăng giữ lấy [tất cả quyền năng và đặc ân của] việc bình đẳng với Đức Chúa Trời.
2:7a	Nhưng chính Ngài tự bỏ mình, Thay vào đó, Ngài bỏ hết mọi sự, -HAY- Ngài [vui lòng] bỏ đặc ân [làm Đức Chúa Trời và đã đến thế gian],
2:7b	Mang lấy bản thể của một tôi tớ, chấp nhận mang cùng một bản chất như của một người nô lệ, -HAY- và Ngài trở nên như một nô lệ,
2:7c	Trở nên giống như loài người, tức là, Ngài trở nên giống như loài người. -HAY- được sinh ra như một con người.
2:7d	có hình dạng như một người. Sau khi Ngài đã trở nên một con người,
2:8a	Ngài đã tự hạ mình xuống chính Ngài tự hạ mình xuống

cùng một từ, cố gắng tìm cách giữ lối nói song hành.

tôi tớ: Hãy xem lời giải nghĩa về “tôi tớ” trong 1:1a. Hãy tìm từ đúng hay một nhóm từ bằng ngôn ngữ của bạn để hàm ý cách phục vụ ở một địa vị thấp kém nhất. Một vài ngôn ngữ đã dùng từ như “người lao động”, hay “một người làm việc không công”.

2:7c

PKTCCN cho thấy mệnh đề trong 2:7b quan hệ như thế nào với mệnh đề trước ở trong 2:7a. Đặc biệt cho thấy Chúa Giê-su đổ mình ra như thế nào.

giống như loài người: Bản dịch của bạn không nên chỉ có nghĩa hay hàm ý rằng Chúa Cứu Thế giống như con người nhưng không phải là một con người thật. Vậy nên tốt hơn

nhên chuyển ngữ nhóm từ *giống như loài người* là “Ngài trở nên loài người”.

2:8a

Một số cách chuyển ngữ khác có thể dùng cho 2:8a là:

Sau khi Ngài đã trở nên một con người...

-HAY-

Trong khi Ngài là con người...

-HAY-

Trong khi Ngài sống ở trên đất như là một người...

BDM dùng nhóm từ “có hình dạng như một người” cho phần cuối của 2:7. Trong BDC đây là phần đầu của 2:8.

Một số bản dịch đặt nhóm từ này (2:8a) ở cuối câu 2:7. Tuy nhiên, bạn có thể đặt nhóm từ này vào đầu 2:8.

Ngài đã tự hạ mình xuống: Trong văn mạch của 2:7-8 có nghĩa là Ngài tự làm cho mình kém quan trọng nhiều hơn nữa. Ngài đi thêm một bước nữa trong sự tự hạ mình sống như một con người và rồi Ngài cũng chết như một con người.

2:8b

chịu vâng phục cho đến chết: Chúa Giê-su vâng phục Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn, ngay cả khi Ngài phải chết. Có mấy cách để chuyển ngữ câu này. Thí dụ:

Ngài đã làm theo điều Đức Chúa Trời muốn mặc dù Ngài phải chết.

-HAY-

Ngài đã vâng phục Đức Chúa Trời mặc dù đưa đến kết quả là bị người ta giết chết.

chết: Đối với nhiều ngôn ngữ phải chuyển ngữ như là một động từ, một từ có hành động. Thí dụ: “Ngài đã chết”, hay “người ta đã giết Ngài”.

2:8c

thậm chí chết trên thập tự giá: Giết người bằng cách đóng đinh lên thập tự giá là một cách trừng phạt người ta nhục nhã và đau đớn nhất của người La-mã. Họ chỉ dùng cách này để trừng phạt những tội nhân nguy hiểm hay các nô lệ. Vậy nên nhóm từ *thậm chí chết trên thập tự giá* cho thấy Chúa Giê-su đã vui lòng tự hạ mình đến như thế nào. Có thể chuyển ngữ như sau:

ngay cả chết [một cách nhục nhã] trên thập tự giá

-HAY-

chết [như một người tử tội] trên thập tự giá

Đoạn văn 2:9-11

Sau khi Chúa Cứu Thế đã vâng phục tự hạ mình xuống, Đức Chúa Trời đã tôn cao Chúa Cứu Thế và ban cho Ngài danh dự và thẩm quyền cao nhất. Bằng cách dùng thí dụ này, sứ đồ Phao-lô hàm ý rằng Đức Chúa Trời cũng sẽ tôn trọng các con dân của Ngài là những người vâng phục tự hạ mình xuống.

2:9a

Chính vì thế: Trong 2:6-8 Chúa Cứu Thế đã tự hạ mình. Trong 2:9-11 Đức Chúa Trời tôn vinh Ngài. Vậy cách chính mà 2:6-8 và 2:9-11 nối liền với nhau như sau: Chúa Cứu Thế tự hạ mình xuống, và kết quả, là Đức Chúa Trời tôn vinh Ngài.

Tuy nhiên, chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp là “vì vậy cũng”. Đây là một sự phối hợp bất thường của các từ Hy-lạp cho thấy rằng có sự tương phản giữa 2:6-8 và 2:9-11. Sự tương phản này thật là sống động. Hãy tìm cách diễn tả sự tương phản này bằng ngôn ngữ của bạn.

Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên: Đức Chúa Trời ban cho Ngài địa vị mà Ngài có thể cai trị mọi vật và sẽ được tôn trọng hơn bất cứ ai.

Một số người của ngôn ngữ khác đã tưởng tượng một cách sai lầm rằng Đức Chúa Trời đặt xác chết của Chúa Giê-su lên một địa vị quan trọng. Nếu các đồng hương của bạn có thể nghĩ như vậy, bạn sẽ cần phải nói rõ rằng Đức Chúa Trời khiến cho Chúa Giê-su sống lại trước khi tôn Ngài lên. Hãy xem PKTCCN của 2:9b.

Hãy tìm một thành ngữ bằng ngôn ngữ của bạn để chỉ một người được tôn trọng hơn bất cứ người nào khác. Có thể chuyển ngữ như sau:

Đức Chúa Trời ban cho Ngài sự vĩ đại vô cùng.

-HAY-

Đức Chúa Trời làm cho Ngài trở nên rất vĩ đại.

Đối với một số ngôn ngữ cần phải cho thấy là Ngài lớn hơn ai hay điều gì. (2:9b và 2:10 cho thấy điều này.) Thí dụ:

Đức Chúa Trời khiến cho Ngài vĩ đại hơn mọi vật và mọi người.

2:9b

và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh hiệu: Đức Chúa Trời ban cho Chúa Cứu Thế tước hiệu hay cấp bậc cao hơn bất cứ ai và bất cứ vật gì khác. Đức Chúa Trời đặt Chúa Cứu Thế lên làm Chúa của tất cả mọi người.

Danh hiệu có thể đề cập đến một danh hiệu đặc biệt hay uy tín và thứ bậc mà Đức

2:8b	Chịu vâng phục cho đến chết, và đã vâng phục [Đức Chúa Trời] đến độ Ngài [sẵn lòng] chịu chết,
2:8c	Thậm chí chết trên thập tự giá. ngay cả chết trên thập tự giá [giống như một tội nhân nặng tội nhất].
2:9a	Chính vì thế, Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên ¶ Vậy nên Đức Chúa Trời tôn Ngài lên trên tất cả mọi vật, -HAY- ¶ Vì thế Đức Chúa Trời [sau khi khiến cho Chúa Giê-su sống lại] đã đặt Ngài lên chỗ/địa vị tối cao,
2:9b	Và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh hiệu; [tức là], ban cho Ngài tước vị [tể trị] cao hơn bất cứ tước vị nào khác. -HAY- bằng cách ban cho Ngài danh cao trọng và quyền thế trên hết mọi danh.
2:10	Để khi nghe đến danh của Chúa Giê-su, mọi đầu gối Trên trời dưới đất, bên dưới đất đều phải quỳ xuống, [Đức Chúa Trời đã làm vậy] để mọi người sẽ quỳ xuống đầu phục Chúa Giê-su, [dù là họ ở] trên thiên đàng, trên đất hay dưới [mặt] đất. -HAY- [Đức Chúa Trời làm điều này] để tất cả mọi người sẽ quỳ xuống tôn kính Chúa Giê-su, [kể cả những người] ở trên thiên đàng, trên đất, và những người ở trong thế giới của người chết.

Chúa Trời ban cho Chúa Giê-su. Nhưng ngay cả khi *danh hiệu* nói đến một tên đặc biệt hay tên của một người, cũng bao gồm ý niệm về thứ bậc hay địa vị. Hãy xem La-mã 1:5; 1 Ti-mô-thê 6:1 và Hê-bơ-rơ 1:4 về các thí dụ khác về từ *danh*. Địa vị mà Đức Chúa Trời ban cho Chúa Giê-su là địa vị chủ tể, có thẩm quyền, quyền năng và sự cao quý.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:9: Có thể hiểu sự quan hệ giữa hai mệnh đề ở trong 2:9 theo hai cách (*Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên... ban cho Ngài danh trên*):

- (1) Đức Chúa Trời tôn Chúa Giê-su lên chỗ cao nhất, tức là, ban cho Ngài danh cao hơn hết mọi danh (BDY). Cách giải thích này cũng được nhiều sách giải nghĩa Kinh Thánh hỗ trợ. Có thể chuyển ngữ như sau:

Đức Chúa Trời tôn cao Ngài bằng cách ban cho Ngài danh cao trọng nhất.

- (2) Đức Chúa Trời tôn Chúa Giê-su lên chỗ cao nhất, và Chúa cũng ban cho Chúa Giê-su danh trên hết mọi danh. “Tôn Ngài lên” và “ban cho Ngài danh trên hết mọi danh hiệu” là hai điều riêng biệt mà Đức Chúa Trời làm cho Chúa Giê-su (BDM, BDC, BCG).

Dường như hai hành động ở trong 2:9 là hai cách nói về cùng một việc. Vậy nên sự giải thích (1) được ưa thích hơn.

2:10

để: Có hai cách để giải thích từ Hy-lạp *hina* ở đây:

- (1) Từ này được dùng để chỉ mục đích. Đức Chúa Trời ban cho Chúa Cứu Thế thẩm quyền cao nhất để mọi đầu gối sẽ quỳ xuống. 2:10-11 là mục đích của 2:9 (BDM, BDC, BDY).
- (2) Từ này được dùng để chỉ kết quả. Đức Chúa Trời ban cho Chúa Cứu Thế thẩm

quyền cao nhất với kết quả là mọi đầu gối sẽ quỳ xuống (BCG).

Sự giải thích (1) được các sách giải nghĩa Kinh Thánh hỗ trợ một cách mạnh mẽ và được đề nghị dùng ở đây.

khí nghe đến danh của Chúa Giê-su, mọi đầu gối...đều phải quỳ xuống: Tên *Giê-su* nói đến thân vị của Chúa Giê-su, là Chúa Cứu Thế, Chúa các chúa và Vua của các vua. Đức Chúa Trời muốn mọi người phải ý thức rằng Chúa Giê-su là Chúa của mọi người.

đến danh của Chúa Giê-su: Có thể giải thích nhóm từ này theo ba cách. Cách giải thích mà bạn chọn lựa tùy thuộc vào việc bạn hiểu hai điều sau đây như thế nào:

- (a) Từ Hy-lạp *en* có nghĩa là gì?
- (b) Có phải Phao-lô muốn nói đến tên của *Giê-su* ở đây, hay đến người mà cái tên ấy đại diện cho, hay cả hai?

- (1) Trong sự tôn vinh Chúa Giê-su. Người ta phải cúi xuống để tôn trọng con người của Chúa Giê-su. Chúa Giê-su chính là đáng mà họ phải thờ phượng.
- (2) Khi nghe tên của Chúa Giê-su. Khi người ta nghe tên “Giê-su” người ta phải quỳ xuống, bởi vì họ sẽ biết người mà tên ấy đại diện.
- (3) Trong danh Chúa Giê-su. Người ta phải cúi xuống và thờ phượng Chúa Giê-su trên cơ bản của ý nghĩa tên của Ngài: Ngài là đáng đã được Đức Chúa Trời tôn vinh trên tất cả những người khác.

Hầu hết các bản dịch của các ngôn ngữ khác đều để mơ hồ không xác định rõ. Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1). Có lẽ *danh Chúa Giê-su* là cách nói tượng hình để chỉ về chính Chúa Giê-su.

mọi đầu gối...đều phải quỳ xuống: Đây là cách của người Do Thái nói: “tất cả mọi người phải quỳ xuống”. Nhóm từ này hàm ý rằng họ quỳ xuống để cho thấy là họ đầu phục hay thờ phượng một đáng. Có lẽ Phao-lô suy nghĩ đến Ê-sai 45:23 khi ông viết điều này.

mọi đầu gối: Đây muốn nói đến tất cả mọi người và mọi loài có thể quỳ xuống và đầu phục một đáng. Ý của Đức Chúa Trời muốn tất cả mọi người đều bằng lòng quỳ xuống và đầu phục Chúa Giê-su. Nhưng bằng

lòng hay không, một ngày nào đó tất cả mọi người sẽ đầu phục Chúa Giê-su. Mọi đầu gối quỳ xuống tượng trưng cho một người đầu phục chính mình, toàn thể con người của mình cho một đáng có thẩm quyền cao hơn.

phải quỳ xuống: Động từ Hy-lạp có một hình thức diễn tả mục đích của từ đó. Trong ngữ cảnh này mục đích của Đức Chúa Trời là tất cả mọi người đều quỳ xuống. Vậy nên chắc chắn là điều này sẽ xảy ra.

BDM và BCG chuyển ngữ từ Hy-lạp này là *phải quỳ xuống* nhưng ý nghĩa thông thường của từ *phải* là “bắt buộc không thể làm khác được hoặc nhất thiết cần có phải làm như thế”. Đây có thể nhấn mạnh sai về ý Đức Chúa Trời ép buộc người ta quỳ xuống. Từ Hy-lạp hướng về ý nghĩa “sẽ chắc chắn *quỳ xuống*”. BDY chuyển ngữ là “tất cả quỳ gối”. Nếu nói “tất cả sẽ quỳ gối” thì cũng đúng.

Trong văn hóa của Cựu Ước, hành động quỳ xuống hàm ý rằng người đó rất cần một điều gì đó hay bày tỏ một thái độ rất khiêm nhường và kính trọng. Tuy nhiên, đối với một số văn hoá người ta không quỳ xuống để bày tỏ sự kính trọng. Vậy nên đối với một số ngôn ngữ cần phải nói “hạ mình xuống” thay vì dùng từ *quỳ*. Đối với một số ngôn ngữ khác cần phải bao gồm cả hành động và thái độ, thí dụ: “quỳ xuống để bày tỏ sự kính trọng”. Sau đây là hai cách để chuyển ngữ cả mệnh đề này:

Đức Chúa Trời làm như vậy để mọi người sẽ kính trọng Chúa Giê-su.

-HAY-

Đức Chúa Trời làm vậy để tất cả mọi người sẽ tự hạ mình trước mặt Chúa Giê-su.

Ba nhóm sau đây hàm ý tất cả mọi tạo vật ở khắp mọi nơi.

trên trời: Chuyển ngữ sát nghĩa theo từ Hy-lạp *epouraniōn* có nghĩa là “[các người/vật thể] ở trên thiên đàng”. Từ Hy-lạp không nói rõ loại người hay vật thể nào. Dường như nhóm từ này đề cập đến các thiên sứ và có lẽ những người đã chết và lên thiên đàng.

dưới đất: Hàm ý: “[những người/vật thể] trên đất”. Đây muốn nói đến người ta ở trên đất. Nhưng một số học giả Kinh Thánh cũng bao

2:11a	Và mọi lối phải tuyên xưng Chúa Cứu Thế Giê-su là Chúa [Đức Chúa Trời làm điều này để] mọi người sẽ [công khai] nhận thức rằng Chúa Cứu Thế Giê-su là Chúa [của tất cả].
2:11b	Mà tôn vinh Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha. [Làm như vậy] họ sẽ bày tỏ lòng tôn trọng Đức Chúa Trời Cha [chúng ta]. -HAY- [Kết quả là người ta sẽ] ngợi khen và tôn vinh Đức Chúa Trời Cha chúng ta.

gồm cả súc vật, những sinh vật khác, và các tà linh...

bên dưới đất: Nhóm từ này có nghĩa là “[những người/vật thể] ở dưới đất”. Có nhiều đề nghị về điều mà nhóm từ này muốn nói đến. Quan niệm được sự hỗ trợ rộng rãi là nói đến những người đã chết. Có thể bao gồm cả tà linh.

Nhóm từ thứ ba *bên dưới đất* có lẽ là nhóm từ khó chuyển ngữ nhất trong ba nhóm từ. Trong nhiều văn hoá nhóm từ này không có ý nghĩa gì hết. Có thể chuyển ngữ là:

những người ở trong những chỗ sâu của đất

-HAY-

những người đã chết

-HAY-

linh hồn của những người chết

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:10b: Ba nhóm người/vật thể được liệt kê ở trong 2:10b rõ ràng là để bao gồm tất cả mọi vật mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên ở khắp mọi nơi. Điểm chính ở đây là muốn nói rõ rằng tất cả mọi tạo vật ở khắp nơi sẽ đều phục Chúa Cứu Thế Giê-su, chứ không phải mô tả chi tiết ba nhóm khác nhau. Có thể nói rõ điều này bằng cách sau đây:

Tất cả mọi [tạo vật], dù là ở trên thiên đàng, trên đất hay bên dưới đất.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:10: Có thể đối với một số ngôn ngữ liệt kê ở cuối câu như ở trong 2:10b là không đúng văn phạm. Vậy nên có thể cần phải chuyển 2:10b lên giữa hay phần đầu của 2:10a (xem BDY). Thí dụ:

...để nghe đến tên Chúa Giê-su tất cả mọi người, trên thiên đàng, trên đất và bên dưới đất, sẽ quỳ xuống.

-HAY-

...để tất cả mọi sinh vật trên thiên đàng, trên đất và âm giới, phải quỳ gối xuống khi nghe danh của Chúa Giê-su.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:10: Hãy nhớ rằng đây là thể thơ ở trong tiếng Hy-lạp và từ ngữ tượng hình rất phong phú (đầu gối, lối, đất, trời). Cô gắng để dùng càng nhiều từ tượng hình càng tốt. Nhưng quan trọng hơn là phải chắc chắn rằng không thay đổi ý nghĩa.

2:11a

và mọi lối phải tuyên xưng Chúa Cứu Thế Giê-su là Chúa: 2:11a mô tả một cách tượng hình cùng một ý nghĩa của 2:10a. Đây có nghĩa là mọi người phải ý thức rằng Chúa Giê-su Cứu Thế là Chúa Cao Cả Đấng cai trị mọi tạo vật. Có hai điều xảy ra khi tôn vinh Chúa Giê-su: mọi người sẽ quỳ xuống trước mặt Chúa Giê-su Cứu Thế như là Chúa và mọi người sẽ nói rằng Chúa Giê-su Cứu Thế là Chúa.

Đối với một vài ngôn ngữ phải dùng một câu đối thoại trực tiếp. Thí dụ:

mọi người sẽ nói: ‘Chúa Giê-su Cứu Thế là Chúa của tất cả mọi loài.’

-HAY-

mọi người sẽ nói: ‘Chúa Giê-su Cứu Thế là Đấng cai trị chúng ta.’

mọi lối: Nhóm từ *mọi lối* là cách nói tượng hình tượng trưng cho tất cả các tạo vật mà có thể suy nghĩ và nói được. Nhóm từ này song song với nhóm từ “mọi đầu gối” ở trong 2:10a.

phải tuyên xưng: Hãy xem lời giải nghĩa về *phải* trong 2:10b.

tuyên xưng: *Tuyên xưng* ở đây có nghĩa là công khai nói một điều gì. Đây có nghĩa là nói cho những người khác biết về một điều mà mình biết là có thật.

Điều này không có nghĩa là tất cả mọi người đều vui vẻ ý thức rằng Chúa Giê-su là Chúa. Cuối cùng, Sa-tan và những người từ chối xưng nhận rằng Chúa Giê-su là Chúa sẽ bị bắt buộc phải xưng nhận rằng Ngài là Chúa.

2:11b

mà tôn vinh Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha: Người ta sẽ nói: “Chúa Giê-su Cứu Thế là Chúa”, và họ sẽ tôn vinh Đức Chúa Trời khi họ nói như vậy. Lời tuyên bố “Chúa Giê-su Cứu Thế là Chúa” sẽ không có nghĩa rằng Chúa Giê-su lấy đi sự vinh quang của Chúa

Cha. Ngài cai trị vì Chúa Cha cho phép Ngài làm như vậy. Chúa Giê-su sẽ là Chúa của mọi tạo vật nhưng vẫn ở dưới thẩm quyền của Cha Ngài, Đức Chúa Trời. Đây là quy hoạch của Đức Chúa Trời và như vậy sẽ tôn vinh Chúa Cha.

Có nhiều cách để chuyển ngữ nhóm từ *tôn vinh Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha*. Thí dụ:

... và vì vậy tất cả mọi người sẽ khen ngợi Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha của chúng ta.

-HAY-

... và [điều này sẽ khiến] người ta nói rằng Đức Chúa Cha là rất vĩ đại.

-HAY-

... và Cha Ngài Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha sẽ được tôn vinh khi việc này xảy ra.

Tiểu đoạn 2:12-18 Sứ đồ Phao-lô đã dạy rằng các tín hữu nên vâng lời Đức Chúa Trời để bày tỏ cho người khác biết cách Đức Chúa Trời muốn người ta hành xử

Sứ đồ Phao-lô nhắc nhở các con dân Chúa thành phố Phi-líp rằng khi họ vâng lời Đức Chúa Trời, giống như Chúa Giê-su đã làm (2:6-8), Đức Chúa Trời sẽ dùng họ để truyền thông cho những người đang ở trong sự tối tăm về thuộc linh. Nếu họ tiếp tục vâng lời Đức Chúa Trời chừng nào thì Phao-lô biết rằng công việc của ông và việc chịu khổ của ông sẽ có ích lợi chừng ấy.

Đoạn văn 2:12-13

Các con dân Chúa ở thánh phố Phi-líp phải theo gương của Chúa Cứu Thế bằng cách tiếp tục vâng lời Đức Chúa Trời và cư xử như những người đã được Đức Chúa Trời cứu rồi. Đức Chúa Trời sẽ thêm sức cho họ để làm việc đó.

2:12-13 chép lại các sự dạy dỗ quan trọng cho các con dân Chúa: việc Đức Chúa Trời đã làm để cứu con dân của Ngài và việc mà các con dân Chúa phải làm để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

2:12a

Vậy: Liên từ này muốn nhắc lại gương vâng phục Đức Chúa Trời của Chúa Cứu Thế và Đức Chúa Trời tôn vinh Chúa Cứu Thế (2:6-11). Hàm ý: “Vì cố Chúa Cứu Thế vâng lời

Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời tôn vinh Chúa Cứu Thế, anh chị em cũng phải...”

thưa anh chị em yêu dấu của tôi: Từ Hy-lạp *agapētoi mou* được dùng ở đây có thể chuyển ngữ là:

các bạn yêu dấu của tôi

-HAY-

các anh chị em tín hữu yêu dấu của tôi

vâng phục: Trong bản Hy-lạp nhóm từ này chỉ dùng động từ *vâng phục*. Nó không nói nên vâng phục ai (như BDM, BDC, BDY, BCG). Có ba sự giải thích khả dĩ về các người Phi-líp luôn luôn vâng phục ai:

- (1) Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là Phao-lô muốn nói: “anh chị em luôn luôn vâng phục Đức Chúa Trời”.

Tiểu đoạn 2:12-18 Sứ đồ Phao-lô đã dạy rằng các tín hữu nên vâng lời Đức Chúa Trời để bày tỏ cho người khác biết cách Đức Chúa Trời muốn người ta hành xử

- 2:12a** **Vậy, thưa anh chị em yêu dấu của tôi, như anh chị em vẫn luôn luôn vâng phục,**
 ¶ Vì thế, các bạn yêu dấu, như anh chị em vẫn luôn luôn vâng phục [Đức Chúa Trời],
 -HAY-
 ¶ Các bạn yêu dấu, cũng như vậy anh chị em phải luôn luôn làm theo điều [Đức Chúa Trời] bảo anh chị em làm,
- 2:12b** **không những khi tôi có mặt mà thôi nhưng nhất là bây giờ, lại càng vâng phục hơn khi tôi vắng mặt.**
 không phải chỉ khi tôi ở với anh chị em, nhưng bây giờ, lại càng vâng phục hơn khi tôi vắng mặt,

- (2) Phao-lô. Có thể chuyển ngữ là “anh chị em luôn luôn vâng lời tôi” hay “sự chỉ dẫn của tôi”.
- (3) Phúc Âm. Có thể chuyển ngữ là “anh chị em đã luôn luôn vâng phục Phúc Âm”.

Phao-lô có thể muốn nói tới một hay tất cả những điều này. Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải có một túc từ cho động từ, bạn sẽ cần phải có sự lựa chọn ở đây. Trong trường hợp này chúng tôi đề nghị bạn chọn “Đức Chúa Trời” làm túc từ.

2:12b

không những khi tôi có mặt mà thôi nhưng nhất là bây giờ, lại càng vâng phục hơn khi tôi vắng mặt: Trong bản Hy-lạp không thấy rõ hai nhóm từ này nối kết với phần còn lại của câu như thế nào. Có thể có ba cách giải thích:

- (1) Chúng chỉ quan hệ đến động từ *hành động* (2:12c). Có thể chuyển ngữ như sau:
- Vậy nên, anh chị em thân mến của tôi, vì anh chị em luôn luôn vâng phục [Đức Chúa Trời], tiếp tục hành động để hoàn thành sự cứu rỗi của mình với lòng kính sợ và run rẩy. Không phải chỉ [hành động

nếu vậy] trong khi tôi ở với anh chị em, nhưng còn làm nhiều hơn nữa khi tôi không ở với anh chị em.

- (2) Hai nhóm từ trên chỉ quan hệ với động từ *vâng phục* (2:12a). Có thể chuyển ngữ như sau:

“Vậy nên, các bạn thân mến, vì anh chị em luôn luôn vâng phục [Đức Chúa Trời] khi tôi ở với anh chị em, bây giờ anh chị em lại càng cần phải tiếp tục vâng phục [Ngài] trong khi tôi vắng mặt. Hãy tiếp tục hành động hoàn thành sự cứu chuộc của mình với lòng kính sợ và run rẩy. (BDM, BDY)

- (3) Nhóm từ đầu tiên quan hệ với *vâng phục* và nhóm từ thứ nhì với *hành động*. Có thể chuyển ngữ như sau:

“Vậy nên, các bạn thân mến của tôi, vì anh chị em luôn luôn vâng phục [Đức Chúa Trời] trong khi tôi ở với anh chị em, bây giờ tôi vắng mặt, hãy tiếp tục hành động để hoàn thành sự cứu chuộc của mình với lòng kính sợ và run rẩy.

Cách giải thích (1) được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các sách giải thích Kinh Thánh và có vẻ thích hợp với ngữ cảnh hơn. Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích này.

2:12c

Hãy lấy lòng kính sợ và run rẩy: Nhóm từ này không nói về hai việc khác nhau. *Run rẩy* là dấu hiệu của *kính sợ*. Dùng *run rẩy* như một động từ, có thể chuyển ngữ nhóm từ này là “run rẩy vì kính sợ”. Điều này có nghĩa là tất cả các tín hữu nên sợ hãi về phạm tội. Họ nên sợ rằng họ có thể không vâng lời Đức Chúa Trời và phạm tội với Chúa. Nhóm từ này cũng đề nghị là các tín hữu nên tôn kính và kính trọng Chúa nhiều.

hành động để hoàn thành sự cứu rỗi mình: Có hai cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) Mỗi tín hữu có trách nhiệm cá nhân về hành động để hoàn thành sự cứu rỗi mà họ đã nhận được.
- (2) Các tín hữu có trách nhiệm hành động hoàn thành sự cứu rỗi của mình như một cộng đồng.

Cách giải thích (1) được hỗ trợ mạnh mẽ hơn. Điều này không có nghĩa là những người Phi-líp nên tự cứu chính họ. Họ nên sống cách nào để bày tỏ cho những người khác thấy rằng Đức Chúa Trời đã cứu rỗi họ.

Bạn phải chắc chắn là động từ đã được dùng ở đây là một mệnh lệnh và là động từ chính trong câu này. Điều này quan trọng bởi vì 2:13 quan hệ với mệnh lệnh này.

sự cứu rỗi mình: Ba đoạn trong sách Phi-líp (1:6, 2:12b, 3:7-14) cho thấy Phao-lô đã hiểu cách Đức Chúa Trời cứu rỗi con người như thế nào và trách nhiệm của họ là gì. *Sự cứu rỗi* trong câu này bao gồm toàn thể diễn tiến từ khi Đức Chúa Trời đem người ta đến chỗ ăn năn và tin nhận Chúa Giê-su, Ngài tiếp tục làm cho họ trở nên thánh khiết và sẽ kết thúc diễn tiến này khi Ngài đem họ về thiên đàng.

Có thể chuyển ngữ cả nhóm từ này là “Hãy gắng sức hành động để sự cứu rỗi của anh chị em sẽ được trọn vẹn”. Nhưng đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải chuyển ngữ *sự cứu rỗi* như một động từ. CĐN thứ nhì cho thấy cách để chuyển ngữ như vậy.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:12. Đối với một số ngôn ngữ, có thể sắp đặt lại thứ từ của

câu này thì tốt hơn. Sau đây là một cách để làm điều ấy:

Vì vậy, các bạn thân mến của tôi, vì anh chị em luôn luôn vâng lời [Đức Chúa Trời], hãy tiếp tục hoàn tất sự cứu rỗi của anh chị em với lòng kính sợ và run rẩy. [Đừng chỉ làm điều này] khi tôi có mặt với anh chị em, nhưng càng phải làm hơn thế nữa bây giờ khi tôi không có mặt với anh chị em.

2:13a

Vì: Liên từ này cho thấy điều được nói đến kế tiếp là cách mà họ có thể làm theo lời chỉ dẫn ở trong 2:12. Họ có thể hành động để hoàn thành sự cứu rỗi của họ bởi vì Đức Chúa Trời đang làm việc trong họ.

tác động trong lòng anh chị em: Đức Chúa Trời khiến cho các việc này xảy ra giữa vòng dân sự của Ngài.

trong anh chị em: Có thể hiểu nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây theo hai cách:

- (1) Đức Chúa Trời làm việc trong lòng từng tín hữu một.
- (2) Đức Chúa Trời làm việc ở giữa cộng đồng của con dân Chúa. Sự nhấn mạnh không phải trên cá nhân các tín hữu nhưng trên cộng đồng của con dân Chúa.

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1).

2:13b

vừa muốn vừa làm theo: Đây có nghĩa là muốn làm một việc gì và thật sự làm việc đó. Đối với một vài ngôn ngữ phải sắp đặt lại thứ tự. Một số cách để chuyển ngữ 2:13a và 2:13b là:

Đức Chúa Trời khiến anh chị em bằng lòng [vâng lời] và làm cho anh chị em có thể làm điều đó.

-HAY-

Đức Chúa Trời làm mới lại cách suy nghĩ của anh chị em để anh chị em bằng lòng làm theo điều Chúa muốn và làm cho anh chị em có thể làm điều đó.

-HAY-

Đức Chúa Trời khiến cho anh chị em muốn làm theo mục đích của Ngài, và có thể làm được.

2:12c	Hãy lấy lòng kính sợ và run rẩy mà hành động để hoàn thành sự cứu rỗi mình.
	hãy tiếp tục tiến tới với lòng kính sợ và run rẩy mà hoàn tất sự cứu rỗi của anh chị em.
	-HAY-
	[mỗi người trong] anh chị em nên lấy lòng kính sợ [tiến tới để] hoàn tất những công việc đó [là những việc đúng/xúng hợp cho người đã được Đức Chúa Trời] cứu rỗi.
2:13a	Vì Đức Chúa Trời là Đấng đang tác động trong lòng anh chị em
	[Anh chị em có thể làm điều này] bởi vì chính Đức Chúa Trời đang làm việc trong anh chị em.
2:13b	để anh chị em vừa muốn vừa làm theo ý chỉ tốt lành của Ngài.
	Ngài khiến cho anh chị em vui lòng làm điều Ngài muốn anh chị em làm, và cũng khiến cho anh chị em có thể làm được điều đó.

ý chỉ tốt lành của Ngài: Ngài đề cập đến Đức Chúa Trời. Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về cách nhóm từ này quan hệ đến các phần khác của câu. Có thể có hai cách giải thích khả dĩ:

- (1) Nhóm từ quan hệ đến các động từ *muốn* và *làm*. Đức Chúa Trời khiến con dân của Chúa muốn làm điều Chúa đẹp lòng và khiến họ có thể làm điều Ngài muốn (BDM, BDC, BDY).
- (2) Nhóm từ quan hệ đến động từ “tác động” ở trong 2:13a. Đức Chúa Trời làm việc

trong con dân Chúa theo như mục đích của Ngài (BCG).

Sự khó khăn chính của cách giải thích thứ hai là cách giải thích này không nói Đức Chúa Trời khiến cho các tín hữu có thể và muốn làm điều gì. Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất. Đức Chúa Trời làm việc trong lòng mỗi tín hữu để khiến cho họ vừa muốn và vừa làm điều khiến cho Chúa hài lòng.

Đoạn văn 2:14-16

Các tín hữu nên khác với những người gian ác và nên cho người ta thấy sự điệp đã cứu họ.

2:14

càu nhàu hay cãi cọ: Đây có nghĩa là một người phàn nàn về hoàn cảnh xấu của mình, và cãi nhau với người khác. Các người Phi-líp có thể đã không hài lòng về điều Đức Chúa Trời đã làm và không vui vẻ với nhau. Phao-lô có thể muốn nêu lên thái độ của người Do Thái khi Môi-se dẫn họ đi qua sa mạc (Xuất Ê-díp-tô Ký 16:2).

2:15a

để: Họ không nên phàn nàn và cãi cọ **để** họ có thể không có gì đáng trách được. 2:15 nói đến mục đích của 2:14.

không có gì đáng trách: Cụm từ *không có gì đáng trách* có nghĩa là các con dân Chúa Phi-líp nên hành động cách nào để không ai có thể chỉ trích họ là họ phạm tội. Thật ra vẫn có người tố cáo là các người Phi-líp phạm tội, nhưng nếu các con dân Chúa không có gì đáng trách, không ai có thể chỉ trích họ như vậy một cách thành thật hay công bình.

trình khiết: Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *trình khiết* có nghĩa là “thành thật và ngay thẳng”. Có nghĩa là một người không có ý định làm việc ác.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:15a: Cụm từ *không có gì đáng trách* và *trình khiết* có cùng một nghĩa. Phao-lô dùng hai cụm từ để nhấn mạnh điều ông muốn nói. Nếu ngôn ngữ của bạn không có hai cụm từ có ý nghĩa tương tự như vậy thì dùng một cụm từ hay nhóm từ nào có thể diễn tả ý đó và cũng nhấn mạnh đến nghĩa mà Phao-lô muốn nói. Thí dụ, “thật sự công chính”.

2:15b

không tì vết: Đây có nghĩa là một người đạo đức hay công chính trọn vẹn. Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là “không tì vết” ở đây và “không có gì đáng trách” trong 2:15a khác nhau nhưng chúng có ý nghĩa tương tự. Cụm từ *không tì vết* được dùng để chỉ con vật được

chọn để làm của lễ cho Đức Chúa Trời. Các con vật này không được có tật nguyên hay vết gì cả. Đây là từ được dùng một cách tượng hình và có nghĩa là người đó không có sự sai trật nào về đạo đức.

Một số người chuyển ngữ (BCG, BDY) bỏ không chuyển ngữ nhóm từ *không tì vết* bởi vì nhắc lại cùng một ý nghe có vẻ kỳ cục. Nhưng tốt hơn là nên cố gắng cho thấy sự nhấn mạnh của Phao-lô trên sự kiện con dân Chúa phải là người đạo đức.

thế hệ gian ác, đôi truy: Đây muốn nói đến những người tiếp tục làm điều ác. Hai cụm từ *gian ác* và *đôi truy* có nghĩa chính tương tự như nhau. Dùng chung với nhau chúng có nghĩa là “rất gian ác”. Hai cụm từ này có lẽ được trích dẫn từ trong Cựu Ước (Phục Truyền 32:5). Ở đây Phao-lô dùng nhóm từ này để nói đến những người chưa tin Chúa ở chung quanh họ.

thế hệ: Cụm từ *thế hệ* nói đến những người đang sống vào thời đó. Cụm từ này cũng có thể nói đến nhóm người có cùng một đặc tính. Trong 2:15b *thế hệ* đặc biệt nói đến những người không tin và vâng phục Phúc Âm.

gian ác: Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *gian ác* có nghĩa là “cong”. Từ này được dùng một cách tượng hình ở đây để nói đến những người gian ác, bất chính, hay không thành thật trong cách hành xử của họ.

đôi truy: Cụm từ này đồng nghĩa với *gian ác*. Cụm từ *đôi truy* nói đến những người gian ác, là những người hư hoại về mặt đạo đức.

2:15c

hãy chiếu sáng trong thế hệ đó như những vì sao trong thế gian: Đây ví các con dân Chúa giống như các vì sao chiếu sáng trên bầu trời tối đen vào ban đêm. Họ phải là những người đạo đức sống cho Đức Chúa Trời trong một thế giới không có đạo đức. Đây là cách nói tượng hình so sánh cách cư xử đạo đức với ánh sáng, và so sánh điều ác với sự tối tăm. Chúa Giê-su cũng dùng sự so sánh này ở trong Ma-thi-ơ 5:14-16.

Nếu đây không phải là cách nói thông thường đối với ngôn ngữ của bạn, thì bạn cần

2:14	Hãy làm mọi việc mà không cầu nhau hay cãi cọ ¶ Mọi việc anh chị em làm, hãy làm mà không phàn nàn hay cãi cọ [với nhau],
2:15a	để anh chị em trở nên không có gì đáng trách, tinh khiết, để không ai có thể tố cáo là anh chị em làm điều ác, và [để] anh chị em sẽ trở nên công chính. -HAY- để anh chị em có thể trở nên công chính [đến nỗi] không ai có thể nói là anh chị em làm điều gì sai.
2:15b	là con cái Đức Chúa Trời không tì vết giữa một thế hệ gian ác, đòi truy. [Tức là,] anh chị em sẽ là con cái của Đức Chúa Trời mà không làm điều gì sai lầm mặc dù anh chị em sống giữa những người rất gian ác thường làm các điều xấu. -HAY- [Tức là,] là con cái của Đức Chúa Trời, anh chị em có thể sống một cách hoàn toàn tốt lành giữa những người hoàn toàn gian ác.
2:15c	Anh chị em hãy chiếu sáng trong thế hệ đó như những vì sao trong thế gian. Anh chị em phải [hành xử tốt] giữa vòng họ giống như ánh sáng chiếu trong thế giới tối tăm. -HAY- [Hãy hành động] giữa những người này [cách nào để tương phản với cách sống gian ác của họ] như các ngôi sao chiếu sáng trên nền trời tối tăm.

phải nói cho rõ điểm bạn muốn so sánh như ở trong CĐN. Hay là bạn có thể cần phải tránh dùng ẩn dụ. Thí dụ:

Cách anh chị em hành động phải rất khác với cách hành động của người gian ác.

chiếu sáng: Có thể giải thích cụm từ này như là một mệnh lệnh hay một lời tuyên bố.

- (1) Một mệnh lệnh. Phao-lô đang bảo các con dân Chúa Phi-líp rằng họ phải "...chiếu sáng như các vì sao..." (BDM, BCG)
- (2) Một lời tuyên bố. Nó đề cập tới điều mà những người Phi-líp đã làm hay đang làm. Thí dụ: "anh chị em chiếu sáng ở giữa họ như các vì sao". (BDC, BDY)

Trong văn mạch, đặc biệt là xem câu 2:16b, đây có vẻ như là một mệnh lệnh hơn là một lời tuyên bố. Tuy nhiên, nếu bạn muốn theo cách giải thích (2), bạn có thể chuyển ngữ là:

Anh chị em chiếu sáng giữa họ như các vì sao chiếu sáng trên trời.

những vì sao: Từ dùng trong bản Hy-lạp có thể nói đến

- (1) "ánh sáng từ trời, thiên thể, vì sao" (BDM, BDY, BCG)
- (2) "ánh sáng" nói một cách tổng quát hay "một vật chiếu sáng" ("đuốc" BDC). Đây có thể bao gồm cả đèn đuốc, mặt trời, mặt trăng và các vì sao.

Chúng tôi đề nghị bạn nên chuyển ngữ là "các vì sao" như đa số các bản dịch và sách giải nghĩa Kinh Thánh.

trong thế gian: Từ Hy-lạp *kosmos* "thế gian (người ta), hay trên trời (vũ trụ vật lý)". Nếu bạn theo cách giải thích (1) ở trên và dùng "vì sao" thay vì dùng "ánh sáng", bạn nên chuyển ngữ như là nói đến vũ trụ (vòm trời).

2:16a

Hãy nắm vững những lời ban sự sống: Có thể hiểu câu này theo hai cách:

- (1) Có nghĩa là tuyên bố lời của sự sống. (BDY, BCG)
- (2) Có nghĩa là tiếp tục tin tưởng lời của sự sống, để người tín hữu sẽ không thất bại trong việc tin cậy Đức Chúa Trời. (BDM, BDC)

Sự giải thích (1) thích hợp với văn mạch này hơn và chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích này.

lời ban sự sống: Đây có nghĩa là sứ điệp mang/ban cho sự sống đời đời.

2:16b

Câu này đề cập tổng quát đến tất cả các việc Phao-lô đã dạy dỗ ở trong 2:14-16a.

ngày của Chúa Cứu Thế: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:6b.

tôi được hãnh diện: Điều mà ông hãnh diện được giải thích qua lời giải nghĩa của 2:16c. Câu này được nối tiếp với 2:16a theo hai cách:

[Hãy làm điều này] để tôi có thể hãnh diện.

-HAY-

[Nếu anh chị em làm điều này] thì tôi có thể hãnh diện.

hãnh diện: Từ Hy-lạp *kauchēma*, có thể chuyển ngữ là “hãnh diện về một người nào” hay “một việc gì, hay rất là vui mừng và tin chắc về một việc gì hay một người nào”. Từ này *kauchēma* cũng được dùng ở trong 1:26 và 3:3.

Một vài ngôn ngữ có hai từ để chỉ *hãnh diện*. Người ta dùng từ nào tùy theo sự hãnh diện đó là một điều tốt nên làm hay là một điều xấu không nên làm. Rõ ràng là Phao-lô nghĩ rằng hãnh diện là một việc tốt ở đây. Vì vậy, nếu ngôn ngữ của bạn có nhiều hơn là một từ để nói về hãnh diện, hãy chọn từ có ý nghĩa tích cực.

2:16c

Phao-lô nói ở đây điều mà ông sẽ hãnh diện. Nếu họ sẽ vẫn giữ lòng trung tín với Đức Chúa Trời, ông sẽ có thể hãnh diện về công

việc của ông giữa những người Phi-líp là việc khiến cho họ thay đổi một cách đáng khen trong cách họ suy nghĩ và hành động.

... vì đã không chạy thi vô ích và lao khổ uổng công: Phao-lô muốn nói ông hãnh diện rằng công khó của ông đã được chứng tỏ là hữu dụng và có lợi. Ông đã không uổng phí thì giờ và sự cố gắng của ông.

chạy: Phao-lô dùng hình ảnh người ta chạy đua để đoạt giải thưởng làm ẩn dụ (hãy xem Hê-bơ-rơ 12:1 và Phi-líp 3:12-14). Nhưng ở đây cuộc chạy đua mô tả một cách tượng hình sự giảng dạy Phúc Âm một cách trung tín của Phao-lô. Phần thưởng là việc Phao-lô hãnh diện khi ông biết rằng những người được ông dạy dỗ vẫn trung tín với Chúa Cứu Thế.

lao khổ: Động từ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có nghĩa là “làm việc khó nhọc”. Động từ này hàm ý Phao-lô lao khổ và trở nên mệt mỏi trong khi ông đem Phúc Âm đến cho những người Phi-líp.

uổng công: Nhóm từ *uổng công* có nghĩa là “vô ích, không có kết quả tốt”.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:16c: Hãy để ý là Phao-lô dùng hai từ phủ định trong cùng một nhóm từ (“không phải là uổng công”). Không phải ngôn ngữ nào cũng có thể làm như vậy được. Đôi khi cần phải nói lại nhóm từ này một cách tích cực. Hàng thứ hai của CĐN của 2:16c là một thí dụ về cách nói này. Có thể dùng một cách khác nữa như là:

...tôi đã xong cuộc chạy và công việc của tôi đã thành công.

Đoạn văn 2:17-18

Mặc dù công việc của ông khiến cho ông phải lao khổ, ông vui mừng và những người Phi-líp cũng nên vui mừng như vậy.

2:17a

(BCG) Nhưng: Có hai cách để giải thích 2:16 nối kết với 2:17 như thế nào, tùy thuộc vào ý nghĩa của từ Hy-lạp *alla*:

- (1) Từ *alla* giới thiệu thêm một ý tưởng. Mệnh đề chính trong 2:17 (“tôi cũng vui lòng và chia sẻ niềm vui với anh chị em”)

2:16a	<p>Hãy nắm vững những lời ban sự sống [Hãy trung tín] nói sứ điệp ban sự sống [đời đời]. -HAY- Hãy nói cho người ta biết tin mừng về cách để họ có thể được sống [đời đời].</p>
2:16b	<p>để đến ngày của Chúa Cứu Thế [Nếu anh chị em làm như vậy] tôi sẽ [có lý do để] hãnh diện [về anh chị em] cho đến ngày Chúa Cứu Thế [trở lại thế gian], -HAY- [Hãy làm như vậy] để tôi có thể vui mừng vào lúc Chúa Cứu Thế [trở lại],</p>
2:16c	<p>tôi được hãnh diện vì đã không chạy thi vô ích và lao khổ uổng công. bởi vì [rõ ràng rằng] tất cả mọi cố gắng và việc làm khó nhọc của tôi [ở giữa vòng anh chị em] đã không bị uổng phí. -HAY- [Tôi vui mừng] vì cách mà tôi đã cố gắng và làm việc khó nhọc [giữa vòng anh chị em] đem lại kết quả tốt đẹp.</p>
2:17a	<p>Nếu tôi phải đổ huyết ra để rưới lên lễ vật hy sinh mà anh chị em lấy đức tin dâng cho Đức Chúa Trời ¶ Tôi có thể phải đổ huyết của mình ra giống như họ đổ/tươi rượu vang lên lễ vật dâng lên cho Đức Chúa Trời. Anh chị em cũng giống như lễ vật đó vì anh chị em tin tưởng nơi Chúa một cách vững vàng và đã dâng mình cho Ngài. -HAY- ¶ Tôi có thể chịu khổ [và chết bởi vì tôi đã giảng Phúc Âm,] cũng giống như anh chị em đang chịu khổ bởi vì anh chị em tin [Phúc Âm].</p>

phù hợp với điều tác giả nói hay hàm ý ở trong 2:16. Từ này không cho thấy có sự tương phản với 2:16. BDM, BDC, và BDY có vẻ theo quan niệm này.

(2) Từ *alla* có nghĩa là “nhưng”, cho thấy sự tương phản với điều nói đến trong câu trước 2:17 (BCG).

Chúng tôi đề nghị bạn chuyển ngữ 2:17 như là một sự nối tiếp chứ không phải tương phản với 2:16. Điều này có thể có nghĩa là bạn không cần phải chuyển ngữ rõ *alla* như BDM, BDC, BDY.

Nếu tôi phải đổ huyết ra để rưới lên lễ vật hy sinh mà anh chị em lấy đức tin dâng cho Đức Chúa Trời: Ở đây Phao-lô dùng lối nói tượng hình để mô tả tình trạng của ông. Ông nói đến hai loại lễ vật khác nhau. Các thầy tế lễ Do Thái giết các súc vật trên bàn thờ để làm lễ vật. Để làm điều đó họ cũng rưới rượu

vang trên mặt đất hay trên lễ vật (Dân số 15:1-12). Đây được gọi là lễ quán (Lê-vi 23:13). Phao-lô so sánh những người Phi-líp như con vật được dâng làm *lễ vật*, và so sánh chính ông như là rượu được *rưới lên lễ vật (lễ quán)* để làm trọn việc dâng lễ vật.

Các người không tin Chúa đang bắt bớ những tín hữu Phi-líp bởi vì họ chọn lựa thờ phượng Đức Chúa Trời và vâng theo Phúc Âm của Chúa Cứu Thế Giê-su. Vậy nên đời sống của họ như lễ vật được dâng lên cho Đức Chúa Trời. Phao-lô đang chịu khổ cực ở trong tù và có nguy cơ bị tử hình bởi vì ông đã giảng Phúc Âm cho nhiều người. Vậy nên ông giống như rượu được thầy tế lễ rưới lên trên lễ vật. Đây không có ý nói là Phao-lô hay người Phi-líp sắp phải chết, mặc dù rượu rưới lên lễ vật có thể có nghĩa là máu của Phao-lô cũng sẽ bị đổ ra khi ông bị hành hình.

Nếu trong văn hoá của bạn người ta không dùng sinh vật làm lễ vật hay dâng rượu làm của lễ, ẩn dụ này có thể rất khó hiểu cho các độc giả của bạn. Nếu vậy, cần phải làm nói cho rõ ràng về sự so sánh này trong bản dịch của bạn.

Nếu tôi phải đổ huyết ra: Trong bản Hy-lạp động từ dùng ở đây là thì hiện tại, nhưng có thể hiểu theo hai cách:

- (1) Nên chuyển ngữ từ này là “ngay cả nếu tôi phải đổ huyết ra...” Phao-lô đã dùng thì hiện tại để nói đến tương lai. Ông đã biết là người La-mã có thể hành quyết ông. Ông đang so sánh việc “đổ huyết ra” với sự chết có thể xảy ra cho ông (BDM, BDC, BCG, BDY).
- (2) Nên chuyển ngữ từ này là “ngay cả nếu tôi đang đổ huyết ra...” Phao-lô đang nói đến sự đau khổ mà ông đang kinh nghiệm.

Cách giải thích (1) được sự hỗ trợ của nhiều sách giải kinh và được các bản dịch tiếng Việt dùng. Cũng hãy xem trong 2 Ti-mô-thê 4:6, nơi Phao-lô dùng cùng một động từ để nói đến cái chết sắp đến với ông.

anh chị em lấy đức tin: Từ Hy-lạp *tēs pisteōs* được dùng ở đây có nghĩa là “của đức tin”. Có hai cách chính để giải thích nhóm từ này:

- (1) *Đức tin* của họ là động lực cho sự hy sinh của họ (BDM).
- (2) *Đức tin* của họ là lễ vật. Lễ vật hy sinh tượng trưng cho sự kiện họ tin tưởng. Thí dụ, bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này là “Đức tin của anh chị em trong Chúa và công việc hầu việc Chúa của anh chị em giống như là những lễ vật được dâng lên cho Ngài”.

Sự giải thích (1) dường như đúng hơn. Vậy nên chúng tôi đề nghị bạn theo sự giải thích này. *Lễ vật* có ý nghĩa rộng hơn là đức tin. Nó bao gồm cả đời sống hoàn toàn tận hiến cho Đức Chúa Trời của họ.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:17a: Sau đây là một cách bạn có thể dùng để chuyển

ngữ 2:17a thêm vào nhiều thông tin được hàm ý:

[Tôi có thể bị chết vì công việc của tôi.] Khi anh chị em tin tưởng [sứ điệp của Đức Chúa Trời], anh chị em [đã dâng chính anh chị em cho Đức Chúa Trời giống như một thầy tế lễ] dâng lễ vật cho Đức Chúa Trời. Nếu [những người La-mã giết tôi,] thì tôi sẽ [giống như rượu nho mà thầy tế lễ] đổ trên lễ vật của anh chị em. 2:17b

2:17b

vui lòng và cùng chia sẻ niềm vui: Trong bản Hy-lạp đây là hai động từ có cùng một gốc và chúng có thể được chuyển ngữ sát nghĩa là “tôi vui mừng và tôi cùng vui mừng với [anh chị em]”. Phao-lô vui mừng bởi vì chịu khổ vì Chúa Cứu Thế Giê-su là một đặc ân. Ông cùng vui mừng với những người ở tại Phi-líp bởi vì họ đã tin Phúc Âm mà ông đã giảng, và họ, giống như chính ông, sẵn lòng chịu khổ vì đức tin. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:16c.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:17: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải sắp đặt lại 2:17 và đặt 2:17b trước 2:17a. Thí dụ:

Tôi vui lòng và cùng chia sẻ niềm vui với tất cả anh chị em, mặc dù tôi phải đổ huyết ra giống như rượu nho được rưới trên lễ vật mà anh chị em dâng lên cho Đức Chúa Trời vì anh chị em tin Ngài.

2:18

Anh chị em cũng vậy, hãy vui lên và cùng chia sẻ niềm vui với tôi: Phao-lô đang bảo người Phi-líp vui mừng vì việc đã xảy ra (và đang xảy ra) cho họ. Ông cũng xin họ chia sẻ sự vui mừng của ông về việc đã xảy ra cho ông. Mặc dù ông chịu đau khổ và biết rằng có thể mình sắp chết, ông vẫn muốn họ vui mừng với ông. Hai động từ Phao-lô đã dùng trong 2:18 (*vui lên*) cũng giống như là động từ mà ông dùng trong 2:17b. Nếu có thể được, bạn nên dùng cùng một từ bạn đã dùng trong 2:17b.

2:17b thì tôi cũng vui lòng và cùng chia sẻ niềm vui với tất cả anh chị em.

Nhưng tôi [vẫn] còn vui mừng và hân hoan với tất cả anh chị em.

-HAY-

Nhưng dù sao đi nữa tôi vui mừng và hân hoan với tất cả anh chị em.

2:18 Anh chị em cũng vậy, hãy vui lên và cùng chia sẻ niềm vui với tôi.

[Cũng vậy] anh chị em cũng nên vui mừng và hân hoan cùng với tôi.

-HAY-

[Và, vì thế,] anh chị em cũng nên vui mừng và hân hoan cùng với tôi.

Tiểu đoạn 2:19-30 Sứ đồ Phao-lô thảo luận về việc sai các ông Ti-mô-thê và Ê-ba-phô-đi đến với những người Phi-líp

2:19a Nhờ ơn Chúa Giê-su, tôi hy vọng sớm cử Ti-mô-thê đến thăm anh chị em

¶ Tôi mong đợi Chúa Cứu Thế Giê-su sẽ [khiến tôi có thể] sai [ông] Ti-mô-thê đến với anh chị em sớm,

Tiểu đoạn 2:19-30 Sứ đồ Phao-lô thảo luận về việc sai các ông Ti-mô-thê và Ê-ba-phô-đi đến với những người Phi-líp

Sứ đồ Phao-lô viết, ngay khi ông biết điều gì sẽ xảy ra cho ông, ông muốn sai ông Ti-mô-thê đến đem tin tức của ông cho những người Phi-líp và đem tin tức của họ về cho ông. Nhưng trước hết Phao-lô muốn gửi ông Ê-ba-phô-đi tới. Những người Phi-líp nên hoan nghênh và tôn trọng ông ta.

2:19-24

Sứ đồ Phao-lô lựa chọn sai ông Ti-mô-thê đi đến với hội thánh Phi-líp bởi vì ông Ti-mô-thê thật sự yêu mến các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp và là người duy nhất sẵn lòng đi. Nhưng Phao-lô muốn đợi cho đến khi ông phát hiện được việc gì sẽ xảy ra cho ông, để Ti-mô-thê có thể đem tin tức này đến cho hội thánh Phi-líp. Một lý do khác mà ông muốn Ti-mô-thê đi là để Ti-mô-thê đem tin tức của các con dân Chúa Phi-líp về cho ông. Phao-lô mong đợi đó sẽ là tin mừng.

Trong bản Hy-lạp đoạn này bắt đầu với một liên từ thường được chuyển ngữ là “nhưng”. Trong câu này từ này không được chuyển ngữ trong hầu hết các bản dịch, bởi vì không có sự tương phản giữa tiểu đoạn này và tiểu đoạn trước, nhưng Phao-lô đổi đề tài. Nếu

ngôn ngữ của bạn có một liên từ để chỉ đến việc thay đổi đề tài, bạn nên dùng nó ở đây.

2:19a

Nhờ ơn Chúa Giê-su, tôi hy vọng sớm cử Ti-mô-thê đến thăm anh chị em: Sứ đồ Phao-lô dự định sai ông Ti-mô-thê đi đến gặp những người ở tại thành phố Phi-líp sau khi viết thư này không lâu (hãy xem 2:23). Ông nghĩ rằng Chúa Giê-su muốn điều này xảy ra.

Nhờ ơn Chúa Giê-su: Nó có nghĩa rằng Phao-lô mong đợi Chúa Giê-su sẽ khiến cho ông có thể thi hành dự định của ông là sai Ti-mô-thê đi đến thành phố Phi-líp.

hy vọng: Cụm từ *hy vọng* thường có nghĩa là một người muốn một điều gì đó xảy ra nhưng không biết chắc là nó có xảy ra hay không. Trong Tân Ước từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *hy vọng* thường có

nghĩa là một người tin chắc là một điều gì đó sẽ xảy ra.

cử Ti-mô-thê đến thăm anh chị em: Phao-lô đã muốn và nghĩ là sẽ sai Ti-mô-thê đến với người Phi-líp sớm, sau khi ông viết thư này cho họ.

2:19b

(BCG) để chính tôi cũng không lo lắng về anh em:

để: Từ này cho thấy mục đích của Phao-lô khi gửi Ti-mô-thê đi là để làm cho chính ông và người ở thành phố Phi-líp an tâm.

cũng: Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ *cũng* có nghĩa là Phao-lô muốn cả ông và những người ở thành phố Phi-líp đều được vui. Có lẽ Phao-lô nghĩ rằng Ti-mô-thê sẽ thăm thành phố Phi-líp một thời gian ngắn và ông sẽ khích lệ những người ở tại Phi-líp với tin tức của Phao-lô. Rồi thì Ti-mô-thê sẽ trở lại với Phao-lô đem theo tin tức về những người Phi-líp và điều này sẽ làm cho Phao-lô vui. Để làm cho rõ điều này, bạn có thể phải thêm vào trong bản dịch của bạn một số thông tin hàm ý như được đề nghị trong PKTCCN.

an tâm: Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là làm cho một người vui mừng, khích lệ họ. Đối với một số ngôn ngữ tốt hơn là diễn tả bằng một nhóm từ có nghĩa phủ định như:

[điều này sẽ] giúp tôi không lo lắng về anh chị em.

2:20a

tôi không có ai khác có cùng một tâm tình như Ti-mô-thê: Có thể hiểu câu này theo hai cách:

- (1) Không có ai khác (có lẽ ngoại trừ Phao-lô) chú ý tới người Phi-líp và hiểu họ như ông Ti-mô-thê (BDM, BDC, BDY, BCG).
- (2) Không có ai hiểu Phao-lô rõ như ông Ti-mô-thê. Thí dụ bạn có thể nói: “Anh là người duy nhất có thể chia sẻ tâm tình của tôi”.

Các học giả Kinh Thánh chia phe ủng hộ hai cách giải thích trên đồng đều, nhưng

chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1) như đa số các bản dịch. Nếu bạn muốn theo cách giải thích (2), bạn có thể dùng một trong những thí dụ sau đây làm kiểu mẫu:

Không có ai ở đây hiểu cách tôi suy nghĩ...

-HAY-

Không có ai có cùng cách suy nghĩ giống như tôi...

2:20b

là người thật tình lo lắng cho anh chị em: Ông Ti-mô-thê thật lòng muốn điều tốt nhất cho những người Phi-líp. Ông thành thật quan tâm tới họ và muốn giúp đỡ họ tin cậy vững vàng nơi Đức Chúa Trời.

lo lắng cho anh chị em: Trong bản Hy-lạp có nghĩa là “các [điều] quan hệ đến anh chị em”. Đây muốn nói đến tình trạng của những người Phi-líp, hoàn cảnh của họ. Ông Ti-mô-thê sốt ruột muốn biết những người Phi-líp có ở trong hoàn cảnh tốt đẹp hay họ đang có nan đề.

2:21a

Vi: Liên từ *vi* cho thấy lý do ở trong 2:21 sử đồ Phao-lô viết là không có ai giống như ông Ti-mô-thê (2:20).

ai nấy: Trong bản Hy-lạp có nghĩa là: “tất cả (họ)”. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng sử đồ Phao-lô đã nói phóng đại khi cho rằng “ai nấy đều tìm lợi ích riêng của mình chứ không tìm lợi ích cho Chúa Cứu Thế Giê-su”. Phao-lô viết như vậy để nhấn mạnh đến một điểm. Đó là tất cả các tín hữu khác có thể đi thành phố Phi-líp (ngoại trừ ông Ê-ba-phô-đi, hãy xem lời giải nghĩa của 2:25) đều quan tâm về lợi ích của riêng họ nên không thích hợp. Vậy nên còn lại có Ti-mô-thê có thể đi đến thành phố Phi-líp và đem tin tức của họ về cho Phao-lô được mà thôi.

Vậy nên rõ ràng là cụm từ *ai nấy* không có nghĩa là “mọi người”. Đối với một vài ngôn ngữ người ta có thể nói phóng đại và các người khác sẽ hiểu là không có ý nói theo nghĩa đen như vậy. Nhưng nếu các đồng hương của bạn đọc và hiểu theo nghĩa đen,

2:19b	<p>để tôi biết tin tức về anh chị em mà an tâm. (BCG) để chính tôi cũng được an tâm vì được biết tin tức về anh em để tôi cũng có thể vui mừng khi tôi nghe tin [mừng] về anh chị em. -HAY- để [ông ta] có thể khiến cho tôi vui mừng vì tin tức [ông ta] đem [về] cho tôi về anh chị em, giống như [anh chị em sẽ vui vì nhận được tin tức của tôi]. -HAY- để [ông ta sẽ khích lệ anh chị em và] ông ta cũng khích lệ tôi nữa khi ông [trở lại và] cho tôi biết anh chị em như thế nào.</p>
2:20a	<p>Thật vậy, tôi không có ai khác có cùng một tâm tình như Ti-mô-thê, Không có ai ở đây với tôi mà [quan tâm về anh chị em nhiều] như là [ông] Ti-mô-thê.</p>
2:20b	<p>là người thật tình lo lắng cho anh chị em. Ông quan tâm đến anh chị em một cách thành thật. -HAY- Ông thật tình lo lắng về mọi sự có tốt đẹp cho anh chị em hay không.</p>
2:21a	<p>Vì ai nấy đều tìm lợi ích riêng cho mình [Tôi nói như vậy] bởi vì mọi người [khác chỉ] suy nghĩ về điều họ muốn, -HAY- [Tôi nói như vậy] bởi vì mọi người [khác mà có thể đi đến thành phố Phi-líp] chỉ quan tâm [nhất] về điều gì quan trọng cho họ mà thôi,</p>
2:21b	<p>chứ không tìm lợi ích cho Chúa Cứu Thế Giê-su. thay vì suy nghĩ về điều Chúa Cứu Thế Giê-su muốn. -HAY- và không suy nghĩ [nhiều] về các việc quan trọng với Chúa Cứu Thế Giê-su.</p>
2:22a	<p>Nhưng anh chị em biết phẩm cách của Ti-mô-thê, Nhưng anh chị em [đã] biết Ti-mô-thê thấy là anh [trung tín].</p>

bạn cần phải chuyển ngữ 2:21a không theo nghĩa đen. Hãy xem 2:21a trong PKTCCN.

tìm lợi ích riêng cho mình: Đây hàm ý rằng mỗi một người mà Phao-lô nói đến ở trong 2:21 đều chỉ chú ý đến công việc riêng của họ, và điều họ cần và muốn mà thôi.

2:21b
chứ không tìm lợi ích cho Chúa Cứu Thế Giê-su: Đối với nhiều ngôn ngữ, động từ ở trong 2:21a (“tìm lợi ích”) cần phải được lặp lại ở trong 2:21b.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:21: Một cách khác để chuyển ngữ cả câu 2:21 là:

Tất cả mọi người đều quan tâm về điều họ muốn, chứ không phải điều Chúa Cứu Thế Giê-su muốn.

2:22a

biết phẩm cách của Ti-mô-thê: Ông Ti-mô-thê chứng tỏ bằng việc ông đã làm là ông trung tín phục vụ Chúa Cứu Thế và dân sự của Ngài. Ông Ti-mô-thê khác với những người mà Phao-lô nói đến ở trong 2:21.

2:22b

như con với cha, phục vụ Phúc Âm: Ông Ti-mô-thê không phải là con ruột của Phao-lô, nhưng Phao-lô đã dạy cho anh ta biết Chúa Cứu Thế Giê-su và như vậy ông là cha thuộc linh của Ti-mô-thê. Phao-lô so sánh quan hệ của ông với Ti-mô-thê như là quan hệ của cha với con trai của mình. Đây là một thí dụ của cách chuyển ngữ:

Anh ấy cùng làm việc với tôi để nói về Phúc Âm, giúp đỡ tôi như con giúp đỡ cha mình vậy.

con: Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp có nghĩa là “một đứa con”. Đối với một số ngôn ngữ tốt hơn nên chuyển ngữ là con trai. Đối với một số ngôn ngữ khác tốt hơn nên dùng “con”, nếu người đọc có thể hiểu được đó là nói đến Ti-mô-thê. Ở đây muốn nói đến hình ảnh của một người con trai lớn đủ để giúp đỡ hay làm việc với cha mình.

phục vụ: Trong bản Hy-lạp động từ này có nghĩa là “làm công việc của một người nô lệ”. Nhưng ở đây không có nghĩa là Ti-mô-thê thật sự là một nô lệ. Đây là cách nói tượng hình có nghĩa là Ti-mô-thê, cùng với Phao-lô, trung tín hầu việc Đức Chúa Trời như một người nô lệ.

(BDC) về việc Tin-lành: Ông Ti-mô-thê làm việc cực khổ để nói cho người ta biết về Chúa Cứu Thế Giê-su.

2:23

Vậy: Ông Ti-mô-thê cho thấy là ông xứng đáng làm đại diện cho Phao-lô đến thăm người Phi-líp. Vậy nên Phao-lô hy vọng sẽ sai ông đi.

tôi hy vọng: Hãy xem lời giải nghĩa của 2:19a.

đi ngay khi tôi biết rõ tình cảnh của tôi như thế nào: Sứ đồ Phao-lô có lẽ đặc biệt suy nghĩ đến phiên tòa sẽ xử ông trong tương lai và không biết mình sẽ được thả ra khỏi tù hay không. Ông nói:

[Tôi định sẽ sai Ti-mô-thê đến với anh chị em] ngay khi tôi biết được việc gì sẽ xảy ra cho tôi.

2:24

Tôi tin tưởng trong Chúa: Câu này cũng giống như là “vững tin trong Chúa” trong 1:14, và tương tự như câu “tôi hy vọng nhờ ơn Chúa Giê-su” trong 2:19a. Nhưng trong câu này Phao-lô chắc chắn hơn về việc ông sẽ đi và gặp người Phi-líp. Chúa là Đấng khiến cho Phao-lô tự tin như vậy.

chính tôi sẽ sớm đến thăm: Sứ đồ Phao-lô tin rằng ông, cũng như là ông Ti-mô-thê, sẽ sớm có thể đi gặp người Phi-líp.

sớm: Trong văn mạch từ này có nghĩa là Phao-lô sẽ không chậm trễ trong việc đến thăm người Phi-líp nếu nhà cầm quyền thả ông ra khỏi tù.

2:25-30

Ông Ê-ba-phô-đi từ quê của ông ở thành phố Phi-líp đến đem quà của hội thánh ở đó cho sứ đồ Phao-lô (hãy xem 4:18). Trong khi ông ở với Phao-lô ông bị bệnh nặng, và các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp biết tin này. Ông Ê-ba-phô-đi đau nặng gần chết, nhưng Đức Chúa Trời cho phép ông được sống. Vì vậy Phao-lô sai ông trở lại với người Phi-líp ngay sau khi ông khỏi bệnh để cho họ khỏi lo lắng. Đây là lý do ông Ê-ba-phô-đi trở lại thành phố Phi-líp trước ông Ti-mô-thê.

Ông Ê-ba-phô-đi là người đem lá thư này cho những người Phi-líp. Vì vậy, sứ đồ Phao-lô đã dùng thì quá khứ trong đoạn này như là ông Ê-ba-phô-đi đã đến thành phố Phi-líp. Phao-lô hình dung những người Phi-líp đang đọc thư này sau khi ông Ê-ba-phô-đi đến thành phố Phi-líp. Tuy nhiên, đối với một số ngôn ngữ có thể cần dùng thì hiện tại. Bạn có thể dùng thì nào nghe tự nhiên nhất đối với ngôn ngữ của bạn.

2:25a

(BDY) Nhưng: Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu bằng từ *de* thường được chuyển ngữ là ‘nhưng’. Ở đây từ này đánh dấu sự chuyển chủ đề của Phao-lô. Trong 2:19-24 Phao-lô viết về việc sai Ti-mô-thê đến thành

2:22b	<p>người đã cùng tôi, như con với cha, phục vụ Phúc Âm. Anh cùng phục vụ với tôi để giảng Phúc Âm như một người con phục vụ cha mình. -HAY- Anh đã làm việc với tôi như một người con làm việc với cha mình [để người ta sẽ tin vào] Phúc Âm [về Chúa Cứu Thế Giê-su].</p>
2:23	<p>Vậy, tôi hy vọng sẽ cử Ti-mô-thê đi ngay khi tôi biết rõ tình cảnh của tôi như thế nào. Vậy, ngay khi tôi biết được việc gì sẽ xảy ra cho tôi, tôi định sai anh đi [đến thành phố Phi-líp]. -HAY- Vậy, tôi định sẽ sai anh đến [với anh chị em] ngay khi tôi phát hiện ra việc gì sẽ xảy đến cho tôi [ở đây].</p>
2:24	<p>Tôi tin tưởng trong Chúa rằng chính tôi sẽ sớm đến thăm anh chị em. Tôi chắc chắn là Chúa [cũng] sẽ cho phép tôi thăm [anh chị em] sớm. -HAY- Tôi tin rằng Chúa [cũng] muốn cho tôi sớm [đến thăm anh chị em].</p>
2:25a	<p>Tôi nghĩ cần phải gọi Ê-ba-phô-đi về với anh chị em, ¶ Nhưng tôi đã quyết định rằng tôi phải sai tín hữu Ê-ba-phô-đi [trở lại] với anh chị em [trước].</p>
2:25b	<p>ông là một người anh em, một người đồng lao, một chiến hữu của tôi, người anh em [của tôi/chúng ta] là người làm việc với tôi [để giảng Phúc Âm] và [chiến đấu như một] người lính với tôi [để bảo vệ Phúc Âm]. -HAY- Ông đã làm việc với tôi [để truyền giảng Phúc Âm] và ông đã giúp tôi chiến đấu [chống lại kẻ thù của Phúc Âm].</p>

Phi-líp. Trong 2:25-30 ông viết về việc sai ông Ê-ba-phô-đi trước.

gọi về với: Sứ đồ Phao-lô sai ông Ê-ba-phô-đi về quê của ông ở thành phố Phi-líp. Tuy nhiên, bản dịch của bạn không nên hàm ý rằng Phao-lô sai ông ta về bởi vì ông không muốn ông ta ở với mình hay ông nghĩ rằng ông Ê-ba-phô-đi đã thất bại. Ông Ê-ba-phô-đi không thất bại và không làm cho ông Phao-lô thất vọng. Đây không phải là lý do ông sai ông Ê-ba-phô-đi về.

2:25b

ông là một người anh em: Đây có vẻ như có nghĩa là “một bạn hữu trong Chúa giống như là anh em của tôi”. Không ai biết ông Ê-ba-

phô-đi bao nhiêu tuổi. Tuy nhiên, nếu bạn phải phân biệt rõ đối với ngôn ngữ của bạn, có lẽ tốt nhất là cho ông Ê-ba-phô-đi trẻ tuổi hơn sứ đồ Phao-lô.

một người đồng lao: Đây nói đến một người cùng làm việc với một người khác.

một chiến hữu của tôi: Đây có nghĩa là ông Ê-ba-phô-đi giúp đỡ sứ đồ Phao-lô bênh vực Phúc Âm đối với những người chống đối Phúc Âm. Bạn có thể thay nhóm từ *chiến hữu* bằng “anh ấy giống như một người lính chiến đấu bên cạnh tôi”. Một số ngôn ngữ phải nói rõ ai là người chống đối Phúc Âm. Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về những kẻ thù này là những người

chống đối lại Phúc Âm, Sa-tan và lực lượng tà linh, hay cả hai. Có lẽ tốt nhất là dùng một nhóm từ diễn tả một cách tổng quát như là “kẻ thù của Phúc Âm”, mà không phải nói rõ kẻ thù đó là ai.

2:25c

sứ giả của anh chị em: Bản Hy-lạp dùng từ *apostolos*, có nghĩa là “đại diện” hay “sứ giả”. Từ này không có nghĩa thông thường như cụm từ “sứ đồ” có ở trong Tân Ước. Ông Ê-ba-phô-đi không phải là sứ đồ như Phê-rơ và Phao-lô. Ông chỉ đại diện cho những người gửi ông đi. Các con dân Chúa sai ông đi để giúp đỡ cho sứ đồ Phao-lô, kể cả việc chuyển quà tặng (4:18). Hãy xem ‘sứ giả’ trong Danh Sách Từ Ngữ ở cuối sách.

để giúp đỡ các nhu yếu cho tôi: Các người Phi-líp sai ông Ê-ba-phô-đi mang tiền làm quà tặng cho Phao-lô, có lẽ từ các con dân Chúa quyên góp. Họ cũng sai ông đến để giúp Phao-lô trong những việc khác trong lúc ở tù.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:25: Đối với một số ngôn ngữ cần phải thay đổi thứ tự trong câu để 2:25 sẽ nối kết dễ dàng với 2:26. Sau đây là thí dụ của cách chuyển ngữ 2:25:

^cAnh chị em đã sai [ông] Ê-ba-phô-đi làm sứ giả để cung cấp các thứ tôi cần.^bNhư là một anh em [trong Chúa] ông ấy đã giúp tôi trong [công việc truyền giảng Phúc Âm] và cùng với tôi chống lại [những kẻ thù của Phúc Âm].

^aTôi đã quyết định rằng ông ấy cần phải về lại với anh chị em.

2:26a

Vì: 2:26 là lý do của 2:25a.

ông ấy mong ước gặp lại tất cả anh chị em: Ông Ê-ba-phô-đi lo ngại rằng những người Phi-líp lo lắng nhiều quá về ông. Ông rất muốn gặp lại họ vì ông quan tâm đến họ. Hãy xem lời giải thích của “tôi trù mến tất cả anh chị em” trong 1:8.

lo âu: Ông Ê-ba-phô-đi quan tâm và buồn bực bởi vì những người Phi-líp lo lắng về ông.

2:26b

bị đau: Ông Ê-ba-phô-đi đã bị đau. Câu kế tiếp cho thấy là ông bị đau nặng.

2:27b

Đức Chúa Trời đã thương xót: Điều này hàm ý hai điều: Đức Chúa Trời không để ông chết, và Ngài chữa lành cho ông. Có nhiều cách để chuyển ngữ nhóm từ này:

Đức Chúa Trời thương hại ông.

-HAY-

Đức Chúa Trời nhân từ với ông.

-HAY-

Đức Chúa Trời có lòng thương xót đối với ông.

Có thể cần phải để thông tin rõ ràng là Đức Chúa Trời làm cho ông Ê-ba-phô-đi mạnh khoẻ trở lại.

2:27c

không những chỉ thương xót ông mà cả tôi nữa: Đức Chúa Trời không những chỉ thương xót ông Ê-ba-phô-đi, Ngài cũng thương xót sứ đồ Phao-lô nữa bởi vì (2:27d) Phao-lô chắc sẽ buồn lắm nếu Ê-ba-phô-đi chết.

Trong một số bản dịch nhóm từ *không những chỉ thương xót ông* được bỏ đi vì khó hiểu. Một vài bản dịch dùng: “Đức Chúa Trời đã thương xót ông ấy” (2:27b) “và cũng thương xót tôi nữa” (2:27c). Hãy xem PKTCCN của 2:27c.

2:27d

không phải chịu hết buồn phiền này đến buồn phiền khác: Nhóm từ này cho thấy mục đích của việc Đức Chúa Trời bày tỏ sự thương xót đối với Ê-ba-phô-đi và Phao-lô. Phao-lô muốn nói: “[Đức Chúa Trời đã thương xót ông ấy và tôi] để tôi không phải buồn phiền hơn bây giờ nữa”. Nói một cách khác là: “[Đức Chúa Trời đã thương xót ông ấy và tôi] để tôi sẽ không phải khổ nhiều hơn là tôi đang bị khổ rồi”.

- 2:25c** **ông cũng là sứ giả của anh chị em gửi đến để giúp đỡ các nhu yếu cho tôi.**
Anh chị em đã gửi ông đến, như là người đại diện cho anh chị em.
-HAY-
Anh chị em đã sai ông đại diện cho anh chị em để giúp đỡ tôi những điều tôi cần.
- 2:26a** **Vì ông ấy mong ước gặp lại tất cả anh chị em và lo âu**
[Tôi gửi ông trở lại] vì ông thật muốn gặp [lại] tất cả anh chị em và rất là buồn bực
-HAY-
[Tôi gửi ông trở lại] bởi vì ông rất quan tâm về tất cả anh chị em, và [bởi vì] ông rất buồn bực,
- 2:26b** **vì anh chị em đã nghe tin mình bị đau.**
bởi vì [ông biết rằng] anh chị em đã [quan tâm khi] nghe nói ông bị đau.
-HAY-
vì [ông biết rằng] anh chị em nghe nói ông bị đau [và ông biết anh chị em đang lo lắng cho ông].
- 2:27a** **Thật vậy ông ấy đã mắc bệnh nặng gần chết**
Ông có bị bệnh. [Thật ra] ông bệnh gần chết.
-HAY-
[Anh chị em đã nghe đúng rằng] ông bị bệnh. Ông [bệnh đến nỗi] gần chết.
- 2:27b** **nhưng Đức Chúa Trời đã thương xót,**
Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã thương xót [và chữa lành cho ông].
-HAY-
Nhưng Đức Chúa Trời nhân từ với ông [và đã không để cho ông chết].
- 2:27c** **không những chỉ thương xót ông mà cả tôi nữa,**
Đức Chúa Trời không những chỉ thương xót ông mà cũng thương xót tôi nữa.
-HAY-
Đức Chúa Trời nhân từ với ông, và Ngài cũng nhân từ với tôi nữa.
- 2:27d** **để tôi không phải chịu hết buồn phiền này đến buồn phiền khác.**
Ngài không muốn tôi có thêm một lý do nữa để buồn rầu cộng thêm vào lý do tôi đã có để mà buồn.
-HAY-
[Ngài thương xót tôi] để tôi không phải buồn rầu hơn [nếu ông chết].

Một số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ *buồn phiền* đầu tiên nói đến Phao-lô buồn rầu vì cố Ê-ba-phô-đi bị đau. Những các học giả Kinh Thánh khác nghĩ rằng

Phao-lô buồn rầu vì cố ông bị ở tù. Họ đều đồng ý với nhau rằng từ *buồn phiền* thứ nhì là nếu như Ê-ba-phô-đi bị bệnh chết thì Phao-lô sẽ rất buồn.

2:28a

Vì thế: Đây có thể chuyển ngữ là “Vây...”, hay “Vì lý do này...”, hay “Đó là lý do...” Phao-lô tuyên bố lý do ông muốn sai Ê-ba-phô-đi về trong 2:26-27.

tôi cử ông ấy trở về:

(BCG) tôi vội cho anh ấy trở về: Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có hai ý nghĩa:

- (1) Nó có nghĩa là “hăng hái hơn, sốt sắng, khẩn cấp”: Phao-lô rất muốn sai Ê-ba-phô-đi đi về (BDY).
- (2) Nó có nghĩa là “nhanh hơn” hay “ngay khi có thể nhanh được”: Phao-lô muốn sai Ê-ba-phô-đi về lại càng sớm càng tốt (BDM, BDC, BCG).

Hầu hết các bản dịch theo cách giải thích thứ nhất, chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách đó. Tuy nhiên, sự giải thích thứ hai cũng có thể đúng và có nhiều học giả Kinh Thánh ủng hộ quan niệm này. Nếu bạn muốn theo cách giải thích thứ nhì, bạn có thể nói như sau:

Vây nên tôi sai ông ta về ngay khi có thể được

-HAY-

Vây tôi sẽ sai ông ta về lại với anh chị em ngay khi tôi có thể làm được.

2:28b

để anh chị em gặp lại ông và vui mừng: Sứ đồ Phao-lô hy vọng rằng họ rất vui mừng được gặp ông Ê-ba-phô-đi lại. Họ cũng sẽ rất vui và thoải mái biết là ông ấy hết bệnh rồi.

2:28c

còn tôi thì khỏi lo âu: Sứ đồ Phao-lô sai ông Ê-ba-phô-đi về để giải quyết hai nan đề: người Phi-líp không phải lo lắng về ông Ê-ba-phô-đi nữa; và Phao-lô không còn buồn vì thấy người Phi-líp lo lắng về Ê-ba-phô-đi.

khỏi lo âu: ý nghĩa thông thường của từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *khỏi lo âu* là “không đau đớn”. Trong ngữ cảnh này, nó không đề cập đến sự đau đớn thể xác, nhưng là lo âu hay buồn rầu. Hầu hết các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng hình thức của từ Hy-lạp này không có nghĩa là Phao-lô

không có buồn rầu, nhưng mà sự buồn rầu của ông ít bớt đi.

2:29

Trong câu này Phao-lô tỏ vẻ một cách mạnh mẽ những người Phi-líp vui mừng chấp nhận sự trở lại của Ê-ba-phô-đi. Không biết rõ tại sao Phao-lô lại phải khuyến khích họ làm như vậy. Có thể là vì ông nghĩ rằng những người Phi-líp có thể sẽ tức giận vì Ê-ba-phô-đi trở lại với họ sớm quá. Họ nghĩ là ông sẽ ở lại và chăm sóc Phao-lô. Làm như vậy Phao-lô đã cố gắng trấn an họ rằng Ê-ba-phô-đi rất là quý báu cho ông, và thuyết phục họ rằng sự thay đổi các kế hoạch thật đúng là điều Đức Chúa Trời muốn. Hay Phao-lô có thể chỉ muốn khuyến khích họ vui mừng hoan nghênh Ê-ba-phô-đi trở lại, như điều ông mong đợi, như được hàm ý trong 2:28b.

2:29a

Vây, hãy hết sức vui mừng mà hoan nghênh ông trong Chúa: Họ nên tiếp nhận ông trở lại như một anh em trong Chúa.

trong Chúa: Có thể hiểu cụm từ này theo nhiều cách. Hai cách hiểu chính là:

- (1) Những người Phi-líp nên tiếp nhận ông Ê-ba-phô-đi là một anh em trong Chúa, bởi vì ông cũng thuộc về Chúa.
- (2) Họ nên hoan nghênh ông Ê-ba-phô-đi như là họ hoan nghênh một tín hữu khác, bằng một cách thích hợp.

Hầu hết các bản dịch không xác định rõ và bạn có thể để câu này như vậy trong bản dịch của bạn. PKTCCN theo cách giải thích (1). Nếu bạn muốn theo cách giải thích (2) bạn có thể nói:

Hết sức vui mừng hoan nghênh ông như là cách bạn nên hoan nghênh một tín hữu khác.

2:29b

hãy kính trọng những người như thế: Phao-lô nhắc nhở những người Phi-líp rằng họ nên tôn trọng Ê-ba-phô-đi và những người khác giống như ông ta.

những người như thế: Đây nói đến các con dân Chúa đã phục vụ Chúa một cách

2:28a	<p>Vì thế, tôi cử ông ấy trở về (BCG) Do đó, tôi vội cho anh ấy trở về, Vậy nên tôi hăng hái sai ông [trở lại với anh chị em] hơn, -HAY- Đây là lý do tôi rất muốn sai ông [trở lại] với anh chị em,</p>
2:28b	<p>để anh chị em gặp lại ông và vui mừng, để anh chị em có thể gặp lại ông và vui mừng,</p>
2:28c	<p>còn tôi thì khỏi lo âu. và [cũng để] tôi bớt lo lắng [vì biết rằng anh chị em vui mừng].</p>
2:29a	<p>Vậy hãy hết sức vui mừng mà hoan nghênh ông trong Chúa [Vậy] hãy hết sức vui mừng tiếp đón ông [trở lại], [như người anh em] trong Chúa. -HAY- Hãy vui mừng vì anh chị em có thể hoan nghênh người tín hữu của anh chị em.</p>
2:29b	<p>và hãy kính trọng những người như thế. Anh chị em nên kính trọng [ông và] những người như ông ấy -HAY- Hãy tôn trọng ông và những người giống như ông.</p>
2:30a	<p>Chính vì công việc của Chúa Cứu Thế mà ông đã suýt chết; liều mạng sống mình bởi vì ông đã suýt chết vì hầu việc Đức Chúa Trời và ông đã liều mạng sống mình -HAY- [Hãy tôn trọng ông] bởi vì ông đã liều mạng sống mình và gần chết vì đã làm công việc của Chúa Cứu Thế.</p>

trung tín giống như Ê-ba-phô-đi đã làm. 2:30 giải thích rõ hơn tại sao họ nên tôn trọng ông.

2:30a

Chính vì: Câu này giải thích tại sao những người Phi-líp nên tôn kính ông Ê-ba-phô-đi.

công việc của Chúa Cứu Thế: Trong khi ông Ê-ba-phô-đi giúp đỡ Phao-lô đó là ông hầu việc Chúa Cứu Thế.

liều mạng sống mình: Đây lặp lại cùng một ý “ông ấy gần chết”. Một người *liều mạng*

khi người ấy làm một việc gì khiến cho người ấy phải chết. Phao-lô không nói việc này là gì, nhưng có lẽ là việc gì đã làm cho ông Ê-ba-phô-đi bị đau. Có thể là ông ấy vẫn phải tiếp tục đi đến thành phố Rô-ma để thăm Phao-lô mặc dù ông ấy đang bị đau. Hay ông ấy có thể tiếp tục giúp đỡ Phao-lô ở tại thành phố Rô-ma, mặc dù ông ấy đang bị đau.

Đối với một số bản dịch phải đổi ngược thứ tự của hai nhóm từ trên. Thí dụ:

ông đã liều mạng sống mình và gần chết.

2:30b

để làm thay những việc mà anh chị em không thể làm được để giúp đỡ tôi: Các con dân Chúa Phi-líp muốn giúp đỡ sứ đồ Phao-lô, nhưng họ không thể đi đến thành phố Rô-ma. Vậy nên họ sai ông Ê-ba-phô-đi mang quà tặng của họ đến và giúp đỡ cho sứ đồ Phao-lô. Ông ta đại diện cho họ để đến

giúp đỡ Phao-lô. Có thể chuyển ngữ một cách khác rõ hơn là:

Ông ấy đã giúp đỡ tôi giống như là anh chị em sẽ làm nếu anh chị em ở đây với tôi.

Hãy chắc chắn là bản dịch của bạn không nói như là sứ đồ Phao-lô đang phàn nàn rằng những người Phi-líp không giúp đỡ cho ông đủ.

Tiểu đoạn 3:1-4:1 Sứ đồ Phao-lô bảo những người Phi-líp nên theo gương của sứ đồ Phao-lô và nhờ cậy Chúa Cứu Thế làm cho họ trở nên công chính

Sứ đồ Phao-lô bảo các tín hữu hãy coi chừng những người dạy rằng các tín hữu phải cắt bì. Ông cũng cảnh cáo họ chống lại những người hãnh diện về làm điều ác. Ông khuyến khích họ nên theo gương của ông: Trở nên giống như Chúa Cứu Thế và chỉ nhờ cậy nơi Ngài để trở nên công chính.

Trong 3:1 và 4:1, Sứ đồ Phao-lô nói về việc vui mừng. Vì vậy, có thể coi là 3:1 là lời giới thiệu cho tiểu đoạn này và 4:1 là tóm tắt của tiểu đoạn này. Tuy nhiên, một số bản dịch coi 3:1a là câu cuối cùng của tiểu đoạn trước và để nó vào cuối chương (BDC, BDY). Bạn có thể theo bất cứ bản dịch nào bạn muốn.

Đoạn văn 3:1a

3:1a

Sau hết: Từ Hy-lạp *to loipon* được dùng trong bản Hy-lạp có thể giải thích theo nhiều hơn là một cách:

- (1) Một số học giả Kinh Thánh nói rằng nhóm từ này cho thấy sự thay đổi qua một đề tài mới và tốt nhất nên chuyển ngữ là “hơn thế nữa” hay “còn về các vấn đề khác” (BCG).
- (2) Các học giả Kinh Thánh khác nghĩ rằng nhóm từ này cho thấy Phao-lô định chấm dứt thư của ông tại điểm này. Khi ông đổi ý và bắt đầu viết về một đề tài khác, ông để nhóm từ này lại ở giữa thư của ông (BDM, BDC).

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn, có cách để cho thấy là chuyển sang một đề tài khác, thì tốt nhất là bạn nên dùng nó ở đây. Nếu ngôn ngữ của bạn không có cách nào để chỉ một sự thay đổi đề tài như vậy, bạn có thể cân phải để *to loipon* không chuyển ngữ (như trong BDY).

Thưa anh chị em: Hãy xem lời giải thích của 1:12a.

hãy vui mừng trong Chúa: Dưới đây là nhiều cách khác nhau để nói *hãy vui mừng trong Chúa*. Những câu này giúp giải nghĩa cũng như các cách để chuyển ngữ:

hãy vui mừng bởi vì [những điều] Chúa [đã làm cho anh chị em].

-HAY-

hãy vui mừng bởi [vì anh chị em thuộc về] Chúa.

hãy vui mừng: Từ Hy-lạp dùng cho *hãy vui mừng* ở đây có nghĩa là “hãy hạnh phúc”.

Đoạn văn 3:1b-4a

Sứ đồ Phao-lô nói các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp phải cảnh giác về các người gian ác đang dạy họ rằng họ phải chịu phép cắt bì để trở nên con dân của Đức Chúa Trời. Họ đã là con dân của Đức Chúa Trời, nhưng không phải là bởi vì họ vâng theo luật lệ của người Do Thái. Họ là con dân của Đức Chúa Trời bởi vì họ đã hy sinh tất cả mọi sự để

2:30b để làm thay những việc mà anh chị em không thể làm được để giúp đỡ tôi. để [đại diện anh chị em] trong việc giúp đỡ [tôi] vì anh chị em không thể làm được.
-HAY-
 [Ông đã làm như vậy] để ông có thể giúp đỡ tôi trong những cách mà anh chị em không thể làm được [bởi vì anh chị em không có mặt ở đây].

Tiểu đoạn 3:1-4:1 Sứ đồ Phao-lô bảo những người Phi-líp nên theo gương của sứ đồ Phao-lô và nhờ cậy Chúa Cứu Thế làm cho họ trở nên công chính

3:1a Sau hết, thưa anh chị em của tôi, hãy vui mừng trong Chúa.
 ¶ Hơn thế nữa, anh [chị] em [trong Chúa Cứu Thế], hãy vui mừng vì [các điều] Chúa [đang làm].
-HAY-
 ¶ Các anh chị em tín hữu, còn về các vấn đề khác, hãy vui mừng [bởi] vì [anh chị em thuộc về] Chúa.

3:1b Nhắc lại cho anh chị em những điều này không có gì phiền cho tôi
 ¶ Không có gì phiền cho tôi để lập lại với anh chị em điều tôi đã nói,
-HAY-
 ¶ Tôi không ngại nhắc lại điều tôi đã nói với anh chị em,

biết Chúa Cứu Thế và thuộc về Ngài. Sứ đồ Phao-lô nói rõ là Đức Chúa Trời cứu rỗi người ta bởi vì điều Chúa Giê-su đã làm cho họ, không phải bởi vì họ tuân theo luật lệ của người Do Thái.

3:1b

Nhắc lại cho anh chị em những điều này:
 Sứ đồ Phao-lô nói rằng ông muốn lập lại những điều mà những người ở thành phố Phi-líp đã nghe trước đó. Ông không ngại làm điều đó vì ông biết là có ích lợi.

những điều này: Nhóm từ này có thể được hiểu là đề cập đến:

- (1) Những lời cảnh cáo mà sứ đồ Phao-lô đã nói với những người ở thành Phi-líp trước đó, trong các thư khác hay khi ông ở với họ. Các bản dịch giống như BDY bắt đầu một tiểu đoạn mới ở 3:1b theo cách giải thích này.

- (2) Các mệnh lệnh về hãy vui mừng mà sứ đồ Phao-lô nói đến ở trong 2:18 và 3:1. Sứ đồ Phao-lô đã nói đến vui mừng trong 1:18; 2:2; và 2:17-19. Các bản dịch này để 3:1a và 3:1b trong cùng một đoạn và bắt đầu một đoạn mới với 3:2. BDM, BDC theo cách giải thích này.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất. Ở đây Phao-lô bắt đầu thảo luận một lần nữa về các lời cảnh cáo mà ông đã nói với họ trước đó và nói rằng những lời cảnh cáo này là cần thiết cho sự an toàn về thuộc linh cho các tín hữu ở tại thành phố Phi-líp.

Nhóm từ *những điều này* có thể chuyển ngữ là:

điều tôi đã khuyên anh chị em trước đây.

3:1c

nhưng bảo đảm cho anh chị em: Đây có nghĩa là nếu những người ở thành phố Phi-líp chú ý lắng nghe những lời cảnh cáo được lập đi lập lại của sứ đồ Phao-lô, họ sẽ được bảo vệ khỏi sự dạy dỗ các tà giáo. Phao-lô không muốn những người khác lừa gạt các tín hữu. Ông muốn ngăn ngừa không để những người Phi-líp bối rối về điều họ đã tin, và ông muốn giúp họ không bị những người khác làm hại họ về phần thuộc linh.

bảo đảm: Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp là một tính từ và có nghĩa là “an toàn”. Đối với ngôn ngữ của bạn có thể chuyển ngữ với một tính từ mô tả các lời cảnh cáo này làm cho họ an toàn.

3:2

Đa số các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng ba lời cảnh cáo trong câu này đều nói về cùng một nhóm người. Những lời cảnh cáo về *bọn chó*, và *các công nhân gian ác*, và *kẻ cắt da thịt*. Một nhóm người Do Thái tuyên bố là con dân Chúa đang dạy dỗ rằng tất cả các con dân Chúa phải vâng theo luật lệ Do Thái để trở nên con dân thật của Chúa. Sứ đồ Phao-lô phản đối mạnh mẽ sự dạy dỗ này và nhấn mạnh rằng người ta trở nên con dân Chúa qua sự thay đổi về phần thuộc linh, không phải về phần thể xác.

3:2a

Hãy coi chừng: Sứ đồ Phao-lô cảnh cáo các người Phi-líp đừng tin theo điều không đúng mà một số các tín hữu gốc Do Thái đang dạy dỗ. Một số bản dịch dùng: “đừng để bị lừa gạt” hay “đừng tin chúng”.

bọn chó: Người Do Thái thường dùng cụm từ *bọn chó* để ám chỉ người ngoại quốc. Đây là bởi vì người Do Thái coi chó là những con vật không tinh sạch. Họ nghĩ rằng những người ngoại quốc cũng ô uế không dự các nghi lễ của họ được. (Hãy xem Thánh Thi 22:16, Mác 7:24-30, và Khải Huyền 22:15 về các thí dụ khác về việc dùng từ *chó* như vậy.) Trong câu này, sứ đồ Phao-lô đối ý ngược lại. Ông nói rằng các tín hữu gốc Do Thái là gian ác và giống như chó. Họ giống

như những người ngoại quốc ngoại giáo bởi vì sự dạy dỗ của họ hoàn toàn sai.

Đối với một số ngôn ngữ, dùng từ *chó* có thể có ý nghĩa không thích hợp với ngữ cảnh. Có thể dùng một từ tổng quát để chỉ “con vật nguy hiểm, dơ bẩn” hay có thể tốt nhất là chuyển ngữ theo ý nghĩa mà không cần dùng ẩn dụ. Thí dụ, có thể chuyển ngữ nhóm từ *bọn chó* là:

những người hành động như người chưa tin Chúa.

3:2b

hãy coi chừng đám công nhân gian ác: Nhóm từ này giải nghĩa thêm cụm từ “bọn chó” đề cập đến *đám công nhân gian ác*.

Lời chú thích tổng quát về 3:2a-b: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải thay đổi thứ tự của hai nhóm từ này. Thí dụ:

hãy cảnh giác về những người làm điều gian ác, họ giống như một bầy chó dơ bẩn.

3:2c

những kẻ cắt da thịt: Đây là cách mô tả thứ ba để chỉ về cùng một nhóm người. Họ được mô tả là *những kẻ cắt da thịt*, có nghĩa là “chặt bỏ” hay “chặt ra”. Đây là một cách chơi chữ của từ Hy-lạp dùng để chỉ “phép cắt bì”, có nghĩa là “cắt chung quanh”.

“Phép cắt bì” là sự cắt bỏ lớp da bọc quy đầu của dương vật. Một trong những luật lệ của người Do Thái là tất cả các người đàn ông Do Thái và những người cải đạo đều phải chịu phép cắt bì như một biểu tượng cho thấy là họ thuộc về Đức Chúa Trời. Những người gốc Do Thái Giáo dạy rằng những người ngoại quốc cải đạo cũng phải chịu phép cắt bì. Ở đây trong 3:2c Phao-lô chống lại sự dạy dỗ này. Ông nói những người gốc Do Thái Giáo giống như những người chặt nhỏ một vật gì ra từng miếng một để hủy diệt nó. Phao-lô nói rằng không cần phải chịu phép cắt bì để trở nên con dân Chúa và vì vậy ông dùng cách nói mạnh mẽ để chống lại những người này bằng cách gọi là *những kẻ cắt da thịt*.

- 3:1c** **nhưng bảo đảm cho anh chị em.**
và nó sẽ là sự bảo đảm cho anh chị em.
-HAY-
[bởi vì] những điều này sẽ giữ gìn anh chị em [chống lại các giáo sư giả].
- 3:2a** **Hãy coi chừng bọn chó,**
Hãy coi chừng những [người gian ác là người giống như] con chó.
-HAY-
Đừng bị lừa gạt bởi những người [giống như] những người ngoại giáo,
- 3:2b** **hãy coi chừng đám công nhân gian ác,**
[Hãy coi chừng họ bởi vì] điều họ làm là gian ác.
-HAY -
những người làm những việc gian ác.
- 3:2c** **hãy coi chừng những kẻ cắt da thịt.**
Họ đòi [một cách sai lầm] rằng những người đàn ông [muốn trở thành Cơ Đốc nhân] phải chịu cắt bì.
-HAY-
Họ cắt thân thể của những người đàn ông [mà không được việc gì].
- 3:3a** **Vì chúng ta mới thật là những người được cắt bì,**
Chính chúng ta mới thật là con cái Đức Chúa Trời.
-HAY-
[Tôi nói điều này] bởi vì chúng ta là con cái thật của Đức Chúa Trời [chứ không phải những người này].

Trong một số văn hoá người ta không biết về phép cắt bì, tốt hơn nên giải thích phong tục cắt bì này trong một lời chú thích ở cuối trang hay trong danh sách từ ngữ. Cần nói rõ ràng là họ không cắt hẳn dương vật, chỉ cắt một vòng da nhỏ ở xung quanh đầu. Nếu trong văn hoá của bạn việc đề cập đến cơ quan sinh dục là không thích hợp, bạn nên dùng từ ngữ nào mà được chấp nhận ở đây.

Hầu hết các ngôn ngữ không thể giữ được cách chơi chữ mà Phao-lô dùng trong bản dịch của họ. Nhưng hãy tìm cách để nói lên sự tương phản giữa “cắt bì” (hay “cắt chung quanh”) và “cắt xẻo” (hay “cắt nhỏ ra”).

3:3a

chúng ta: Từ *chúng ta* trong câu này bao gồm những người ở tại thành phố Phi-líp và cả Phao-lô nữa. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ là từ này không bao gồm các tín hữu gốc Do Thái Giáo. Thí dụ:

Chúng không phải là con cái thật của Đức Chúa Trời. Chính chúng ta là những người đi theo Ngài.

Vì chúng ta mới thật là những người được cắt bì: Sứ đồ Phao-lô đang dùng cụm từ *cắt bì* theo nghĩa thuộc linh, có nghĩa là “con dân thật của Đức Chúa Trời”.

3:3b

nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời mà thờ phượng: Các bản thảo Hy-lạp khác nhau dùng từ khác nhau ở đây. Các bản dịch theo các lối giải thích khác nhau:

- (1) “nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời mà thờ phượng” (BDM, BDC);
- (2) “thờ phượng Đức Chúa Trời bởi Thánh Linh” (BCG, BDY).

Hai cách giải thích này có ý nghĩa giống nhau. Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất. Phao-lô nói rằng các tín hữu thật thờ phượng nhờ Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, đối với một số ngôn ngữ cần phải có túc từ cho *thờ phượng*. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn cũng như vậy, bạn nên dùng “Đức Chúa Trời” làm túc từ cho *thờ phượng*.

Sau đây là một số ý trong việc chuyển ngữ 3:3b:

Chúng ta thờ phượng [Đức Chúa Trời] bởi vì Thánh Linh của Ngài giúp đỡ chúng ta

-HAY-

Đức Thánh Linh là Đấng giúp đỡ chúng ta thờ phượng [Đức Chúa Trời/Ngài].

Lời chú thích tổng quát 3:3a-b: Sau đây là một cách chuyển ngữ khác của 3:3a-b:

Chúng ta là con dân thật của Đức Chúa Trời, nhờ Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời chúng ta thờ phượng [Đức Chúa Trời].

3:3c

hãnh diện trong Chúa Cứu Thế Giê-su: Ở đây Phao-lô nói rằng các tín hữu thật chỉ hãnh diện, và nhờ cậy vào Chúa Cứu Thế Giê-su cứu họ.

hãnh diện: Từ Hy-lạp *kauchaomai*, được dùng ở đây có nghĩa là hãnh diện về một việc gì đó, hay vui mừng về một việc gì. Một hình thức khác của cùng một từ Hy-lạp này được dùng trong 2:16 ở một văn mạch hơi khác.

Toàn thể nhóm từ *hãnh diện trong Chúa Cứu Thế Giê-su* có thể chuyển ngữ là:

Chúng ta hãnh diện bởi vì Chúa Cứu Thế Giê-su [là Đấng đã cứu chúng ta].

-HAY-

Chúa Cứu Thế Giê-su là Đấng chúng ta hãnh diện.

không nhờ cậy vào thân xác phàm tục: Người tín hữu không thể nhờ cậy vào bất cứ điều gì khác ngoại trừ Chúa Cứu Thế. Người tín hữu không thể nhờ cậy vào các nghi lễ truyền thống, như phép cắt bì, hay bất cứ công đức nào của người ấy.

nhờ cậy: Đây có nghĩa là tin cậy vào một điều gì, hay tùy thuộc, nhờ cậy vào một việc gì hay một người nào.

thân xác phàm tục: Nhóm từ này đến từ *sarx* trong tiếng Hy-lạp, chuyển ngữ sát nghĩa là “xác thịt”. Từ *sarx* là một từ quan trọng trong các thư tín ở trong Tân Ước. Tuy nhiên, nó được dùng bằng những cách khác nhau trong hoàn cảnh khác nhau. Vì vậy, cần phải làm cho rõ nghĩa trong mỗi đoạn chứ không phải chỉ chuyển ngữ từng từ một.

Trong đoạn này (3:3-6), *sarx* nói đến truyền thống của con người, cố gắng của loài người, các việc của đời này, và đặc biệt là các vật ngoại tại. Phao-lô so sánh sự tương phản giữa các vật của đời này (3:3-6) với các vật thuộc linh (3:7-11). Ông so sánh sự tương phản của chúng một lần nữa ở trong 3:19-21.

Đây là một vài ý tưởng để chuyển ngữ nhóm từ *không nhờ cậy vào thân xác phàm tục*:

Chúng ta không tin cậy vào những điều con người làm.

-HAY-

Chúng ta không tin rằng Đức Chúa Trời cứu chúng ta bởi vì các việc chúng ta làm như một con người.

-HAY-

Chúng ta không nhờ cậy cách ăn ở ở đời này [như phép cắt bì cứu chúng ta].

Lời chú thích tổng quát về 3:2-3: Một số bản dịch tránh dùng *phép cắt bì* trong 3:2-3. Hãy xem 3:2c và 3:3a trong PKTCCN. Tuy nhiên, phép cắt bì là từ ngữ rất quan trọng trong Kinh Thánh và ở một thời điểm nào đó bạn sẽ phải quyết định chuyển ngữ nó như thế nào. Một số bản dịch dùng “nghi lễ cắt”, “lễ cắt” hay “lễ cắt xác”. Những người khác đã cố gắng theo bản Hy-lạp và dùng một từ có nghĩa là cắt xung quanh. Nếu trong bản

3:3b	<p>những người nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời mà thờ phượng, Chúng ta [là những người] thờ phượng [Đức Chúa Trời] qua [sự giúp đỡ của] Đức Thánh Linh. -HAY- Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời giúp chúng ta thờ phượng [Ngài/Đức Chúa Trời].</p>
3:3c	<p>hãnh diện trong Chúa Cứu Thế Giê-su chứ không nhờ cậy vào thân xác phàm tục. Chúng ta tôn vinh Chúa Cứu Thế Giê-su và không nhờ cậy vào sự cố gắng của loài người, -HAY- Chúng ta hãnh diện trong Chúa Cứu Thế Giê-su [và nhờ cậy nơi Ngài], hơn là nhờ cậy nơi việc chúng ta đã làm [để cho Đức Chúa Trời cứu rỗi chúng ta].</p>
3:4a	<p>Mặc dầu chính tôi cũng có lý do để kiêu hãnh về thân xác phàm tục. mặc dù chính tôi có lý do [tốt] để nhờ cậy vào [sự cố gắng của riêng tôi]. -HAY- [Điều này là sự thật, dù] [theo cách suy nghĩ của người ta] chính tôi có [rất] nhiều lý do để nhờ cậy [vào những điều tôi làm] [để cho Đức Chúa Trời chấp nhận tôi].</p>

dịch của bạn có danh sách từ ngữ, hãy nhớ giải thích từ này rõ ràng.

3:4a

Mặc dầu chính tôi cũng có lý do để kiêu hãnh về thân xác phàm tục: Có thể đối với ngôn ngữ của bạn tốt hơn là làm câu này thành một câu riêng biệt. Phao-lô đang nói đến một điều để bổ túc cho lời tuyên bố trước đó của ông. Để bày tỏ điều này có thể bạn cần phải bắt đầu mệnh đề này bằng một nhóm từ như là “Tuy nhiên, thật ra...”

chính tôi: Từ Hy-lạp nhấn mạnh đến ngôi thứ nhất số ít, *tôi*. Muốn làm như vậy BDM dùng *chính tôi*. BDC dùng “*á chẳng phải tôi*” và BCG dùng “*tôi đây*”. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn dùng một đại từ hay nhóm từ đặc biệt để cho thấy sự nhấn mạnh, bạn có thể dùng đại từ hay nhóm từ ấy ở đây.

có lý do để kiêu hãnh: Đoạn kinh văn trong 3:5-6 liệt kê các lý do này *Lý do để kiêu hãnh* chỉ là một từ ở trong bản Hy-lạp. Nghĩa đen của nó là “lý do để tin cậy”.

Đoạn văn 3:4b-6

Phao-lô nói: “Nếu điều ấy có chút giá trị nào thì tôi có thể nhờ cậy vào dòng dõi Do Thái của tôi, và sự giữ theo đúng Kinh Luật Do Thái của tôi, để Đức Chúa Trời có thể coi tôi thuộc về Ngài hơn bất cứ một người nào khác”.

Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ ngắt đoạn ở đây. Các bản dịch tiếng Việt đặt 3:4b cùng với 3:4a. Đây có lẽ là vì nó chia cắt một câu ở trong bản Hy-lạp.

3:4b

Phao-lô không nói rằng ông thật sự nhờ cậy nơi thân thể của ông. Trong 3:7-11 ông nói rõ ràng nhờ cậy vào những điều như vậy không có ích lợi gì. Ông nói rằng nếu thân thể con người là quan trọng, thì ông có một thân thể rất tốt để mà nhờ cậy vào. Trong một số bản dịch có thể phải nói rõ điều này bằng cách dùng một nhóm từ như sau ở phần bắt đầu của đoạn:

Giả thử rằng các thứ của thế gian này thật có giá trị...

Nếu ai khác tưởng họ có lý do để kiêu hãnh về thân xác phàm tục: Đây là một mệnh đề “nếu”, nhưng Phao-lô không có ý bày tỏ sự nghi ngờ ở đây. Ông đã biết rằng một số người, những người ông đang chỉ trích, nhờ cậy vào thân xác. Đối với một số ngôn ngữ nếu chuyển ngữ từng từ một như vậy sẽ làm người đọc hiểu lầm là có sự nghi ngờ về những người như vậy có thật hay không. Vậy nên có thể cần phải nói: “Vì một số người nghĩ là họ có thể tin cậy...”

họ có lý do để kiêu hãnh: Động từ này có cùng một gốc với danh từ được chuyển ngữ là “nhờ cậy vào” trong 3:3c. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó. Có thể chuyển ngữ là “ông có thể nhờ cậy vào” hay “ông có lý do để nhờ cậy”.

tôi đây có nhiều hơn: Phao-lô nói “tôi có nhiều lý do để nhờ cậy vào những điều của thế gian này hơn ông ấy”. Có thể nói một cách khác là:

Tôi có đủ điều kiện để nhờ cậy vào vật chất và truyền thống của con người hơn bất cứ người nào khác.

3:5-6

Trong 3:5-6 Phao-lô liệt kê những lý do tại sao ông có thể nhờ cậy nơi truyền thống của loài người và công đức của riêng mình, nếu những điều đó là quan trọng. Lời bình luận của ông có thể sắp vào hai nhóm. Thứ nhất, ông liệt kê bốn điều cho thấy ông là một người Do Thái thật sự (3:5a-c), những điều này ông có từ khi mới sinh ra, không liên quan đến những việc ông làm. Sau đó ông liệt kê ba điều là kết quả của những việc ông đã làm (3:5d-3:6b). Bảy điều này có thể cho ông có lý do để hãnh diện về việc ông là một người Do Thái. Nhưng ông đã lựa chọn không nhờ cậy những điều đó.

Trong bản dịch của bạn, bạn có thể để một câu vào phần đầu của 3:5 để giải thích rằng Phao-lô liệt kê trong 3:5-6 các lý do tại sao ông có thể nhờ cậy vào những điều thuộc về đời này. Hãy xem PKTCCN của 3:5a.

3:5a

chịu phép cắt bì khi sinh được tám ngày: Một lý do mà Phao-lô có thể tuyên bố là một người Do Thái chính gốc là ông đã chịu phép cắt bì. Luật pháp của Đức Chúa Trời, được ban cho Môi-se, đòi hỏi tất cả những người đàn ông Do Thái phải chịu phép cắt bì sau khi được sanh ra tám ngày. Đây là một dấu hiệu chứng tỏ họ được sanh ra như một tuyển dân của Đức Chúa Trời. Vậy Phao-lô đã nói là ông được cắt bì giống như luật pháp đòi hỏi.

cắt bì: Hãy xem lời giải nghĩa của 3:3a về ý nghĩa của lễ *cắt bì*. Một số ngôn ngữ cần có một chủ từ cho động từ này để cho thấy là ai làm phép cắt bì. Thí dụ như “người ta cắt bì tôi...” hay “các nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái cắt bì tôi...”

khi sinh được tám ngày: Theo cách đếm ngày của người Do Thái, ngày đưa trẻ sanh ra được kể là ngày thứ nhất. Vậy nên *tám ngày* có nghĩa là em bé được sanh ra một

3:4b	<p>Nếu ai khác tưởng họ có lý do để kiêu hãnh về thân xác phạm tục, tôi đây có nhiều hơn.</p> <p>¶ Nếu có ai nghĩ rằng người ấy có lý do [tốt] để nhờ cậy vào các việc [mà con người làm], thì tôi còn có nhiều [lý do] hơn [để nghĩ như vậy].</p> <p>-HAY-</p> <p>¶ Tôi có điều kiện để nhờ cậy nơi sự cố gắng của riêng tôi hơn bất cứ người nào khác.</p>
3:5a	<p>Tôi chịu phép cắt bì khi sinh được tám ngày,</p> <p>Tôi chịu phép cắt dương bì khi mới sanh được một tuần lễ [theo như Đức Chúa Trời đã truyền cho các tổ phụ chúng tôi phải làm].</p> <p>-HAY-</p> <p>[Đây là các lý do của tôi:] Khi tôi sinh ra được bảy ngày, [các nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái] cắt bì tôi [theo như luật pháp của Đức Chúa Trời đã chép].</p>
3:5b	<p>thuộc dòng dõi Y-sơ-ra-ên, chi tộc Bê-n-gia-min,</p> <p>Tôi thuộc về người Y-sơ-ra-ên. [Thật ra,] tôi thuộc về chi tộc [được quý trọng] Bê-n-gia-min.</p> <p>-HAY-</p> <p>Tôi là dòng dõi Gia-cốp và [ngay cả] từ [con trai của ông,] Bê-n-gia-min.</p>

tuần lễ. Hãy chắc chắn là bạn dùng cách đếm ngày theo văn hoá của bạn.

Hãy chú ý rằng CĐN thứ nhất trong PKTCCN nói là “theo như Đức Chúa Trời đã truyền cho các tổ phụ chúng tôi phải làm”. “Chúng tôi” được dùng ở đây thay vì “chúng ta” bởi vì những người ở tại thành phố Phi-líp là người ngoại quốc, họ không có cùng một tổ tiên với Phao-lô và những người Do Thái. Cũng hãy xem CĐN của 3:5d, 3:6a và 3:6b.

3:5b

thuộc dòng dõi Y-sơ-ra-ên: Phao-lô là dòng dõi của ông Gia-cốp. Đức Chúa Trời đổi tên Gia-cốp ra Y-sơ-ra-ên và dòng dõi của ông được gọi là người Y-sơ-ra-ên. Vậy nên Phao-lô nói rằng ông có quan hệ với tất cả mọi người Do Thái.

chi tộc Bê-n-gia-min: Chỉ có một số ít người Do Thái có thể biết tên ông tổ đầu tiên của chi tộc mình. Nhưng Phao-lô biết rằng ông là dòng dõi của Bê-n-gia-min. Điều này có nghĩa là ông thuộc về chi tộc Bê-n-gia-min, là một trong mười hai con trai của ông Gia-cốp. Sau đây là hai ý có thể dùng để chuyển ngữ:

Tôi thuộc về chi tộc Bê-n-gia-min.

-HAY-

Tôi còn đến từ gia đình của Bê-n-gia-min.

chi tộc: Các con trai của ông Gia-cốp là người lãnh đạo trong gia đình của mình, sau này trở nên một chi tộc bởi vì mỗi người con đều có rất đông con cháu. Những chi tộc này có thể gọi là “bộ lạc”, mặc dù tất cả các chi tộc hay bộ lạc này đều nói chung một thứ tiếng: tiếng Hy-bá (Do Thái).

3:5c

người Do Thái con của người Do Thái: Phao-lô nói rằng ông thật sự là người Do Thái và cha mẹ ông cũng vậy. Bạn có thể nói như sau:

Tôi là người Do Thái thuần chủng, do người Do Thái thuần chủng sanh ra.

Hãy chú ý là BDM và BDY dùng tên hiện đại “Do Thái”. Từ được dùng trong bản Hy-lạp (và BDC, BCG) là từ cổ “Hê-bơ-ơ”. Cùng một tên này được dùng trong những thư của sứ đồ Phao-lô viết cho các tín hữu Do Thái được gọi là “Hê-bơ-ơ”. Hãy cẩn thận và nhất quán với tên mà bạn chọn để các đọc giả của bạn không bị lầm lẫn.

3:5d

Sau khi đã liệt kê những điều ông có từ khi sinh ra, Phao-lô liệt kê ba điều mà ông đã làm và làm cho ông hãnh diện.

theo Kinh Luật là một người Pha-ri-si: Nếu bất cứ một người nào thắc mắc không biết Phao-lô có theo luật lệ của người Do Thái không thì câu trả lời là ông là một người Pha-ri-si.

Bây giờ Phao-lô là một Cơ Đốc Nhân, không còn theo những truyền thống của người Pha-ri-si nữa. Có thể đối với ngôn ngữ của bạn nói: “đã là một người Pha-ri-si” thì thích hợp hơn.

theo: Nhóm từ này ở trong 3:5d và hai nhóm từ kể ở trong 3:6 bắt đầu cùng với một từ Hy-lạp *kata*. Từ này có thể chuyển ngữ bằng nhiều cách, BDM và BCG dùng “theo”, và BDC dùng “về”. BDY không chuyển ngữ, thay vào đó người chuyển ngữ dùng thứ tự của các từ ở trong câu để cho thấy đề tài là Kinh Luật. Nhưng bạn hãy cố gắng để chuyển ngữ sao nghe cho có vẻ tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn.

Kinh Luật: Đây muốn nói đến luật lệ về tôn giáo của người Do Thái một cách tổng quát, nói đến Kinh Luật của Môi-se về các chi tiết, đây là cơ bản của các luật lệ tôn giáo này.

người Pha-ri-si: Các người Pha-ri-si là một nhóm ở trong những người theo Do Thái Giáo và tuân theo các luật pháp của

người Do Thái một cách nghiêm ngặt. Họ quan tâm đến từng điểm một của luật pháp. Trước khi ông trở nên Cơ Đốc Nhân, Phao-lô đã trung tín tuân theo các sự dạy dỗ và thực hành của nhóm người này.

Cụm từ *người Pha-ri-si* có thể chuyển ngữ là “thành viên của nhóm người Pha-ri-si”. Nhiều người đọc biết tên *Pha-ri-si* bởi vì họ đã đọc các sách Phúc Âm. Đối với một số ngôn ngữ cần phải giải nghĩa người Pha-ri-si là ai. Đây là một cụm từ quan trọng nên nếu bạn dự định có Danh Sách Từ Ngữ với bản dịch của bạn thì đây là một từ bạn nên thêm vào đó. Bạn cũng có thể để lời giải thích trong một lời chú thích. Sau đây là hai thí dụ để chuyển ngữ 3:5d:

Tôi là một người Pha-ri-si, [có nghĩa là tôi tuân theo luật lệ một cách cẩn thận].

-HAY-

Tôi là một thành viên của nhóm người Pha-ri-si, [là người tuân theo Kinh Luật một cách thông suốt].

3:6a

lòng nhiệt thành: Cụm từ *lòng nhiệt thành* có nghĩa là “đam mê một việc/một thứ gì”. Ở đây có nghĩa là tin Đức Chúa Trời một cách sốt sắng, khuyến khích mọi người tôn trọng Đức Chúa Trời, và dùng cách đó để gây ảnh hưởng với Ngài. Đây là thái độ mà người Do Thái rất tôn trọng. Cụm từ *lòng nhiệt thành* (hay “còn về *lòng nhiệt thành*”) có thể chuyển ngữ là:

Tôi sốt sắng vâng lời Đức Chúa Trời.

bất bớ hội thánh: Trước khi Phao-lô trở nên Cơ Đốc Nhân, ông đã hãm hại những người đi theo Chúa Cứu Thế. Ông đánh đập một số người, bỏ tù một số người và xử tử một số người khác (Công Vụ 8:1-3, 9:1-2). Ông lại làm như vậy bởi vì ông nghĩ rằng họ đang chống lại luật lệ và tôn giáo của người Do Thái. Ông cũng nghĩ rằng cách hầu việc Chúa tốt nhất là hủy diệt các môn đệ của Chúa Giê-su.

hội thánh: Đây muốn nói đến những người đi theo Chúa Cứu Thế. Có thể nói là “các con dân Chúa”, “những người tin Chúa Giê-su”, hay “những người theo Chúa Giê-su”.

- 3:5c** **là người Do Thái, con của người Do Thái,**
 Tôi là người Do Thái [thuần chủng], tổ tiên tôi người Do Thái [thuần chủng].
-HAY-
 Cha mẹ tôi là người Do Thái, nên tôi [cũng] là một người Do Thái.
- 3:5d** **theo Kinh Luật là một người Pha-ri-si,**
 Còn về việc [tuân theo] luật pháp [của Môi-se, tôi là] một người Pha-ri-si.
-HAY-
 Tôi [cẩn thận tuân theo tất cả] luật pháp [mà tổ tiên chúng tôi đã ban cho chúng tôi bởi vì tôi đã là] một người Pha-ri-si.
- 3:6a** **về lòng nhiệt thành là kẻ bất bớ Hội Thánh,**
 Tôi đã hết sức muốn [làm điều tôi tưởng Đức Chúa Trời muốn tôi làm] đó là tôi đã khiến cho những người theo Chúa Giê-su phải chịu đau khổ.
-HAY-
 Tôi đã trung thành [với điều tôi nghĩ là sẽ làm đẹp lòng Đức Chúa Trời] đến nỗi tôi đã làm hại những môn đệ của Chúa Cứu Thế.
- 3:6b** **về đời sống công chính theo Kinh Luật là người không thể trách được.**
 Về việc tuân theo luật lệ [của Môi-se], tôi là một người công chính bởi vì tôi đã vâng theo tất cả các luật pháp đó.
-HAY-
 Không ai có thể tìm được lý do gì để trách tôi, bởi vì tôi đã tuân theo tất cả luật pháp [của Môi-se].

3:6b**về đời sống công chính theo Kinh Luật:**

Chuyển ngữ từng từ một có nghĩa là “sự công chính ở trong luật pháp”. “Luật pháp” nói đến luật pháp của Môi-se, được tìm thấy ở năm sách đầu tiên của Cựu Ước. Phao-lô nói là điều ông làm là đúng theo luật pháp của người Do Thái. Nhưng đây khác hẳn với việc công chính theo như tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, dựa trên điều Ngài biết về sự suy nghĩ và ước muốn của con người, không phải chỉ trên những điều họ làm.

không thể trách được: Khi Phao-lô viết lá thư này, ông đã biết ông là một tội nhân. Nhưng ở đây trong 3:6 ông đang nghĩ đến trước khi ông tin Chúa Cứu Thế. Ông tuyên bố rằng trong suốt thời gian đó ông làm tất cả mọi điều ở trong luật của người Do Thái. Không ai có thể trách hay tố cáo là ông không tuân theo bất cứ luật lệ gì của người Do Thái. Cụm từ *không thể trách được* có

thể chuyển ngữ là “không ai có thể tìm được một luật lệ nào mà tôi không làm theo”. Một số bản dịch đã sắp đặt lại thứ tự các từ trong câu này. Thí dụ:

Không có ai có thể tố cáo rằng tôi không làm theo luật lệ, bởi vì tôi vâng theo tất cả mọi luật lệ.

Đoạn văn 3:7-11

Phao-lô tiếp tục viết chống lại các tín hữu gốc Do Thái. Trong đoạn trước ông đã liệt kê tất cả những điều mà trước kia ông thường hãnh diện về chúng (3:5-6). Trong đoạn này (3:7-9) ông nói rằng bây giờ ông coi tất cả những điều này là vô ích. Không có gì là quan trọng đối với ông ngoại trừ việc hiểu biết nhiều hơn về Chúa Cứu Thế Giê-su.

3:7a

bất cứ những gì xưa kia tôi coi là lợi: Phao-lô đề cập đến các điều mà ông nói ở 3:5-6. Đây là những điều mà ông có thể hãnh diện như một người đàn ông và một người Do Thái. Nhưng khi ông so sánh chính mình với Chúa Cứu Thế Giê-su, những điều này không còn là lý do để cho ông hãnh diện bởi vì chúng không giúp cho ông hiểu Chúa Giê-su nhiều hơn.

lợi: Từ này được dùng trong việc buôn bán để nói đến sự lời về tài chánh. Nhưng Phao-lô dùng từ này như một ẩn dụ để nói đến “thuận lợi” một cách tổng quát. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải bỏ ẩn dụ này đi và chuyển ngữ theo ý nghĩa. Sau đây là một số cách để chuyển ngữ:

những thứ mà tôi nghĩ là nhờ chúng mà Đức Chúa Trời chấp nhận tôi

-HAY-

mọi thứ mà tôi đã suy nghĩ [một cách sai lầm] rằng tôi có thể nhờ cậy vào [để thuyết phục Đức Chúa Trời cứu tôi]

3:7b

thì nay vì Chúa Cứu Thế tôi coi là lỗ: Sau khi biết về Chúa Cứu Thế Giê-su, Phao-lô đã nghĩ về những điều trước kia ông thường hãnh diện một cách mới. Ông nhận thức rằng chúng thật là vô giá trị so với việc biết Chúa Cứu Thế. Ông đã chọn coi chúng như là không có giá trị để ông có thể thuộc về Chúa Cứu Thế.

lỗ: Giống như “lợi” trong 3:7a, *lỗ* được dùng trong việc buôn bán. Đây nói đến sự mất mát về tài chánh. Phao-lô dùng từ này như một ẩn dụ để nói đến sự vô ích của những sự thuận lợi của ông trong thế giới này. Có thể có hai cách để chuyển ngữ từ Hy-lạp này:

- (1) không giúp ích gì, hay không có giá trị, hay mất giá. Trong văn mạch của 3:7b có thể chuyển ngữ là:

những điều này không giúp tôi biết [Chúa Cứu Thế].

- (2) ngăn chặn, ngăn cản một điều gì xảy ra. Từ này có nghĩa là những điều mà Phao-lô thường hãnh diện thật sự lại ngăn cản

ông biết Chúa Cứu Thế. Trong văn mạch của 3:7b, có thể chuyển ngữ là:

những điều này ngăn cản tôi [biết Chúa Cứu Thế].

Ngữ cảnh trực tiếp (đặc biệt là 3:8) hỗ trợ cách giải thích (1) một cách mạnh mẽ. Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1).

3:8

Trong 3:8 tiếp tục dùng ngôn ngữ về công việc buôn bán và tiền bạc đã được dùng ở trong 3:7. Phao-lô nói rằng ông vui lòng từ bỏ một thứ để lấy được thứ khác có giá trị nhiều hơn đối với ông. Chúa Giê-su đã dùng những từ ngữ tương tự ở trong câu chuyện ngụ ngôn về viên ngọc trai vô giá (Ma-thi-ơ 13:45-46) và trong sự dạy dỗ của Ngài về sự môn đệ hoá (Ma-thi-ơ 16:26).

3:8a

Hơn thế nữa: Trong bản Hy-lạp, cấu trúc văn phạm dùng ở đây để nhấn mạnh điều muốn nói. BDM chuyển ngữ là *Hơn thế nữa*. Hiển nhiên là Phao-lô cảm thấy lời tuyên bố ở trong 3:7 không mạnh đủ. Vậy nên trong 3:8 ông giải nghĩa rộng hơn về điều ông nói ở trong 3:7 bao gồm tất cả mọi điều. Đừng chỉ chuyển ngữ *Hơn thế nữa* từng từ một. Hãy tìm một cách tự nhiên để chuyển ngữ nhóm từ *hơn thế nữa* trong ngôn ngữ của bạn.

tôi coi mọi sự như là lỗ: Phao-lô muốn nói: “[bây giờ] tôi coi mọi thứ [trước đây là có lợi cho tôi] như là lỗ” Đây gồm có nhiều hơn là các điều ông liệt kê ở trong 3:5-6. Ông muốn nói rằng tất cả mọi sự mà ông nhờ cậy vào để được Đức Chúa Trời cứu là không có giá trị thật.

lỗ: Cùng một từ này được dùng ở trong 3:7b. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó

3:8b

vì: Từ Hy-lạp *dia* ở đây có nghĩa là “bởi vì, vì cớ”. Có hai cách để hiểu sự quan hệ giữa hai nhóm từ trong 3:8a và 3:8b.

3:7a	<p>Nhưng bất cứ những gì xưa kia tôi coi là lợi ¶ Nhưng những điều [trước kia] tôi coi là có giá trị, -HAY- ¶ Nhưng những điều mà trước kia tôi nhờ cậy [để được Đức Chúa Trời cứu rỗi], -HAY- ¶ Nhưng những điều trước kia làm tôi hãnh diện [vì tôi là một người Do Thái],</p>
3:7b	<p>thì nay vì Chúa Cứu Thế tôi coi là lỗ. bây giờ tôi coi như là vô giá trị bởi vì [quan hệ của tôi với] Chúa Cứu Thế.</p>
3:8a	<p>Hơn thế nữa, tôi coi mọi sự như là lỗ Hơn thế nữa, tôi coi mọi sự [mà tôi thường nhờ cậy vào để được Đức Chúa Trời cứu rỗi] là vô giá trị -HAY- Ngay cả hơn thế nữa, tôi nghĩ rằng mọi sự [trước đây tôi làm để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời] là vô giá trị</p>
3:8b	<p>vì sự hiểu biết Chúa Cứu Thế Giê-su, Chúa tôi, là điều tối trọng đại. khi tôi so sánh với điều có giá trị hơn nhiều, [đó là] biết Chúa Cứu Thế Giê-su Chúa của tôi. -HAY- so sánh với điều có giá trị hơn nhiều, [đó là chính tôi] biết Chúa Cứu Thế Giê-su, Chúa của tôi.</p>

- (1) Phao-lô đang so sánh đời sống trong quá khứ của ông với việc hiểu biết Chúa Cứu Thế.
- (2) Phao-lô đang giải thích lý do tại sao ông coi mọi sự như là sự lỗ.

Ý nghĩa nào cũng đúng và có thể cả hai đều được hàm ý. Hai ý nghĩa này không tương phản với nhau. Phao-lô đã chọn lựa hiểu biết Chúa Cứu Thế hơn tất cả mọi sự khác bởi vì sự lựa chọn đó tốt hơn. Vậy nếu bạn có thể chuyển ngữ như thế nào để người đọc có thể hiểu cả hai ý nghĩa, bạn nên làm như vậy. Nếu không, chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất.

vì sự hiểu biết Chúa Cứu Thế Giê-su, Chúa tôi: Phao-lô đã hiểu biết Chúa Cứu Thế Giê-su như một người hiểu một người khác vậy, và điều này có giá trị hơn bất cứ điều gì khác.

Ý tưởng *hiểu biết Chúa Cứu Thế* có thể khó chuyển ngữ đối với một số ngôn ngữ mà ý tưởng biết một người chỉ có nghĩa là bạn đã gặp và biết người ấy là ai. Việc hiểu biết một người có thể bao gồm cả ý nghĩa sâu xa hơn mà Phao-lô muốn hàm ý ở trong 3:8c, việc trở thành bạn thân. Có thể cần phải nói “thật sự hiểu biết” hay “biết một cách cá nhân”.

điều tối trọng đại: Khi Phao-lô xét lại những điều mà trước đây ông hãnh diện về chúng, ông thấy chúng đều không có giá trị gì khi ông so sánh với việc hiểu biết Chúa Cứu Thế. Tất cả những điều đến với ông khi ông hiểu biết Chúa Cứu Thế thì lớn hơn tất cả mọi sự mà người ta có thể nhờ cậy vào. Hãy dùng những từ mạnh mẽ nhất để mô tả sự lớn lao và vô giá của việc hiểu biết Chúa Cứu Thế, và các điều khác là nhỏ mọn và không có giá trị gì.

3:8c

tôi chịu lỗ tất cả: Phao-lô bày tỏ việc ông bỏ đi tất cả mọi điều mà trước đây ông vẫn hãnh diện, để hiểu biết Chúa Cứu Thế. Không những ông cho những điều này là không có giá trị gì, ông còn sẵn sàng từ bỏ chúng nữa. Ông vẫn có những điều mà ông mô tả ở trong 3:5a-c, nhưng ông từ khước những điều này và coi chúng là vô giá trị. Cũng hãy xem lời giải nghĩa của 3:8a.

Đối với một vài ngôn ngữ “tôi chịu lỗ” hàm ý rằng người đó không vui lòng bị mất điều ấy. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng như vậy có thể tốt hơn nên nói là “tôi đã vất bỏ tất cả mọi điều khác”.

3:8d

tôi coi những điều đó như rom rác: Có thể giải thích sự quan hệ của nhóm từ này với các nhóm từ đi trước và đi sau theo hai cách:

- (1) Nhóm từ *tôi coi những điều đó như rom rác* quan hệ trực tiếp với nhóm từ “để được Chúa Cứu Thế”. Hãy xem PKTCCN của 3:8d để làm thí dụ.
- (2) Nhóm từ *tôi coi những điều đó như rom rác* là một lời được thêm vào và xen vào điểm chính mà Phao-lô đang nói. Có thể có nghĩa là nhóm từ “để được Chúa Cứu Thế” ở trong 3:8d là mục đích của 3:8c. Đây là một thí dụ về cách bạn có thể diễn tả ý này “tôi đã ném bỏ tất cả mọi điều, tôi coi chúng như là rom rác, để tôi có thể được Chúa Cứu Thế”.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất.

rom rác: Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *rom rác* ở đây cũng có thể có nghĩa là “phân”. Các điều này (3:7a-8a) không phải chỉ không có giá trị mà thôi, Phao-lô còn ghét chúng nữa. Ông cho chúng là dơ dáy. Ông vui vì ông đã vất bỏ chúng đi. Có thể chuyển ngữ *rom rác* là: “phân”, “vật hư thối”, “rác”, “rác mà tôi vất đi”. Tránh dùng từ mà có thể làm cho người đọc cảm thấy khó chịu.

để được Chúa Cứu Thế: Phao-lô tiếp tục dùng ẩn dụ về mua bán ở đây. Nó có nghĩa là ông muốn được hoàn toàn thuộc về Chúa

Cứu Thế, để biết Ngài hơn và nhiều hơn nữa. Sau đây là một vài cách khác để chuyển ngữ nhóm từ này: “thuộc về Chúa Cứu Thế”, “biết Chúa Cứu Thế”, “theo Chúa Cứu Thế”, và “vâng lời Chúa Cứu Thế”.

3:9a

và: Từ này giới thiệu mục đích xa hơn về việc mà Phao-lô coi mọi sự như rom rác.

được ở trong Ngài: Sau đây là một vài ý để chuyển ngữ phần này của câu:

để tôi có thể [hoàn toàn] thuộc về Ngài

-HAY-

để tôi có thể sống trong sự hiệp nhất với Ngài

HAY-

để tôi có thể được nối kết với Ngài

3:9b

không phải nhờ sự công chính của tôi:

Phao-lô đã biết rằng không bao giờ ông có thể tốt đủ để có thể trở nên công chính theo chuẩn của Đức Chúa Trời, ngay cả nếu ông có vẻ “công chính” đối với những người khác. Ông không còn muốn làm bộ như là mình có thể là người công chính.

sự công chính: Trong văn mạch của 3:9b, nói đến một tư tưởng sai lầm đó là Đức Chúa Trời chấp nhận một người bởi vì người đó cư xử hoàn toàn tốt về mặt đạo đức. Trước khi trở nên con dân Chúa, Phao-lô đã nghĩ rằng những sự cố gắng của riêng ông sẽ làm cho Đức Chúa Trời chấp nhận ông.

dựa trên Kinh Luật: Phao-lô nói đến quá khứ của ông khi ông cố gắng để làm Đức Chúa Trời đẹp lòng bằng cách tuân theo tất cả các luật lệ của người Do Thái. Hãy chú ý ở trong 3:6b dùng một nhóm từ tương tự “đời sống công chính theo Kinh Luật”. Trong câu đó Phao-lô tuyên bố rằng theo Kinh Luật ông không chỗ trách được. Nhưng ở trong 3:9b ông từ khước điều đó và đối chiếu với sự công chính mà một người nhận được bởi sự tin cậy Chúa Cứu Thế. Dưới đây là một vài ý để chuyển ngữ:

3:8c	Vì Ngài, tôi chịu lỗ tất cả, Vì cố Ngài, tôi bỏ tất cả những điều [tôi từng tùy thuộc vào để được công chính]. -HAY- Tôi đã bỏ tất cả mọi điều [này] để làm đẹp lòng Chúa.
3:8d	tôi coi những điều đó như rơm rác để được Chúa Cứu Thế Tôi coi chúng như rơm rác để tôi có thể thuộc về Chúa Cứu Thế [một cách trọn vẹn],
3:9a	và được ở trong Ngài. và [để] tôi có thể [hoàn toàn] hiệp một với Ngài.
3:9b	Được như thế không phải nhờ sự công chính của tôi dựa trên Kinh Luật, Đó không phải là bởi vì [tôi vâng theo] Kinh Luật [của người Do Thái] mà [Đức Chúa Trời tuyên bố] tôi là công chính.
3:9c	nhưng bởi đức tin nơi Chúa Cứu Thế, Thay vào đó, bởi vì tôi tin nơi Chúa Cứu Thế. -HAY- Đó là bởi vì tôi tin cậy Chúa Cứu Thế.
3:9d	là sự công chính do Đức Chúa Trời ban cho nhờ đức tin Đức Chúa Trời cho tôi là công chính [chỉ] bởi vì tôi tin [nơi Chúa Cứu Thế]. -HAY- Đức Chúa Trời khiến tôi có thể quan hệ với Ngài một cách đúng bởi vì tôi tin cậy [Chúa Cứu Thế].

sự công chính của riêng tôi đến từ [sự vâng theo] luật pháp.

-HAY-

vì [Đức Chúa Trời coi] tôi là công chính bởi vì [tôi đã làm] điều luật pháp dạy.

3:9c

nhưng bởi đức tin nơi Chúa Cứu Thế: Đây muốn nói đến sự công chính thật mà một người nhận được khi tin cậy nơi Chúa Cứu Thế. Phao-lô giải thích điều này rõ hơn ở trong 3:9d.

3:9d

sự công chính: Ở đây Phao-lô nói rõ loại công chính nào ông đã nói đến ở trong 3:9c. Đó là sự công chính mà Đức Chúa Trời ban cho những người tin cậy Chúa Cứu Thế. Một người không phải là công chính bởi vì cách họ cư xử hay vì người ta cho họ là tốt hay

đúng. Người ấy chỉ thực sự là công chính khi Đức Chúa Trời tuyên bố người ấy là như vậy khi họ tin cậy nơi Chúa Cứu Thế.

nhờ đức tin: Đây có thể chuyển ngữ là “cho những người tin”. Đây muốn nói đến những người tin cậy Chúa Cứu Thế để được cứu. Hãy chú ý là điều này rất giống như điều nói đến ở trong 3:9c.

Lời chú thích tổng quát về 3:9c-d: Vì ý của 3:9c và 3:9b trùng với nhau, đối với một số ngôn ngữ có thể tốt hơn là nên kết hợp chúng lại. Thí dụ:

Đức Chúa Trời ban cho tôi một sự tương giao đúng với Ngài, tức là cho những người tin Chúa Cứu Thế.

-HAY-

Đức Chúa Trời tuyên xưng tôi là công chính bởi vì tôi tin cậy vào Chúa Cứu Thế.

3:10

3:10 bắt đầu nhóm từ “để biết Ngài”. Phao-lô dùng ba nhóm từ tiếp theo sau để cho thấy ba cách mà ông có thể biết Chúa Cứu Thế: bằng quyền năng sống lại của Chúa Cứu Thế, bằng sự quan hệ qua việc chia sẻ sự đau khổ mà Chúa Cứu Thế phải chịu, và bằng cách trở nên giống như Chúa Cứu Thế trong sự chết của Ngài.

3:10a

để biết Ngài: Đây không có nghĩa là biết về Chúa Cứu Thế. Nó có nghĩa là biết Chúa Cứu Thế một cách rõ ràng như hai người biết nhau vậy. Phao-lô đã biết Chúa Cứu Thế, nhưng ông muốn biết Ngài nhiều hơn.

3:10b

biết quyền năng phục sinh của Ngài: Quyền năng phục sinh của Chúa Cứu Thế đã ảnh hưởng đời sống của Phao-lô, nhưng ông muốn kinh nghiệm nó nhiều hơn. Đây là một trong những cách để cho một người có thể biết Chúa Cứu Thế nhiều hơn.

Có nhiều cách để hiểu ý nghĩa của nhóm từ *quyền năng phục sinh của Ngài*:

- (1) Nó nói đến quyền năng của Đức Chúa Trời khiến Chúa Cứu Thế từ kẻ chết sống lại. Nhóm từ này có thể chuyển ngữ là:

Tôi muốn được kinh nghiệm cùng một quyền năng [mà Đức Chúa Trời đã dùng khi Ngài khiến Chúa Cứu Thế] sống lại.

- (2) Nó nói đến quyền năng Chúa Cứu Thế đã nhận được sau khi Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại từ kẻ chết. Nhóm từ này có thể chuyển ngữ là:

Tôi muốn được có quyền năng [mà Chúa Cứu Thế [đã có] khi Ngài được sống lại.

Cả hai cách giải thích đều được các học giả Kinh Thánh ủng hộ mạnh mẽ. Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất. Có lẽ Phao-lô muốn nói rằng biết Chúa Cứu Thế bao gồm cả việc Phao-lô được kinh

nghiệm quyền năng của Chúa Cứu Thế. Phao-lô đã muốn có quyền năng này để ông có thể hành xử một cách đẹp lòng Đức Chúa Trời và có thể dạy dỗ những người khác về sự điệp của Đức Chúa Trời một cách có hiệu quả.

phục sinh: Đối với một số ngôn ngữ cụm từ *phục sinh* có thể có nghĩa là sống trở lại như một người khác hay là một sinh vật khác. Đây không phải là ý nghĩa của *phục sinh* trong Kinh Thánh. Nếu ngôn ngữ của bạn có nan đề này, bạn cần phải chuyển ngữ như thế nào để người đọc hiểu rõ là *phục sinh* có nghĩa là một người sống lại như cùng là một người trước kia đã chết không phải là một người khác.

Lời chú thích tổng quát về 3:10a-b: Một cách để nối kết 3:10a-b là:

Tôi muốn biết Chúa Cứu Thế [nhiều hơn theo cách này: Tôi muốn biết quyền năng của sự phục sinh của Ngài.

3:10c

(BDC) thông công thương khó của Ngài: Đây là cách thứ nhì mà một người có thể biết Chúa Cứu Thế nhiều hơn. Có hai cách chính để giải thích nhóm từ này:

- (1) Phao-lô đã chịu khổ vì Chúa Cứu Thế và ông muốn có sự quan hệ nhiều hơn với Chúa Cứu Thế trong khi theo Ngài. Ông không muốn chịu khổ, nhưng ông muốn biết nhiều hơn về Chúa Cứu Thế dù có nghĩa là ông phải chịu khổ.
- (2) Phao-lô muốn chia sẻ sự đau khổ mà Chúa Cứu Thế đã chịu bằng tinh thần.

Cách giải thích (1) được hỗ trợ mạnh mẽ và ưa thích hơn. Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích này. Phao-lô không muốn phải chịu khổ. Nhưng ông biết kết quả của việc ông trung tín vâng lời Chúa Cứu Thế là ông sẽ chịu đau khổ.

thông-công: Trong ngữ cảnh này cụm từ này có nghĩa là “chia một cái gì cho một người nào đó”. Hãy xem lời giải nghĩa về “*cộng tác*” trong 1:5a.

3:10a	và để biết Ngài, Mục đích của tôi là để biết Chúa Cứu Thế [nhiều hơn]. -HAY- Tôi muốn biết [và kinh nghiệm] Chúa Cứu Thế [nhiều hơn, như thế này:]
3:10b	biết quyền năng phục sinh của Ngài, [Tôi muốn được kinh nghiệm/thấy/biết] [cùng một] quyền năng mà [Đức Chúa Trời bày tỏ] khi [Ngài khiến] Chúa Cứu Thế sống lại. -HAY- [Tôi muốn Chúa Cứu Thế làm việc trong tôi với] quyền năng Chúa có bởi vì Ngài đã sống lại.
3:10c	chia sẻ sự thương khó của Ngài, [Tôi muốn có] quan hệ với Ngài [bằng cách] chịu đau khổ [vì Ngài] như Ngài đã chịu đau khổ [vì tôi]. -HAY- và tôi muốn làm người đồng chia sẻ sự đau khổ cũng như Chúa đã chịu đau khổ.
3:10d	biết thông công với Ngài trong sự chết của Ngài; Tôi [cũng] muốn trở nên hiệp nhất với Ngài trong sự chết của Ngài. -HAY- [Tôi muốn] chết [về quan hệ đối với tội lỗi] giống như Ngài đã chết [để cất tội lỗi đi].
3:11	với niềm mong ước thế nào tôi cũng được sống lại từ cõi chết. [Mục đích của tôi là] được là một trong những người được Đức Chúa Trời làm cho sống lại. -HAY- [Tôi muốn những điều này xảy ra] để [Đức Chúa Trời] sẽ khiến tôi được sống lại sau khi tôi chết.

3:10d

(BDC) làm cho tôi nên giống như Ngài trong sự chết Ngài: Đây là một nhóm từ khó hiểu và hầu hết các bản dịch chuyển ngữ sát nghĩa. Có thể giải thích nhóm từ này theo hai cách:

- (1) Hiểu theo nghĩa bóng. Phao-lô muốn chết đối với tội lỗi.
- (2) Hiểu theo nghĩa đen. Phao-lô muốn được trở nên giống như Chúa Cứu Thế bằng cách chịu đau đớn như Chúa cho tới độ phải chết.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1). Biết Chúa Cứu Thế có nghĩa là chết về phần thuộc linh đối với quan hệ với tội lỗi

(La-mã 6:5-6), giống như Chúa Cứu Thế đã chết về phần thể xác để cất tội lỗi của chúng ta đi.

3:11

với niềm mong ước: Trong bản Hy-lạp nhóm từ này được bắt đầu bằng từ *ei pōs*. Sau đây là hai cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) Nó có nghĩa là “như thế...” Nhóm từ này cho thấy mục đích. Phao-lô muốn các điều này (3:10) để ông có thể ở giữa những người được Đức Chúa Trời khiến cho sống lại sau khi họ đã chết. Thí dụ: “Như thế, tôi có thể đạt đến sự sống lại từ cõi chết”. (BDY)

(2) Nó có nghĩa là “với niềm mong ước ...” Nhóm từ này cho thấy hy vọng. Phao-lô muốn những điều này (3:10) bởi vì ông tin rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến ông sống lại sau khi ông đã chết. Thí dụ: “với hy vọng có ngày chính tôi cũng được sống lại từ cõi chết”.(BDM, BDC, BCG)

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích đầu tiên.

Đây nói đến lúc mà Đức Chúa Trời sẽ làm cho mọi người sống lại.

Đoạn văn 3:12-16

Trong 3:12-16 Phao-lô muốn những người Phi-líp có cùng một thái độ như ông đã có khi ông hăng hái cố gắng trở thành người mà Đức Chúa Trời muốn ông giống như vậy.

3:12a

Nói thế, không phải là tôi đã đoạt giải: Nhóm từ này có nghĩa là “Tôi không nói là tôi đã làm được tất cả những điều này”.

tôi đã đoạt giải: Trong ngữ cảnh này từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *đoạt giải* có nghĩa là đạt được một cái gì hay là hoàn tất được một việc gì.

Trong bản Hy-lạp không có túc từ cho động từ “đoạt” ở đây. Tức là, Phao-lô không nói rõ ông muốn đoạt cái gì. Tuy nhiên, đối với nhiều ngôn ngữ cần phải hoặc là dùng một túc từ hay là dùng một động từ mà không đòi hỏi phải có túc từ. Trong trường hợp đó bạn có thể chuyển ngữ là “tất cả điều này” như là một túc từ, BDM dùng động từ “đoạt giải” trong tiếng Việt *đoạt giải* không cần có túc từ. Có lẽ Phao-lô đề cập đến sự toàn hảo mà Phao-lô đã đề cập tới ở trong 3:12b: mục đích của đời ông đó là biết Chúa Cứu Thế và tất cả mọi sự cần phải có để được trở nên giống như Ngài.

Bạn có thể chuyển ngữ 3:12a như sau:

Tôi không nói rằng tôi đã đạt được/hoàn tất tất cả những điều này.

3:12b

hay được hoàn hảo rồi: Từ Hy-lạp *teleioō* được chuyển ngữ là *hoàn hảo* có thể có một trong hai ý nghĩa sau của văn mạch này:

- (1) Phao-lô chưa trở thành người hoàn hảo. Công việc Đức Chúa Trời làm trong ông chưa hoàn tất. Ông chưa là một người hoàn toàn tốt (BDM, BDY, BCG).
- (2) Phao-lô chưa đạt được mục tiêu mà ông nói đến ở trong 3:14 (BDC).

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1).

3:12c

nhưng tôi cứ theo đuổi để đoạt cho được giải, vì chính tôi đã được Chúa Cứu Thế Giê-su chiếm đoạt

(BCG) **nhưng tôi đang cố gắng chạy tới, mong chiếm đoạt, bởi lẽ chính tôi đã được Đức Ki-tô Giê-su chiếm đoạt:** Phao-lô cố gắng rất nhiều để trở nên giống như Chúa Cứu Thế hơn, bởi vì đó là điều Chúa Cứu Thế mong muốn. Nói một cách khác là:

Tôi đang tranh thủ để trở nên giống như Chúa Cứu Thế hơn, đó là lý do mà Ngài đã chọn tôi.

theo đuổi: Trong bản Hy-lạp từ *diōkō* ở đây có nghĩa là “chạy theo” hay “đi theo” với ý nghĩa theo đuổi một việc gì đó. Phao-lô dùng một ẩn dụ ở đây để nói rằng ông đang cố gắng hết sức để được giống như Chúa Cứu Thế, giống như một người chạy đua cố gắng để thắng cuộc và đoạt giải thưởng.

đoạt: Đây có nghĩa là lấy một cái gì đó cho chính mình. Từ này có cùng một gốc với từ Hy-lạp (*lambanō*) được chuyển ngữ là “đạt được” ở trong 3:12a.

(BCG) **bởi lẽ chính tôi đã được Đức Ki-tô Giê-su chiếm đoạt:** Có thể hiểu nhóm từ Hy-lạp mà BCG chuyển ngữ là *bởi lẽ*:

- (1) Nghĩa đen của nhóm từ này là “vì điều đó”. 3:12c có thể nói là Chúa Cứu Thế chiếm đoạt Phao-lô để Phao-lô có thể biết Chúa và trở nên giống như Ngài, như đã thảo luận ở trong 3:9-11.

3:12a	<p>Nói thế, không phải là tôi đã đoạt giải ¶ Tôi không thể nói rằng tôi đã làm tất cả những điều này -HAY- ¶ Tôi không nói rằng tôi đã thành công [trong mục đích của tôi].</p>
3:12b	<p>hay được hoàn hảo rồi, hay là [Đức Chúa Trời] đã làm tôi trở nên toàn hảo. -HAY- [Tôi không nói rằng] tôi đã đạt được mức toàn hảo [như tôi phải đạt].</p>
3:12c	<p>nhưng tôi cứ theo đuổi để đoạt cho được giải, vì chính tôi đã được Chúa Cứu Thế Giê-su chiếm đoạt. Nhưng tôi đang cố gắng để trở nên [như người] mà Chúa Cứu Thế Giê-su [đã mong muốn khi Ngài] chọn tôi.</p>
3:13a	<p>Thưa anh chị em, tôi không nghĩ rằng tôi đã chiếm được rồi. Thưa anh chị em, tôi không nói rằng tôi đã đạt được [điều này] . -HAY- Anh [chị] em trong Chúa, tôi biết rằng tôi chưa [làm trọn điều này].</p>
3:13b	<p>Nhưng chỉ chú tâm vào một điều: Nhưng đây là một điều tôi nhắm vào để làm [hơn tất cả mọi điều khác]: -HAY- Nhưng tôi đang làm một điều [quan trọng nhất]:</p>

(2) Nhóm từ này có ý nghĩa như một thành ngữ “bởi vì”. Nó nêu ra lý do tại sao Phao-lô lại tiếp tục tiến tới, và có nghĩa là “bởi vì Chúa Cứu Thế Giê-su chiếm đoạt tôi”. Cách giải thích này đòi hỏi phải có túc từ như là “mục đích”.

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất.

3:13a

Thưa anh chị em: Cụm từ *anh chị em* ở đây muốn nói đến các tín hữu, không phải *anh chị em* ruột. Cụm từ *anh chị em* này cũng được dùng ở trong 1:12, 3:1, 3:17, 4:1, 4:8. Hãy xem lời giải nghĩa ở trong 1:12a. Trong bản tiếng Việt từ “thưa” được thêm vào để nghe được tự nhiên và có vẻ lễ phép trong tiếng Việt nhưng trong bản Hy-lạp không có từ này.

tôi không nghĩ rằng tôi đã chiếm được rồi: Ông dùng một cách khác để nói điều ông đã nói trong 3:12a. Ông chưa trở nên toàn hảo như Đức Chúa Trời muốn.

nghĩ: Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là “nghĩ tới, tin, nói”. Nhưng ở đây Phao-lô muốn nói nhiều hơn là chỉ nói về quan niệm của chính ông. Ông biết rằng ông chưa đạt đến được như điều Đức Chúa Trời muốn.

đã chiếm được rồi: Hãy xem lời giải nghĩa của 3:12c.

3:13b

chú tâm vào một điều: Phao-lô sắp giải thích về điều ông muốn hơn bất cứ điều gì khác. Ông so sánh chính mình với người chạy đua để đoạt giải.

3:13c

Quên đi những điều đã qua: Nhóm từ *những điều đã qua* muốn nói đến quá khứ của Phao-lô, nhất là những điều ông thường kiêu hãnh về chúng (3:5-6). Điều này bao gồm cả những việc đã xảy ra trước khi ông trở nên Cơ Đốc nhân, hay việc xảy ra sau khi ông trở nên Cơ Đốc nhân, hay có lẽ cả hai.

Quên đi: Phao-lô không muốn chú trọng vào đến quá khứ của ông. Điều này không có nghĩa là ông sẽ hoàn toàn quên đi. Nhưng có nghĩa là đó không phải là điều chính để ông suy nghĩ đến. Ông so sánh việc này với một người chạy đua không nhìn lại đằng sau để xem ai chạy sát theo mình hay mình đã chạy được bao xa. Hãy chắc chắn là bản dịch của bạn nói rõ là Phao-lô có ý muốn quên tất cả những điều này. Bạn có thể cần dùng một từ có nghĩa là “không để ý tới”, hay là “không tập trung vào” hay “không chú ý tới”.

đã qua... phía trước: Bởi vì Phao-lô đang dùng ẩn dụ về một cuộc chạy đua ở đây, có thể hiểu những từ này theo hai cách:

- vi trí trong không gian:** *đã qua* có nghĩa là “sau lưng của” hay “phía sau của”, và *phía trước* có nghĩa là “đằng trước”. Đây là ý nghĩa mà Phao-lô dùng ẩn dụ cuộc chạy đua.
- vi trí trong thời gian:** *đã qua* có nghĩa là “trong quá khứ, điều đã xảy ra trước đây” trong trường hợp này *phía trước* có nghĩa là “trong tương lai, điều sẽ xảy ra sau này”.

Khi bạn chuyển ngữ những từ này hãy để ý đến những điều sau đây:

- Đối với một số ngôn ngữ, có thể có những từ có nghĩa là “đằng sau” và “đằng trước” có cùng một nghĩa đôi về không gian và thời gian như ở trong tiếng Hy-lạp và tiếng Anh. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ như vậy bạn hãy dùng ở đây.
- Nếu bạn phải quyết định dùng từ nào, hãy dùng ý (a) ở trên, nếu bạn phải dùng ẩn dụ về cuộc chạy đua. Dùng ý (b) nếu bạn không thể giữ lại ẩn dụ.

Trong một số văn hoá người ta nghĩ về quá khứ một cách tượng hình như là ở trước mặt họ hay “đằng trước”, bởi vì họ có thể nhìn thấy những điều đã xảy ra. Họ nghĩ đến tương lai như là “đằng sau”, một điều gì họ chưa biết và không thể hình dung được. Nếu điều này đúng đối với ngôn ngữ của bạn, bạn cần phải dùng các từ một cách cẩn thận để người ta hiểu được điều Phao-lô muốn nói.

phóng mình đuổi theo những điều phía trước: Đây cũng dùng ẩn dụ của một chạy đua. Người chạy hết sức phóng mình thật nhanh về phía trước. Người chạy đua hướng về làn mức và tranh thủ làm người đầu tiên tới đích. Ý ở đây muốn nói là Phao-lô tự khép mình vào kỷ luật để trở nên giống như Chúa Cứu Thế, hết sức cố gắng để trở thành người như Chúa Cứu Thế muốn.

Nếu trong văn hoá của bạn có chạy đua, thì có thể dùng ẩn dụ này. Nhưng nếu người trong văn hoá của bạn không biết về chạy đua, bạn có thể cần phải giải thích về điều đó trong bản dịch của bạn. Hãy xem CĐN thứ nhất của 3:13c trong PKTCCN. Hay bạn có thể cần phải bỏ ẩn dụ đi và chỉ chuyển ngữ theo ý nghĩa. Thí dụ, hãy xem CĐN thứ nhì của 3:13c.

3:14a

nhắm: Đây là cùng một từ Hy-lạp được Phao-lô dùng trong 3:12c. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó. Về ẩn dụ ở đây, từ *nhắm* có nghĩa là tiếp tục chạy. Phao-lô đang so sánh chính ông với một lực sĩ quyết tâm chạy đua, hướng tới mục tiêu và không quay đầu nhìn lại sau lưng. Điều ông muốn nói là ông tiếp tục cố gắng để trở nên giống như Chúa Cứu Thế.

mục đích: Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là “mục đích, mục tiêu” của một điều gì. Trong ẩn dụ về cuộc chạy đua, từ này nói đến làn mức mà mỗi lực sĩ đều cố gắng để làm người đầu tiên vượt qua. Nhưng ở đây có thể Phao-lô đang đề cập đến những điều ông đã nói trước đó trong 3:10-13. Mục tiêu hay mục đích của ông là hoàn toàn trở nên

- 3:13c** **Quên đi những điều đã qua, phóng mình đuổi theo những điều phía trước,**
[Giống như người đang chạy đua không quay nhìn lại phía sau nhưng gắng sức tiến lên phía trước, vậy] tôi bỏ những điều đã xảy ra và làm việc vất vả [để trở nên giống như người mà Chúa Cứu Thế mong muốn].
-HAY-
Tôi muốn thôi không suy nghĩ về quá khứ nhưng tập trung vào tương lai.
- 3:14a** **nhắm mục đích đoạt được giải thưởng,**
Tôi tiếp tục tiến tới [cho tới khi tôi đạt được] mục tiêu [để tôi có thể] nhận được phần thưởng [thiên thượng].
-HAY-
[Một người chạy đua tiếp tục chạy cho đến đích và đoạt giải thưởng. Cũng như vậy,] tôi tiếp tục [cho tới khi đạt được mục tiêu] để tôi có thể đoạt giải [mà Đức Chúa Trời đã dành cho tôi].
- 3:14b** **là sự kêu gọi thiên thượng của Đức Chúa Trời trong Chúa Cứu Thế Giê-su.**
[Phần thưởng đó là] Đức Chúa Trời kêu gọi tôi lên [thiên đàng] bởi vì [điều] Chúa Cứu Thế Giê-su [đã làm cho tôi].
-HAY-
[Phần thưởng lớn lao đó là] Đức Chúa Trời gọi tôi lên thiên đàng bởi vì Chúa Cứu Thế Giê-su [đã chết vì tôi].

giống như Chúa Cứu Thế. Điều này bao gồm cả việc hiểu biết Ngài một cách trọn vẹn.

giải thưởng: *Giải thưởng* là phần thưởng cho người thắng giải chạy đua hay làm một việc gì tốt. Lời giải nghĩa kế tiếp thảo luận về giải thưởng này là gì.

3:14b

là sự kêu gọi thiên thượng của Đức Chúa Trời: Giải thưởng mà Phao-lô đang nói đến quan hệ với sự kêu gọi của Đức Chúa Trời hay mời ông lên thiên đàng như thế nào? Có thể có hai cách giải thích:

- (1) Có định nghĩa về giải thưởng. Giải thưởng là điều Đức Chúa Trời đã kêu gọi Phao-lô hướng về thiên thượng để làm cho ông hoàn toàn giống như Chúa Cứu Thế. Thí dụ: “giải thưởng, là sự kêu gọi của Đức Chúa Trời về đời sống thiên thượng”.
- (2) Giải thưởng mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi Phao-lô hướng về thiên thượng để nhận lấy. Phao-lô không định nghĩa giải thưởng này là gì.

Cách giải thích thứ nhất thích hợp với ngữ cảnh ở đây hơn. Vậy nên chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất.

thiên thượng: Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là “hướng lên trên”.

trong Chúa Cứu Thế Giê-su: Đức Chúa Trời có thể kêu gọi hay mời người ta ở với Ngài trên thiên đàng bởi vì điều mà Chúa Cứu Thế đã làm cho họ. Vậy nên có thể chuyển ngữ 3:14b như sau:

Đức Chúa Trời kêu gọi tôi lên thiên đàng [ở với Ngài] bởi vì [điều] Chúa Cứu Thế [đã làm cho tôi].

Lời chú thích tổng quát về 3:14: Đối với một số ngôn ngữ, tốt hơn nên sắp đặt lại thứ tự của câu này. Có thể làm như sau:

Tôi tiếp tục cố gắng cho tới khi Đức Chúa Trời gọi tôi về thiên đàng bởi vì Chúa Cứu Thế Giê-su. Làm như vậy tôi [như một người] chạy đua nhắm vào làn mức tới để đoạt giải thưởng.

3:15

Trong bản Hy-lạp câu này được nối kết với câu trước bằng một liên từ, *oun*, từ này có thể chuyển ngữ là “vậy” hay “vì vậy”. Từ này cho thấy là Phao-lô muốn các đọc giả của ông làm một điều gì bởi vì có những điều ông vừa nói xong. Bạn nên dùng bất cứ cách nào để nối kết với câu trước để bày tỏ quan hệ như thế một cách tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. BDM, BDC, BCG chuyển ngữ là “vậy”. BDY để hàm ý.

3:15a

trưởng thành: Từ Hy-lạp *teleios* có nghĩa là “toàn hảo, trưởng thành, phát triển một cách trọn vẹn”. Có hai cách giải thích chính:

- (1) Những người trưởng thành về phần thuộc linh. Phao-lô đang đề cập đến sự tăng trưởng và sức mạnh về thuộc linh. Ông đề cập đến những người có đức tin mạnh mẽ và phát triển một cách trọn vẹn.
- (2) Những người ngĩ là ho toàn hảo. Phao-lô nói mỉa mai.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất.

hãy có thái độ này: Nhóm từ này có nghĩa là suy nghĩ theo một cách nhất định về một việc gì. Cách mà Phao-lô muốn những người Phi-líp suy nghĩ được giải thích ở trong 3:12-14. Bạn có thể chuyển ngữ là:

nên có quan niệm như vậy

-HAY-

nên suy nghĩ như vậy

3:15b

nếu có điều gì anh chị em nghĩ khác: Không rõ điều này hàm ý là một số người Phi-líp thật sự suy nghĩ khác với ý của Phao-lô hay là có điều gì đó mà Phao-lô nghĩ là có thể xảy ra. Có thể chuyển ngữ như sau:

nếu có [ai trong vòng] anh chị em có thái độ khác hơn là điều tôi nói...

3:15c

thì Đức Chúa Trời sẽ khải thị điều này cho anh chị em: Điều Phao-lô đã nói ở trong

3:12-14 mô tả thái độ đúng mà Cơ Đốc nhân phải có. Vậy nếu có ai không đồng ý, Đức Chúa Trời sẽ làm cho người ấy hiểu rõ rằng điều Phao-lô đã nói là đúng.

3:16

Tuy nhiên: Từ Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy là Phao-lô nhấn mạnh đến một điểm quan trọng. Từ này cũng có thể chuyển ngữ là “Bất cứ trường hợp nào” hay “Điều quan trọng là...”

đã đạt đến đâu, chúng ta hãy cứ giữ hướng ấy mà đi: Phao-lô nói rằng: “Mỗi một chúng ta phải hành động nhất quán với điều chúng ta đã học để làm Cơ Đốc nhân”. Điều này có nghĩa là con dân Chúa phải vâng theo những điều mà họ đã biết là Đức Chúa Trời bảo họ làm và suy nghĩ. Có thể chuyển ngữ câu này như sau:

Chúng ta phải hành động/sống theo điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta.

-HAY-

Chúng ta hãy vâng theo điều mà chúng ta biết [Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta].

Đoạn văn 3:17-21

Phao-lô muốn những người ở thành phố Phi-líp hành động như là công dân của thiên đàng, như ông đã làm, và không làm như những người hãnh diện về những điều họ nên hổ thẹn.

3:17a

Thưa anh chị em: Từ *anh chị em* ở đây nói đến các tín hữu khác, không phải *anh chị em* ruột. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 1:12, 3:13, 3:17, 4:1, 4:8. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:12a.

hãy cùng nhau noi gương tôi: Phao-lô đã muốn những con dân Chúa tại thành phố Phi-líp đi theo những nguyên tắc giống như nguyên tắc sống của ông. Có thể có nhiều cách để giải thích nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây:

- (1) Các tín hữu nên hiệp nhất với nhau trong việc bắt chước Phao-lô (BDM, BCG).

3:15a	Vậy tất cả chúng ta là những người trưởng thành hãy có thái độ này, [Vậy nên,] tất cả chúng ta những người trưởng thành [về phần thuộc linh] hãy có cùng một thái độ về những điều [mà tôi đã nói đến].
3:15b	và nếu có điều gì anh chị em nghĩ khác Nếu anh chị em không đồng ý [với tôi] về bất cứ việc gì trong những việc này, -HAY- Nếu anh chị em có thái độ khác [với tôi,]
3:15c	thì Đức Chúa Trời sẽ khảo thí điều này cho anh chị em. Đức Chúa Trời sẽ giúp anh chị em hiểu [cách suy nghĩ đúng]. -HAY- Đức Chúa Trời sẽ cho anh chị em thấy [thái độ mà tôi đang nói đến là cách suy nghĩ đúng].
3:16	Tuy nhiên, đã đạt đến đâu, chúng ta hãy cứ giữ hướng ấy mà đi. Trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta phải vâng theo điều chúng ta đã biết [là Đức Chúa Trời đã bảo chúng ta làm và trở nên]. -HAY- Điều quan trọng là chúng ta hành động theo như điều [Đức Chúa Trời] đã bày tỏ [ra cho chúng ta].
3:17a	Thưa anh chị em, hãy cùng nhau noi gương tôi ¶ Thưa anh em, hãy cùng nhau bắt chước tôi. -HAY- ¶ Thưa anh [chị] em tín hữu, hãy hiệp nhất trong việc theo gương [tốt] của tôi [hành xử như một con dân Chúa].
3:17b	và nhìn xem những người sống theo gương mà chúng tôi để lại cho anh chị em. Hãy cẩn thận theo dõi [và hành xử] như những người theo cách mà chúng tôi hành xử [khi chúng tôi ở với anh chị em].

- (2) Họ nên gia nhập với những người đã bắt chước Phao-lô.
(3) Mệnh lệnh này chỉ có nghĩa là “hãy bắt chước tôi” (BDY, BDC).

Cách giải thích (1) được sự hỗ trợ mạnh nhất, và chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích này trong bản dịch của bạn. Phao-lô muốn những người ở thành phố Phi-líp hiệp nhất với nhau trong việc bắt chước cách suy nghĩ và hành động của một Cơ Đốc nhân của ông.

3:17b

nhìn xem: Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là nhìn một cái gì một cách cẩn thận.

sống: Từ *sống* ở đây nói đến hành động hay cư xử theo một cách nhất định.

theo gương mà chúng tôi để lại cho anh chị em: Các con dân Chúa khác theo gương Phao-lô trong việc suy nghĩ và hành động như một Cơ Đốc nhân. Ông muốn các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp quan tâm đến cách hành động của ông và các bạn đồng hành của ông, cũng như các con dân Chúa khác để họ cũng hành động như vậy.

chúng tôi: Đây có lẽ nói đến Phao-lô và một số giáo sư khác hay người lãnh đạo đã đi đến thành phố Phi-líp để dạy cùng với ông. Đại từ này không bao gồm những người ở tại thành phố Phi-líp.

3:18

Các học giả Kinh Thánh không đồng ý về Phao-lô muốn đề cập đến ai ở trong 3:18-19. Các đề nghị chính là:

- Các tín hữu gốc Do Thái Giáo mà Phao-lô nhắc đến trước đó trong đoạn Kinh Thánh này. Họ là những người cố gắng khiến cho những tín hữu người ngoại quốc trở nên giống như người Do Thái.
- Các tín hữu tin rằng họ không cần phải tuân theo bất cứ luật về đạo đức nào.
- những người Do Thái chưa tin Chúa.

Các kinh văn trong bản Hy-lạp (nhất là 3:19) hàm ý rằng họ là những người chống đối các luật lệ về đạo đức. Bạn không nên cố gắng nói rõ những người này là ai ở trong bản dịch của bạn.

Một lần nữa Phao-lô lại nói về các kẻ thù của Chúa Cứu Thế một cách mạnh mẽ. Hãy cố gắng để truyền thông điều này rõ ràng trong bản dịch của bạn.

3:18a

Vì: Đây có nghĩa là đời sống gian ác của những kẻ thù của Chúa Cứu Thế là một trong những lý do mà các tín hữu nên cố gắng bắt chước đời sống kính sợ Chúa của Phao-lô.

tôi đã nói với anh chị em nhiều lần: Phao-lô thường cảnh cáo các tín hữu về các kẻ thù mà ông sắp mô tả.

nay tôi phải nói lại trong nước mắt: Phao-lô rất buồn rầu, đến phát khóc, khi ông phải nói một lần nữa với các con dân Chúa về các kẻ thù của Chúa Cứu Thế.

trong nước mắt: Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *trong nước mắt* có nghĩa là “khóc lóc, rên rỉ”.

3:18b

Có nhiều người sống như kẻ thù nghịch thập tự giá của Chúa Cứu Thế: Nhiều người có hành động cho thấy là họ chống đối lại với Phúc Âm, đặc biệt là sự dạy dỗ chính về tại sao Chúa Cứu Thế đã chết trên thập tự giá. Đối với nhiều ngôn ngữ nói rằng một người là “kẻ thù nghịch thập tự giá” không có ý nghĩa gì cả. Nhóm từ này có thể chuyển ngữ bằng nhiều cách khác nhau. Hãy xem PKTCCN của 3:18b.

sống: Như ở trong 3:17b, từ Hy-lạp dùng ở đây nói đến cách hành động của một số người.

thập tự giá của Chúa Cứu Thế: Đây có nghĩa là “thập tự giá mà Chúa Cứu Thế đã chết trên đó”. Nhóm từ này được dùng một cách tượng hình ở đây để nói đến sự quan trọng hay mục đích của sự chết của Chúa Cứu Thế.

Lời chú thích tổng quát về 3:18: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải sắp đặt lại câu này để điểm chính mà Phao-lô muốn nói đến lên phần đầu của câu. Thí dụ:

Vì có nhiều kẻ thù của thập tự giá của Chúa Cứu Thế. Trước đây tôi đã nói về họ, và bây giờ tôi khóc mà nói lại với anh chị em một lần nữa.

3:19a

Kết cuộc: Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là kết cuộc hay kết quả cuối cùng của đời sống họ.

là sự hư vong: Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *sự hư vong* cũng có nghĩa là “hủy diệt”. Nó trái ngược lại với “sự cứu rỗi”. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải chuyển ngữ từ này như một động từ và nói: “họ sẽ bị hủy diệt”. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải dùng một động từ chủ động và cung cấp một chủ từ. Trong trường hợp đó bạn có thể nói “Đức Chúa Trời sẽ hủy diệt họ”.

3:19b

(BCG) Chúa họ thờ là cái bụng: Nhóm từ *cái bụng* trong tiếng Hy-lạp có thể có một trong hai ý nghĩa sau đây:

3:18a	Vì tôi đã nói với anh chị em nhiều lần, nay tôi phải nói lại trong nước mắt: Vì, tôi đã nói với anh chị em nhiều lần [về những người như vậy], và bây giờ tôi khóc lóc [buồn rầu] mà nói với anh chị em [về họ] một lần nữa.
3:18b	Có nhiều người sống như kẻ thù nghịch thập tự giá của Chúa Cứu Thế. Nhiều [người] hành xử [theo cách cho thấy rằng] họ là kẻ thù của Chúa Cứu Thế, [bởi vì họ không muốn người ta biết rằng/tại sao Chúa đã chết trên] thập tự giá. -HAY- [Có] nhiều [người] có cách hành động cho thấy rằng họ chống nghịch lại [điều mà] Chúa Cứu Thế [đã chết] trên thập tự giá.
3:19a	Kết cuộc của họ là sự hư vong, Cuối cùng họ sẽ bị hủy hoại, -HAY- Cuối cùng [Đức Chúa Trời] sẽ hủy diệt họ [trong địa ngục, bởi vì đây là cách họ hành động:]
3:19b	(BCG) Chúa họ thờ là cái bụng họ chỉ sống để làm thoả mãn điều [thân xác] họ muốn. -HAY- Họ chỉ làm theo sự ham muốn [gian ác] của [thân xác] họ.
3:19c	và vinh quang trong cái đáng hổ thẹn. Họ hãnh diện về điều mà họ nên mắc cỡ.

- (1) Nhóm từ này là một cách nói tượng hình chỉ về sự ham muốn của thân xác họ, kể cả sự ham muốn về thức ăn và tình dục hay những thú vui trần thế khác (BDY dùng nhóm từ “tôn thờ thân tư dục”).
- (2) Nhóm từ này được hiểu theo nghĩa đen là da dầy. Đồ ăn và đồ uống là điều họ quan tâm nhiều nhất.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1). Trong ngữ cảnh của phần còn lại của 3:19 (ý nghĩa tổng quát hơn về những điều đáng hổ thẹn và những điều thuộc về thế gian), có vẻ như 3:19b cũng nói đến ý nghĩa tổng quát hơn về sự ham muốn của thân xác hơn là chỉ nói đến sự ham muốn đồ ăn.

Khi nói rằng sự ham muốn của thân xác là “thân tượng của họ”, Phao-lô có ý nói là họ làm theo những sự ham muốn này như là họ vâng theo một thân tượng.

Có thể chuyển ngữ như sau:

Họ chỉ để ý đến những điều họ muốn trên thế gian này.

3:19c

vinh quang trong cái đáng hổ thẹn:

vinh quang: Đây có nghĩa là những người này tìm thấy vinh quang trong một điều gì đó hay hãnh diện về một điều gì đó.

hổ thẹn: Đây nói đến những điều đáng hổ thẹn mà những người này làm, thí dụ, những điều mà Phao-lô nói đến ở trong 3:19b.

Những việc họ làm là đáng hổ thẹn và họ đáng lẽ phải hổ thẹn về chính họ, nhưng họ lại còn hãnh diện về cách hành xử của họ. Cả nhóm từ này cho thấy họ hãnh diện về điều họ đã làm là những điều họ phải nên hổ thẹn.

Đối với nhiều ngôn ngữ có thể không dùng được những danh từ như *vinh quang* và *hổ*

thẹn, nhưng sẽ cần phải dùng động từ. Thí dụ một bản dịch đã dùng “Họ hãnh diện về những điều họ nên hổ thẹn”, và một bản dịch khác dùng “họ khoe về những điều kinh tởm mà họ làm”.

3:19d

Họ chỉ nghĩ đến những điều thế tục: Họ nhất quán suy nghĩ về các điều thuộc về đời này. Thật ra, họ chỉ suy nghĩ đến những việc thuộc về đời này như thức ăn, quần áo và lạc thú.

Lời chú thích tổng quát về 3:19: Đối với một số ngôn ngữ có vẻ tốt hơn nên đặt 3:19a vào cuối câu, bởi vì nó nói đến kết quả của những việc Phao-lô nói đến trong câu này. Thí dụ:

Vậy [kết quả của điều này là cuối cùng Đức Chúa Trời] sẽ hủy diệt chúng.

Tuy nhiên, nếu bạn nghĩ cần phải làm như vậy đối với ngôn ngữ của bạn, hãy coi lại cẩn thận để làm thế nào bạn có thể duy trì sự tương phản Phao-lô đã làm bằng cách để “thế tục/thế gian” (3:19d) và “trời” (3:20a) gần với nhau.

3:20a

Trái lại: Trong 3:20, Phao-lô đối chiếu các tín hữu với những người ông vừa mới nói đến ở trong 3:18-19. Những người này chỉ để ý đến những việc ảnh hưởng đến đời sống ở trên đất, nhưng các Cơ Đốc nhân không thuộc về thế gian này. Họ là công dân của thiên đàng, và vì vậy họ nên tập trung vào những việc thuộc về thiên đàng.

Chúng ta là công dân trên trời: Đây có nghĩa là những người tin Chúa Cứu Thế thực sự thuộc về thiên đàng, không phải thế gian này. Cách họ hành động trên đất nên bày tỏ rằng thiên đàng là quê hương của họ, không phải thế gian này.

Chúng ta: Phao-lô muốn nói: “còn về phần chúng ta...” Ông đang đối chiếu thái độ của những con dân Chúa thật với thái độ của những người mà ông mô tả ở trong 3:18-19.

công dân: Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *công dân* có thể có nhiều ý nghĩa:

- (1) Nó có nghĩa là “công dân” (BDM, BDC, BDY).
- (2) Nó có nghĩa là “quê hương” (BCG).

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất. Phao-lô đang nhắc lại cho những người Phi-líp nhớ rằng tất cả các tín hữu là công dân của thiên đàng, không phải thế gian này. Khi bạn chuyển ngữ từ *công dân*, nghĩ đến cách thông thường mà bạn dùng để nói rằng bạn là một công dân trung thành với quốc gia của bạn.

Đối với một số ngôn ngữ không có từ “công dân”. Nếu điều này là đúng với ngôn ngữ của bạn, bạn có thể chuyển ngữ phần này của câu là:

Chúng ta thật sự thuộc về thiên đàng.

trên trời: “Thiên đàng” là nơi Đức Chúa Trời ngự. Ở trên thiên đàng cũng như là ở với Đức Chúa Trời.

3:20b

Chúng ta đang trông đợi: Phao-lô và những người Phi-líp đang trông đợi một điều gì họ rất muốn và mong đợi nó xảy ra. Vậy nên họ sốt sắng và nóng nảy nhìn xem điều đó xảy ra.

Đấng Cứu Thế... Chúa Cứu Thế Giê-su: Đây là người mà Phao-lô và những người Phi-líp đang sốt sắng chờ đợi. Họ mong tới ngày Chúa Cứu Thế trở lại từ thiên đàng.

từ đó: Tức là, từ thiên đàng.

3:19d	<p>Họ chỉ nghĩ đến những điều thế tục. Họ chỉ chú ý đến những điều [mà những người ở] trên đất này [nghĩ rằng quan trọng]. -HAY- Họ chỉ nghĩ đến những điều [ảnh hưởng đến đời sống] trên đất.</p>
3:20a	<p>Trái lại chúng ta là công dân trên trời, [Nhưng về phần chúng ta], chúng ta là công dân trên trời, [không phải dưới đất này]. -HAY- [Nhưng chúng ta nên hành động một cách khác,] bởi vì chúng ta thuộc về thiên đàng.</p>
3:20b	<p>chúng ta đang trông đợi Đấng Cứu Thế từ đó đến, là Chúa Cứu Thế Giê-su. Chúng ta đang sốt sắng mong đợi Chúa Cứu Thế Giê-su [trở lại] từ thiên đàng. -HAY- Chúng ta đang trông đợi Đấng cứu rồi [chúng ta] từ thiên đàng trở lại –Ngài là Chúa Cứu Thế Giê-su.</p>
3:21a	<p>Ngài, bởi quyền năng đã bắt muôn loài qui phục mình, Ngài có quyền năng khiến cho Ngài có thể làm cho mọi vật [hiện hữu] đều phục chính Ngài, và bởi quyền năng ấy -HAY- Dùng quyền năng mà Ngài đã dùng để có thể cai trị mọi loài,</p>

3:21a

bởi quyền năng: Đây có nghĩa là khả năng trở nên mạnh mẽ và làm những việc vĩ đại. Quyền năng mà Chúa Cứu Thế có khiến Ngài có thể nắm quyền điều khiển mọi sự.

đã bắt muôn loài qui phục mình: Nhóm từ này nói về điều khiển hay cai trị mọi vật. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn cũng đúng như vậy, bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này là “điều khiển tất cả mọi người/vật.”

Có thể chuyển ngữ như sau:

khiến mọi vật ở dưới thẩm quyền của Ngài.

-HAY-

khiến mọi việc xảy ra như Ngài ra lệnh.

muôn loài: Cụm từ này mô tả mọi vật Đức Chúa Trời đã tạo ra. Đối với một số ngôn ngữ cụm từ này có thể chuyển ngữ là “trời và đất” hay “tất cả thế giới”.

qui phục mình: Đây muốn nói đến việc cai trị mọi vật. Trong những ngôn ngữ mà “cai trị trên” mọi vật không có ý nghĩa, có thể chuyển ngữ là “mang mọi người/mọi vật”. Nhóm từ này có thể chuyển ngữ là:

khiến mọi vật ở dưới thẩm quyền của Ngài

-HAY-

khiến mọi vật xảy ra như Ngài truyền lệnh

3:21b

biến đổi: Đây có nghĩa là thay đổi một vật thành ra một vật khác với trước kia.

thân thể hèn mọn chúng ta: Nhóm từ *thân thể hèn mọn chúng ta* nói đến thân thể mà chúng ta hiện đang có, thân thể có thể bị đau ốm và chết.

giống như thân thể vinh quang Ngài: Khi Chúa Cứu Thế thay đổi thân thể ở trên đất này, chúng sẽ trở nên giống như loại thân thể mà Chúa Cứu Thế có sau khi Đức Chúa Trời làm cho Ngài sống lại từ cõi chết. Đức Chúa Trời không những chỉ làm cho thân thể của Chúa Cứu Thế sống lại, nhưng Ngài còn làm cho nó thay đổi thành một thân thể khác (hãy xem 1 Cô-rinh-tô 15:35-58), là thân thể không còn bị chết nữa.

thân thể vinh quang Ngài: Đây muốn nói đến thân thể của Chúa Cứu Thế khi Đức Chúa Trời khiến Ngài sống lại sau khi đã chết. Qua thân thể mới Đức Chúa Trời cho thấy quyền năng của Ngài và sẽ chiếu ra sự vĩ đại của Ngài.

Lời chú thích tổng quát về 3:21: Đối với một số ngôn ngữ có thể tốt hơn là nên sắp đặt lại thứ tự của câu này để 3:21b trước 3:21a. Có thể làm như sau:

Chúa sẽ thay đổi thân thể yếu đuối của loài người trở nên như thân thể vinh quang của Ngài. Chúa sẽ làm điều này nhờ ở quyền năng mà đã khiến cho Ngài có thể điều khiển mọi sự.

Đoạn văn 4:1

Phao-lô khuyến khích các tín hữu trung tín với Chúa.

4:1 tóm tắt điều Phao-lô đã nói ở trong 3:12-21.

4:1a

Vậy: Từ này muốn nói đến điều ông đã nói ở trong chương 3, đặc biệt là ở phần sau, là lý do ông đã nói ở trong 4:1.

Thưa anh chị em: Hãy xem lời giải thích về *anh chị em* của 1:12.

yêu dấu và mong nhớ: Một lần nữa Phao-lô cho thấy rằng ông yêu mến người Phi-líp. Trong bản Hy-lạp cụm từ *mong nhớ* có nghĩa là yêu mến rất nhiều hay quan tâm đến một người nào đó. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:8 về “tôi triu mến tất cả anh chị em”. Phao-lô dùng cùng một từ Hy-lạp ở đó.

4:1b

niềm vui: Nhóm từ *niềm vui* có nghĩa là người Phi-líp khiến cho Phao-lô vui mừng. Có thể diễn tả là:

anh chị em cho tôi sự vui mừng.

-HAY-

anh chị em khiến cho lòng tôi vui sướng.

mão hoa: Khi Phao-lô gọi các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp là *mão hoa* của ông, ông muốn nói họ là phần thưởng cho công việc ông đã làm. Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *mão hoa* chỉ về một vòng lá được đặt trên đầu người vừa thắng một cuộc chạy đua hay cuộc tranh tài. Đó là phần thưởng cho sự chiến thắng của họ. Vì vậy, có thể Phao-lô đang nghĩ tới phần thưởng ông sẽ nhận được trên thiên đàng bởi vì cách ông đã môn đệ hoá các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp. Họ giống như phần thưởng của ông bởi vì họ đã tin Chúa Cứu Thế và đi theo Ngài. Sau đây là một cách để chuyển ngữ cụm từ *mão hoa*:

anh chị em là phần thưởng cho công việc của tôi.

Phao-lô cũng đã dùng ý tưởng về *niềm vui* và *mão hoa* chung với nhau trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:19.

4:1c

anh chị em yêu dấu: BDM chuyển ngữ nhóm từ này từ cùng một từ Hy-lạp mà họ chuyển ngữ là *anh chị em yêu dấu* trong 4:1a. Hãy suy nghĩ xem đối với ngôn ngữ của bạn tốt hơn là lập lại cùng một ý hay dùng một cách diễn tả khác cho bản dịch của bạn. Cũng hãy xem lời giải nghĩa về “thưa anh chị em yêu dấu” trong 2:12a.

- 3:21b** sẽ biến đổi thân thể hèn mọn của chúng ta ra giống như thân thể vinh quang Ngài.
 Ngài sẽ thay đổi thân thể yếu đuối mà chúng ta có ở thế gian để chúng ta sẽ có được thân thể mới giống như thân thể tuyệt diệu mà Ngài đã nhận được [khi Đức Chúa Trời khiến cho Ngài sống lại].
- 4:1a** **Vậy, thưa anh chị em yêu dấu và mong nhớ,**
 ¶ **Vậy, anh [chị] em người mà tôi yêu mến và mong [được gặp lại],**
-HAY-
 ¶ **Vì vậy, tôi ước ao [được gặp lại] anh [chị] em [bởi vì] tôi [rất] yêu mến anh [chị] em.**
- 4:1b** **là niềm vui và mào hoa của tôi,**
 anh [chị] em làm cho tôi vui mừng và là phần thưởng của tôi.
-HAY-
 Anh [chị] em khiến tôi vui mừng và anh [chị] em là phần thưởng của tôi [về các việc tôi đã làm].
- 4:1c** **anh chị em yêu dấu, hãy đứng vững vàng như vậy trong Chúa,**
 Anh chị em yêu dấu, dựa trên [những điều tôi đã bảo anh chị em,] hãy đứng vững vàng trong Chúa.
-HAY-
 Anh chị em nên tiếp tục [tin cậy và vâng lời] Đức Chúa Trời như vậy, anh chị em yêu dấu của tôi.

hãy đứng vững vàng như vậy trong Chúa:

Hãy xem lời giải nghĩa của 1:27. Phao-lô muốn những người ở tại thành phố Phi-líp đứng vững vàng trong đức tin bất kể đến điều gì xảy đến cho họ.

nếu vậy trong Chúa: Từ Hy-lạp *houtōs* được dùng ở đây cũng có thể chuyển ngữ là “trong cách này” hay “như vậy”. Phao-lô khuyến khích các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp hãy đứng vững vàng theo cách ông vừa mô tả trong các câu trước.

Lời chú thích tổng quát về 4:1: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải thay đổi thứ tự của câu này. Sau đây là một cách để thay đổi thứ tự:

Vì vậy, anh chị em yêu dấu, đó là cách anh chị em nên đứng vững vàng trong Chúa. Anh chị em là những người mà tôi yêu mến. Anh chị em là niềm vui và mào hoa của tôi.

Tiểu Đoạn 4:2-9 Sứ đồ Phao-lô dạy người Phi-líp cách tìm kiếm sự hoà bình

Phao-lô xin các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp hãy đối xử với nhau trong sự hoà bình. Điều này là quan trọng, nhất là vì họ sẽ phải chịu khổ vì đức tin của họ. Để giúp cho họ làm được như vậy, ông khuyến khích họ giúp đỡ lẫn nhau, vui vẻ, cầu nguyện hơn là lo lắng, và tập trung vào những điều tốt.

Đoạn văn 4:2-3

Phao-lô nài nỉ hai bà trong hội thánh Phi-líp nên hoà thuận với nhau. Ông cũng xin một tín hữu khác giúp cho họ đồng ý với nhau.

4:2

Tôi khuyên Ê-ô-đi và khuyên Sin-ti-cơ: Phao-lô sốt sắng nài nỉ hai bà ở trong hội thánh Phi-líp làm một điều.

khuyên: Đây có nghĩa là đòi hỏi một cách mạnh mẽ, thúc giục, nài xin một người nào đó làm một việc gì.

Ê-ô-đi... Sin-ti-cơ: Đây là hai nữ thuộc viên của hội thánh bất đồng ý kiến với nhau về một việc gì đó.

nên đồng ý với nhau: Phao-lô xin họ thôi đừng cãi nhau nữa và hãy đồng ý với nhau.

Trong Phi-líp 2:1-2 Phao-lô đã kêu gọi cả hội thánh hãy đồng ý với nhau. Bây giờ ông nài xin hai thuộc viên của hội thánh bằng cách nêu đích danh để xin họ cũng làm như vậy.

trong Chúa: Trong ngữ cảnh này Phao-lô đã dùng thành ngữ này để nói là “bởi vì hai bà thuộc về Chúa Giê-su”.

4:3a

Vâng: Từ này được dùng ở đây để nhấn mạnh lời yêu cầu của Phao-lô. Không cần phải dùng cùng một từ bạn dùng để nói lên sự đồng ý để chuyển ngữ cho từ này (cách dùng thông thường của từ *vâng*). Các bản dịch khác dùng “hơn nữa”.

anh: Trong bản Hy-lạp đại từ dùng ở đây ở thể số ít. Đây là lần duy nhất trong thư gửi cho các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp Phao-lô chỉ nói đến một người.

người đồng lao: Từ Hy-lạp được dùng ở đây là *suzugos* (phát âm bằng tiếng Việt là Xi-di-gót), có nghĩa là “bạn đồng nghiệp” hay “người cộng sự”. Có hai cách để giải thích từ này:

- (1) Đó là một danh từ chung, không phải là một tên. Phao-lô dường như nói đến một người trong hội thánh là một người tín hữu có thể giúp đỡ cho hai bà này đồng ý với nhau. Nhưng ông không nói rõ người này là ai (BDM, BDC, BDY).
- (2) Đó là một tên. Người Phao-lô đang viết về là một thuộc viên của hội thánh Phi-líp và tên ông là Xi-di-gót (tiếng Hy-lạp: *suzugos*). Phao-lô dùng cả tên và ý nghĩa của nó giống như trường hợp ông dùng “Ô-nê-sim” trong Phi-lê-môn 11 (BCG).

Cách giải thích (1) được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các sách giải kinh. Tên *Syzygos* không thấy dùng ở đâu khác trong văn bản Hy-lạp. Vậy nên chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

thật: Đây muốn nói đến chân thật. Phao-lô đang nói đến một người không giả bộ nhưng sống thật với sự xưng nhận mình là môn đệ trung tín của Chúa Cứu Thế. Người ta có thể tin cậy vào người đó được.

hãy giúp đỡ hai bà ấy: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ ra điều Phao-lô muốn ông này giúp đỡ cho các bà ấy làm. Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi bạn làm như vậy, thì bạn có thể nói: “hãy giúp đỡ hai bà này sống hoà thuận với nhau” hay “đồng ý với nhau”.

4:3b

Họ là người cùng tôi tranh đấu cho Phúc Âm: Phao-lô nhắc nhở người này (trong 4:3a) rằng các bà Ê-ô-đi và Sin-ti-cơ (4:2)

Tiểu đoạn 4:2-9 Sứ đồ Phao-lô dạy người Phi-líp cách tìm kiếm sự hoà bình

- 4:2** **Tôi khuyên Ê-ô-đi và khuyên Sin-ti-cơ nên đồng ý với nhau trong Chúa.**
¶ [Các bà] Ê-ô-đi và Sin-ti-cơ, tôi nài xin hai bà, hãy đồng ý với nhau, [bởi] vì [cả hai người đều] thuộc về Chúa.
-HAY-
¶ Tôi nài xin [các bà] Ê-ô-đi và Sin-ti-cơ [hãy thôi đùng cãi nhau và] chấp nhận ý của nhau [bởi vì cả hai người đều theo] Chúa.
- 4:3a** **Vâng, tôi cũng xin anh, người đồng lao thật, hãy giúp đỡ hai bà ấy.**
Hơn thế nữa, tôi cũng xin anh, người đồng lao đáng tin cậy, hãy giúp đỡ hai bà ấy [đồng ý với nhau],
-HAY-
Bạn đồng hành trung tín [của tôi], tôi xin anh hãy giúp cho hai bà này [sống hoà thuận với nhau],
- 4:3b** **Họ là người cùng tôi tranh đấu cho Phúc Âm**
[bởi vì] họ đã làm việc khó nhọc với tôi để [giúp đỡ tôi] thông báo Phúc Âm [về Chúa Cứu Thế Giê-su],
-HAY-
[bởi vì] họ đã cùng tôi tranh đấu để giúp đỡ [người ta nghe] Phúc Âm [của Chúa Cứu Thế].
- 4:3c** **cùng với Cơ-lê-măn và những người cộng sự khác của tôi**
cùng với Cơ-lê-măn và những người khác làm việc với tôi.
-HAY-
[Những bà này đã làm việc khó nhọc] cùng với [ông] Cơ-lê-măn và những người khác đã giúp tôi [rao truyền Phúc Âm].

đã làm việc khó nhọc với Phao-lô để bênh vực và truyền bá Phúc Âm của Chúa Cứu Thế.

Họ là người: BDM chuyển ngữ đúng theo từ Hy-lạp “họ là người”. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này nó có thể có nghĩa là “bởi vì,” có nhiều sách giải kinh hỗ trợ ý nghĩa này (hãy xem BDY).

cùng tôi tranh đấu: Từ *tranh đấu* được chuyển ngữ từ cùng một từ Hy-lạp *sunathleō* mà Phao-lô dùng trong 1:27 (hãy xem lời giải nghĩa ở đó). Cụm từ này có nghĩa là cùng một người tranh đấu để giúp đỡ cho họ.

cho Phúc Âm: Chuyển ngữ từng từ một là “trong Phúc Âm”. Có thể bạn cần phải

cung cấp một động từ như “truyền giảng” hay “bênh vực”.

4:3c

cùng với Cơ-lê-măn: Không phải chỉ hai bà này nhưng cũng có ông Cơ-lê-măn và các người khác đã làm việc với Phao-lô để bênh vực truyền bá Phúc Âm.

Cơ-lê-măn: Đây là tên của một người đàn ông. Chúng ta không biết gì thêm về ông ngoại trừ việc ông là một tín hữu và là người cộng sự với Phao-lô. Có lẽ ông ta trẻ hơn Phao-lô.

và những người cộng sự khác của tôi: Các tín hữu khác cũng đã làm việc với Phao-lô

để rao truyền chân lý về Chúa Cứu Thế Giê-su.

Vậy nên ba nhóm người ở trong 4:3 đã là bạn đồng hành trong chức vụ của Phao-lô: hai bà (Ê-ô-đi và Sin-ti-cơ), ông Cơ-lê-mã, và các người cộng sự khác.

4:3d

mà tên tuổi đã được ghi vào sách sự sống rôi: Mặc dù có vẻ như nhóm từ này chỉ quan hệ trực tiếp đến nhóm từ *những người cộng sự khác của tôi*, nó không loại bỏ những người được nhắc đến ở trong 4:3. Các tên của hai bà Ê-ô-đi và Sin-ti-cơ cũng ở trong *sách sự sống*.

sách sự sống: Nhóm từ *sách sự sống* nói đến Đức Chúa Trời ghi lại tên của các con dân Chúa thật là những người sẽ sống đời đời.

Đoạn văn 4:4-7

Đoạn này tương phản với 4:2-3 nơi Phao-lô nói về cãi nhau. Trong 4:4-7 Phao-lô khuyến khích các con dân Chúa hãy vui mừng, dịu dàng, không lo lắng nhưng cầu nguyện. Ông muốn họ kinh nghiệm sự bình an của Đức Chúa Trời trong lòng họ và ở trong hội thánh của họ.

4:4

Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn: Đây là cùng một nhóm từ được dùng trong bản Hy-lạp ở 3:1a. Hãy xem lời giải nghĩa của câu đó.

luôn luôn: Ở đây Phao-lô làm cho thành ngữ *vui mừng trong Chúa* mạnh hơn. Ông thêm vào *ý luôn luôn*. Ông muốn làm cho các tín hữu tiếp tục vui mừng khi họ vâng lời Chúa Giê-su. Họ bày tỏ sự vui mừng luôn luôn khi họ nghĩ về Chúa và những việc Ngài đã làm cho họ. Ngay cả khi họ bị những người khác bắt bớ vì họ đã tin Chúa Giê-su, họ vẫn có thể vui mừng vì họ thuộc về Đức Chúa Trời.

tôi xin nhắc lại: Hãy vui mừng lên!: Phao-lô lập lại điều ông vừa mới nói để nhấn

mạnh điều đó và cho thấy là nó rất quan trọng.

4:5a

Hãy cho mọi người biết đức hòa nhã của anh chị em: Phao-lô muốn các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp bày tỏ thái độ hoà nhã, hành động một cách kiên nhẫn khi họ quan hệ với mọi người, kể cả những người chưa tin Chúa.

Hãy cho mọi người biết: Một số cách để làm điều này là:

Cho tất cả mọi người thấy là anh chị em hoà nhã.

-HAY-

Hãy để cho mọi người thấy là anh chị em hoà nhã.

cho mọi người: Đây có nghĩa là cho tất cả mọi người, không phải chỉ cho các tín hữu.

đức hòa nhã: Từ Hy-lạp *epieikēs* ở đây bao gồm một ý nghĩa rộng lớn. Từ Hy-lạp này muốn nói đến một người bình tĩnh và trung dung, một người nghĩ đến nhu cầu của người khác nữa chứ không phải chỉ cho nhu cầu của mình. Nó có nghĩa là một người không khăng khăng theo ý mình. Nó cũng có nghĩa là một người dễ chịu, công bình, và kiên nhẫn khi bị người khác hiểu lầm.

4:5b

Chúa gần đến rôi: Trong bản Hy-lạp có nghĩa là “Chúa đến gần” hay “Chúa ở gần”. Có hai cách để giải thích thành ngữ này:

- (1) Nó nói đến thời gian, tức là, Phao-lô mong đợi Chúa sắp trở lại trái đất.
- (2) Nó nói đến vị trí. Chúa đến gần tất cả dân sự của Ngài.

Bản tiếng Việt cũng như bản Hy-lạp không xác định rõ. Nếu có thể được, hãy chọn một từ hay nhóm từ của ngôn ngữ của bạn để chỉ cả hai sự gần trong không gian cũng như sự gần trong thời gian. Tuy nhiên, nếu bạn phải lựa chọn, hãy chọn cách giải thích (1). Có lẽ Phao-lô muốn nói các tín hữu hãy tiếp tục mong đợi Chúa trở lại bất cứ lúc nào. Điều này sẽ khiến cho các tín hữu hành động một cách xứng đáng là môn đệ thật của Chúa.

4:3d	mà tên tuổi đã được ghi vào sách sự sống rồi. [Đức Chúa Trời đã viết tất cả] tên của họ trong sách liệt kê những người được sống [đời đời].
4:4	Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn; tôi xin nhắc lại: Hãy vui mừng lên. ¶ Hãy vui mừng luôn luôn vì [điều] Chúa [đã làm cho anh chị em]. Tôi lại nói nữa, hãy vui mừng đi! -HAY- ¶ Hãy luôn luôn vui mừng [bởi vì anh chị em thuộc] về Chúa. Tôi lại nói nữa: hãy vui mừng!
4:5a	Hãy cho mọi người biết đức hòa nhã của anh chị em, Hãy cho thấy rằng anh [chị] em là người hoà nhã [qua cách đối xử] với mọi người. -HAY- Hãy cho mọi người thấy là anh [chị] em dễ chịu và kiên nhẫn [với những người khác].
4:5b	Chúa gần đến rồi. [Đừng quên rằng] Chúa [Giê-su sẽ] sớm [trở lại]. -HAY- [Hãy nhớ rằng] Chúa sắp [trở lại].
4:6a	Đừng lo lắng gì cả, Đừng lo lắng về bất cứ điều gì.
4:6b	nhưng trong mọi việc hãy cầu nguyện, nài xin và cảm tạ mà trình các nhu cầu của mình cho Đức Chúa Trời. Thay vào đó, trong mọi hoàn cảnh, hãy cầu xin với Đức Chúa Trời về các nhu cầu của mình. Hễ khi nào anh chị em cầu nguyện, [đừng quên] cảm tạ Chúa.

Chúa: Đây muốn nói đến Chúa Giê-su.

4:6a

Đừng lo lắng gì cả: Ông không muốn nói các con dân Chúa không nên quan tâm về các nan đề nghiêm trọng hay các việc quan trọng. Nhưng ông không muốn họ có thói quen lo lắng, như các người chưa tin Chúa và không tin cậy Đức Chúa Trời sẽ giúp cho họ các điều họ cần.

4:6b

nhưng trong mọi việc: Có hai cách để giải thích nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây:

(1) Nó đề cập đến mọi hoàn cảnh hay nan đề (BDM, BDC, BDY, BCG).

(2) Nó đề cập đến mọi lời cầu nguyện và nài xin.

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích đầu tiên, là cách giải thích được đại đa số các sách giải kinh và các bản dịch hỗ trợ. Bất cứ nan đề gì mà các tín hữu có, họ nên cầu nguyện với Đức Chúa Trời và không nên lo lắng.

hãy cầu nguyện: Đây nói đến nói chuyện với Đức Chúa Trời một cách chung.

nài xin: Đây nói đến một người cầu xin Đức Chúa Trời một điều gì một cách đặc biệt.

và cảm tạ: Đây cũng là cách mà các tín hữu nên cầu nguyện: cảm tạ Đức Chúa Trời. Nó

hàm ý rằng bất cứ khi nào các tín hữu cầu nguyện với Đức Chúa Trời, họ nên cảm tạ Chúa. Phao-lô không nói các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp nên cảm tạ Đức Chúa Trời về điều gì, nhưng có thể bao gồm sự nhân từ và tình yêu thương của Ngài đối với họ và các lời cầu nguyện trước đó đã được trả lời và nhiều điều khác nữa.

trình các nhu cầu của mình cho Đức Chúa Trời: Đây có nghĩa là “cầu xin Đức Chúa Trời về các điều anh chị em cần”.

4:7a

(BCG) Và: 4:7 là kết quả của 4:6. Một cách khác để chuyển ngữ từ Hy-lạp này là “Kết quả là”. BDM, BDC, và BDY không chuyển ngữ từ này.

Sự bình an của Đức Chúa Trời: Đây muốn nói đến sự bình an mà Đức Chúa Trời ban cho dân sự của Ngài. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:2.

là bình an vượt trên mọi hiểu biết: Sự bình an Đức Chúa Trời ban cho thì lớn hơn điều mà người ta có thể tưởng tượng hay hiểu được.

4:7b

sẽ bảo vệ tâm lòng và tâm trí anh chị em: Khi dân sự của Đức Chúa Trời cầu nguyện với Ngài và tin cậy, nhờ cậy Ngài, Ngài sẽ ban cho họ sự bình an để bảo vệ và giúp đỡ họ khỏi lo lắng hay sợ hãi.

bảo vệ: Động từ Hy-lạp được dùng ở đây là một từ dùng để mô tả quân lính gác trong một thành phố. Phao-lô đã dùng nó như một ẩn dụ: sự bình an của Đức Chúa Trời giống như một người lính canh gác cho các tín hữu và giữ họ được an toàn.

tâm lòng và tâm trí: Tâm lòng và tâm trí nói đến phần nội tâm của một người. Các học giả Kinh Thánh không đồng ý về sự khác nhau của hai từ này, nhưng *tâm lòng* có thể nói đến cảm xúc và *tâm trí* nói đến sự suy nghĩ.

trong Chúa Cứu Thế Giê-su: Đức Chúa Trời ban cho dân sự Ngài sự bình an bởi vì họ tin cậy nơi Chúa Cứu Thế Giê-su, và họ thuộc về Chúa Cứu Thế.

Đoạn văn 4:8-9

Trong đoạn văn này, Phao-lô cho các tín hữu biết một cách khác để có thể ăn ở hoà thuận với nhau: họ nên để tâm trí nghĩ đến những điều tốt và theo gương mà Phao-lô đã làm cho họ.

4:8a

Sau hết: Với nhóm từ Hy-lạp ở trong 4:8-9, Phao-lô chấm dứt phần này của thư, trong đó Phao-lô đã cổ võ các đọc giả của ông làm một số điều. Đây không phải là phần cuối của toàn thể lá thư. Phao-lô dùng cùng một thành ngữ như vậy ở trong 3:1a. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

4:8b

bất cứ điều gì chân thật: Đây nói đến những điều chân thật. Bởi vì chúng là sự thật nên đáng được tin cậy. Những điều này phù hợp với bản tính của Đức Chúa Trời, Đáng tượng trưng cho tất cả mọi điều chân thật.

điều gì đáng kính: Đây nói đến những điều đáng trọng, những điều xứng đáng để kính trọng.

4:8c

điều gì công chính: Nghĩa là: những điều được Đức Chúa Trời cho là đúng và tốt, những điều được Đức Chúa Trời chấp thuận.

điều gì thanh sạch: Đây nói đến những điều không bị ảnh hưởng bởi tội lỗi.

4:8d

điều gì đáng yêu chuộng: Nhóm từ *điều gì đáng yêu chuộng* nói đến những việc mà người ta dễ yêu mến, những việc mà đáng cho người ta yêu mến. Có nghĩa là những việc làm vui lòng người ta, những việc hợp lý.

4:7a	Sự bình an của Đức Chúa Trời, là bình an vượt trên mọi hiểu biết, [Kết quả của tất cả những điều này là,] Đức Chúa Trời sẽ ban cho anh chị em sự bình an. [Sự bình an này] vượt quá sự hiểu biết của người ta.
4:7b	sẽ bảo vệ tấm lòng và tâm trí anh chị trong Chúa Cứu Thế Giê-su. [Sự bình an này] sẽ giúp anh [chị] em không cảm thấy sợ hãi hay lo lắng trong [những hoàn cảnh khó khăn, bởi vì anh chị em tin cậy] Chúa Cứu Thế Giê-su.
4:8a	Sau hết, thưa anh chị em, ¶ Bây giờ, anh [chị] em, -HAY- ¶ Vậy nên, anh [chị] em tín hữu,
4:8b	bất cứ điều gì chân thật, điều gì đáng kính, [hãy suy nghĩ về] bất cứ điều gì chân thật, điều gì đáng cho người ta tôn trọng. -HAY- [hãy suy nghĩ về] các điều chân thật và đáng trọng.
4:8c	điều gì công chính, điều gì thanh sạch, [Hãy suy nghĩ về] điều gì mà [Đức Chúa Trời coi là] công chính, không có tội lỗi,/.
4:8d	điều gì đáng yêu chuộng, điều gì cao quý; điều gì đáng yêu chuộng và điều gì đáng phục. -HAY- [Hãy suy nghĩ về] các việc mà người ta dễ yêu mến, việc có tiếng tốt.
4:8đ	nếu có đức hạnh nào, nếu có điều gì đáng khen. [Vậy hãy suy nghĩ về] bất cứ điều gì tốt đẹp mà người ta khen.

điều gì cao quý: Đây là những việc mà người ta khâm phục, những việc có danh tiếng tốt.

4:8đ

nếu có đức hạnh nào: Phao-lô đã dùng nhóm từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *đức hạnh nào* với ý nghĩa về đạo đức, nói về điều không bị ảnh hưởng bởi tội lỗi. Trong câu này từ *nếu* không có nghĩa là Phao-lô không biết có điều gì toàn hảo hay không. Ông đã biết là có nhiều điều tốt trên thế gian.

nếu có điều gì đáng khen: Đây nói đến những điều đáng được khen ngợi. Người ta nói tốt về những điều người ta khâm phục và chấp nhận.

Lời chú thích tổng quát về 4:8a-đ: Đối với một số ngôn ngữ có thể khó biết được một số trong những điều này khác nhau như thế nào. Vì vậy có thể cần phải phối hợp một số điều vào với nhau. Thí dụ, có thể cần phải chuyển ngữ từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *đức hạnh* và *đáng khen* chung lại với nhau là “những điều mà người ta kính trọng”.

4:8e

anh chị em hãy suy nghĩ đến: Phao-lô chấm dứt danh sách của ông bằng cách nói rằng ông muốn những người ở thành Phi-líp tập trung vào các điều ông đã nhắc tới và suy nghĩ về những điều này.

Lời chú thích tổng quát về 4:8: Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải sắp đặt lại thứ tự của câu bằng một cách nào đó. Có thể sắp đặt lại thứ tự bằng cách đặt 4:8e ở đầu của câu như một lời giới thiệu. (Hãy xem BDY).
Thí dụ:

Sau hết, đây là những điều mà anh chị em nên suy nghĩ đến: những điều chân thật, những điều cao quý...

4:9

Các học giả không đồng ý về cách mà bốn động từ trong 4:9 “đã học, đã nhận, đã nghe, đã thấy” nối kết với nhau. Bốn động từ này có thể quan hệ với nhau theo hai cách:

- (1) Các động từ này chia ra làm hai cặp. Hai động từ đầu tiên nói đến những lời chỉ dẫn mà Phao-lô đã cho những người Phi-líp khi ông ở xa họ. Hai động từ sau cùng nói đến những điều mà những người Phi-líp đã học từ Phao-lô khi ông ở với họ (BDY).
- (2) Bốn động từ này riêng rẽ với nhau và không thể chia thành các nhóm nhỏ được (BDM, BDC, BCG).

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải nghĩa thứ nhất vì nó được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các học giả Kinh Thánh.

4:9a

đã học, đã nhận: Đây nói đến những điều mà các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp đã

học và chấp nhận từ Phao-lô. Một số bản dịch phối hợp hai động từ này vào làm một nhóm từ: “những điều tôi đã dạy dỗ anh chị em” hay “tất cả những điều anh chị em đã học từ nơi tôi”.

4:9b

đã nghe và đã thấy nơi tôi: Đây muốn nói đến điều mà Phao-lô giảng cho họ và những việc họ thấy ông làm trong khi ông còn ở với họ.

nơi tôi: Phao-lô đang nói với các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp về cách ông hành động ở giữa họ. Họ thấy điều ông làm như một cái gương cho mỗi một phẩm chất mà ông mô tả ở trong 4:8. Nhóm từ *nơi tôi* quan hệ về ý nghĩa với tất cả các động từ *đã học, đã nhận, đã nghe, đã thấy*, nhưng về văn phạm nó chỉ quan hệ với *đã thấy*. Có thể cần phải cung cấp *nơi tôi* với ba động từ kia.

hãy thực hành đi: Phao-lô xin họ hãy theo gương ông, vâng theo điều ông đã dạy và bắt chước cách ông hành động.

4:9c

thì: Tức là, “kết quả của việc làm theo tất cả những điều này”.

Đức Chúa Trời, là Đấng ban bình an, sẽ ở cùng anh chị em: Nếu họ vâng theo những điều Phao-lô chỉ dẫn cho họ, Đức Chúa Trời sẽ cho họ sự bình an ở trong lòng và sống hoà thuận với nhau. Hãy so sánh nhóm từ này với nhóm từ “sự bình an của Đức Chúa Trời” trong 4:7. Hãy xem lời giải nghĩa của câu đó.

Phân Đoạn 4:10-20 Sứ đồ Phao-lô cảm ơn người Phi-líp về quà tặng của họ

Sứ đồ Phao-lô bắt đầu viết về quà mà các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp đã gửi cho ông. Ông nhắc họ rằng khi ông giảng Phúc Âm trong địa bàn của họ, họ là nhóm tín hữu duy nhất đã gửi quà tặng cho ông. Ông tuyên bố rõ là Chúa Cứu Thế khiến ông thoải lòng trong mọi hoàn cảnh. Nhưng quà tặng với tình thương của họ làm cho ông vui sướng. Ông cũng nói rằng Đức Chúa Trời sẽ ban lại cho họ các điều họ cần. Đây là điều khiến cho con dân Chúa khen ngợi Đức Chúa Trời.

- 4:8e** **anh chị em hãy suy nghĩ đến.**
 Đây là những điều mà anh [chị] em nên suy nghĩ đến.
-HAY-
 Đây là những điều [tôi muốn] anh [chị] em tập trung vào.
- 4:9a** **Những gì anh chị em đã học, đã nhận,**
 [Hãy tiếp tục làm] những việc mà tôi đã dạy dỗ và anh [chị] em đã chấp nhận.
- 4:9b** **đã nghe và đã thấy nơi tôi, hãy thực hành đi**
 Hãy làm những việc mà anh [chị] em nghe tôi nói và thấy tôi làm.
- 4:9c** **thì Đức Chúa Trời, là Đấng ban bình an, sẽ ở cùng anh chị em.**
 Vậy, Đức Chúa Trời, là Đấng ban sự bình an [cho anh chị em], sẽ ở cùng anh [chị] em.

Tiểu đoạn 4:10-20 Sứ đồ Phao-lô cảm ơn người Phi-líp về quà tặng của họ

- 4:10a** **Tôi rất vui mừng trong Chúa**
 ¶ Tôi rất vui mừng và cảm ơn Chúa

Đoạn văn 4:10-14

Phao-lô đã học để thoả lòng dù ông thiếu thốn hay dư dật. Nhưng ông rất vui vì các tín hữu Phi-líp đã gửi quà tặng cho ông khi ông cần.

4:10

Trong bản Hy-lạp có một từ (*de*) ở trong 4:10a để cho thấy là Phao-lô đang viết về một đề tài mới. Từ Hy-lạp này không được chuyển ngữ ở trong bản dịch tiếng Việt (BDM, BDC, BDY, BCG). Nhưng đối với ngôn ngữ của bạn có thể có một từ hay một nhóm từ cho thấy rằng tác giả đổi qua một đề tài khác. Nếu có, bạn có thể dùng từ đó ở trong 4:10 thì tốt hơn.

4:10a

Tôi rất vui mừng: Trong bản Hy-lạp, nhóm từ này được viết là *tôi đã rất vui mừng*. Tuy nhiên, các bản dịch tiếng Việt dùng thì hiện tại. Có lẽ đây là để nói rõ rằng Phao-lô vui mừng khi ông vừa nhận được quà và vẫn còn vui mừng khi ông viết thư này cho các con dân Chúa Phi-líp. Bạn nên dùng thì nào diễn tả rõ ý này nhất trong ngôn ngữ của bạn.

rất: Trong bản Hy-lạp từ này được nhấn mạnh. Hãy chắc chắn dùng từ quan trọng này trong bản dịch của bạn: Phao-lô vui mừng “quá sức” hay “hết sức”.

trong Chúa: Phao-lô đã không vui mừng vì các lý do ích kỷ (tức là, chỉ vì quà tặng mà thôi) nhưng *trong Chúa*, tức là, bởi vì ông thuộc về Chúa Cứu Thế.

4:10b

vì: Sau đó Phao-lô cho biết lý do tại sao ông vui mừng.

cuối cùng: Hiển nhiên là lâu lắm Phao-lô không được tin hay nhận quà từ các con dân Chúa Phi-líp. Đây hàm ý là: “sau một thời gian lâu”. Nó không hàm ý rằng Phao-lô giận dữ hay bực bội vì ông đã không nhận được tin tức của các con dân Chúa Phi-líp sớm hơn.

anh chị em lại quan tâm đến tôi: Phao-lô muốn nói: “Anh chị em lại cho thấy là anh chị em quan tâm đến tôi”. Các con dân Chúa Phi-líp không bao giờ thôi quan tâm về Phao-lô (4:10c) nhưng qua việc gửi quà họ cũng cho thấy sự quan tâm này.

quan tâm: Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *quan tâm* có nghĩa là “suy nghĩ về một người nào”. Nó hàm ý rằng các con dân Chúa Phi-líp đã yêu mến và muốn giúp đỡ ông.

4:10c

Thật ra anh chị em vẫn quan tâm đến tôi: Nhóm từ này làm sáng tỏ điều Phao-lô đã nói trong 4:10a-b. Ông không muốn các con dân Chúa ở thánh Phi-líp nghĩ rằng ông đang trách là họ bỏ quên ông.

Thật ra: Thành ngữ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *Thật ra* được dùng để giới thiệu một nhóm từ làm sáng tỏ lời tuyên bố trước đó và cất bỏ ấn tượng sai lầm. Vậy nên có thể chuyển ngữ là “Thật vậy”, hay “tôi biết rằng”.

4:10d

nhưng không có dịp tiện bày tỏ: Lý do tại sao đã lâu Phao-lô không nhận được quà tặng từ các con dân Chúa thánh Phi-líp có lẽ là vì họ không có cách nào để gửi cho ông. Cuối cùng, họ gửi tiền cho ông Ê-ba-phô-đi là người đi từ thành phố Phi-líp đến thành phố Rô-ma đem tiền cho Phao-lô.

4:11a

Tôi nói thế không phải vì thiếu thốn: Qua từ *nói thế*, Phao-lô muốn nói điều ông vừa viết ở trong 4:10. Ông không nói là ông cần một điều gì nhưng cũng không nói là ông

không cần gì cả. Ông thường thiếu các thứ ông cần (4:12), đặc biệt là trong lúc ông ở tù. Nhưng ông không lo là đôi khi ông không có thứ ông cần.

thiếu thốn: Đây có thể nói đến nhu cầu về vật chất, tài chánh, sự nghèo khổ.

4:11b

tôi đã tập thỏa lòng trong mọi cảnh ngộ: Phao-lô muốn nói là Chúa Cứu Thế (4:13) đã dạy ông làm thế nào để hài lòng bất kể việc gì xảy đến cho ông. Trong 4:12 ông liệt kê những thí dụ.

tôi đã tập thỏa lòng: Phao-lô muốn nói là qua những điều ông kinh nghiệm ông đã biết làm thế nào để thỏa lòng trong bất cứ hoàn cảnh nào.

trong mọi cảnh ngộ: Nhóm từ này có nghĩa là trong bất cứ tình trạng nào Đức Chúa Trời đặt để ông vào, tốt hay là xấu.

4:12

Trong 4:12 Phao-lô nói rộng ra thêm về điều ông đã nói trong 4:11 bằng cách đưa ra những thí dụ rõ ràng.

4:12a

Tôi biết thế nào là nghèo túng: Phao-lô biết không có những thứ ông cần là như thế nào. Ông có thể sống thiếu thốn.

Tôi biết: Đây có thể có hai ý nghĩa:

- (1) “Tôi biết làm thế nào...”; tức là, “tôi đã học để thỏa lòng” trong 4:11b (BDC, BCG).
- (2) “Tôi biết qua kinh nghiệm” hay “tôi đã kinh nghiệm” (BDM, BDY).

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1). Phao-lô đang khai triển thêm điều ông nói ở trong 4:11. Trong câu này ông nêu lên thí dụ rõ rệt.

4:12b

thế nào là sung túc: Phao-lô đã kinh nghiệm nghèo túng, nhưng ông cũng có lúc dư dật. Ông đã học thỏa lòng với cả hai hoàn cảnh.

- 4:10b** **vì cuối cùng anh chị em lại quan tâm đến tôi.**
 vì cuối cùng anh chị em lại bày tỏ là anh [chị] em quan tâm đến tôi.
-HAY-
 bởi vì sau một thời gian lâu [không giúp đỡ tôi], anh [chị] em lại bày tỏ rằng anh [chị] em nhớ đến tôi [bằng cách gửi quà cho tôi].
- 4:10c** **Thật ra anh chị em vẫn quan tâm đến tôi**
 Tôi biết rằng anh chị em [luôn luôn] quan tâm về tôi,
-HAY-
 Tôi nhận thức rằng anh chị em không bao giờ quên tôi,
- 4:10d** **nhưng không có dịp tiện bày tỏ.**
 nhưng anh [chị] em không có dịp nào để bày tỏ [rằng anh chị em quan tâm đến tôi].
-HAY-
 nhưng [từ trước đến giờ] anh [chị] em không có cách nào để bày tỏ [rằng anh chị em vẫn quan tâm về tôi].
- 4:11a** **Tôi nói thế không phải vì thiếu thốn,**
 [Nhưng lý do mà] tôi nói như vậy với anh chị em không phải là vì tôi thiếu thốn.
-HAY-
 Tôi nói như vậy, không phải [để nói với anh chị em] là tôi thiếu thốn.
- 4:11b** **vì tôi đã tập thỏa lòng trong mọi cảnh ngộ.**
 [Sự thật là] tôi đã học để thỏa lòng trong mọi hoàn cảnh.
-HAY-
 Tôi đã học [qua kinh nghiệm] thỏa lòng dù bất cứ sự gì xảy đến.
- 4:12a** **Tôi biết thế nào là nghèo túng,**
 [Tức là,] tôi biết [cách để cảm thấy thỏa lòng] khi tôi không có điều tôi cần.
-HAY-
 Tôi [có thể] sống kham khổ.
- 4:12b** **thế nào là sung túc.**
 Tôi cũng biết cách sống thỏa lòng khi có dư dật.
-HAY-
 Tôi cũng [từng kinh nghiệm] biết sống đầy đủ mọi thứ cần dùng là như thế nào.
- 4:12c** **Trong mỗi nơi và mọi hoàn cảnh tôi đã học được bí quyết để sống**
 Tôi đã học để thỏa lòng trong mọi hoàn cảnh.
-HAY-
 Tôi đã học biết cách để cảm thấy thỏa lòng dù có bất cứ điều gì xảy ra [cho tôi],

4:12c

Trong mỗi nơi và mọi hoàn cảnh tôi đã học được bí quyết để sống: Phao-lô lập lại ý tưởng chính của điều ông nói ở trong 4:11b.

Ông đã học sống vui mừng không kể tới điều gì xảy ra cho ông.

Trong mỗi nơi và mọi hoàn cảnh: Nhóm từ Hy-lạp dùng ở đây có thể chuyển

ngữ sát nghĩa là “trong mọi và trong tất cả”. Có thể giải thích điều này theo hai cách khác nhau.

- (1) “Mọi” và “tất cả” đều đề cập đến hoàn cảnh hay tình trạng (BCG). Nói chung lại chúng có nghĩa là “trong tất cả mọi hoàn cảnh”.
- (2) “mọi” và “tất cả” đề cập đến những điều khác nhau, BDC “mọi sự và mọi nơi”.

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1).

tôi đã học được bí quyết để sống: Phao-lô không nói về học một điều gì “bí mật”, một điều mà những người khác không biết. Ông chỉ muốn nói là ông đã học “cách làm thế nào để ...”

4:12d

no đủ hay đói khát: Phao-lô đã học để thoải lòng dù là ông có nhiều thức ăn hay không đủ thức ăn. Hãy coi lại xem trong ngôn ngữ của bạn đối lại thứ tự và nói: “đói khát hay no đủ” nghe có tự nhiên hơn hay không.

4:12đ

sung túc hay thiếu thốn: Phao-lô thoải lòng dù là ông có ít hơn hay nhiều hơn các thứ ông cần. Ông lặp lại ý chính đã nói ở trong 4:12a-b.

4:13

Tôi đủ sức làm được mọi việc: Có hai cách để hiểu “mọi việc” trong ngữ cảnh này:

- (1) tất cả mọi tình trạng mà Phao-lô mới vừa nhắc đến (BCG).
- (2) tất cả mọi việc nói một cách tổng quát (BDM, BDC, BDY).

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1). Phao-lô có thể thoải lòng trong mọi hoàn cảnh mà ông vừa nhắc đến.

nhờ Đấng ban thêm năng lực cho tôi: Phao-lô muốn nói là Chúa Giê-su đã ban cho ông sức mạnh để ông có thể đương đầu với mọi hoàn cảnh.

Lời chú thích tổng quát về 4:13: Phao-lô không nói rằng ông có thể sống mà không

cần ăn, nhưng Chúa Cứu Thế sẽ làm cho ông mạnh mẽ để tiếp tục tin cậy nơi Ngài ngay cả khi ông không đủ ăn.

4:14

Tuy nhiên: Mặc dù Phao-lô đã học để thoải lòng khi ông không có điều ông cần, ông vẫn cảm ơn những tín hữu ở tại thành phố Phi-líp về quà của họ.

khi chia sẻ hoạn nạn với tôi anh chị em đã làm một điều tốt đẹp: Phao-lô cảm ơn các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp về quà họ đã gửi cho ông.

chia sẻ hoạn nạn với tôi: Các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp đã chia sẻ hoạn nạn của Phao-lô bằng cách giúp đỡ về tài chánh cho ông. Làm như vậy, họ trở nên người cộng tác với ông. Hãy xem lời giải nghĩa về “cộng tác” trong 1:5a.

chia sẻ: Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *chia sẻ* cùng là một từ được dùng ở trong 1:7.

đã làm một điều tốt đẹp: Phao-lô đang khen điều mà các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp đã làm. Ông công nhận việc họ làm là tử tế và rộng rãi. Làm như vậy, ông cảm ơn họ về quà họ đã gửi cho ông.

Đoạn văn 4:15-20

Phao-lô bảo người ở tại thành phố Phi-líp rằng ông đã nhận được quà lớn mà họ đã gửi ông Ê-ba-phô-đi đem tới cho ông. Ông bảo họ rằng Đức Chúa Trời cũng sẽ cung cấp những điều họ cần cho họ nữa.

4:15

Trong các cuộc hành trình của Phao-lô sau lần đầu tiên viếng thăm thành phố Phi-líp, các con dân Chúa Phi-líp gửi nhiều quà tặng để giúp trang trải các chi phí cho chức vụ của Phao-lô. Vào lúc đó, họ là hội thánh duy nhất làm như vậy. Đó là điều Phao-lô viết ở trong 4:15.

4:15a

Thưa anh chị em thành Phi-líp, chính anh chị em biết rằng: Trong bản Hy-lạp câu này được bắt đầu bằng một từ có thể chuyển ngữ

4:12d	no đủ hay đói khát, [Tôi biết cách cảm thấy thoải lòng] dù tôi no hay đói. -HAY- khi tôi dư ăn và khi tôi thiếu ăn,
4:12đ	sung túc hay thiếu thốn. [Tôi đã học để thấy thoải lòng] dù dư dật hay thiếu thốn. -HAY- khi tôi no đủ và khi tôi thiếu thốn.
4:13	Tôi đủ sức làm được mọi việc nhờ Đấng ban thêm năng lực cho tôi. Tôi có thể làm được tất cả mọi việc [này] vì Chúa Cứu Thế thêm sức cho tôi.
4:14	Tuy nhiên khi chia sẻ hoạn nạn với tôi anh chị em đã làm một điều tốt đẹp. Dù vậy, anh chị em đã tử tế giúp đỡ tôi khi tôi đang gặp khó khăn. -HAY- Tuy nhiên, cảm ơn anh [chị] em đã giúp đỡ tôi trong hoàn cảnh khó khăn này.
4:15a	Thưa anh chị em thành Phi-líp, chính anh chị em biết rằng ¶[Thật, anh chị em là [con dân Chúa] ở [thành phố] Phi-líp đã biết rằng
4:15b	trong thời gian bắt đầu truyền giảng Phúc Âm, trong lúc anh [chị] em mới nghe [tôi giảng] Phúc Âm [về Chúa Cứu Thế Giê-su],
4:15c	khi tôi rời khỏi xứ Ma-xê-đoan, [nhất là] vào lúc tôi rời khỏi [tỉnh] Ma-xê-đoan [của anh chị em],

là “hơn thế nữa” hay “thật”. Phao-lô nói rằng họ đã biết ông sẽ nói gì với họ trong 4:15-16. Các bản tiếng Việt không chuyển ngữ từ này. Hãy làm thế nào nghe tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn.

4:15b

trong thời gian bắt đầu truyền giảng Phúc Âm: Chuyển ngữ sát nghĩa là “trong lúc bắt đầu của Phúc Âm”. Các học giả Kinh Thánh giải thích nhóm từ này theo hai cách:

- (1) Nó nhắm về các con dân Chúa Phi-líp và khi họ mới nghe Phúc Âm về Chúa Cứu Thế Giê-su lần đầu tiên. Nó cũng có thể bao gồm những năm khi họ mới tin Chúa (BDY).
- (2) Nó nhắm về Phao-lô và thời gian đầu tiên ông giảng Phúc Âm ở tỉnh Ma-xê-đoan, thí dụ, “trong những ngày đầu rao

giảng Phúc Âm”. Cũng hãy xem BDM, BDC, BCG.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1). Dường như ở đây Phao-lô viết theo cái nhìn của các con dân Chúa Phi-líp.

4:15c

khi tôi rời khỏi xứ Ma-xê-đoan: Có hai cách để chuyển ngữ hình thức của động từ Hy-lạp được dùng ở trong phần này của câu:

- (1) Đây nói đến lúc mà Phao-lô rời tỉnh Ma-xê-đoan để đi hai thành phố A-then và Cô-rinh-tô (Công Vụ 17:14-15).
- (2) Nó nói đến một cách tổng quát về một thời gian nào đó sau khi Phao-lô đã rời khỏi tỉnh Ma-xê-đoan để đi các thành phố A-then và Cô-rinh-tô. Thí dụ: “Sau khi tôi đã rời khỏi đó...”

Nhiều bản dịch để mơ hồ không xác định rõ (như BDM, BDC, BDY, BCG). Tuy nhiên, chúng tôi đề nghị bản theo cách giải thích (1). Phao-lô đã nhận được món quà đầu tiên từ những người Phi-líp khi ông ở thành phố Tê-sa-lô-ni-ca (4:16). Vì thành phố Tê-sa-lô-ni-ca cũng ở tại tỉnh Ma-xê-đoan, điều này thiên về cách giải thích (1).

4:15d

không hội thánh nào tham gia...ngoại trừ anh chị em: Không có hội thánh nào khác gửi quà cho Phao-lô vào lúc đó cả. Hội thánh Phi-líp là hội thánh duy nhất đã gửi quà tặng ông.

tham gia: Các tín hữu ở thành phố Phi-líp trở nên người cộng tác với Phao-lô trong công việc của ông bằng cách gửi tiền và có lẽ giúp ông nhiều việc khác nữa. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:5a.

trong việc chi phí và hỗ trợ: Phao-lô dùng một từ về buôn bán và tài chánh ở đây có nghĩa là “trong việc tính toán chi phí và biên nhận”. Hiển nhiên là ông làm như vậy để cho thấy ông biết ơn các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp. Ông đang nói tới tiền họ tặng và có lẽ các điều khác nữa mà các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp đã gửi cho ông và các bạn đồng hành của ông. Có thể hiểu *chi phí* và *hỗ trợ* theo hai cách:

- (1) Các con dân Chúa Phi-líp tặng và Phao-lô đã nhận được. Các con dân Chúa Phi-líp cho các quà tặng (vật chất) cho Phao-lô và ông bảo họ rằng ông đã nhận được chúng (BDM, BCG).
- (2) Các con dân Chúa Phi-líp vừa tặng vừa nhận được quà. Các con dân Chúa Phi-líp đã nhận được quà thuộc linh của Phao-lô đó là Phúc Âm, và họ cho ông quà về vật chất (BDY, hãy xem 1 Cô-rinh-tô 9:11).

Sự giải thích nào cũng đúng cả. BDC không xác định rõ. Nếu bạn cần phải nói rõ ai tặng và ai nhận, chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích (1).

4:16a

Vì: Liên từ Hy-lạp này được BDM chuyển ngữ là *vì* cho thấy 4:16 là một ví dụ và bằng

chứng của lòng rộng rãi của các con dân Chúa Phi-líp mà Phao-lô mới nói đến.

ngay khi: Đây hàm ý rằng Phao-lô ngạc nhiên khi họ gửi quà tặng cho ông ngay sau khi ông vừa rời khỏi thành phố Phi-líp.

Tê-sa-lô-ni-ca: Tê-sa-lô-ni-ca là một thành phố ở trong tỉnh Ma-xê-đoan. Phao-lô đi đến đó sau khi ông rời thành phố Phi-líp. Thành phố này không xa thành phố Phi-líp lắm. Có lẽ đó là lý do Phao-lô có vẻ ngạc nhiên khi nhận được quà tặng của họ. Có thể diễn tả một cách khác như sau:

Anh chị em gửi quà cho tôi...ngay khi tôi vẫn còn ở tại [thành phố] Tê-sa-lô-ni-ca [trước khi tôi rời tỉnh Ma-xê-đoan].

4:16b

một hai lần: Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp là “cả một lần và hai lần”. Các học giả không biết ý nghĩa chắc chắn của thành ngữ này. Có thể giải thích theo ba cách:

- (1) Nó có nghĩa là “hai lần”. Các con dân Chúa Phi-líp gửi quà hai lần (BCG).
- (2) Nó có nghĩa là “hơn một lần”. Họ gửi quà nhiều hơn là một lần, nhưng ông không nói là bao nhiêu lần (BDM, BDC).
- (3) Họ gửi quà nhiều lần. Có thể là nhiều hơn là hai lần (BDY).

Ý nghĩa đầu tiên được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các sách giải kinh và chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích ấy trong bản dịch của bạn.

4:17

Trong câu này Phao-lô lại dùng cách nói về buôn bán một lần nữa. Ông dùng ẩn dụ về trương mục ngân hàng. Các công việc tốt mà các con dân Chúa ở thành phố Phi-líp đang làm để giúp đỡ Phao-lô giảng Phúc Âm giống như là thêm tiền lời vào trương mục của họ. Ông hàm ý rằng Đức Chúa Trời ghi vào sổ những công việc họ đang làm cho vương quốc của Ngài và sẽ ban thưởng cho họ.

4:15d	<p>không Hội Thánh nào tham gia trong việc chi phí và hỗ trợ cho tôi, ngoại trừ anh chị em. anh chị em là nhóm tín hữu duy nhất giúp đỡ tôi bằng cách gửi [tiền] cho tôi. -HAY- anh chị em là nhóm tín hữu duy nhất gửi quà cho tôi.</p>
4:16a	<p>Vì ngay khi tôi còn ở Tê-sa-lô-ni-ca, Mặc dù ngay khi tôi [vẫn] còn ở tại [tỉnh Ma-xê-đoan trong thành phố] Tê-sa-lô-ni-ca,</p>
4:16b	<p>anh chị em đã gửi đồ tiếp tế cho tôi một hai lần. anh chị em đã gửi [tiền tặng] cho tôi [không phải một lần nhưng] tới hai lần khi tôi cần [sự giúp đỡ].</p>
4:17a	<p>Ấy không phải tôi cầu mong quà biếu, Tôi không [nói vậy] để anh chị em sẽ [tiếp tục] gửi quà cho tôi. -HAY- [Tôi] không [nói như vậy] bởi vì tôi nóng lòng muốn nhận [quà nữa từ anh chị em].</p>
4:17b	<p>nhưng cầu mong kết quả dồi dào cho tài khoản của anh chị em. Thay vào đó, tôi muốn thấy [Đức Chúa Trời] ban phước dư dật cho anh [chị] em [như anh chị em đã làm cho tôi]. -HAY- Nhưng tôi nóng lòng muốn thấy [những việc tốt như] việc này thêm vào danh sách những việc tốt mà anh chị em đã làm [và Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho anh chị em về những việc ấy].</p>

4:17a

Ấy không phải tôi cầu mong quà biếu: Phao-lô không bảo người Phi-líp điều này để họ tiếp tục gửi quà cho ông. Mặc dù ông cần, tiền bạc không phải là quan tâm chính của ông. Có thể chuyển ngữ nhóm từ này như sau:

Điều mà tôi quan tâm hơn hết không phải là các quà tặng [mà anh chị em gửi].

quà biếu: Có thể cần phải chuyển ngữ là “một quà tặng khác” cho thấy rằng Phao-lô đang nói đến có thể có những quà tặng trong tương lai.

4:17b

nhưng cầu mong kết quả dồi dào cho tài khoản của anh chị em: Phao-lô muốn nói

rằng điều quan tâm chính của ông là thấy họ tiếp tục phục vụ vương quốc của Đức Chúa Trời, kết quả là Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho họ.

kết quả dồi dào cho tài khoản của anh chị em: Đây là một từ về tài chánh nói đến sinh lợi hay tiền lời nảy nở ra của một trương mục ngân hàng. Phao-lô dùng nó với ý nghĩa thuộc linh để nói đến những việc tốt đẹp họ đang làm và những việc này đẹp lòng Đức Chúa Trời. Một số độc giả của bạn có thể không quen thuộc với những từ về tài chánh như từ này. Hãy dùng một từ hay một thành ngữ của ngôn ngữ của bạn mà sẽ truyền thông rõ ràng chân lý thuộc linh mà Phao-lô đang nói đến ở đây. Phải biết chắc rằng những người đọc không nghĩ rằng đây chỉ nói đến tiền bạc.

4:18

Câu này nối liền với câu trước bằng một liên từ Hy-lạp, *de*, thường cho thấy sự trái ngược nhỏ hay thay đổi chiều hướng suy nghĩ. Nhiều bản dịch không chuyển ngữ *de* ở đây, nhưng nếu ngôn ngữ của bạn có cách để cho thấy sự nối kết như vậy, bạn có thể dùng ở đây. BDC dùng “Vậy” và BDM dùng “Giờ đây”.

4:18a

tôi có đầy đủ: Ông muốn nói là ông đã nhận được quà tặng của họ và quà này cung cấp cho ông đầy đủ mọi thứ cần dùng.

và còn dư dật nữa: Quà tặng của họ dư dật cho các thứ mà ông cần.

4:18b

Tôi đã nhận đầy đủ: Phao-lô có tất cả các thứ ông cần và còn có nhiều hơn nữa.

tặng phẩm của anh chị em: Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp có nghĩa là: “các thứ anh chị em đã gửi”. Hiển nhiên là có nhiều người khác nhau ở thành phố Phi-líp gửi các thứ để giúp đỡ cho ông Phao-lô, vậy nên ông đề cập đến số nhiều “các quà tặng”.

do Ê-ba-phô-đi trao: Ông Ê-ba-phô-đi là người đã mang quà của những người Phi-líp đến cho Phao-lô. Hãy xem lời giải nghĩa của 2:25c.

Lời chú thích tổng quát của 4:18b. Ba biến cố ở trong phần này của câu thật sự xảy ra theo thứ tự sau đây:

- (a) Các con dân Chúa Phi-líp gửi quà cho sứ đồ Phao-lô,
- (b) Ông Ê-ba-phô-đi trao quà cho sứ đồ Phao-lô,
- (c) Sứ đồ Phao-lô được cung cấp đầy đủ.

Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải sắp đặt lại thứ tự của câu này để các biến cố xảy ra đúng theo thứ tự của nó. Thí dụ:

Anh chị em gửi quà cho tôi, và ông Ê-ba-phô-đi trao lại cho tôi. Vậy nên bây giờ tôi có tất cả mọi thứ tôi cần.

4:18c

như hương thơm, như lễ vật Đức Chúa Trời chấp nhận và đẹp lòng: Một lần nữa Phao-lô lại suy nghĩ đến những món quà mà người Phi-líp tặng như một món quà lớn. Ông nói rằng sự giúp đỡ của họ cho ông làm đẹp lòng Đức Chúa Trời cũng giống như các lễ vật được chấp nhận làm đẹp lòng Đức Chúa Trời vậy.

như hương thơm, như lễ vật: Chuyển ngữ sát nghĩa là “mùi của một hương thơm”. Nó đề cập đến một lễ vật có mùi thơm được dâng lên cho Đức Chúa Trời. Các người Do Thái dâng lễ vật lên cho Đức Chúa Trời như một cách thờ phượng Ngài. Khi các thầy tế lễ đốt các lễ vật này, dù là thú vật hay ngũ cốc và hương liệu, Đức Chúa Trời nói rằng mùi thơm này làm đẹp lòng Ngài (hãy xem Lê-vi ký 1:9, 2:1-2). Phao-lô đã dùng những lễ vật này của người Do Thái như là ẩn dụ cho quà mà các con dân Chúa Phi-líp đã gửi. Đối với một vài ngôn ngữ có thể cần phải chuyển ngữ: “Quà tặng của anh chị em giống như một lễ vật có mùi thơm...”

lễ vật Đức Chúa Trời chấp nhận: Một số lễ vật người ta dâng không đúng theo chuẩn hay người dâng lễ vật có một thái độ không đúng, và Đức Chúa Trời không chấp nhận những lễ vật đó. Nhưng Đức Chúa Trời chấp nhận những cái mà các con dân Chúa Phi-líp đã gửi cho Phao-lô bởi vì họ gửi với lòng yêu thương.

và đẹp lòng: Cái họ gửi cho Phao-lô làm cho Đức Chúa Trời vui lòng. Đây là những điều Đức Chúa Trời chấp nhận.

Có thể chuyển ngữ 4:18b như sau:

Các quà tặng của anh chị em cho tôi giống như các lễ vật có mùi thơm mà các thầy tế lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời. Ngài chấp nhận chúng và chúng làm đẹp lòng Ngài.

4:19

Các con dân Chúa Phi-líp đã cho Phao-lô các thứ ông cần. Ở đây Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời cũng cho họ điều họ cần nữa.

Đức Chúa Trời của tôi: Đây có nghĩa là “Đức Chúa Trời mà tôi thờ phượng và hầu

- 4:18a** **Giờ đây tôi có đầy đủ và còn dư dật nữa.**
Vây nên, tôi đã nhận được mọi vật anh [chị] em gửi cho tôi và còn dư dật nữa.
- 4:18b** **Tôi đã nhận đầy đủ tặng phẩm của anh chị em do Ê-ba-phô-đi trao**
Vì bây giờ [ông] Ê-ba-phô-đi đã mang cho tôi các thứ anh [chị] em gửi, tôi đã có mọi thứ mà tôi có thể cần.
- 4:18c** **như hương thơm, như lễ vật Đức Chúa Trời chấp nhận và đẹp lòng.**
[Hình như] anh [chị] em đã mang lễ vật dâng cho Đức Chúa Trời có mùi thơm. Ngài đã tiếp nhận nó và rất đẹp lòng.
- 4:19** **Và Đức Chúa Trời của tôi sẽ cung cấp đầy đủ mọi nhu cầu cho anh chị em theo như sự giàu có vinh quang của Ngài trong Chúa Cứu Thế Giê-su.**
Đức Chúa Trời của tôi sẽ ban cho anh chị em mọi thứ cần dùng theo như sự giàu có dư dật của Ngài bởi [vì điều] Chúa Cứu Thế Giê-su [đã làm].
-HAY-
Và bởi vì điều Chúa Cứu Thế Giê-su [đã làm], Đức Chúa Trời, Đấng tôi thờ phượng, sẽ cung cấp mọi điều anh [chị] em cần theo như sự giàu có dồi dào của Ngài.

việc”. Nhóm từ này nói đến Đức Chúa Trời mà Phao-lô thuộc về. Cụm từ này không có nghĩa là Đức Chúa Trời thuộc về Phao-lô.

sẽ cung cấp đầy đủ mọi nhu cầu cho anh chị em: Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời sẽ cung cấp mọi sự mà các con dân Chúa Phi-líp cần.

theo như: Đây diễn tả sự quan hệ giữa sự giàu có của Đức Chúa Trời và những thứ mà các con dân Chúa Phi-líp cần. Sự giàu có của Đức Chúa Trời đủ để đáp ứng mọi nhu cầu.

sự giàu sang: Cụm từ *giàu sang* ở đây muốn nói đến quyền năng và khả năng cung cấp tất cả mọi thứ người ta cần về phân vật chất và thuộc linh. Đây không chỉ giới hạn trong tiền bạc và vật chất.

vinh quang: Thành ngữ Hy-lạp *en doxē* mà BDM chuyển ngữ sát nghĩa là *vinh quang* có nghĩa là “trong sự vinh quang”. Có ba cách chính để giải thích nhóm từ này:

- (1) Nó quan hệ đến cụm từ “giàu sang”. Trong trường hợp này nó có nghĩa là “sự giàu có vinh quang của Ngài” hay “sự giàu có dư dật” (BDM, BDY).

- (2) Nó quan hệ đến động từ mà BDM chuyển ngữ là “sẽ cung cấp”. Trong trường hợp này, nó có nghĩa là “Đức Chúa Trời sẽ thoả mãn mọi nhu cầu của anh em một cách tuyệt vời [tức là, một cách dồi dào, trọn vẹn], theo sự vinh quang của Ngài” (BCG).

- (3) Hiểu theo nghĩa đen và nó nói đến một nơi chốn “ở nơi vinh hiển” (BDC).

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích (1).

trong Chúa Cứu Thế Giê-su: Nhóm từ này có thể giải thích theo hai cách:

- (1) Nó có nghĩa là “qua Chúa Cứu Thế Giê-su”, tức là, bởi vì điều Chúa Giê-su đã làm cho họ (BDM, BDC, BCG).
- (2) Nó có nghĩa là các con dân Chúa Phi-líp thuộc về Chúa Giê-su.

Hầu hết các bản dịch chuyển ngữ từng từ một. Bản Hy-lạp có thể hàm ý cả hai ý nghĩa. Đó là bởi vì điều Chúa Giê-su đã làm cho họ mà các tín hữu Phi-líp thuộc về Ngài. Đây là lý do tại sao Đức Chúa Trời có cách ban dư dật cho họ những điều họ cần.

Tuy nhiên, nếu bạn cần phải nói rõ sự chọn lựa của mình trong bản dịch của bạn, chúng

tôi đề nghị bạn nên chọn cách giải thích đầu tiên. Rồi bạn có thể chuyển ngữ 4:19 như sau:

Đức Chúa Trời, Đấng tôi phục vụ, sẽ ban cho anh chị em mọi thứ cần dùng theo sự kỳ diệu và giàu có vô hạn của Ngài bởi vì [điều] Chúa Cứu Thế Giê-su đã làm cho anh chị em.

Lời chú thích tổng quát của 4:19. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải sắp đặt lại thứ tự của câu này. Có thể làm như sau:

Hơn thế nữa, Đức Chúa Trời, Đấng tôi thờ phượng, có sự cung cấp vô hạn mọi điều mà chúng ta cần. Kết quả là, Ngài sẽ hoàn toàn cung cấp mọi sự anh chị em cần bởi vì Chúa Cứu Thế Giê-su đã chết cho chúng ta.

4:20

Xin tôn vinh Đức Chúa Trời: Nhóm từ này giống như một lời cầu nguyện. Nó diễn tả sự ao ước con người tôn vinh Đức Chúa Trời, tức là, ngợi khen Ngài và ý thức rằng Ngài là vĩ đại và vinh quang. Hãy xem lời giải nghĩa ở 1:11c.

cha chúng ta: Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng và Ngài giống như là một người cha của chúng ta. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:2 về “Cha chúng ta”.

đời đời: Dân sự của Đức Chúa Trời nên tôn vinh Ngài đời đời.

A-men: Đây là một từ trong tiếng Do Thái có nghĩa là chấp nhận và xác định điều vừa nói là đúng. Có thể chuyển ngữ là “Điều này là đúng”.

Tiểu Đoạn 4:21-23 Sứ đồ Phao-lô và những người ở với ông chào thăm tất cả các tín hữu tại thành phố Phi-líp.

Qua những lời cuối cùng này, Phao-lô chấm dứt thư ông viết cho các con dân Chúa Phi-líp. Giống như ông đã làm ở các lá thư khác, ông gửi lời chào thăm và lời chào thăm của các con dân Chúa đang ở với ông. Ông chấm dứt lá thư bằng một lời cầu nguyện ngắn và một lời chúc phước (4:23).

Đoạn văn 4:21-23

4:21a

Xin chào tất cả các thánh đồ trong Chúa Cứu Thế Giê-su: Phao-lô bảo những người sẽ đọc hay nghe đọc thư của ông gửi lời chào thăm các tín hữu còn lại ở tại thành Phi-líp.

Xin chào: Đây là một mệnh lệnh cho nhiều hơn là một người. Có lẽ Phao-lô đang nói với những người lãnh đạo hội thánh, là những người đọc thư này đầu tiên.

tất cả các thánh đồ: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:1c về ý nghĩa của *thánh đồ*. Phao-lô muốn chào thăm mọi tín hữu Phi-líp. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải dùng từ “khác” để cho thấy rằng những người chuyển lời chào thăm của Phao-lô cũng là Cơ Đốc Nhân.

trong Chúa Cứu Thế Giê-su: Các học giả hiểu nhóm từ này theo hai cách chính:

- (1) Nó giải thích cụm từ “thánh đồ”. Thánh đồ là những người hiệp một với hay ở trong Chúa Cứu Thế Giê-su. Thí dụ: “Chào thăm mỗi con dân của Chúa là người thuộc về Chúa Cứu Thế Giê-su”.
- (2) Nó quan hệ tới động từ “chào”. Đây có nghĩa là “Chào thăm tất cả con dân của Đức Chúa Trời trong danh Chúa Cứu Thế Giê-su”. Thí dụ: “Hãy gửi lời chào thăm của tôi, trong sự thông công của Chúa Cứu Thế Giê-su”.

Cách giải thích thứ nhất dường như đúng nhất, và chúng tôi đề nghị bạn nên theo.

4:21b

Những anh chị em đang ở với tôi chào anh chị em: Có lẽ đây nói đến các con dân Chúa là những người đang làm việc với Phao-lô. Họ cũng gửi lời chào thăm các con dân Chúa tại thành phố Phi-líp. Đây không có nghĩa là những con dân Chúa này ở trong tù với Phao-lô. Nhưng có lẽ họ ở trong thành

4:20 Xin tôn vinh Đức Chúa Trời, cha chúng ta đời đời. A-men.
 [Chúng ta] hãy luôn luôn tôn vinh Đức Chúa Trời là Cha [Thiên Thượng] của chúng ta. A-men.
 -HAY-
 [Nguyện chúng ta] ý thức đời đời rằng Đức Chúa Cha là vĩ đại. Điều này là đúng.

Tiểu Đoạn 4:21-23 Sứ đồ Phao-lô và những người ở với ông chào thăm tất cả các tín hữu tại thành phố Phi-líp.

4:21a Xin chào tất cả các thánh đồ trong Chúa Cứu Thế Giê-su.
 ¶ Xin chào các con dân Chúa [những người tin cậy nơi] Chúa Cứu Thế Giê-su.
 -HAY-
 ¶ Xin chào tất cả các con dân Chúa [thuộc về] Chúa Cứu Thế Giê-su.

4:21b Những anh chị em đang ở với tôi chào anh chị em.
 Những anh [chị] em [của chúng ta ở đây] với tôi [cũng] chào thăm anh [chị] em.
 -HAY-
 Các anh [chị] em [trong Chúa] đang ở với tôi [tại đây cũng] gửi lời chào thăm [đến anh chị em].

4:22a Toàn thể các thánh đồ chào anh chị em;
 Tất cả các con dân Chúa khác [còn lại ở trong thành phố này] gửi lời chào thăm anh [chị] em.

4:22b đặc biệt là những người trong hoàng cung.
 Đặc biệt là [các tín hữu là] người hầu Hoàng Đế Sê-sa [gửi lời chào thăm anh chị em].

phố Rô-ma. Có lẽ những người cùng làm việc này là những người đàn ông, và không cần phải dùng “anh chị em” ở đây; chỉ “anh em” là đủ rồi.

4:22a

Toàn thể các thánh đồ chào anh chị em:
 Nhóm từ *toàn thể các thánh đồ* hiển nhiên muốn nói đến một nhóm con dân Chúa đồng đảo hơn tại thành phố Rô-ma, tất cả những người đi theo Chúa Cứu Thế.

4:22b

đặc biệt là những người trong hoàng cung:
 Đây không phải là Phao-lô muốn nói đến bà

con của Hoàng Đế. Có lẽ ông muốn nói đến những người làm trong hoàng cung như là những nô lệ hay đầy tớ khác, cũng như những người làm việc khác trong hoàng cung như là thư ký, quân lính hay các quan trong khắp thành phố Rô-ma.

(BDC) Sê-sa: Từ này là tên riêng của Hoàng Đế của Đế Quốc La-mã, nhưng sau người ta dùng như một tước hiệu cho Hoàng Đế hay người đứng đầu Đế Quốc La-mã. Vậy nên tốt hơn là nên chuyển ngữ “Hoàng Đế La-mã” hay “Vua La-mã” hơn là phiên âm tên riêng này.

4:23

4:23 là lời cầu nguyện chúc phước thường thấy ở trong các thư của Phao-lô.

Nguyện xin Chúa Cứu Thế Giê-su ban ân sủng cho tâm linh anh chị em: Phao-lô chấm dứt nhiều thư của ông bằng một lời cầu nguyện hay chúc phước. Hình thức của lời cầu nguyện này thay đổi tùy theo thư. Cũng hãy xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:28 và Phi-lê-môn câu 25.

ân sủng: *Ân sủng* ở đây hàm ý cả phước hạnh về phần vật chất và thuộc linh. Đây muốn nói đến Đức Chúa Trời thương xót và ban ơn cho mọi người.

cho tâm linh anh chị em: Có vẻ Phao-lô dùng nhóm từ *cho tâm linh anh chị em* ở đây có nghĩa là “ở cùng anh chị em” hay “ở cùng với tất cả anh chị em”. Có lẽ ông dùng cụm từ *tâm linh* trong thể số ít để nói đến tất cả các con dân Chúa Phi-líp như là một nhóm hợp một. Nhưng ông cũng dùng thể số ít để áp dụng phước hạnh của ông cho từng cá nhân trong nhóm. Cũng hãy xem Ga-la-ti 6:18, 2 Ti-mô-thê 4:22 và Phi-lê-môn câu 25.

Amen: Hãy xem lời giải nghĩa ở 4:20. Có một số bản thảo Hy-lạp có một từ *A-men* còn một số bản thảo khác lại không có. BCG có dùng từ này, các bản dịch khác không có.

4:23 **Nguyện xin Chúa Cứu Thế Giê-su ban ân sủng cho tâm linh anh chị em.**
[Tôi cầu xin rằng] Chúa Cứu Thế Giê-su sẽ ban ơn cho [tất cả] các anh [chị] em.
-HAY-
Nguyện xin Chúa Cứu Thế Giê-su nhân từ và yêu mến [tất cả] các anh [chị] em.